

KINH
ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

TẬP II

(QUYỂN 7 - QUYỂN 12)

北涼天竺三藏曇無讖奉詔譯

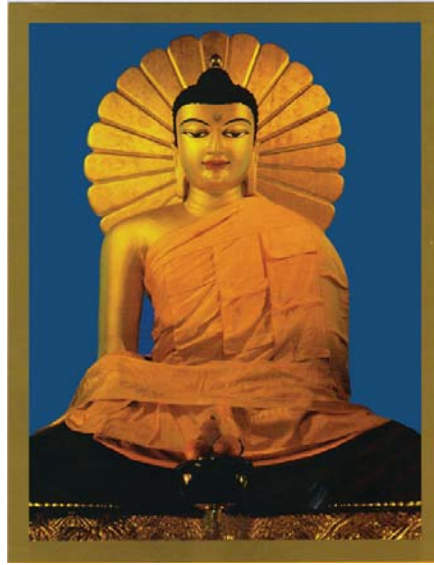
BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM PHỤNG CHIẾU DỊCH

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch và chú giải

NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願解如來真實義
我今見聞得受持



無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: *“Thấy kinh như thấy Phật.”*

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN BẢY

PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư – Phần bốn¹

úc ấy Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như vậy có phải là nên nương tựa, y theo bốn hạng người Phật đã nói trên?”

Phật dạy: “Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử! Như ta đã nói, nên nương tựa, y theo những người như thế. Vì sao vậy? Vì có bốn thứ ma. Bốn thứ ma ấy là gì? Là *ma phiền não, ma năm ấm, ma chết, và ma của cảnh trời Tha hóa tự tại*. Những kinh luật khác mà các loài ma ấy thuyết dạy cũng có người thọ trì.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như Phật vừa nói có bốn thứ ma. Chúng con làm sao có thể phân biệt những điều Phật thuyết dạy với những điều ma thuyết dạy? Có những chúng sanh theo hạnh của ma, lại có những chúng sanh vâng lời Phật dạy, chúng con làm sao biết được?”

Phật dạy Bồ Tát *Ca-diếp*: “Bảy trăm năm sau khi ta nhập *Niết-bàn*, bọn ma *Ba-tuần*² sẽ dần dần làm hư hoại

¹ Theo Nam bản thì từ đây là phẩm Tà chánh, thứ 7 (Tà chánh phẩm, đệ thất). Trong Đại Bát Nê-hoàn kinh thì đây là phẩm Phân biệt tà chánh, thứ 10 (Phân biệt tà chánh phẩm, đệ thập).

² Ba-tuần, hay còn gọi là Ba-tuần-du, tên gọi của Ma vương. Ba-tuần (Sanskrit: *pāpīyas*) dịch nghĩa là sát giả, ác giả. Ma Ba-tuần là vị Thiên ma ở cảnh trời Tha hóa tự tại.

Chánh pháp. Ví như người thợ săn mặc vào y phục người tu hành, Ma vương *Ba-tuần* cũng vậy. Chúng giả dạng *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di*, lại hóa hình các vị *Tu-dà-hoàn* đến *A-la-hán*,¹ cho đến sắc thân Phật. Với hình hài hữu lậu,² Ma vương giả làm thân vô lậu để phá hoại Chánh pháp. Đến lúc ma *Ba-tuần* phá hoại Chánh pháp, chúng sẽ nói rằng: ‘Thuở xưa Bồ Tát ở trên trời *Đâu-suất*,³ chết đi rồi mới sanh về thành *Ca-tỳ-la* nơi cung vua Bạch Tịnh.⁴ Đó là nhân chổ cha mẹ ái dục hòa hợp mà sanh ra thân ấy.’

“Hoặc nói rằng: ‘Nếu ai sanh trong cõi người mà được đại chúng chư thiên và nhân loại thế gian cung kính, đó là sự vô lý.’

“Ma lại nói rằng: ‘Từ thuở xưa kia, ngài đã từng tu khổ hạnh và bố thí mọi thứ, như: dầu, mắt, tuỷ não, thành quách, giang sơn, cho đến vợ con. Nhờ vậy, nay ngài được

¹ Tu-dà-hoàn cho đến A-la-hán: Đó là bốn Thánh quả. Từ thấp đến cao là:

1. Tu-dà-hoàn (Sanskrit: śrotāni) dịch nghĩa: Nhập lưu, Dự lưu, là bậc bắt đầu dự vào hàng Thánh quả.
2. Tư-dà-hàm (Sanskrit: sakṛdāgāmin), dịch nghĩa: Nhất lai, còn chia làm hai bậc là Nhất lai hướng, tức bậc mới chứng nhập, và Nhất lai quả, tức là bậc đã chứng quả trọn vẹn. Đây là quả vị chỉ còn tái sanh một lần nữa trước khi đạt giải thoát rốt ráo.
3. A-na-hàm (Sanskrit: anāgāmin), dịch nghĩa: Bất lai, Bất hoàn, là bậc không còn phải trở lại vòng sanh tử vì nghiệp quả.
4. A-la-hán (Sanskrit: arhat), dịch nghĩa là Bất sanh, là bậc đã diệt trừ hết các phiền não, đoạn diệt nghiệp sanh tử.

² Hữu lậu, vô lậu: Thân hình hữu lậu là thân hình còn phiền não: Khi sáu căn đối với sáu trần thì có sự lậu tiết, rỉ ra, cảm xúc. Đó là nói những chúng sanh còn lưu chuyển trong ba cõi. Thân hình vô lậu là thân hình của bậc dứt phiền não, của Thánh nhân, thân tâm chẳng bị níu kéo bởi ngoại duyên.

³ Đâu-suất thiên: phiên âm từ Phạn ngữ *Tuṣṭita*, cũng đọc là Đâu-suất-dà, dịch nghĩa là Hỷ Túc hay Diệu Túc, là cõi trời nằm giữa Dạ-ma thiên (*Yāma*) và Lạc Biến hóa thiên. Phần Nội viện của cõi trời này là nơi Bồ Tát Di-lặc thuyết pháp, nên cũng được xem như một cõi Tịnh độ. Phần Ngoại viện là nơi chư thiên hưởng thụ mọi niềm vui, mọi sự khoái lạc, nên gọi là Hỷ Túc.

⁴ Bạch Tịnh: cách gọi tên khác, cũng chỉ vua Tịnh Phạn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

thành Phật đạo. Bởi nhân duyên ấy, ngài được sự cung kính của các loài chúng sanh: loài người, chư thiên, *càn-thát-bà*, *a-tu-la*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già*.’

“Nếu có kinh luật nào thuyết dạy như thế, nên biết rằng đó là thuyết của ma.

“Thiện nam tử! Như có kinh luật nào nói rằng: ‘Như Lai chánh giác thành Phật đã lâu rồi, nay mới thị hiện thành Phật đạo. Vì ngài muốn độ thoát các chúng sanh nên thị hiện có cha mẹ, nương theo chỗ ái dục hòa hợp của cha mẹ mà sanh ra. Ngài tùy thuận thế gian nên làm việc như vậy.’ Nên biết rằng kinh luật như thế thật là chỗ thuyết dạy của Như Lai.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyền thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận kinh luật mà Phật đã thuyết, tức nhiên đó là Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Lúc mới sanh Như Lai hướng về mười phương đi bảy bước theo mỗi phương. Điều ấy không thể tin.’ Đó là thuyết của ma.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Lúc mới ra đời, Như Lai hướng về mười phương đi bảy bước theo mỗi phương, đó là phương tiện thị hiện của Như Lai.’ Như vậy gọi là kinh luật mà Như Lai đã thuyết.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyền thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận kinh luật mà Phật đã thuyết, tất nhiên đó là Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Khi Bồ Tát sanh ra rồi, vua cha sai người đưa Ngài đến thiên từ.¹ Chư thiên được thờ phụng nơi đó thấy Ngài vào thấy đều bước xuống lễ kính Ngài. Vì vậy nên ai nấy đều tôn xưng ngài là Phật.’

¹ Thiên từ: Miếu, đền thờ các vị thiên thần trong đạo Bà-la-môn.

“Lại có kẻ vấn nạn rằng: ‘Chư thiên xuất hiện trước, Phật ra đời sau; như vậy làm sao chư thiên lễ kính Phật?’ Nên biết rằng lời vấn nạn như vậy tức là thuyết của Ma *Ba-tuần*.

“Như có kinh nói rằng: ‘Khi Phật bước vào miếu thờ thiên thần, các tượng thần và chư thiên nơi ấy như *Ma-hê-thủ-la*, Đại Phạm thiên vương, *Thích-đề-hoàn-nhân* thấy đều chấp tay, kính lễ dưới chân Phật.’ Kinh luật như vậy là thuyết của Phật.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyền thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận kinh luật mà Phật đã thuyết, tất nhiên đó là Bồ Tát.

“Như có kinh luật nói rằng: ‘Khi Bồ Tát làm thái tử, vì lòng tham Ngài đi bốn phương tìm cưới vợ, rồi Ngài ở nơi thâm cung hưởng thụ năm thứ dục lạc,¹ vui sướng đủ điều.’ Kinh luật như thế là do Ma *Ba-tuần* nói ra vậy.

“Như có thuyết nói rằng: ‘Bồ Tát đã lìa bỏ lòng tham đối với vợ con, gia thuộc từ lâu, cho đến đối với việc thụ hưởng năm thứ dục lạc thượng diệu ở cõi trời *Ba mươi ba*² ngài cũng chỉ cũng xem như đám dãi nhơ nhớp, hướng chi là sự vui thích ở nhân gian? [Vì thế,] ngài cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu học đạo.’ Kinh luật như thế là do Phật thuyết.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyền thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận kinh luật mà Phật đã thuyết, tất nhiên đó là Bồ Tát.

¹ Năm thứ dục lạc (Ngũ dục): 1. Sắc dục: Mắt ưa thích, chạy theo hình sắc tốt đẹp. 2. Thanh dục: Tai ưa thích, chạy theo tiếng êm dịu, hài hòa. 3. Hương dục: Mũi ưa thích, chạy theo mùi thơm. 4. Vị dục: Lưỡi ưa thích, chạy theo món ngon. 5. Xúc dục: Thân thể ưa thích, chạy theo sự xúc chạm êm ái.

² Cõi trời Ba mươi ba (Tam thập tam thiên): Tức là Đao-lợi thiên (Sanskrit: *trāyastriṃśa*), thuộc Dục giới. Đao-lợi thiên có 33 cảnh, nên gọi tên như thế. Đế Thích (Thích-đề-hoàn-nhân) là vị vua trời cai quản ngự ở cảnh giữa. Khi sanh lên 33 cảnh trời ấy, chúng sanh đều hưởng mọi sự dục lạc do năm căn cảm xúc với năm trần.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Như có kẻ nói rằng: ‘Khi Phật ở tại thành *Xá-vệ*, trong tinh xá *Kỳ-đà*, ngài có cho phép các *tỳ-kheo* thu nhận và chứa trữ những thứ như nô tỳ, tôi tớ, bò, dê, voi, ngựa, lừa, la, gà, heo, mèo, chó, vàng, bạc, lưu ly, chân châu, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc thạch, ngọc bích, nôi đồng và nôi sắt, mâm đồng lớn và mâm đồng nhỏ, cùng mọi vật dụng...; có cho phép làm ruộng, làm vườn, buôn bán đổi chác, chứa trữ thóc lúa... Vì lòng đại từ thương xót chúng sanh, Phật cho chứa trữ mọi vật ấy và làm mọi việc như vậy.’ Kinh luật như thế là do ma thuyết.

“Như có người nói rằng: ‘Khi Phật ở tại thành *Xá-vệ*, trong tinh xá *Kỳ-đà*, xứ sở của quý *Na-lê-lâu*. Lúc ấy, nhân vì ông *bà-la-môn Cổ-đê-đức* cùng vua *Ba-tư-nặc*, Như Lai có dạy rằng: *Tỳ-kheo* chẳng nên thu nhận và chứa trữ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc thạch, ngọc bích, nô tỳ, tôi tớ, đồng nam, đồng nữ, các loại thú vật như: bò, dê, voi, ngựa, lừa, la, gà, heo, mèo, chó, nôi đồng và nôi sắt, mâm đồng lớn và mâm đồng nhỏ, và mọi thứ giường, mùng, chiếu, gối nhiều màu sắc...

“[*Vị tỳ-kheo* cũng không nên làm] những việc mà người đời cần đến để mưu sanh như làm nhà cửa, làm ruộng, làm vườn, buôn bán, đổi chác, tự làm thức ăn, xay gạo, giã gạo, luyện chú thuật giữ mình, tập luyện chim ưng dùng để đi săn, xem sao đoán mệnh, suy tính việc nên hư, xem tướng kẻ nam người nữ, theo chiêm bao mà đoán những việc lành dữ, [hoặc đoán thai nhi] là nam, là nữ, hay chẳng phải nam chẳng phải nữ... sáu mươi bốn nghề giỏi; lại có mười tám phép chú thuật lừa dối người, các thứ nghề khéo léo, hoặc nói vô số việc thông tục của người đời; dùng hương tán, hương bột, hương phết, hương xông,

mọi thứ hoa kết lại; làm nghề hớt tóc, sửa tóc, gian tà bợ đỡ, tham lợi không chán, vui thích chỗ náo nhiệt, nói chuyện giỡn cười, tham ăn cá thịt, pha chế thuốc độc, dù thơm, dùng dù lọng quý, đi giày da, làm ra quạt lông, rương tráp, các thứ hình vẽ; chứa trữ lúa thóc, các loại lúa mạch, các loại đậu cùng các thứ dưa, trái...

“[Vi tỳ-kheo cũng không được] gần gũi thân mật với vua chúa, con vua, quan chức cao cấp cùng các phụ nữ, nói cười lớn tiếng hoặc nín lặng, không nói năng chi cả; thường nghi ngờ đối với các pháp, hay nói bậy bạ, chuyện dài, vắn, tốt, xấu, lành, dữ, ưa mặc áo đẹp...

“Nếu người xuất gia tự mình khen ngợi các sự việc bất tịnh như thế trước mặt thí chủ, lại vào ra, đi chơi đến những chỗ bất tịnh như tiệm bán rượu, nhà dâm nữ, chỗ cờ bạc... những người như vậy, Phật chẳng cho ở chung với các *tỳ-kheo*. Họ nên ra khỏi tăng đoàn, hoàn tục mà làm hạng tội tử trong thế gian cho người khác sai khiến. Họ ví như cỏ dại lẫn trong đám lúa, cần phải loại bỏ đi.’

“Những kinh luật nào dạy như trên, nên biết rằng đều là thuyết của Như Lai.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Như ai tùy thuận thuyết của Phật, người ấy tức là Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Bồ Tát vì muốn cúng dường thiên thần nên vào miếu thần, như những chỗ thờ *Đại tự tại thiên*, *Vi-đà thiên*, *Ca-chiên-diên thiên*...’ [Lời nói như vậy là không đúng, vì] sở dĩ Phật vào những nơi đó là để điều phục cả hàng trời, người. Nếu nói rằng không phải như vậy thì thật là vô lý!

“Lại như có kẻ nói rằng: ‘Bồ Tát không thể vào nơi ngoại đạo tà luận để biết oai nghi của họ, văn chương và

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

kỹ nghệ của họ, không thể hòa hợp với bọn đánh thuê, chẳng nhận sự cung kính của kẻ nam, người nữ, quốc vương, đại thần, cũng chẳng biết pha chế các món thuốc. Vì chẳng biết các việc như vậy mới xưng là Như Lai, nếu biết là thuộc về bọn tà kiến. Lại nữa, Như Lai có lòng bình đẳng đối với kẻ oán và người thân, như có người dùng dao cắt thịt ngài hay có người dùng hương thơm thoa phết lên thân ngài, đối với hai người ấy ngài đều không xem là có sự tốt hơn hay tổn hại gì cả. Ngài chỉ giữ mức khoảng giữa, cho nên mới được xưng là Như Lai.’ Kinh luật như vậy, nên biết rằng đó là chỗ thuyết của ma.

“Như có người nói rằng: ‘Bồ Tát thị hiện vào miếu thờ thiên thần và ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu đạo; thị hiện biết oai nghi, lễ tiết của ngoại đạo và thế nhân, hiểu rõ tất cả văn chương, kỹ nghệ của họ, thị hiện vào thư đường, những chỗ kỹ xảo, khéo hòa hợp với bọn đánh thuê; đối với đại chúng, đồng nam, đồng nữ, hoàng hậu, cung phi, mỹ nữ, nhân dân, trưởng giả, *bà-la-môn*, vua chúa, đại thần, cho đến hạng bần cùng, ngài là bậc tối tôn tối thượng. Ngài lại được các hạng người ấy cung kính, Ngài cũng có thể thị hiện làm mọi việc vừa kể đó. Tuy ở nơi những người tà kiến, nhưng ngài chẳng có lòng luyến ái, dường như hoa sen không nhiễm bụi dơ. Vì độ tất cả chúng sanh, ngài khéo thi hành mọi phương tiện ấy, tùy thuận thế pháp.’ Kinh luật như vậy, nên biết chính là chỗ thuyết dạy của Như Lai.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Như ai có thể tùy thuận thuyết của Phật thì người ấy là Đại Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Như Lai vì chúng tôi mà giải thuyết kinh luật. Như nói rằng trong các pháp xấu ác, dù

tội nặng, tội nhẹ hay tội *thâu-lan-già*¹ thì tánh tội đều là nặng, trong giới luật của chúng tôi hoàn toàn không phạm vào. Từ lâu chúng tôi thọ lãnh và làm theo những pháp mà các ông chẳng tin. Chúng tôi lẽ nào lại bỏ giới luật của mình để theo giới luật của các ông sao? Giới luật của các ông là do ma thuyết; giới luật của chúng tôi mới là do Phật chế định. Đức Như Lai trước đã nói ra pháp ấn chín bộ.² Chín cái ấn ấy in sâu vào kinh luật của chúng tôi; chúng tôi chưa hề nghe một câu, một chữ nào về kinh điển Phương đẳng. Như Lai diễn thuyết vô lượng kinh luật, nhưng thuyết kinh Phương đẳng ở nơi nào? Trong kinh luật chúng tôi chưa từng nghe nhắc đến tên mười bộ kinh!³ Nếu có thì nên biết chắc chắn là do *Điều-đạt*⁴

¹ Tội *thâu-lan-già*, phiên âm từ tiếng Phạn là *sthūlātyayaḥ*, cũng được đọc là tát-thâu-la hay thổ-la-già, Hán dịch nghĩa là đại tội hay thô tội hay đại chướng thiện đạo. Trong giới luật xếp đây là một tội nằm trong Lục tụ hoặc Thất tụ, không thuộc trong Ngũ thiện. Nói chung, người phạm các tội ba-la-di (*pārājika*) hoặc tăng-già bà-thi-sa (*saṅghāvaśeṣa*) nhưng còn ở mức độ chưa cấu thành tội thì gọi chung là *thâu-lan-già*. Chẳng hạn, tội trộm cắp nhưng chỉ trộm được số tiền quá ít (ngày xưa là dưới 5 tiền), hoặc mượn đồ vật rồi không trả... hoặc tội giết người nhưng chỉ do cho người dùng thuốc quá liều.v.v... Vì thế, trong giới luật thì *thâu-lan-già* được xem là nhẹ hơn các tội ba-la-di và tăng tàn, nhưng nặng hơn tất cả các tội khác.

² Pháp ấn chín bộ: Chín bộ kinh: 1. Tu-đa-la (*sūtra*), dịch nghĩa là Khế kinh. 2. Kỳ dạ (*geya*) dịch nghĩa là Ứng tụng, hay Trùng tụng, 3. Hòa-ca-la-na (*vyākaraṇa*), cũng đọc là Hoa-già-la-na, dịch nghĩa là Thọ ký. 4. Già-dà (*gāthā*), dịch nghĩa là Phúng tụng, Cô khởi tụng. 5. Ưu-dà-na (*udāna*), dịch nghĩa là Tự thuyết. 6. Y-dế-mục-đa-già (*itivyūttaka*) dịch nghĩa là Bốn sự. 7. Xà-dà-già (*jātaka*), dịch nghĩa là Bốn sanh. 8. Tỳ-phật-lược (*vaipulya*), dịch nghĩa là Phương quảng. 9. A-phù-dà-đạt-ma (*addhutadharma*), dịch nghĩa là Vị tăng hữu.

³ Ý nói quyết định chỉ có 9 bộ kinh mà thôi, nhưng theo Đại thừa thì có mười hai bộ kinh, gồm 9 bộ đã kể trên và thêm ba bộ nữa là: 1. Ni-dã-na (*nidāna*), dịch nghĩa là Nhân duyên. 2. A-ba-dà-na (*avadāna*), dịch nghĩa là Thí dụ. 3. Ưu-ba-đê-xá (*upadeśa*), dịch nghĩa là Luận nghĩa. Gọi chung là Mười hai bộ kinh, hay Mười hai bộ kinh Đại thừa, Phương đẳng kinh. Những người không tin nhận các kinh điển Đại thừa cho rằng chỉ có 9 bộ kinh đã kể trên mới là do Phật thuyết, còn những kinh Đại thừa, Phương đẳng chỉ là ngụy tạo!

⁴ *Điều-đạt*: tên khác của *Đê-bà-đạt-da*, đệ tử phản nghịch của Phật. Ông vốn có tài năng, cũng đã theo Phật xuất gia, nhưng vì kiêu mạn, tự thấy mình tài giỏi,

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

làm ra. *Điều-đạt* là người ác, vì muốn diệt pháp lành nên tạo ra kinh Phương đẳng. Chúng ta chẳng tin những kinh như vậy, vì chính ma thuyết diễn kinh ấy. Tại sao vậy? Đã phá hoại Phật pháp, lại còn nói lời phải trái đảo điên. Những lời như vậy chỉ có trong kinh của các ông mà chẳng có trong kinh của chúng tôi. Trong kinh luật của chúng tôi, Như Lai có nói rằng: ‘Sau khi ta vào *Niết-bàn*, ở cõi đời xấu ác sẽ có kinh luật bất chánh gọi là *Đại thừa Phương đẳng kinh diễn*.’ Ở đời vị lai, sẽ có những *tỳ-kheo* xấu như vậy.

“Phật có dạy rằng: ‘Vượt hơn cả chín bộ kinh có kinh diễn Phương đẳng.’ Như ai có thể thấu hiểu được nghĩa này, thì nên biết rằng người ấy thấu hiểu kinh luật một cách đúng đắn, lìa xa tất cả những sự vật bất tịnh, [luôn] nhiệm mầu trong sáng như vàng trắng tròn.

“Nếu có người nói rằng: ‘Như Lai đối với hết thảy kinh luật, thuyết dạy nghĩa lý nhiều như cát sông *Hằng*, nhưng trong luật của chúng tôi lại chẳng có những nghĩa lý ấy, nên chúng tôi biết là không có. Nếu là có, tại sao trong luật của chúng tôi không thấy Như Lai giảng thuyết? Vì vậy nên nay chúng tôi không thể tin nhận.’ Nên biết rằng những người nói như vậy là có tội.

“Kẻ ấy lại nói rằng: ‘Kinh luật [của chúng tôi] như thế này mới nên thọ trì. Vì sao vậy? Vì kinh luật ấy giúp tôi được ít tham muốn, biết đủ, dứt trừ phiền não; vì đó là trí huệ *Niết-bàn*, tạo được nhân pháp lành.’ Người nói như vậy chẳng phải là đệ tử của ta.

“Như có người nói rằng: ‘Vì muốn độ chúng sanh, Như Lai có thuyết giảng kinh Phương đẳng.’ Nên biết rằng, người nói như vậy thật là đệ tử của Phật. Nếu ai chẳng

muốn thay Phật lãnh đạo tăng đoàn nên tìm mọi cách ám hại Phật, sau phải đọa vào địa ngục.

thọ trì kinh Phương đẳng, nên biết rằng người ấy chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải vì Phật pháp mà xuất gia, tức là đệ tử của bọn ngoại đạo tà kiến.

“Kinh luật đúng như [đã phân biệt trên đây] là do Phật thuyết dạy, bằng không phải như vậy tức là do ma thuyết. Nếu ai tùy thuận chỗ thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Nếu ai tùy thuận chỗ thuyết của Phật, tất nhiên người ấy là Bồ Tát.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có kẻ nói rằng: ‘Như Lai chẳng phải do vô lượng công đức mà thành tựu, ngài vẫn là vô thường, biến đổi, bởi ngài đạt được chỗ pháp không nên tuyên thuyết lẽ *vô ngã*, nghịch với thế gian.’ Kinh luật như vậy gọi là chỗ thuyết của ma.

“Như có người nói rằng: ‘Như Lai Chánh giác không thể nghĩ bàn, lại do vô lượng công đức mà thành tựu, cho nên Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.’ Kinh luật như vậy mới là chỗ thuyết dạy của Phật.

“Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, người ấy là quyến thuộc của ma. Nếu ai tùy thuận thuyết của Phật tức là Bồ Tát.

¹“Như có *tỳ-kheo* thật chẳng phạm tội *ba-la-di*.² Mọi người đều cho rằng phạm tội *ba-la-di* là giống như cây *đa-la* bị chặt.³ Nhưng *tỳ-kheo* ấy thật không có phạm tội chi cả. Vì sao vậy? Ta thường dạy rằng: “Trong bốn tội *ba-la-di*, nếu phạm một tội thì như hòn đá bị tách ra, không

¹ Nguyên bản có bốn chữ “phục hữu nhân ngôn” ở vị trí đầu câu này, nhưng chúng tôi xét thấy là thừa trong đoạn văn này, vì cả đoạn này đều là lời Phật dạy.

² Ba-la-di (Pārājika), Hán dịch là Khí, tức là dứt bỏ, cũng dịch là Cực ác. Đây là loại tội nặng nề nhất, người phạm vào phải bị trục xuất, không còn được sống chung trong chúng tăng (bất cộng trụ).

³ Cây đa-la khi bị chặt ngang rồi thì không thể đâm chồi được nữa, giống như cây dừa, nên ví với người phạm trọng tội ba-la-di, không còn cứu chữa gì được.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

thể gắn liền lại nữa.’ Nếu ai tự nói rằng mình chứng đắc quả thánh¹ thì kẻ ấy gọi là phạm *ba-la-di*. Vì sao vậy? Vì thật không có chỗ đắc pháp mà cố ý giả hiện hình tướng đắc pháp. Người như vậy là gây nhân tội lỗi khiến đời sau chẳng được làm người.² Đó gọi là *ba-la-di*.

“Như có vị *tỳ-kheo* ít tham muốn, biết đủ, giữ giới thanh tịnh, ở nơi vắng vẻ yên tĩnh. Đức vua hoặc các quan đại thần nhìn thấy *tỳ-kheo* ấy, nghĩ rằng vị ấy đã đắc quả *A-la-hán*, liền đến trước vị ấy mà tán thán, cung kính lễ bái, nói rằng: ‘Vị đại sư như thế này, sau khi bỏ thân sẽ đạt được quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’

“Nghe được lời ấy, vị *tỳ-kheo* liền đáp rằng: ‘Thật tôi chưa được đạo quả *sa-môn*, xin đại vương đừng xưng tán rằng tôi đã chứng đắc đạo quả. Xin đại vương đừng nói lời [khiến tôi thành kẻ] không tự biết đủ.³ Không tự biết đủ, đó là khi nghe người khác bảo rằng mình chứng đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* mà lặng thinh chấp nhận. Nếu nay tôi lặng thinh chấp nhận điều ấy, chư Phật sẽ quở trách. Chư Phật thường khen ngợi hạnh tự biết đủ, nên tôi trọn đời vui vẻ tu tập theo hạnh tự biết đủ. Tự biết đủ, đó là tôi tự biết chắc mình chưa chứng đắc đạo quả, nay đại vương xưng tán rằng tôi đã đắc quả, tôi không dám nhận, đó gọi là tự biết đủ.’

“Đức vua nói rằng: ‘Đại sư [khiêm cung như thế] quả thật đã đắc quả *A-la-hán*, như Phật không khác.’ Liền

¹ Nguyên bản dùng “quá nhân pháp”, nghĩa là pháp hơn người, đây được dùng để chỉ kẻ vọng xưng đã chứng thánh quả, thuộc tội đại vọng ngữ, vì lời nói dối những việc khác không được xem là đại vọng ngữ, không thuộc tội *ba-la-di*.

² Nguyên bản dùng “thối thất nhân pháp”, chỉ trường hợp làm mất khả năng được tái sinh trong loài người, phải rơi vào các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

³ Bất tri túc: không biết đủ, nghĩa là mong cầu thái quá, dù được bao nhiêu cũng chẳng đủ. Biết đủ tức là biết hài lòng, thích nghi với hoàn cảnh thật của mình.

tuyên cáo với tất cả nhân dân trong thành, ngoài thành, cùng các phi tần trong cung, rằng vị *tỳ-kheo* ấy đã đắc quả *sa-môn*. Nhờ vậy, những ai nghe biết thấy đều đem lòng cung kính tin theo, cúng dường tôn trọng vị *tỳ-kheo* ấy.

“Như vị *tỳ-kheo* ấy mới thật là người đức hạnh thanh tịnh, là nhân duyên giúp cho nhiều người được phước đức lớn. *Tỳ-kheo* như vậy thật không hề phạm tội *ba-la-di*. Vì sao vậy? Vì những người đến trước vị ấy đều tự sanh lòng hoan hỷ, tán thán, cúng dường. Vị *tỳ-kheo* như vậy làm sao lại phạm tội? Nếu như nói rằng *tỳ-kheo* ấy có tội, thì nên biết rằng đó là kinh điển do ma thuyết.

“Lại có *tỳ-kheo* giảng thuyết theo kinh điển trong kho tàng giáo pháp rất sâu xa của Phật rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; nhờ tánh Phật ấy có thể dứt trừ được các dây trói buộc của vô lượng phiền não, đắc thành quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, chỉ trừ hạng *nhất-xiển-đề* mà thôi.’ Nếu có đức vua hoặc đại thần thưa hỏi rằng: ‘*Tỳ-kheo*! Ông sẽ thành Phật hay chẳng thành Phật? Ông có tánh Phật hay chẳng?’ *Tỳ-kheo* ấy đáp rằng: ‘Hiện nay trong thân tôi quyết định có tánh Phật; còn việc thành Phật hay không chưa thể biết rõ.’ Vua nói: ‘Đại đức! Nếu không phải kẻ *nhất-xiển-đề* thì chắc chắn sẽ thành Phật.’ *Tỳ-kheo* ấy đáp rằng: ‘Đúng vậy, quả thật như lời đại vương!’ Dù vị ấy nói chắc rằng mình có tánh Phật, cũng chẳng phạm tội *ba-la-di*.

“Lại có vị *tỳ-kheo*, ngay lúc xuất gia, suy xét như thế này: ‘Nay tôi quyết định sẽ thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’ Người như vậy, dù chưa đắc thành đạo quả vô thượng, nhưng cũng đã được phước vô lượng vô biên. Giả sử có ai nói rằng người ấy phạm *ba-la-di*, thì tất cả các *tỳ-kheo* không ai là chẳng phạm. Vì sao vậy? Ta đây thuở

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

xưa trong tám mươi ức kiếp, thường xa lìa tất cả mọi vật bất tịnh, ít tham muốn, biết đủ, trọn vẹn oai nghi, khéo tu theo Chánh pháp vô thượng của Như Lai, nên cũng tự biết chắc rằng mình có tánh Phật. Nhờ đó nay ta đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, được xưng là Phật, có đại từ bi.

“Kinh luật như trên là do Phật thuyết. Nếu những ai chẳng có thể tùy thuận theo đó, ấy là quyến thuộc của ma. Như ai tùy thuận theo đó tức là Đại Bồ Tát.

“Nếu có kẻ nói rằng: ‘Không có bốn tội *ba-la-di*, mười ba tội *tăng tàn*,¹ hai pháp bất định,² ba mươi tội xả đọa,³ chín mươi đơn đọa,⁴ bốn pháp sám hối,⁵ một trăm điều

¹ Tiếng Phạn là *Saṅghāvaśeṣa*, dịch âm là tăng-già-bà-thi-sa, còn gọi là Tăng tàn, là một tội danh trong giới luật nhà Phật được xếp dưới các tội trọng *ba-la-di*. Tỳ-kheo mắc tội này thì dựa vào chúng tăng mà thành tâm sám hối. Nếu không sám hối thì xem như mắc tội *ba-la-di*. Trong giới luật có 13 tội bị xếp vào loại này, nên gọi là mười ba tăng-tàn.

² Nhị bất định pháp: Tức là trường hợp phạm tội không thể xác định rõ ràng. Có hai trường hợp không thể xác định được rõ ràng tội danh, do có những yếu tố không rõ, nên có thể bị ghép vào các tội khác nhau. Việc xác định các tội này do chúng tăng quyết định dựa vào ý kiến của một người thứ ba có đủ uy tín và biết rõ sự việc phạm tội.

³ Tiếng Phạn là *Naihsargik-pāṭayantika*, dịch âm là Ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Ni-tát-kỳ, Hán dịch nghĩa là Tận xả, nghĩa là từ bỏ hết tất cả; ba-dật-đề, Hán dịch nghĩa là đọa, nghĩa là rơi vào chỗ xấu ác. Người phạm tội này phải đọa vào địa ngục. Để trừ tội, trước hết phải mang tất cả tài vật liên quan đến chúng tăng mà xả bỏ hết, sau đó mới chân thành sám hối trước chúng tăng. Vì vậy, phép sám hối này cũng gọi là Xả đọa. Ba mươi trường hợp phạm tội này được gọi là Tam thập xả đọa.

⁴ Tiếng Phạn là *Pāṭayantika*, Hán dịch nghĩa là đọa, nghĩa là rơi vào chỗ xấu ác. Nói chung, chín mươi pháp ba-dật-đề này khác với ba mươi pháp ni-tát-kỳ ba-dật-đề là không có liên quan đến tài vật để phải xả bỏ, nên chỉ cần chí thành sám hối trước chúng tăng. Nếu chúng tăng nhận cho sự sám hối đó thì người phạm tội chỉ cần tự xét lại tâm mình, quyết lòng hối cải là được.

⁵ Tiếng Phạn là *Pratidesānīya*, dịch âm là Ba-la-đề-đề-xá-ni, thường gọi tắt là Đề-xá-ni, Hán dịch nghĩa là *Đối tha thuyết hướng bỉ hối*, nghĩa là người phạm tội phải hướng về người khác để cầu sám hối.

phải học,¹ bẫy pháp dứt sự tranh cãi².v.v... không có cả tội *thâu-lan-già*, năm tội nghịch³ cùng tội *nhất-xiển-đề*. Như *tỳ-kheo* phạm một trong những tội ấy thì phải đọa địa ngục, còn ngoại đạo thì được sanh cõi trời. Vì sao vậy? Vì ngoại đạo không có giới nào để phạm cả. Giới đó là do Như Lai vì muốn cho người ta khiếp sợ nên mới thị hiện thuyết dạy vậy thôi.’

“Lại có kẻ nói rằng: ‘Phật có dạy: Các *tỳ-kheo* nếu muốn hành dâm thì nên cởi pháp phục,⁴ mặc y phục thế tục rồi hãy làm việc dâm dục. Lại nữa, nên nghĩ tưởng rằng: Nếu ta làm chuyện dâm dục thì không có tội lỗi. Lúc Như Lai còn tại thế, cũng có những *tỳ-kheo* quen làm chuyện dâm dục, nhưng cũng được giải thoát chân chánh, hoặc sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời. Xưa nay thường có những người làm như vậy chứ chẳng phải một mình ta. Hoặc có người phạm bốn trọng giới, hoặc có kẻ phạm

¹ Tiếng Phạn là *Sikṣākaraniya*, dịch âm là Thức-xoa-ca-la-ni, Hán dịch nghĩa là *ung dương học*, hay *ứng học tác*, nghĩa là cần phải học. Còn gọi là đột-kiết-la (*Duṣkṛta*), dịch nghĩa là ác tác, nghĩa là những hành vi không tốt. Các giới này thường được gọi chung là Bách chúng học pháp, bởi vì pháp này có một trăm điều cần phải học hỏi và noi theo, quy định chi tiết cách ứng xử hàng ngày, tạo nên oai nghi tế hạnh của người xuất gia. Những pháp này rất chi ly, không nhất thiết mỗi khi phạm vào đều phải bị xử phạt, nhưng là khuôn mẫu rất quan trọng cho mỗi người để sống tốt đời sống tu tập. Người xuất gia phải luôn luôn ghi nhớ và mỗi khi có phạm vào phải tự mình bày tỏ ra và sám hối.

² Là bảy phương pháp hòa giải phải được áp dụng khi có sự bất hòa hoặc tranh chấp giữa các *tỳ-kheo*. Nếu không tuân theo bảy phương pháp này để dứt sự tranh cãi thì xem là phạm giới.

³ Tiếng Phạn là *pañcanantaryakarmāṇi*, Hán dịch là Ngũ nghịch hay Ngũ vô gián nghiệp, nghĩa là năm tội nghịch, khi phạm vào phải đọa địa ngục vô gián, chịu sự khổ sở không gián đoạn. Đây là năm tội nặng nhất đối với mọi chúng sanh, bao gồm: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp tăng.

⁴ Pháp phục: y phục của người xuất gia, vì người xuất gia mặc y phục đúng theo lời Phật dạy nên gọi là pháp phục.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Năm giới, hoặc có kẻ làm tất cả mọi luật nghi bất tịnh, mà còn đạt được giải thoát chân chánh đó thôi! Mặc dù Như Lai có nói rằng kẻ phạm tội *đột-cát-la*¹ sẽ đọa địa ngục trong một thời gian bằng tám trăm vạn năm ở cõi trời *Đao-lợi*, nhưng đó cũng là cách Như Lai thị hiện để làm cho người ta khiếp sợ mà thôi. Nếu nói rằng các tội từ *ba-la-di* cho đến *đột-cát-la*, nặng nhẹ chẳng khác gì nhau, đó là lời sai trái của các luật sư, lại bảo rằng do Phật chế định. Vậy nên biết chắc rằng đó không phải là lời Phật thuyết dạy.’

“Những lời lẽ như trên chính là kinh luật của ma.

“Lại như có kẻ nói rằng: ‘Đối với giới luật, dù phạm giới nhỏ cho đến các giới rất nhỏ cũng sẽ bị quả báo khổ sở, kéo dài vô hạn.’

“Đã biết như vậy rồi, hãy khéo thận trọng phòng hộ lấy thân tâm, như con rùa thận trọng co rút vào trong mu rùa.²

“Nếu như có người dạy luật lại nói rằng: ‘Những việc phạm giới thấy đều không có tội báo gì cả.’ Không nên gần gũi với người như vậy. Như Phật có thuyết kệ rằng:

¹ Đột-cát-la, phiên âm từ Phạn ngữ *Duṣkṛta*, dịch nghĩa là ác tác hoặc ác khẩu, tùy theo trường hợp phạm tội thuộc thân nghiệp hay khẩu nghiệp.

² Câu này có phần không hợp văn cảnh, vì đoạn trước và đoạn sau đều đang trình bày những cách hiểu sai trái. Trong bản Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển, nội dung đoạn này có vẻ như hợp lý hơn, xin trích để quý độc giả tham khảo: 越比尼罪最為微細, 若有比丘犯此一一微細律儀, 知而藏覆如龜藏六, 當知是輩不可習近。(Việt tì-ni tội tối vi vi tế, nhược hữu tỳ-kheo phạm thử nhất nhất vi tế luật nghi, tri nhi tàng phủ như quy tàng lục, dương tri thị bối bất khả tập cận.) Tội vi phạm tì-ni hết sức nhỏ nhặt khó thấy, nếu có tỳ-kheo nào phạm vào bất cứ điều nhỏ nhặt nào trong luật nghi, đã biết là phạm tội lại còn che giấu kỹ như con rùa che giấu đầu đuôi và tứ chi, nên biết rằng hạng người như vậy không thể gần gũi.

So sánh hai đoạn này thì thấy có những từ ngữ tương đồng, nhưng cách diễn đạt ý nghĩa lại khác hẳn nhau. Xin tùy độc giả cân nhắc.

“Nếu phạm lỗi không nhận,¹
Đều gọi là nói dối.
Không tin có đời sau,
Việc ác nào cũng làm.

“Cho nên đừng gần gũi với hạng người ấy.

“Trong Phật pháp luôn [giữ gìn sự] thanh tịnh như thế, huống chi phạm tội *thâu-lan-già*, tội *tăng-tàn* hay tội *ba-la-di* mà nói là không có tội được sao? Cho nên cần phải phòng hộ giữ mình một cách nghiêm cẩn và sâu sắc đối với những pháp như vậy. Nếu không cần phải giữ gìn phòng hộ thì còn gì gọi là giới cấm?

“Trong kinh điển ta có dạy rằng: Nếu có kẻ phạm từ bốn tội nặng *ba-la-di* cho đến các tội cực kỳ nhỏ nhất như các tội *đột-kiết-la*, đều phải trừng trị một cách nghiêm khắc. Nếu chúng sanh chẳng nghiêm giữ giới cấm, làm sao thấy được tánh Phật? Tuy tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, nhưng nhất thiết phải nhờ sự trì giới mới thấy được tánh Phật. Nhờ thấy tánh Phật mới thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Trong chín bộ kinh [ta thuyết dạy trước] không có kinh *Phương đẳng*, cho nên không nói việc có tánh Phật. Mặc dù những kinh ấy không nói, nhưng phải biết rằng thật có tánh Phật. Nếu ai nói như vậy, nên biết rằng người ấy thật là đệ tử của ta.”

¹ Nguyên bản dùng “若過一法- nhược quá nhất pháp”, bản Đại Bát Nê-hoàn dùng “若犯微細罪- nhược phạm vi tế tội” đều không liên quan gì đến việc nói dối. Tham khảo số giải thì câu kệ này hàm ý: “Khi thuyết giới (bổ-tát), nếu người có phạm giới mà được hỏi trong ba lần vẫn lặng thinh không đáp thì xem là phạm tội vọng ngữ.” Chính vì nghĩa này mà bản của ngài Pháp Hiển dịch câu thứ hai là “默然妄語者- mặc nhiên vọng ngữ giả” chứ không phải “是名妄語- thị danh vọng ngữ”. Tham khảo nghĩa này nên chúng tôi dịch như trên.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Theo như lời dạy trên thì tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Nhưng trong chín bộ kinh, chưa từng nghe nói đến điều ấy. Nếu ai nói rằng có tánh Phật, há chẳng phải là phạm *ba-la-di* sao?”¹

Phật dạy: “Thiện nam tử! Theo như ông vừa nói đó, thật không có việc phạm *ba-la-di*. Thiện nam tử! Ví như có người nói: ‘Biển cả chỉ có bảy vật báu mà thôi, không có tám thứ báu.’ Người ấy không có tội. Lại như có người nói: ‘Trong chín bộ kinh, không có [nói] tánh Phật.’ Người này cũng không có tội. Vì sao vậy? Trong biển đại trí Đại thừa, ta nói rằng có tánh Phật. Đó là lẽ mà người trong hai thừa [Thanh văn và Duyên giác] không thấy biết được. Cho nên nói không có tánh Phật là không có tội. Cảnh giới ấy là chỗ thấy biết của chư Phật, hàng Thanh văn và Duyên giác không thể hiểu nổi.

“Thiện nam tử! Nếu ai chẳng nghe được pháp tạng hết sức sâu kín của Như Lai thì làm sao biết rằng có tánh Phật?

“Thế nào gọi là pháp tạng hết sức sâu kín? Đó là chỉ kinh điển Phương đẳng Đại thừa.

“Thiện nam tử! Có những kẻ ngoại đạo nói lý *ngã thường*, hoặc nói lý *ngã đoạn*. Như Lai chẳng phải thế, ngài nói lý *hữu ngã* mà cũng nói lý *vô ngã*. Đó gọi là *Trung đạo*. Như có kẻ nói rằng: ‘Phật nói lý *Trung đạo*: Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Bởi phiền não che lấp tánh Phật ấy nên chẳng thấy chẳng biết. Vì thế cần

¹ Ý câu hỏi này là xem việc “nhận có tánh Phật” đồng với việc “vọng xưng chứng thánh”, tức là tội đại vọng ngữ, một trong bốn tội *ba-la-di*.

phải siêng tu phương tiện để dứt hết phiền não.’ Nếu ai thuyết được như vậy, nên biết rằng người ấy không phạm vào [một trong] bốn tội trọng.¹ Nếu ai không thuyết được như vậy thì gọi là phạm tội *ba-la-di*.

“Như có người nói rằng: ‘Tôi đã thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì sao vậy? Vì tôi có tánh Phật. Có tánh Phật, ắt phải thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Bởi nhân duyên ấy, nay tôi đã thành tựu *Bồ-đề*.’ Nên biết rằng người nói như vậy là phạm tội *ba-la-di*. Vì sao vậy? Tuy có tánh Phật, nhưng vì chưa tu tập các phương tiện thiện pháp nên chưa thấy tánh Phật. Vì chưa thấy tánh Phật nên chưa được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên pháp Phật là thâm sâu, không thể nghĩ bàn.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Có vị vua hỏi rằng: ‘Thế nào là *tỳ-kheo* phạm vào lỗi vọng xưng chứng thánh?’²

Phật dạy *Ca-diếp*: “Như có vị *tỳ-kheo* vì lợi dưỡng, vì món ăn vật uống mà làm theo những cách nịnh hót, gian ngụy, dối trá, nghĩ rằng: ‘Làm sao để khiến những người thế gian biết rõ rằng ta là bậc khát sĩ? Nhờ nhân duyên ấy, ta sẽ được lợi dưỡng lớn, danh dự lớn.’ *Tỳ-kheo* ấy vì rất ngu si, trong đêm thường suy nghĩ rằng: ‘Thật ta chưa chứng đắc bốn quả *sa-môn*.³ Phải làm thế nào khiến

¹ Tức là bốn tội ba-la-di, cụ thể là giết người, trộm cắp, dâm dục và vọng ngôn chứng thánh.

² Nguyên văn là “*quá nhân pháp*”. Đây là cách nói tắt, chỉ vị *tỳ-kheo* chưa đắc quả nhưng tự cho là mình đã chứng quả, đắc pháp hơn người.

³ Tức là bốn Thánh quả, từ A-na-hàm đến A-la-hán.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

người thế gian tin rằng ta đã chứng đắc bốn quả ấy? Lại làm thế nào để khiến những *ưu-bà-tắc* và *ưu-bà-di* cùng nói về ta rằng: ‘Đó là người phước đức, thật là bậc thánh nhân.’ Vị *tỳ-kheo* suy nghĩ như vậy, chính là người cầu lợi dưỡng chứ không phải cầu pháp. Khi đi lại, lúc vào ra, tới lui, nghỉ ngơi, mặc áo, ôm bát... không để mất oai nghi, lại ngồi một mình nơi chỗ trống trải, vắng lặng, dường như bậc *A-la-hán*, khiến mọi người thế gian đều nói rằng: ‘Đó là vị *tỳ-kheo* xứng đáng bậc nhất, ông ấy tinh cần khổ hạnh, tu pháp tịch diệt.’ Người ấy luôn nghĩ rằng: ‘Nhờ nhân duyên ấy, ta sẽ được nhiều đệ tử. Mọi người cũng sẽ cúng dường cho ta nhiều áo quần, đồ ăn thức uống, thuốc men, và có nhiều nữ nhân sẽ kính trọng, yêu quý ta.’ Nếu *tỳ-kheo* hay *tỳ-kheo ni* nào có việc làm và suy nghĩ như vậy thì phạm vào tội vọng xưng chứng thánh.

“Lại có vị *tỳ-kheo*, vì muốn kiến lập Chánh pháp vô thượng liền ngồi yên nơi chỗ trống trải vắng lặng. Vị ấy chẳng phải là *A-la-hán*, nhưng muốn làm cho người ta gọi mình là *A-la-hán*, là vị *tỳ-kheo* tốt lành, là vị *tỳ-kheo* tịch tĩnh, khiến vô lượng người đời sanh lòng tin. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Nhờ nhân duyên ấy, ta sẽ được vô số *tỳ-kheo* theo kề cận; nhân đó ta sẽ giáo hóa những *tỳ-kheo* phá giới cùng những *ưu-bà-tắc*,¹ khiến cho hết thảy đều giữ giới. Nhờ nhân duyên ấy, ta sẽ kiến lập Chánh pháp, mở mang sáng tỏ pháp Vô thượng của Như Lai, chỉ bày khai mở giáo pháp Phương đẳng Đại thừa, độ thoát hết thảy vô lượng chúng sanh, khéo giải nghĩa chỗ nặng, chỗ nhẹ trong kinh luật mà Như Lai đã thuyết.’

¹ Tiếng Phạn là *Upāsaka*, dịch âm là *Ưu-bà-tắc*, dịch nghĩa là cư sĩ nam, tức là người đệ tử Phật nhưng chưa xuất gia, chỉ thọ giới và tu tập trong đời sống gia đình.

Vị *tỳ-kheo* ấy lại nói rằng: “Nay ta cũng có tánh Phật. Có kinh điển gọi là kho tàng sâu kín của Như Lai; theo kinh ấy thì ta chắc chắn sẽ được thành tựu Phật đạo, dứt hết các dây trói buộc là vô lượng phiền não. Ta sẽ thuyết giảng với vô số các vị *ưu-bà-tắc* rằng: ‘Các ông thầy đều có tánh Phật. Các ông và tôi đây, chúng ta đều có thể trụ yên trong cảnh giới của Như Lai, thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, dứt hết các dây trói buộc của vô lượng phiền não.’ Người nói ra lẽ đó theo cách như vậy không hề phạm vào lỗi vọng xưng chứng thánh. Đó gọi là Bồ Tát.

“Nếu nói rằng phạm tội *đột-cát-la* đều sẽ đọa địa ngục trong một thời gian tám trăm vạn năm tính theo năm tháng ở cõi trời *Đao-lợi*, thọ các tội báo, vậy sao lại dám cố ý phạm tội *thâu-lan-già*? Trong pháp Đại thừa, nếu có *tỳ-kheo* phạm tội *thâu-lan-già* thì không nên gần gũi với *tỳ-kheo* ấy. Thế nào là tội *thâu-lan-già* theo kinh Đại thừa? Như có vị trưởng giả tạo lập chùa Phật, dùng những dây hoa mà cúng dường Phật. Kế đó, có thầy *tỳ-kheo* thấy trong chuỗi hoa có sợi dây kết, không hỏi xin mà [tự ý] lấy, đó là phạm tội *thâu-lan-già*. Dù [có người] biết đến hay không cũng đều là phạm tội.

“Nếu vì lòng tham mà phá hoại tháp Phật *cũng là phạm tội thâu-lan-già*. Người như vậy không nên gần gũi.

“Như vua, đại thần thấy những tháp thờ hư mục, ý muốn tu bổ, cúng dường *xá-lợi*. Ví như có người nhặt được trân bảo ở trong tháp ấy liền gửi cho *tỳ-kheo* gìn giữ. Được trân bảo rồi, thầy *tỳ-kheo* ấy tự do sử dụng.¹ *Tỳ-kheo* như

¹ Lược ý đoạn này trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển thì hiểu là: “Vì cung kính nên giao phó tiền bạc cho một vị *tỳ-kheo* [để lo việc xây tháp],

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

vậy gọi là bất tịnh, thường gây ra nhiều sự tranh chấp. Người cư sĩ tốt không nên gần gũi cúng dường, cung kính *tỳ-kheo* như vậy. Hạng *tỳ-kheo* như vậy khác nào những kẻ vô căn, những kẻ lưỡng căn, những kẻ căn tánh không xác định.

“Hạng người căn tánh không xác định thì khi ham muốn người nữ, [căn trong] thân liền biến ra nữ căn; khi ham muốn người nam, [căn trong] thân liền biến ra nam căn.¹ Hạng *tỳ-kheo* [phạm tội] như vậy cũng ví như kẻ căn tánh xấu xa, chẳng phải nam chẳng phải nữ, [vì *tỳ-kheo* ấy là] chẳng phải xuất gia cũng chẳng phải tại gia. Không nên gần gũi cúng dường, cung kính hạng *tỳ-kheo* như vậy.

“Trong đạo Phật, pháp của *sa-môn* là nên sanh lòng từ bi che chở, nuôi dưỡng chúng sanh, cho đến đối với con kiến cũng nên thí cho sự an ổn không sợ sệt. Pháp của *sa-môn* là lìa xa việc uống rượu, cho đến chẳng ngửi mùi rượu. Pháp của *sa-môn* là không được nói dối, cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến sự nói dối. Pháp của *sa-môn* là không sanh lòng dâm dục, cho đến trong lúc nằm mộng cũng không sanh lòng dâm dục. Đó là pháp của *sa-môn*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như có *tỳ-kheo* nằm mơ thấy mình làm chuyện dâm dục, như vậy có phạm giới chăng?”

Phật dạy: “Không phạm. Nhưng đối với việc dâm dục, nên tưởng đó là việc ô uế nhơ nhớp, cho đến không hề có ý tưởng cho đó là việc trong sạch, thường lìa xa mối phiền

nhưng *tỳ-kheo* này lại dùng tiền bạc ấy để sử dụng riêng...”

¹ Vì thế nên hạng người này tuy có ham muốn mà không thể hành dâm, ví như vị *tỳ-kheo* phạm tội kia không có khả năng tu tập Chánh pháp.

não lưu luyện người nữ. Nếu khi chiêm bao thấy mình làm chuyện dâm dục, lúc tỉnh giấc nên sanh lòng hối hận.

“*Tỳ-kheo* khát thực, trong khi [tiếp xúc] thọ nhận đồ cúng dường, nên có tư tưởng như đang gặp lúc đói kém phải ăn thịt con [để sống]! Nếu thấy lòng dâm dục phát sanh phải lìa bỏ ngay. Nên biết rằng pháp môn như vậy là kinh luật của Phật thuyết. Nếu ai tùy thuận thuyết của ma, đó là quyến thuộc của ma. Như ai tùy thuận thuyết của Phật, đó gọi là Bồ Tát.

“Như có kẻ nói rằng: ‘Phật cho phép *tỳ-kheo* thường đưa lên một chân, lạng thình chẳng nói, gieo mình vào lửa dữ, từ trên núi cao mà nhảy xuống, chẳng tránh tai nạn hiểm nguy, uống thuốc độc, tuyết thực, nằm trên tro trên đất, tự trói tay chân, sát hại chúng sanh, chuyên nghề bùa chú...¹ Những người dòng *chiên-đà-la*, những kẻ vô căn, lưỡng căn hoặc căn tánh không xác định, cùng những kẻ căn thân chẳng đủ... những hạng người như vậy, Như Lai thấy đều cho phép xuất gia tu đạo.’ Đó gọi là thuyết của ma.

“Phật chỉ cho phép dùng năm loại thức ăn lấy từ loài bò² cùng các thứ dừ, đường... Phật cũng cho mặc áo bằng vải dệt từ tơ tằm và đi giày da.³ Trừ những thứ ấy ra, như có người nói: ‘Phật cho phép mặc áo vải tốt đẹp đắt tiền,⁴

¹ Đoạn này miêu tả những pháp tu của các phái ngoại đạo vào thời đức Phật.

² Năm món lấy từ loài bò (ngũ chủng ngư vị): Năm món ăn do con bò cái cung cấp: 1. nhũ (sữa tươi). 2. lạc (kem). 3. sanh tô (bơ sống). 4. thực tô (bơ chín). 5. dê-hồ. Nay có nghĩa là những sản phẩm được chế biến từ sữa.

³ Đoạn này ý nói những phẩm vật có nguồn gốc từ động vật được Phật cho phép dùng, và chỉ hạn chế trong các thứ này mà thôi.

⁴ Nguyên bản dùng ma-ha-lăng-già, phiên âm từ Phạn ngữ *Mahāraṅga*, dịch nghĩa là đại giá y, chỉ các loại áo tốt đẹp, đắt tiền.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Phật cho phép chứa trữ tất cả những hạt giống, cây cỏ đều là loài có mạng sống. Phật đã thuyết như vậy rồi mới nhập *Niết-bàn*.¹ Nếu có kinh luật nào nói như vậy, nên biết rằng đó là thuyết của ma.

“Ta chẳng hề cho phép *tỳ-kheo* thường đưa lên một chân [như bọn ngoại đạo]. Ta vì [truyền] pháp mà cho phép [tỳ-kheo] đi, đứng, ngồi, nằm. Ta cũng không hề cho phép *tỳ-kheo* uống thuốc độc, tuyệt thực, đốt mình trong đám lửa năm ngọn, trói buộc tay chân, sát hại chúng sanh, chuyên nghề bùa chú, dùng ngọc thạch, ngà voi, giày da, chứa trữ hạt giống, [ta cũng không nói rằng] cây cỏ đều có mạng sống, [ta cũng không cho phép] mặc áo vải tốt đắt giá... Nếu ai nói rằng Thế Tôn nói ra những điều như vậy, nên biết rằng người ấy là quyến thuộc của ngoại đạo, không phải đệ tử của ta.

“Ta chỉ cho phép ăn năm món lấy ở loài bò cùng là dầu, đường, ta cho phép đi giày da, mặc áo bằng vải dệt từ tơ tằm. Ta có dạy rằng bốn đại¹ đều không có thọ mạng. Nếu kinh luật nào nói những điều như vậy, đó là Phật thuyết. Nếu ai tùy thuận thuyết của Phật, nên biết rằng đó là đệ tử chân thật của ta. Nếu ai chẳng theo thuyết của Phật, đó là quyến thuộc của ma. Nếu ai tùy thuận kinh luật của Phật, nên biết rằng người ấy là Đại Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Tướng trạng khác nhau giữa thuyết của ma và thuyết của Phật, nay ta đã vì ông mà phân biệt giảng rộng rõ ràng như vậy.”

¹ Bốn đại, tức là Tứ đại, gồm đất, nước, gió và lửa. Theo quan điểm ngày xưa, bốn đại là bốn yếu tố căn bản tạo thành vật chất. *Đất* tượng trưng cho sự rắn chắc, *nước* tượng trưng cho sự ẩm ướt, *gió* tượng trưng cho sự chuyển động, và *lửa* tượng trưng cho hơi nóng, nhiệt năng hay năng lượng. Tất cả mọi vật chất trong vũ trụ đều hội đủ 4 yếu tố này với những tỷ lệ cân đối khác nhau.

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Nay con mới biết rõ được tướng trạng khác nhau giữa thuyết của ma và thuyết của Phật. Nhờ đó con mới thâm nhập được vào những ý nghĩa sâu xa của pháp Phật.”

Phật khen *Ca-diếp* rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông đã có thể hiểu rõ và phân biệt được như vậy, đó gọi là thông minh trí huệ.”

¹“Thiện nam tử! Nói về sự khổ, không gọi là *thánh đế*. Vì sao vậy? Nếu nói rằng *khổ* là *khổ thánh đế*, thì tất cả những loài bò, dê, lừa, ngựa cùng chúng sanh ở địa ngục, lẽ ra đều phải có thánh đế!²

“Thiện nam tử! Nếu có người không biết được cảnh giới thâm sâu của Như Lai, đối với pháp thân vi mật thường trụ chẳng biến mà cho rằng đó là thân do ăn uống [mà thành] chứ không phải pháp thân, chẳng biết oai lực đại đức của Như Lai. Như vậy gọi là *khổ*. Vì sao vậy? Vì không biết nên *pháp* thấy là *chẳng phải pháp*, *chẳng phải pháp* thấy là *pháp*. Nên biết rằng người như vậy ắt phải đọa vào nẻo dữ, luân chuyển mãi trong sanh tử, nuôi lớn các mối phiền não trói buộc, chịu nhiều khổ não.

“Nếu ai biết được rằng Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi, hoặc nghe được hai tiếng thường trụ, dù chỉ nghe qua một lần cũng được sanh lên các cõi trời. Rồi về sau, đến lúc giải thoát rồi mới có thể chứng biết lẽ Như

¹ Theo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển thì từ đây bắt đầu quyển thứ 5, phẩm Tứ đế thứ 11 (Tứ đế phẩm, đệ thập nhất). Có lẽ Nam bản căn cứ vào đây nên từ chỗ này cũng bắt đầu phẩm Tứ đế, thứ 10 (Tứ đế phẩm, đệ thập).

² Từ đoạn này bắt đầu giảng về Tứ đế, cũng gọi là Tứ thánh đế, bao gồm Khổ đế (*duḥkhasatya*), Tập khổ đế (*samudayasatya*), Diệt khổ đế (*duḥkhanirodhasatya*) và Đạo đế (*mārgasatya*).

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Lai thường trụ, không hề biến đổi. Khi chúng biết rồi liền nói: ‘Thuở xưa tôi đã từng nghe nghĩa ấy, nay được giải thoát mới thật sự chúng biết. Ngày trước vì không biết được vậy nên tôi phải luân chuyển mãi trong sanh tử, lăn lộn không cùng. Từ nay tôi mới có được trí huệ chân thật.’

Nếu biết được vậy, mới thật là tu tập lẽ khổ, được nhiều lợi ích. Nếu không biết vậy thì dù có chuyên cần tu học cũng không được ích lợi gì. Đó gọi là rõ biết lẽ *khổ*, gọi là *Khổ thánh đế*. Nếu không thể tu tập như vậy thì gọi là *khổ* chứ không phải *Khổ thánh đế*.

“Nói về *Khổ tập đế*, người nào đối với pháp chân thật không phát sanh trí huệ chân thật, thọ nhận những vật bất tịnh, như tôi trai, tứ gái... thường đối với những việc không đúng pháp mà gọi là Chánh pháp, làm cho Chánh pháp phải dứt mất, không thể trụ thế lâu dài. Vì nhân duyên ấy nên không biết được tánh pháp. Vì không biết nên khi luân chuyển trong sanh tử thường chịu nhiều khổ não, không được sanh lên các cõi trời và không được giải thoát chân chánh. Nếu có sự rõ biết sâu xa, không phá hoại Chánh pháp, nhờ nhân duyên ấy liền được sanh lên các cõi trời và được giải thoát chân chánh. Nếu không rõ biết về *Khổ tập đế* mà nói rằng Chánh pháp là không thường trụ nên là pháp sanh diệt, do nhân duyên ấy trong vô số kiếp phải luân chuyển trong sanh tử, chịu mọi khổ não. Nếu rõ biết rằng pháp là thường trụ, không biến đổi, đó gọi là rõ biết lẽ *tập*, gọi là *Tập thánh đế*. Nếu không thể tu tập như vậy, đó gọi là *tập* chứ không phải *Tập thánh đế*.”

“Nói về *Khổ diệt đế*, nếu ai thường tu tập, học theo pháp [chấp] không thì là bất thiện. Vì sao vậy? Vì dứt bỏ tất cả các pháp, phá hoại kho tàng giáo pháp chân thật của Như Lai. Tu học như vậy gọi là tu [chấp lẽ] không. Người tu tập [đúng lẽ] *khổ diệt* thì ngược với cách tu của tất cả ngoại đạo. Nếu nói rằng tu tập [chấp] lẽ không là *Diệt đế* thì hết thảy ngoại đạo đều tu pháp [chấp] không, lẽ ra đều phải có *Diệt đế*!

“Như có người nói rằng: ‘Thật có tạng Như Lai, dù không thể thấy được, nhưng nếu trừ dứt hết mọi phiền não thì sẽ thể nhập vào tạng Như Lai.’ Nếu ai phát tâm như vậy, dù chỉ một niệm, nhờ nhân duyên đó đối với các pháp liền được tự tại.

“Nếu người tu tập [những tướng trạng] *vô ngã*, rộng không vắng lặng [rồi cho đó là] tạng sâu kín của Như Lai, thì trong vô số kiếp sẽ lưu chuyển trong sanh tử, chịu nhiều khổ não. Nếu ai không tu tập theo cách như vậy, thì dù có phiền não cũng mau chóng dứt trừ. Vì sao vậy? Nhờ rõ biết được tạng sâu kín của Như Lai.¹ Đó gọi là *Khổ diệt thánh đế*. Như ai tu tập lẽ *diệt* như vậy, ấy là đệ tử của ta. Như ai không tu tập như vậy, đó gọi là tu pháp [chấp] không, chẳng phải tu *Diệt thánh đế*.

¹ Chúng tôi đã tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển khi chuyển dịch đoạn này. Đây là đoạn văn tương đương: 若復修行於如來性作空無我相, 當知是輩如蛾投火。 *Nhược phục tu hành ư Như Lai tánh tác không, vô ngã tướng, đương tri thị bối như nga đầu hỏa.* (Nếu tu hành mà đối với tánh Như Lai lại khởi lên các tướng trạng không, vô ngã, nên biết những kẻ ấy giống như thiêu thân lao vào ngọn lửa.)

Như vậy, hàm ý đoạn này là chỉ rõ những cách tu tập không dựa trên sự rõ biết chân thật về thể tánh Như Lai đều không thể đạt được kết quả.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Nói về *Đạo thánh đế*, đó là *Phật bảo*, *Pháp bảo*, *Tăng bảo* cùng *Chánh giải thoát*. Có những chúng sanh vì lòng điên đảo nên nói rằng: ‘Không có Phật, Pháp, Tăng cùng Chánh giải thoát; sự luân chuyển trong sanh tử chỉ như huyễn hóa.’ Do nhân duyên tu tập kiến giải [sai lầm] như vậy nên phải luân chuyển trong *Ba cõi*, mãi mãi chịu sự khổ não nặng nề. Nếu có thể sanh tâm thấy rằng Như Lai là thường trụ, không biến đổi; *Pháp*, *Tăng*, *Giải thoát* cũng là như vậy; chỉ nhờ vào một niệm ấy mà trong vô số kiếp liền được những quả báo hoàn toàn theo ý muốn. Vì sao vậy? Thuở xưa chính ta đã vì bốn sự điên đảo, đối với việc không đúng pháp mà cho là Chánh pháp, nên phải chịu vô số quả báo ác nghiệp. Nay ta dứt hết những kiến giải [điên đảo] ấy nên thành Phật Chánh giác. Đó gọi là *Đạo thánh đế*.”

“Như có người nói rằng: ‘*Tam bảo*¹ là vô thường.’ Tu tập theo kiến giải ấy là sai lầm, chẳng phải *Đạo thánh đế*. Nếu ai thường tu tập niệm tưởng rằng: ‘*Tam bảo là thường trụ*’ thì người ấy là đệ tử của ta.”

“Dùng sự thấy biết chân chánh mà tu tập *bốn pháp thánh đế*, đó gọi là *Tứ thánh đế*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nay con mới rõ biết được việc tu tập pháp *Tứ thánh đế* hết sức sâu xa.”

²Phật dạy Bồ Tát *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Nói về *Bốn điên đảo*, đối với chỗ không phải *khổ* mà sanh ra tư tưởng *khổ*, đó gọi là điên đảo. *Không phải khổ*, đó là Như Lai;

¹ Tam Bảo: Ba ngôi báu là Phật, Pháp và Tăng.

² Theo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh thì từ đây bắt đầu phẩm Tứ đảo thứ 12 (Tứ đảo phẩm đệ thập nhị). Nam bản cũng phân chia tương tự, từ đây bắt đầu phẩm Tứ đảo thứ 11 (Tứ đảo phẩm đệ thập nhất).

sanh ra tư tưởng khổ, là cho rằng Như Lai vô thường, biến đổi.

“Nếu nói rằng Như Lai là vô thường, đó là tội khổ rất lớn. Như nói rằng Như Lai bỏ thân khổ này mà vào *Niết-bàn*, dường như củi hết thì lửa tắt, đó gọi là *không phải khổ mà sanh ra tư tưởng khổ*. Như vậy là điên đảo.

“Giả sử ta nói rằng ‘Như Lai là thường’, như vậy tức là *ngã kiến*.¹ Do *ngã kiến* nên có vô lượng tội. Vì vậy nên phải nói rằng ‘Như Lai là vô thường’. Vậy nếu nói Như Lai là vô thường ắt ta phải được vui. Nhưng Như Lai là vô thường thì đó là khổ, nếu đã là khổ thì làm sao được vui? Vì đối với sự khổ mà sanh tư tưởng [cho là] vui nên gọi là điên đảo.

“Đối với sự vui mà sanh tư tưởng [cho là] khổ, đó là điên đảo. Sự vui đó, tức là Như Lai; sự khổ đó, là Như Lai vô thường. Nếu nói ‘Như Lai là vô thường’, đó là đối với sự vui mà sanh ra tư tưởng [cho là] khổ. Như Lai thường trụ, đó gọi là vui. Nếu ta nói rằng ‘Như Lai là thường’, vì sao Như Lai lại nhập *Niết-bàn*? Nếu nói rằng Như Lai không phải sự khổ, vì sao lại bỏ thân này mà thể nhập cảnh giới Diệt độ? Vì đối với sự vui mà sanh ra tư tưởng [cho là] khổ nên gọi là điên đảo.

“Như trên gọi là sự điên đảo thứ nhất.

“[Đối với sự] vô thường lại tưởng là thường; [đối với sự] thường tồn lại tưởng là vô thường, đó gọi là điên đảo. Vô thường đó, là không tu tập pháp không. Vì không tu tập pháp không nên thọ mạng ngắn ngủi. Nếu nói rằng

¹ Ngã kiến: kiến chấp cho rằng thực sự có một bản ngã tồn tại độc lập, đối lập với thực tại bên ngoài.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

không tu tập pháp rộng không vắng lặng mà được trường thọ, đó là là điên đảo. Đây là sự điên đảo thứ nhì.

“[Đối với sự việc] *vô ngã* mà tưởng là *ngã*, [thật có] *ngã* mà tưởng là *vô ngã*, đó gọi là điên đảo. Người thế gian nói *hữu ngã*, pháp Phật cũng nói *hữu ngã*. Tuy người thế gian nói *hữu ngã*, nhưng không có tánh Phật. Như vậy gọi là đối với *vô ngã* mà sanh ra tư tưởng [cho là] *có ngã*. Đó gọi là điên đảo. Pháp Phật nói *có ngã*, *ngã* đó là *tánh Phật*. Người thế gian nói là pháp Phật là *vô ngã*. Đó gọi là đối với *ngã* mà sanh ra tư tưởng [cho là] *vô ngã*. Nếu như nói rằng: ‘*Pháp Phật nhất định là vô ngã, cho nên Như Lai dạy đệ tử tu tập vô ngã*’, như vậy là điên đảo. Đó gọi là sự điên đảo thứ ba.

“[Đối với sự việc] *tịnh* mà tưởng là *bất tịnh*, *bất tịnh* lại tưởng là *tịnh*, đó gọi là điên đảo.

“*Tịnh* tức là Như Lai thường trụ. Như Lai thường trụ, đó chẳng phải là thân do ăn uống [mà thành], chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân xác thịt, chẳng phải thân [tồn tại nhờ] gân cốt chằng chịt. Như có người nói rằng: ‘*Như Lai là vô thường, đó là thân do ăn uống [mà thành], là thân phiền não, là thân xác thịt, là cái thân [tồn tại nhờ] gân cốt chằng chịt. Pháp, Tăng, Giải thoát đều là dứt hết.*’ Đó gọi là điên đảo.

“[Đối với sự việc] *bất tịnh* mà tưởng là *tịnh*, đó gọi là điên đảo. Như có người nói rằng: ‘*Trong thân ta đây không có gì là bất tịnh. Bởi không có gì là bất tịnh, nên chắc rằng sẽ vào được chỗ thanh tịnh. Như Lai dạy rằng phải tu phép quán bất tịnh, đó chỉ là hư vọng mà thôi.*’ Như vậy là điên đảo. Đó gọi là sự điên đảo thứ tư.

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Kể từ hôm nay con mới được chỗ thấy biết chân chánh. Bạch Thế Tôn! Con tự thấy rằng từ trước đến nay tất cả chúng con chỉ là kẻ tà kiến.

“Bạch Thế Tôn! Trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu² có thật có cái *ngã* hay chẳng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Cái *ngã* đó, tức là nghĩa của tạng Như Lai. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, đó tức là ý nghĩa của *ngã*. Cái nghĩa của *ngã* đó, từ xưa đến nay thường bị vô lượng phiền não che lấp nên chúng sanh không thấy được.

“Thiện nam tử! Ví như người đàn bà nghèo khó, trong nhà chôn giấu một kho vàng ròng rất lớn, nhưng hết thảy mọi người trong gia đình đều không biết là ở chỗ nào. Lúc ấy có một người ngoài khéo biết phương tiện chỉ bày, liền nói với người đàn bà nghèo rằng: ‘Nay tôi muốn chị làm công, chị có thể cào dọn cỏ rác cho tôi chẳng?’ Người đàn bà đáp: ‘Tôi không thể làm việc ấy. Nếu tôi có thể chỉ cho con tôi chỗ chôn giấu vàng rồi thì tôi sẽ lập tức đi làm việc cho ông.’ Người kia nói: ‘Tôi biết cách, có thể chỉ chỗ chôn vàng cho con chị.’ Người đàn bà nói: ‘Người trong

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 8, phẩm Tánh Như Lai thứ 12 (Như Lai tánh phẩm đệ thập nhị). Theo Đại Bát Nê-hoàn kinh thì từ đây cũng bắt đầu phẩm Tánh Như Lai, nhưng là phẩm thứ 13 (Như Lai tánh phẩm đệ thập tam).

² Hai mươi lăm cảnh (Nhị thập ngũ hữu): Trong tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới) có tất cả 25 cảnh, mỗi cảnh đều có chúng sanh hữu tình, cho nên gọi là Nhị thập ngũ hữu.

- Dục giới có 14 cảnh: 1. Địa ngục, 2. Súc sanh, 3. Ngạ quỷ, 4. A-tu-la, 5. *Phát-bà-đề*, 6. *Cồ-da-ni*, 7. *Uất-dan-việt*, 8. *Diêm-phù-đề*, 9. Tứ thiên vương, 10. Tam thập tam thiên, 11. Diệm ma thiên, 12. Đâu suất thiên, 13. Hóa lạc thiên, 14. Tha hóa tự tại thiên.

- Sắc giới có 7 cảnh: 1. Sơ thiên, 2. Đại phạm vương, 3. Nhị thiên, 4. Tam thiên, 5. Tứ thiên, 6. Vô tưởng, 7. Tịnh cư A-na-hàm.

- Vô sắc giới có 4 cảnh: 1. Không xứ, 2. Thức xứ, 3. Bất dụng xứ, 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Cộng chung là 25 cảnh giới.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

nhà tôi còn không ai biết chỗ, huống chi ông làm sao biết được?” Người kia nói: “Tôi quả thật biết được.” Người đàn bà liền nói: “Tôi cũng muốn thấy, vậy ông hãy chỉ cho tôi.” Người ấy liền đào ngay trong nhà, lộ ra kho chứa vàng ròng. Người đàn bà thấy vậy hết sức vui mừng, cho là việc kỳ lạ, lấy làm tôn kính ngưỡng mộ người kia.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh lại cũng như vậy. Tất cả chúng sanh đều chẳng thấy được tánh Phật ấy, cũng như người đàn bà nghèo khó kia chẳng biết kho báu của mình chôn ở chỗ nào.

“Thiện nam tử! Nay ta chỉ bày cho hết thấy chúng sanh cái tánh Phật mà họ sẵn có. Tánh Phật ấy bị các phiền não che lấp, cũng như người đàn bà nghèo khó kia có kho vàng ròng nhưng không thể thấy được. Nay Như Lai chỉ bày cho tất cả chúng sanh kho báu tánh giác của họ, ấy là tánh Phật. Thấy việc ấy rồi, lòng họ trở nên vui vẻ, quy ngưỡng Như Lai. Người có tài phương tiện chỉ bày tức là Như Lai. Người đàn bà nghèo khó tức là tất cả vô lượng chúng sanh. Kho vàng ròng ấy tức là tánh Phật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người đàn bà kia sanh dưỡng được một đứa con, thuở nhỏ mắc bệnh. Người mẹ buồn rầu, chạy đi tìm rước thầy thuốc. Thầy thuốc đến rồi, bèn trộn lẫn ba thứ thuốc: bơ, sữa và đường phèn rồi cho đứa trẻ uống, dặn dò rằng: ‘Đứa con của cô đã uống thuốc rồi, đừng cho nó bú. Phải đợi thuốc tiêu hết mới cho bú trở lại.’ Liền đó, người đàn bà liền lấy chất đắng bôi lên vú mình và nói với con: “Vú mẹ có bôi chất độc, con đừng đụng tới nữa.” Đứa trẻ khát sữa muốn bú, nhưng nghe nói có độc bèn tránh xa. Đến khi thuốc đứa con uống vào đã tiêu hết, người mẹ mới dùng nước sạch rửa vú của mình, rồi gọi con rằng: ‘Lại đây, mẹ cho bú.’ Đứa trẻ ấy, mặc dù

đói khát, nhưng trước đã nghe nói có độc nên không dám lại. Người mẹ lại nói rằng: ‘Vì con uống thuốc nên mẹ phải bôi chất độc lên vú. Nay thuốc ấy đã tiêu, mẹ đã rửa vú sạch rồi, vậy con nên lại đây bú, không còn đáng nữa.’ Nghe như vậy rồi, đứa trẻ liền trở lại bú sữa.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh nên ngài dạy tu pháp *vô ngã*. Tu như vậy rồi, dứt hẳn được tâm chấp ngã mà nhập *Niết-bàn*. Vì muốn dứt trừ các kiến giải sai lầm của thế gian nên ngài thị hiện pháp xuất thế. Lại vì muốn chỉ bày cho thế gian thấy sự *chấp ngã* là hư vọng, không chân thật, nên dạy tu pháp *vô ngã* để làm cho thân được thanh tịnh. Ví như người đàn bà kia, vì [bảo vệ] đứa con nên bôi chất đắng lên vú. Như Lai cũng thế, vì dạy tu pháp không nên nói rằng các pháp đều *vô ngã*. Lại như người đàn bà kia khi rửa sạch vú rồi bèn gọi con đến cho bú. Nay ta cũng thế, [đến lúc thích hợp nên] thuyết dạy về tạng Như Lai. Vì thế chư *tỳ-kheo* không nên sợ sệt. Như đứa trẻ kia, nghe mẹ gọi mà trở lại bú sữa. Chư *tỳ-kheo* cũng vậy, nên tự phân biệt: Tạng sâu kín của Như Lai không thể không có.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thật không có cái *ngã*. Vì sao vậy? Lúc đứa trẻ mới sanh ra không hiểu biết chi cả. Nếu có cái *ngã*, tất nhiên lúc sanh ra phải tự có hiểu biết. Vì nghĩa đó mà biết chắc là không có cái *ngã*.”

“Nếu nhất định có cái *ngã*, thì khi người ta đã sanh rồi lẽ ra không hề chết. Nếu nói tất cả chúng sanh đều có tánh Phật thường trụ, thì lẽ ra không có tướng trạng hư hoại. Nếu không có tướng trạng hư hoại, vì sao lại có sự khác biệt nhau như *sát-ly*, *bà-la-môn*, *tỳ-xá*, *thủ-đà*, với *chiên-đà-la* và súc vật?”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Nay thấy có rất nhiều nghiệp duyên khác nhau, nhiều cảnh giới khác nhau. Nếu nhất định có cái *ngã*, thì tất cả chúng sanh lẽ ra chẳng có kẻ hơn người kém. Vì nghĩa đó mà biết chắc là tánh Phật chẳng phải pháp thường còn. Nếu nói rằng tánh Phật nhất định là thường còn, vì duyên có gì lại có những kẻ sát hại, trộm cướp, dâm dục, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, sân khuể, tà kiến?

“Nếu tánh *ngã* là thường, tại sao khi uống rượu rồi người ta lại say sưa mê loạn? Nếu tánh *ngã* là thường, thì kẻ mù đáng lẽ phải thấy được hình sắc, kẻ điếc nghe được âm thanh, kẻ câm nói được ra lời, kẻ què có thể bước đi! Nếu tánh *ngã* là thường, thì người ta không nên tránh hầm lửa, nước lụt, thuốc độc, gươm đao, kẻ ác, cầm thú!

“Nếu cái *ngã* là thường, thì những việc đã trải qua rồi lẽ ra không quên! Nếu không quên, vì sao có người lại tự hỏi rằng: ‘*Tôi đã từng gặp người này ở đâu?*’ Nếu cái *ngã* là thường, lẽ ra chẳng có những việc như nhỏ tuổi, lớn tuổi, già nua... hoặc những khi thế lực suy vi, hưng thịnh, nhớ lại chuyện đã qua!

“Nếu cái *ngã* là thường thì nó trú ngụ ở đâu? Ở trong nước bọt, nước mũi, trong các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng đó chẳng? Nếu cái *ngã* là thường, lẽ ra phải ở khắp trong thân, cũng như chất dù mè, lan tràn không có chỗ hở! Nếu thân bị chặt đứt, ngay lúc ấy lẽ ra cái *ngã* cũng phải đứt đoạn!”

Phật dạy *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Ví như vị vua kia có một đại lực sĩ. Khoảng giữa hai chân mày lực sĩ ấy có một hạt châu kim cương. Trong khi đấu sức với lực sĩ khác, người ấy lấy đầu mà húc kẻ địch. Nhân đó, hạt châu nơi trán bị lún vào phía trong lớp da, nhưng người ấy hoàn

toàn không biết việc ấy. Rồi chỗ trán ấy lại sanh ra ghẻ độc, lực sĩ liền rước lương y đến điều trị cho mình.

“Lúc ấy, có vị thầy thuốc sáng suốt hiểu rành phương dược, liền biết rằng ghẻ độc ấy là do hạt châu nằm trong thân thể. Hạt châu ấy lún xuống dưới da, nằm yên ở đó. Lúc ấy, vị lương y dò hỏi lực sĩ rằng: ‘Hạt châu gắn nơi trán ông bây giờ ở đâu?’ Lực sĩ kinh hải, đáp rằng: ‘Đại sư y vương! Hóa ra hạt châu nơi trán tôi đã mất rồi sao? Hạt châu ấy hiện nay ở đâu? Chẳng phải đã có phép thuật ảo hóa gì đó chăng?’ Nói rồi buồn rầu, than khóc.

“Lúc ấy, vị lương y dùng lời êm dịu, khuyên lơn lực sĩ rằng: ‘Ông chớ nên buồn rầu khổ não thái quá. Nhân khi ông giao đấu, hạt bảo châu đã lún vào trong thân thể. Hiện nay nó ở dưới lớp da, ảnh hiện ra ngoài. Trong khi ông giao đấu, vì lòng sân khuể rất mạnh nên hạt châu bị ép vào thân thể mà ông không tự biết.’

“Lúc ấy, lực sĩ không tin lời lương y, nói rằng: ‘Nếu nó ở dưới da, máu mủ bất tịnh, vì sao nó chẳng trôi ra? Nếu nó ở tại trong gân, lẽ ra không thấy được nó. Nay vì sao ông dối gạt tôi?’

“Khi ấy vị lương y lấy kiếng soi trước mặt lực sĩ, hạt châu hiển hiện rõ ràng trong kiếng. Lực sĩ thấy vậy rồi lấy làm kinh quái, cho là việc lạ lùng đặc biệt.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh lại cũng như vậy. Vì họ chẳng hay thân cận thiện tri thức, cho nên dù có tánh Phật nhưng thấy đều chẳng thấy được. Tánh Phật bị che lấp bởi tham dâm, sân khuể, ngu si, cho nên đọa nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, *a-tu-la*, *chiên-đà-la*, *sát-ly*, *bà-la-môn*, *tỳ-xá*, *thủ-đà*. Họ sanh vào bao nhiêu hoàn cảnh

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

như vậy, là bởi lòng họ khởi ra mọi thứ nghiệp duyên. Tuy mang thân người, nhưng họ bị điếc, đui, câm, ngọng, què cụt... Trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, họ nhận chịu mọi thứ quả báo. Vì tâm họ bị che lấp bởi tham dâm, sân khuê, ngu si, nên họ không biết đến tánh Phật. Như lực sĩ kia, trong khi hạt châu báu chôn khuất trong người thì cho là đã mất rồi. Chúng sanh cũng thế, vì không thân cận thiện tri thức nên không biết đến kho báu Như Lai vi diệu sâu kín. Họ tu học lẽ *vô ngã* chỉ như hạng phàm phu, tuy nói lẽ *hữu ngã* nhưng cũng chẳng biết chân tánh của *ngã*.¹ Các đệ tử của ta cũng như thế, vì chẳng biết thân cận thiện tri thức, cho nên tu học lẽ *vô ngã* mà chẳng biết chỗ của *vô ngã*. Đã không biết được chân tánh của *vô ngã*, nói chi đến việc có thể biết được chân tánh của *hữu ngã*?

“Thiện nam tử! Như Lai dạy rằng hết thấy chúng sanh đều có tánh Phật, cũng ví như vị lương y kia chỉ cho người lực sĩ hạt châu kim cương quý giá. Chúng sanh vì bị che lấp bởi vô lượng phiền não nên không thấy biết được tánh Phật. Nếu dứt hết phiền não, bấy giờ sẽ chứng biết rõ ràng tánh Phật, cũng như người lực sĩ kia khi soi trong gương sáng thấy được hạt châu quý báu.

“Thiện nam tử! Tạng Như Lai sâu kín như vậy, không

¹ Tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển, đoạn này được dịch là: 於世俗我修無我想, 不解如來良醫方便密教, 作無我想而不能知真實之我。 Ứ thế tục ngã tu vô ngã tưởng, bất giải Như Lai lương y phương tiện mật giáo, tác vô ngã tưởng nhi bất năng tri chân thật chi ngã. (Đối với cái ngã của thế tục mà tu tập tư tưởng vô ngã, không hiểu rõ được phương tiện dạy dỗ sâu kín của vị lương y Như Lai, nên tuy khởi tư tưởng vô ngã mà không thể biết được cái ngã chân thật.) Dựa theo đây thì có thể hiểu là đoạn này đại lược muốn chỉ rõ sự khác biệt giữa cái ngã do phàm phu chấp giữ với cái ngã chân thật vô ngã, tức là tánh Phật, hay tánh Như Lai. Qua đó chỉ ra rằng việc tu tập pháp vô ngã nếu không được đặt trên một nhận thức đúng thật về thể tánh Như Lai thì cũng sẽ không khác gì với kẻ phàm phu chấp ngã.

thể suy lường, không thể thuyết giảng, nghĩ bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như ở Tuyết sơn¹ có một vị thuốc gọi là *lạc vị*. Vị thuốc rất ngọt, nhưng nằm khuất dưới lùm cây sâu không ai thấy được. Có người nghe mùi thơm, biết rằng ở chỗ đất ấy có món thuốc đó. Thuở xưa có vị vua Chuyển luân² vì món thuốc ấy mà tạo ra ở khắp nơi trong Tuyết sơn những cái ống tre để tiếp nhận nó. Cây thuốc ấy khi già chín, từ dưới đất trôi lên chui vào ống tre, mùi vị vừa phải thích hợp. Sau khi vị vua Chuyển luân ấy qua đời, thuốc lại trở nên chua, mặn, ngọt, đắng, cay hoặc nhạt. Thuốc ấy vốn có một mùi vị, nhưng khi người ta mang nó đến xứ này hay xứ khác, nó lại biến thành những mùi vị khác. Khi thuốc ấy còn ở tại núi, mùi vị nó vẫn vừa phải thích hợp, nhưng kẻ phàm nhân ít phước, dù có dùng rìu búa mà chặt đốn, đào xới, tốn công khổ nhọc cũng chẳng được món thuốc ấy. Chỉ khi có Thánh vương xuất hiện ở đời, nhờ nhân duyên phước đức mới được món thuốc ấy với mùi vị vừa phải thích hợp.

“Thiện nam tử! Tạng Như Lai sâu kín, mùi vị cũng như thế. Vì bị rừng cây rậm rạp phiền não³ che蔽, chúng sanh vô minh chẳng thể thấy được. Mùi vị duy nhất của món

¹ Tuyết Sơn: tức là núi Hy-mã-lạp sơn (Himalaya) ở phía bắc Ấn Độ. Dịch nghĩa là Tuyết Sơn. Gọi như vậy là vì trên đỉnh núi quanh năm bốn mùa đều có tuyết phủ.

² Vua Chuyển luân (Chuyển luân vương): vị vua có sức mạnh gồm thâu được tất cả các vua khác, cũng gọi là chuyển luân thánh vương, vì khi vị vua này ra đời thì tự nhiên xuất hiện các báu vật để vua sử dụng, trong đó có cái bánh xe có ngàn cây cãm xe, giúp vua chinh phạt mọi nơi trong thiên hạ.

³ Rừng cây rậm rạp phiền não (Phiền não tông lâm) phiền não nhiều vô số, ví như cây cối mọc xen nhau trong rừng rậm, nên gọi là rừng cây rậm rạp phiền não (phiền não tông lâm). Cũng viết: Rừng phiền não (Phiền não lâm).

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

thuốc kia, ví với tánh Phật. Vì phiền não, cho nên từ nơi tánh Phật ấy, xuất hiện rất nhiều mùi vị khác, như địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, trời, người, nam, nữ, chẳng phải nam chẳng phải nữ, *sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà*.

Tánh Phật là hùng mãnh, không thể hư hoại, cho nên không ai phá hoại được. Như có kẻ phá hoại được, ắt phải làm đứt đoạn tánh Phật. Nhưng tánh Phật như vậy chẳng bao giờ có thể bị đứt đoạn. Nếu nói tánh ấy có thể đứt đoạn thì thật vô lý. Như *tánh ngã* ấy, chính là tạng Như Lai sâu kín. Tạng sâu kín như vậy không gì có thể làm cho hư hoại, tiêu diệt. Tuy không thể làm hư hoại, nhưng [khi bị che lấp] lại không thể thấy được. Như đã thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, liền chứng biết được nó. Vì nhân duyên ấy, không ai có thể phá hoại được tánh Phật.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu không có kẻ hủy hoại được, lẽ ra không thể có những nghiệp bất thiện?”

Phật dạy *Ca-diếp*: “Thật có sự giết hại. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh vẫn ở trong năm ấm.¹ Nếu làm hư hoại năm ấm, gọi là giết hại. Nếu có giết hại, tức đọa vào đường dữ. Do nghiệp báo nhân duyên nên có các dòng *sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà* cùng *chiên-đà-la*, hoặc nam, hoặc nữ, hay chẳng phải nam

chẳng phải nữ, các tướng trạng khác nhau ở trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu của chúng sanh, luân chuyển trong vòng sanh tử. Những kẻ chưa đạt quả thánh cố chấp sai lầm rằng có *ngã*, tướng trạng của cái *ngã* ấy lớn nhỏ xê xích dường như hạt cỏ, hoặc như hạt gạo, hạt đậu, cho đến ngón tay cái hay ngón chân cái... Cứ như vậy mà hư vọng sinh ra đủ cách suy tưởng, ức đoán. Tướng trạng của vọng tưởng không hề chân thật. Tướng *ngã* của bậc xuất thế gọi là tánh Phật. Nhận biết cái *ngã* như vậy gọi là việc lành cao cả hơn hết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người khéo biết nơi chôn giấu kho tàng, bèn lấy dụng cụ sắc bén mà đào đất, xuyên qua những hòn đá, sạn, sỏi, một cách không khó khăn gì. Chỉ khi gặp phải kim cương thì không thể xuyên qua. Vì kim cương là chất mà dao búa không thể làm hư hoại.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy. Tất cả các vị luận sư, thiên ma *Ba-tuần*, cùng loài người và chư thiên đều không thể hủy hoại được nó. Tướng trạng của năm ấm tức là sinh khởi và tạo tác. Tướng trạng sinh khởi và tạo tác ví như đá sỏi, có thể đâm thủng, phá hoại; tánh Phật ví như kim cương, không ai làm hư hoại được. Vì nghĩa ấy nên làm hư hoại năm ấm gọi là giết hại.

“Thiện nam tử! Nên biết chắc rằng pháp Phật như vậy là không thể nghĩ bàn!”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BẢY

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN TÁM

PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư – Phần năm

Thiện nam tử! Kinh Phương đẳng như chất cam lộ,
mà cũng như thuốc độc.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Vì sao Như Lai nói rằng kinh Phương đẳng ví như cam lộ mà cũng như thuốc độc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông có muốn biết nghĩa chân thật của tạng Như Lai sâu kín hay chăng?”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Nay con quả thật muốn biết nghĩa chân thật của tạng Như Lai sâu kín.”

Lúc ấy, đức Phật liền thuyết kệ rằng:

*Có kẻ uống cam lộ,
Hại mạng mà chết yếu,
Có kẻ uống cam lộ,
Đời sống được lâu dài.
Kẻ uống thuốc độc, sống,
Người uống thuốc độc, chết.
Vô ngại trí cam lộ,
Ấy là kinh Đại thừa.
Kinh Đại thừa như vậy,
Cũng gọi là độc dược.*

Như bơ sữa, đê-hô,
Cùng các món đường phèn.
Tiêu hóa được là thuốc,
Không tiêu hóa thành độc.
Kinh Phương đẳng cũng thế:
Cam lộ với người trí,
Kẻ ngu mê tánh Phật,
Nếu dùng hóa thành độc.
Với Thanh văn, Duyên giác,
Đại thừa là cam lộ.
Như trong các món ăn,
Sữa là ngon hơn hết.
Cũng vậy người tinh tấn,
Nhờ nương theo Đại thừa,
Đạt cảnh giới Niết-bàn,
Thành bậc thánh kiệt xuất.
Chúng sanh rõ tánh Phật,
Đều như Ca-diếp đây,
Uống cam lộ vô thượng:
Không sanh cũng không chết.
Ca-diếp! Các ông nên,
Khéo phân biệt Tam quy.
Tánh của Tam quy đó,
Thật là tánh của ngã.
Nếu biết quán sát kỹ:
Tánh ngã có tánh Phật.
Nên biết người như vậy,
Được vào tạng sâu kín,

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

*Biết ngã và ngã sở,¹
Người ấy đã xuất thế.
Tánh Tam bảo, Phật pháp
Đáng tôn kính hơn hết.
Như ta vừa thuyết kệ,
Tánh ấy nghĩa như vậy.*

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp liền đọc kệ rằng:

*Con quả thật không biết,
Chỗ quy y Tam bảo.
Làm cách nào quy ngưỡng,
Bậc cao nhất chẳng sợ?²
Chẳng biết chỗ Tam bảo,
Làm sao tu vô ngã?
Nương Phật như thế nào,
Cho được sự an ổn?
Nương theo pháp thế nào?
Xin vì con giảng rõ.
Làm sao được tự tại?
Làm sao không tự tại?
Quy y Tăng thế nào,
Được lợi ích cao nhất?
Thuyết chân thật thế nào,
Đòi sau thành Phật đạo?*

¹ Ngã và ngã sở: ngã là ta, ngã sở là những gì thuộc về ta, những gì mà ta sở hữu. Nếu biết cái ta (ngã) vốn đã là không thật, thì những vật do ta sở hữu (ngã sở) cũng không thật có.

² Bậc cao nhất chẳng sợ (Vô thượng vô sở úy): tôn xưng đức Phật, là bậc cao thượng hơn hết, chẳng ai bằng, đã trừ hết mọi lo âu, sầu não, không còn có sự sợ sệt đối với muôn pháp.

*Nếu đời sau chẳng thành,
Làm sao nương Tam bảo?
Con nay chưa dự biết,
Thứ tự việc quy y.*

*Vì sao chưa mang thai,
Đã khởi ý có con?
Nếu đang khi có thai,
Gọi đó là có con.*

*Như con ở trong thai,
Ngày sanh còn không lâu,
Đó là nghĩ có con.
Nghĩệp chúng sanh cũng thế.*

*Theo như lời Phật thuyết,
Kẻ ngu không hiểu nổi.
Do chỗ không hiểu đó,
Chịu sanh tử luân hồi.*

*Giả danh ưu-bà-tắc,
Chẳng biết nghĩ chân thật.
Xin Phật rộng phân biệt,
Trừ dứt sạch lòng nghi.*

*Như Lai đại trí huệ,
Xin xót thương phân biệt.
Thuyết dạy tạng Như Lai,
Quý báu và sâu kín.*

Đức Phật liền nói kệ đáp rằng:

*Ca-diếp! Ông nên biết:
Nay vì ông khai mở,*

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

*Tặng vi diệu sâu kín,
Khiến ông dứt lòng nghi.*

*Hãy hết lòng lắng nghe.
Ông và chư Bồ Tát,
Cùng đức Phật thứ bảy,
Là đồng một danh hiệu.*

*Người quy y nơi Phật,
Ưu-bà-tắc chân chánh,
Suốt đời chẳng quy y,
Với các vị thiên thân.*

*Người quy y nơi Pháp,
Liên bỏ việc giết hại.
Người quy y Thánh tăng,
Chẳng cầu nơi ngoại đạo.*

*Nương Tam bảo như vậy,
Được chỗ không sợ sệt.*

Bồ Tát Ca-diếp liền đọc kệ bạch Phật rằng:

*Con nương theo Tam bảo,
Gọi đó là đường chánh.
Cảnh giới của chư Phật,
Tam bảo đều như nhau.
Thường có tánh đại trí.
Tánh ngã cùng tánh Phật,
Vốn không hai, không khác.*

*Đạo này, Phật khen ngợi,
Chỗ chánh tấn ở yên,
Cũng gọi Chánh biến kiến,
Nên được Phật ngợi khen.*

*Con theo đường Vô thượng,
Bậc Thiện thế ngợi khen,
Là cam lộ bậc nhất,
Vạn hữu thật không có!*

Khi ấy, Phật dạy Bồ Tát *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên phân biệt *Tam bảo* [theo cách] như hàng Thanh văn và phàm phu. Trong pháp Đại thừa không có tướng phân biệt Ba pháp quy y. Vì sao vậy? Ở trong tánh Phật vốn đã có Pháp, có Tăng. Vì muốn hóa độ hàng Thanh văn, phàm phu nên mới phân biệt nói các tướng khác nhau giữa Ba quy y.

“Thiện nam tử! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian thì phải phân biệt có Ba pháp quy y. Thiện nam tử! Bồ Tát nên suy xét như thế này: ‘Nay ta đem thân này quy y với Phật. Ví như với thân này ta được thành Phật đạo, khi thành Phật rồi ta chẳng nên cung kính lễ bái, cúng dường chư Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì chư Phật đều bình đẳng như nhau, đều là chỗ quy y của chúng sanh.

“Nếu muốn tôn trọng pháp thân *xá-lợi*,¹ thì nên cung kính các tháp miếu Phật. Vì sao vậy? Vì muốn hóa độ chúng sanh, ta cũng khiến cho chúng sanh đối với thân ta tưởng là tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Những chúng sanh như vậy lấy pháp thân ta làm chỗ quy y. Tất cả chúng sanh đều quy y pháp tà ngụy chẳng chân, ta sẽ lần lượt thuyết cho họ nghe những pháp chân thật. Lại có

¹ Pháp thân *Xá-lợi*. *Xá-lợi* của Phật có hai loại:

- Sanh thân *Xá-lợi*: Tro cốt của Phật sau khi thiêu nhục thân của ngài còn lại, được thờ trong các chùa tháp.
- Pháp thân *Xá-lợi*: Điều pháp mà Phật để lại, tức là giáo pháp thường trụ mà Phật đã thuyết dạy trong kinh điển.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

những kẻ quy y tăng không chân thật, ta sẽ làm vị tăng chân chánh cho họ quy y.

“Như có những ai phân biệt Ba chỗ quy y, ta sẽ là chỗ quy y duy nhất cho họ, không có ba chỗ khác nhau.

“Đối với kẻ mù từ thuở mới sanh, ta sẽ là mắt của họ.

“Đối với hàng Thanh văn, Duyên giác, ta cũng sẽ là chỗ quy y chân thật của họ.’

“Thiện nam tử! Vị Bồ Tát như vậy, vì muốn cứu độ vô lượng chúng sanh tà ác cũng như hàng trí giả cho nên làm mọi Phật sự.

“Thiện nam tử! Ví như có người khi vào trận chiến đấu khởi lên ý nghĩ rằng: ‘Ở đây ta là người tài giỏi nhất, tất cả quân lính đều nương cậy nơi ta.’

“Lại như có vị vương tử suy nghĩ rằng: ‘Ta sẽ khuất phục tất cả các vương tử khác, ta sẽ nối nghiệp bá vương của Đại vương mà được tùy ý hành xử, làm cho các vị vương tử đều phải nương tựa theo ta. Bởi vậy không nên sanh tâm thấp hèn yếu kém.’ Như các vị vua, vương tử, đại thần cũng đều như thế.¹

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại cũng như thế, khởi ý nghĩ này: ‘Làm sao đem cả ba việc đồng vào một thể với ta?’ Thiện nam tử! Ta chỉ bày ba việc, tức là *Niết-bàn*. Như Lai đó, gọi là bậc Vô thượng sĩ. Ví như thân người ta, cái đầu là cao nhất, chẳng phải các chi tiết khác như tay, chân... Phật cũng như thế, là bậc cao trội hơn hết, chẳng phải là Pháp, là Tăng. Vì muốn hóa độ hết thảy chúng

¹ Câu cuối đoạn này có vẻ như thừa. Tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển không có câu này.

sanh trong thế gian nên thị hiện các tướng trạng khác nhau, ví như các nấc trong một cái thang vậy. Vì thế nay ông chớ nên thọ trì [theo cách] như kẻ phàm phu ngu si, hiểu biết [phân biệt các] tướng khác nhau của Tam quy. Ở trong Đại thừa, ông hãy quyết đoán một cách mạnh mẽ, nhanh lẹ, như con dao cứng rắn sắc bén vậy.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con vốn đã biết mà thưa hỏi chứ chẳng phải không biết. Đó là con vì hàng Bồ Tát rất dũng mãnh mà thưa hỏi về chỗ hạnh thanh tịnh không uế nhiễm, muốn được Như Lai vì chư Bồ Tát mà phân biệt rộng thuyết sự việc lạ lùng đặc biệt, xưng dương kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Nay Như Lai đem lòng đại bi khéo thuyết diễn, con cũng được trụ yên như vậy trong đó. Chỗ hạnh thanh tịnh của Bồ Tát mà Như Lai thuyết giảng, tức là tuyên thuyết kinh Đại *Niết-bàn* này vậy.

“Bạch Thế Tôn! Nay con cũng sẽ vì chúng sanh mà hiển dương tạng Như Lai sâu kín ấy, con cũng sẽ rõ biết Ba chỗ quy y chân thật. Nếu chúng sanh nào có thể tin nhận kinh Đại *Niết-bàn* này, liền tự nhiên thấu rõ được Ba chỗ quy y. Vì sao vậy? Vì tạng Như Lai sâu kín vốn có tánh Phật. Những ai tuyên thuyết kinh điển này, thấy đều nói rằng: ‘*Trong thân chúng ta đây đều có tánh Phật.*’ Những người như vậy, ắt chẳng tìm cầu ba chỗ quy y ở đâu xa. Vì sao vậy? Trong tương lai, tự thân mình sẽ thành tựu *Tam bảo*. Vì thế mà hàng Thanh văn, Duyên giác và những chúng sanh khác thấy đều nương theo mình, cung kính lễ bái.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chính vì nghĩa ấy nên phải khéo học hỏi tu tập kinh điển Đại thừa.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch rằng: “Tánh Phật như vậy không thể nghĩ bàn! Ba mươi hai tướng tốt với tám mươi vẻ đẹp cũng không thể nghĩ bàn!”

Lúc ấy, Phật ngợi khen Bồ Tát *Ca-diếp*: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông đã thành tựu trí huệ sâu xa sáng suốt. Nay ta lại sẽ vì ông giảng rõ sự thể nhập vào tạng Như Lai.

“Nếu *ngã* là tồn tại, vậy là pháp thường còn chẳng lìa sự khổ. Nếu không có *ngã* thì việc tu hành thanh tịnh thật chẳng có ích lợi gì.

“Nếu nói các pháp thấy đều *không có ngã* tức là *đoạn kiến*. Nếu nói rằng *có cái ngã tồn tại*, tức là *thường kiến*.

“Nếu nói rằng hết thấy các hành đều không thường còn tức là *đoạn kiến*. Nếu nói rằng *các hành đều thường còn*, lại cũng là *thường kiến*.

“Nếu nói [tất cả các pháp đều là] khổ tức là *đoạn kiến*, nếu nói [tất cả các pháp đều là] vui, lại cũng là *thường kiến*.¹

“Tu tập [theo tư tưởng] tất cả các pháp đều thường tồn sẽ rơi vào *đoạn kiến*. Tu tập [theo tư tưởng] tất cả các pháp đều đoạn diệt sẽ rơi vào *thường kiến*. Ví như con sâu đo, phần thân sau phải di chuyển nương theo phần thân trước. Người tu tập [theo các tư tưởng] thường hay đoạn cũng giống như vậy, phải phụ thuộc vào nhân đoạn hay nhân thường.

¹ Chúng tôi đã tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh để hiểu rõ ý câu này: 一切法是苦 是則斷滅說 一切法是樂 是則計常說. Nhất thiết pháp thị khổ, thị tắc đoạn diệt thuyết; nhất thiết pháp thị lạc, thị tắc kế thường thuyết.

“Vì nghĩa ấy, tu tập các pháp [môn] khác, *khổ* gọi là *bất thiện*;¹ tu tập các pháp [môn] khác, *lạc* gọi là *thiện*; tu tập các pháp [môn] khác, *vô ngã* là *phiền não*; tu tập các pháp [môn] khác, *thường* gọi là tạng sâu kín của Như Lai, đó là nói *Niết-bàn* không có nơi nương náu trú ngụ; tu tập các pháp *vô thường* khác tức là tiền cửa; tu tập các pháp *thường* khác là nói Phật, Pháp, Tăng và giải thoát chân chánh.

“Nên rõ biết chỗ trung đạo của Phật pháp là như vậy, lìa xa cả hai bên [chấp thường và chấp đoạn] để thuyết pháp chân thật.² Những kẻ phàm phu ngu si, nếu đối với pháp này không sanh nghi ngại thì như người bệnh gầy yếu được ăn váng sữa, khí lực liền trở nên nhẹ nhàng, nhanh nhẹn.

“Các pháp *hữu*, *vô* thể tánh không nhất định, ví như bốn đại, tánh chẳng giống nhau, thường trái ngược nhau. Người thầy thuốc khéo biết được yếu tố nào thái quá thì làm cho nó suy yếu đi.³

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, đối với chúng sanh cũng như người thầy thuốc, biết được thể tướng khác nhau

¹ Nguyên bản câu này là: Tu dư pháp khổ giả giai danh bất thiện - 修餘法苦者皆名不善。 Bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch câu tương đương là: Dị pháp tu khổ giả tắc thuyết bất thiện phân. - 異法修苦者則說不善分。 So sánh hai bản và tham khảo thêm văn số giải thì hiểu rằng “dư pháp” hay “dị pháp” ở đây chỉ đến các pháp [quyền thừa phương tiện] khác với pháp môn đang được thuyết giảng, tức là pháp trung đạo, pháp Đại thừa.

² Trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển có thêm một câu giúp rõ nghĩa hơn: 計常及斷滅, 是見二俱離. - Kế thường cập đoạn diệt, thị kiến nhị câu ly. (Lìa bỏ cả hai quan điểm chấp thường và chấp đoạn.)

³ Đoạn này dựa theo quan điểm cho rằng con người sở dĩ có bệnh là do sự tương khắc, không đồng đều của bốn đại, làm cho cơ thể phát triển không hài hòa. Vì thế, vị thầy thuốc chỉ cần điều chỉnh được sự mất cân đối đó là có thể làm cho bệnh tật mất đi.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

của các phiền não, bèn vì chúng sanh mà dứt trừ, khai mở chỉ bày tạng Như Lai sâu kín, tánh Phật thanh tịnh thường còn không biến đổi.

“Nếu nói [tánh Phật] là có, trí huệ lẽ ra không thể nhiệm ô. Nếu nói [tánh Phật] là *không* tức là nói dối.

“Nếu nói [tánh Phật] là có, lẽ ra chẳng nên lặng thính, cũng chẳng cần tranh luận cãi cọ, chỉ cần hiểu thấu được tánh chân thật của các pháp.

“Người phàm phu thường tranh luận cãi cọ nên không hiểu được tạng Như Lai vi diệu sâu kín. Nếu nói lẽ *khổ*, người ngu liền cho rằng thân này là vô thường, rằng hết thảy đều là *khổ*, nhưng không biết rằng trong thân vẫn có tánh *lạc*.

“Nếu nói lẽ vô thường, người phàm phu lại cho rằng hết thảy các thân đều là vô thường, ví như ngôi gạch, đồ gốm chưa nung. Người có trí nên phân biệt, chẳng nên cố chấp rằng hết thảy là vô thường. Vì sao vậy? Vì trong thân ta vốn có hạt giống tánh Phật.

“Nếu nói lẽ *vô ngã*, kẻ phàm phu sẽ cho rằng hết thảy pháp Phật đều không có *ngã*. Người có trí nên phân biệt, nói *vô ngã* đó chỉ là tên gọi không thật. Biết như vậy rồi, chẳng nên sanh lòng nghi ngại.

“Nếu nói rằng tạng Như Lai sâu kín là rỗng không, vắng lặng, người phàm phu nghe vậy bèn nảy sanh quan niệm đoạn diệt. Người có trí nên phân biệt, [rõ biết] Như Lai là thường tồn, chẳng hề biến đổi.

“Nếu nói rằng giải thoát ví như ảo hóa, kẻ phàm phu sẽ cho rằng đạt được giải thoát chân thật là dần dần

diệt mất. Người có trí nên phân biệt, bậc Sư tử trong loài người¹ tuy có đến có đi nhưng vẫn thường trụ chẳng biến đổi.

“Nếu nói rằng *vô minh* là nhân duyên của các *hành*, kẻ phàm phu nghe rồi liền phân biệt, nảy sanh ý tưởng [phân biệt] hai pháp *minh* và *vô minh*. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là *tánh thật*.

“Nếu nói rằng các *hành* là nhân duyên của *thức*, kẻ phàm phu liền cho rằng đó là hai pháp: *hành* và *thức*.² Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là *tánh thật*.

“Nếu nói các pháp *thập thiện*, *thập ác*, nên làm, chẳng nên làm, nẻo lành, nẻo dữ, thiện pháp, ác pháp, kẻ phàm phu sẽ cho rằng đó đều là những pháp đối đãi. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là *tánh thật*.

“Nếu nói rằng nên tu hết thảy các pháp khổ, kẻ phàm phu sẽ cho rằng có hai pháp phân biệt. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng hai đó tức là *tánh thật*.

“Nếu nói rằng hết thảy các hành đều là vô thường, tạng Như Lai sâu kín cũng là vô thường, kẻ phàm phu sẽ cho đó là hai pháp đối đãi. Người có trí hiểu thấu được tánh

¹ Nhân trung sư tử (sư tử trong loài người) một tôn hiệu để xưng tán đức Phật, là bậc dũng mãnh hơn hết trong loài người, như sư tử là loài thú oai mãnh hơn hết trong các loài thú. Có khi cũng dùng *Nhân hùng sư tử*.

² Vô minh, hành, thức... là những yếu tố trong Mười hai nhân duyên (Thập nhị nhân duyên), giải thích về sự hình thành và vận hành của tất cả các pháp.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là *tánh thật*.

“Nếu nói rằng hết thấy các pháp đều không có *ngã*, tạng Như Lai sâu kín cũng không có *ngã*, kẻ phàm phu sẽ cho đó là hai pháp đối đãi. Người có trí hiểu thấu được tánh ấy chẳng phải hai. Tánh chẳng phân hai đó tức là *tánh thật*.

“*Ngã* và *vô ngã*, tánh chẳng phải hai. Ý nghĩa của tạng Như Lai sâu kín cũng là như vậy, không thể suy lường, vô lượng vô biên, chư Phật thường khen ngợi. Nay trong kinh này ta đã thuyết dạy hết thấy mọi công đức thành tựu.

“Thiện nam tử! *Ngã* và *vô ngã*, thể tánh với tướng trạng chẳng phân hai pháp, ông nên cung kính thọ trì như vậy.

“Thiện nam tử! Ông cũng nên bền chí thọ trì, niệm tưởng những kinh điển như thế này. Như trước đây trong kinh *Đại Bát-nhã Ba-la mật* ta cũng đã có thuyết dạy rằng *ngã* và *vô ngã* không có hai tướng trạng.

“Thiện nam tử! Cũng như do nơi sữa mà sanh ra kem sữa, do nơi kem sữa mà có bơ sống, do nơi bơ sống mà có bơ chín, do nơi bơ chín mà có được *đề-hồ*. Như vậy, kem sữa là do nơi sữa mà sanh ra, hay là tự nó sanh ra, hay là do nơi món khác mà sanh ra? Cho đến *đề-hồ*, cũng lại như vậy. Nếu do nơi món khác mà sanh ra, tức là do món ấy làm ra, chẳng phải do nơi sữa mà sanh ra. Nếu chẳng phải do nơi sữa mà sanh ra, thì sữa chẳng có tác dụng gì. Nếu như tự nó sanh ra được, lẽ ra không có việc tuần tự nối tiếp nhau từng món sanh ra! Nếu nối tiếp nhau mà

sanh ra, ắt là chẳng sanh ra cùng nhau. Nếu chẳng sanh ra cùng nhau thì năm món ấy ắt chẳng sanh ra cùng lúc. Dù chẳng sanh ra cùng lúc, nhưng nhất định là không phải từ nơi khác mà đến.

“Nên biết rằng trong sữa trước đã có sẵn tướng bơ, nhưng vì chất ngọt ở trong đó nhiều nên tướng ấy tự nó chẳng hiện ra được. Cho đến món *đề-hồ* cũng lại như vậy. Con bò cái kia nhờ ăn uống, nhờ nhân duyên là nước và cỏ, huyết mạch trong thân chuyển biến mà thành sữa. Nếu nó ăn cỏ ngọt, sữa liền trở nên ngọt. Như nó ăn nhàm cỏ đắng, sữa của nó ắt phải đắng. Ở Tuyết Sơn có một thứ cỏ tên là *phì-nhị*, nếu con bò cái ăn thứ cỏ đó thì sữa liền hóa toàn *đề-hồ*, chẳng có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Do nhân duyên là lúa và cỏ, nên màu sắc và mùi vị của sữa có khác.

“Các chúng sanh ở đây, vì nghiệp nhân duyên là sáng suốt và vô minh nên mới phát sanh hai tướng. *Nếu vô minh được chuyển hóa thì biến thành sáng suốt*. Tất cả các pháp thiện và bất thiện cũng đều như vậy, [thật] không có hai tướng [phân biệt].”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói: *‘Trong sữa có kem sữa.’* Nghĩa ấy là thế nào? Thế Tôn nếu nói rằng trong sữa nhất định có tướng kem, nhưng vì tướng ấy tinh tế nên không thể thấy, vì sao lại nói do nhân duyên là sữa mà sanh ra kem sữa? Như pháp vốn không có, mới gọi là sanh; nếu đã sẵn có, sao gọi là sanh? Nếu nói rằng trong sữa nhất định có tướng kem, thì ở trong hết thấy các loại cỏ, lẽ ra cũng sẵn có chất sữa. Cũng vậy, trong sữa lẽ ra cũng sẵn có cỏ. Như nói rằng

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

trong sữa nhất định không có kem sữa, vì sao nhờ nơi sữa lại sanh ra kem? Nếu [kem sữa] là pháp vốn không có, sau đó mới sanh ra, vậy sao trong sữa lại chẳng sanh ra cỏ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Không thể nói nhất định rằng trong sữa có kem hay trong sữa không có kem. Cũng không thể nói rằng do thứ khác mà sanh ra. Nếu nói rằng trong sữa nhất định có kem, tại sao hai món ấy hình thể và mùi vị khác nhau? Vậy nên không thể nói chắc rằng trong sữa đã có sẵn tánh chất kem. Nếu nói rằng trong sữa nhất định không có kem, tại sao từ nơi sữa chẳng sanh ra [những thứ khác như] sừng thỏ? Khi người ta bỏ chất độc vào sữa thì món kem có thể làm chết người. Vậy nên không thể nói rằng trong sữa nhất định không có tánh chất kem. Nếu nói rằng kem do thứ khác mà sanh ra, tại sao nước lã chẳng sanh ra kem? Vậy nên không thể nói rằng kem do thứ khác sanh ra.

“Thiện nam tử! Do nhân duyên là cỏ mà con bò cái đã ăn vào, máu của nó chuyển hóa ra màu trắng; khi cỏ và máu đã không còn nữa, nhờ phước lực của chúng sanh mà [chúng] chuyển hóa thành sữa. Sữa ấy do nơi cỏ và máu [bò] mà ra, nhưng không thể nói là hai [thứ khác biệt], chỉ có thể nói là do nhân duyên mà sanh ra thôi. Từ món kem cho tới món *đề-hồ* cũng đều như vậy. Vì nghĩa ấy cho nên gọi là món ăn do loài bò cung cấp. Món sữa ấy không còn nữa khi có đủ nhân duyên chuyển thành món kem. Nhân duyên là những gì? Như men, như hơi ấm... Vậy nên gọi là do nhân duyên mà có. Cho đến món *đề-hồ* cũng là như vậy. Cho nên không thể nói nhất định rằng trong sữa không có tướng kem. Nếu nói ngoài món sữa mà có thể

do nơi món khác sanh ra từ món kem cho đến món *đề-hồ* thì thật là vô lý!

“Thiện nam tử! Sự sáng suốt với vô minh cũng vậy. Nếu kết hợp với các mối phiền não trời buộc, đó gọi là vô minh. Nếu kết hợp với tất cả pháp lành, đó gọi là sáng suốt. Cho nên ta nói rằng không có hai tướng. Bởi nhân duyên ấy, trước đây ta có nói rằng: Tuyết sơn có thứ cỏ tên là *phì-nhị*, nếu bò cái ăn thứ cỏ ấy thì sữa của nó biến thành *đề-hồ*. Tánh Phật cũng là như thế.

“Thiện nam tử! Vì chúng sanh bạc phước nên chẳng thấy loài cỏ ấy. Tánh Phật cũng vậy, do phiền não che lấp nên chúng sanh chẳng thấy được. Ví như biển cả, tuy cùng một vị mặn, nhưng trong đó lại có một thứ nước ngon quý có vị như sữa. Ví như Tuyết sơn, tuy thành tựu đủ các công đức, sanh ra nhiều loại thuốc, nhưng cũng có loài cỏ độc. Thân chúng sanh cũng vậy, tuy có bốn đại như loài rắn độc, nhưng trong thân ấy cũng có loài thuốc cực kỳ hay quý: đó là tánh Phật, chẳng phải là pháp do người làm ra, chỉ vì phiền não từ bên ngoài che lấp mất mà thôi. Nếu người dù thuộc hàng *sát-ly*, *bà-la-môn*, *tỳ-xá* hay *thủ-đà*, có thể dứt trừ những phiền não ấy thì đều thấy được tánh Phật, thành đạo Vô thượng.

“Giống như khi trời có sấm sét chuyển mưa thì trên tất cả ngà voi đều sanh ra những vân hoa.¹ Nếu chẳng có sấm

¹ Nguyên văn là “一切象牙上皆生華”. Có ba cách giải thích. Một thuyết cho rằng ở đây chỉ loài cỏ ngà voi (tượng nha thảo), khi trời có sấm sét thì trở hoa. Thuyết thứ hai cho rằng trong kinh có nói đến loài voi khi nghe tiếng sấm thì trên ngà của chúng trở ra hoa. Thuyết thứ ba nói rằng không có hoa được sanh ra, nhưng là trên các ngà voi hiện lên những đường vân có hình như vân hoa. Chúng tôi xét rằng: Thuyết thứ nhất vô đoán chữ thảo (cỏ), trong kinh văn không có; thuyết thứ hai nói là “trong kinh nói” nhưng không nói là kinh nào, đã thử

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

sét, vân hoa ấy tất không sanh ra, cũng chẳng có tên gọi. Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy, thường bị hết thấy phiền não che lấp, không thể thấy được. Cho nên ta nói rằng chúng sanh không có “ngã”.

“Nếu được nghe kinh điển vi diệu *Đại Bát Niết-bàn* này, ắt sẽ thấy được tánh Phật, như vân hoa trên ngà voi. Tuy được nghe hết thấy *Tam-muội* của *khế kinh*¹ nhưng chẳng nghe được kinh này thì chẳng biết được tướng vi diệu Như Lai, cũng như không có sấm sét thì chẳng thấy được vân hoa trên ngà voi.

“Nếu nghe được kinh này tức là biết được tánh Phật trong tạng sâu kín mà hết thấy các vị Như Lai đều thuyết dạy, cũng như khi trời có sấm sét liền thấy vân hoa trên ngà voi.

“Nếu nghe được kinh này liền rõ biết hết thấy vô lượng chúng sanh đều có tánh Phật. Vì nghĩa ấy nên nói rằng *Đại Niết-bàn* gọi là tạng sâu kín của Như Lai, làm cho pháp thân tăng trưởng, cũng như khi có sấm sét thì những vân hoa trên ngà voi có thể phát triển.

tìm cũng không thấy. Vì thế, chúng tôi chọn tin theo thuyết thứ ba. Tuy nhiên, tham khảo bản dịch *Đại Bát Nê-hoàn kinh* của ngài Pháp Hiển thì ở chỗ này thấy dịch là: 譬如春月興大雲雷而未降雨，草木華果皆未萌芽，夏時大雨一切扶疏。Thí như xuân nguyệt hưng đại vân lôi nhi vị hàng vũ, thảo mộc hoa quả giai vị manh nha, hạ thời đại vũ nhất thiết phù số. (Ví như vào mùa xuân sấm sét nổi lên nhưng chưa đổ mưa, cây cỏ hoa trái đều chưa nảy mầm, đến mùa hạ trời đổ mưa lớn thì mới giúp ích cho tất cả.) Mặc dù vậy, khi so với bản dịch của ngài Đàm-vô-sấm thì những đoạn tiếp theo thiếu rất nhiều chi tiết nên ở chỗ này chúng tôi vẫn tin vào bản dịch của ngài Đàm-vô-sấm hơn.

¹ Khế kinh (Sanskrit: *sūtra*), dịch âm là Tu-đa-la (修多羅), còn gọi là Khế phạm, Khế tuyến, tức là những kinh văn khế hợp theo căn cơ chúng sanh mà Phật thuyết giảng. Vì tùy theo mỗi hạng chúng sanh đều được phù hợp nên gọi là khế. Cũng hiểu theo hai nghĩa là khế lý (phù hợp về lý lẽ) và khế cơ (phù hợp về căn cơ). Khế kinh chỉ cho hầu hết kinh điển do đức Phật tùy căn cơ của chúng sanh mà thuyết ra, nên cũng thường gọi tất là kinh.

“Vì nghĩa lớn lao ấy nên gọi là Kinh *Đại Bát Niết-bàn*. Như có kẻ nam người nữ nào có thể học hỏi làm theo kinh điển vi diệu *Đại Niết-bàn* này, nên biết rằng những người ấy có thể báo đáp ơn Phật, thật là đệ tử Phật.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch Phật: “Kỳ lạ thay, Thế Tôn! Tánh Phật mà Phật thuyết dạy đó rất thâm sâu, khó thấy, khó thể nhập, như sức của hàng Thanh văn, Duyên giác thật chẳng thấu nổi.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Như chỗ xung tán của ông đó không trái lời dạy của ta.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Tánh Phật ấy thế nào là rất thâm sâu, khó thấy, khó thể nhập?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như có trăm người mù, vì trị bệnh mắt nên tìm đến lương y. Lúc ấy, vị lương y dùng cái lược vàng mà cào lấy màng mắt họ ra, rồi đưa lên một ngón tay, hỏi rằng: ‘Thấy không?’ Người mù nói: ‘Tôi còn chưa thấy.’ Lại đưa lên hai ngón, ba ngón, người mù mới nói rằng đã thấy chút ít.

“Thiện nam tử! Kinh điển vi diệu *Đại Niết-bàn* này cũng như vậy đó, khi Như Lai chưa thuyết dạy, vô lượng Bồ Tát tuy đã thực hành đủ các hạnh *ba-la-mật*,¹ cho đến hàng *Thập trụ*² vẫn còn chưa thấy được tánh Phật sẵn

¹ Các hạnh *ba-la-mật* (Sanskrit: *pāramitā*): dịch âm là Ba-la-mật-đa, gọi tắt là Ba-la-mật, Hán dịch nghĩa là *đạo bi ngạn*, nghĩa là “đến bờ bên kia”. Đây là sáu hạnh lớn của hàng Bồ Tát, bao gồm: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ.

² Thập trụ: Hàng Bồ Tát ở trụ ở địa vị thứ mười là địa vị cao nhất trong mười địa vị, bao gồm: 1. Phát tâm trụ, 2. Trì địa trụ, 3. Tu hành trụ, 4. Sanh quý trụ, 5. Phương tiện cụ túc trụ, 6. Chánh tâm trụ, 7. Bất thối trụ, 8. Đồng chân trụ, 9. Pháp vương tử trụ, 10. Quán đỉnh trụ.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

có. Đến khi Như Lai thuyết dạy rồi, họ liền thấy được đôi chút. Các vị Đại Bồ Tát ấy được thấy [tánh Phật] rồi, thấy đều nói rằng: ‘Lạ thay, Thế Tôn! Chúng con lưu chuyển biết bao lần trong sanh tử, thường bị lẽ *vô ngã* làm cho lầm lạc, mê loạn.’

“Thiện nam tử! Các vị Bồ Tát như vậy, chúng đắc *Thập địa* còn chưa thấy rõ được tánh Phật, hướng chi hàng Thanh văn, Duyên giác lại có thể thấy được hay sao?

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người nhìn lên con ngỗng trời, con nhạn đang bay trên không. Đó là hư không chăng? Là ngỗng trời, là nhạn chăng? Nhìn kỹ hồi lâu mới thấy phẳng phất hình con ngỗng trời, con nhạn. Hàng Bồ Tát Thập trụ lại cũng như thế, đối với tánh Như Lai, chỉ thấy biết đôi chút mà thôi, hướng chi người trong hàng Thanh văn, Duyên giác lại thấy biết được sao?

“Thiện nam tử! Ví như người say rượu kia, chân muốn đi xa, nhưng mắt chỉ thấy mập mờ đường đi. Hàng Bồ Tát Thập trụ cũng vậy, đối với tánh Như Lai chỉ thấy biết đôi chút mà thôi.

“Thiện nam tử! Ví như người khát nước đi giữa đồng hoang. Người ấy khổ bức vì khát, đi khắp nơi tìm nước, thấy một đám cây, trên có những con hạc trắng. Người ấy đang mê muội, chẳng phân biệt được ấy là cây hay là nước. Nhìn kỹ hồi lâu mới biết là hạc trắng với đám cây. Thiện nam tử! Hàng Bồ Tát Thập trụ cũng vậy, đối với tánh Như Lai chỉ thấy biết một phần rất nhỏ mà thôi.

“Thiện nam tử! Ví như có người ở giữa biển cả, rộng đến vô lượng trăm ngàn *do-tuần*. Người ấy từ xa trông thấy

một chiếc thuyền lớn, có đủ lầu gác và những mái chèo, liền nghĩ rằng: ‘Đó là lầu gác, mái chèo hay là hư không?’ Nhìn hồi lâu mới chắc quyết trong lòng, biết đó là lầu gác và những mái chèo. Hàng Bồ Tát Thập trụ, tự trong thân mình thấy được tánh Như Lai cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như có vị vương tử thân thể rất yếu đuối, suốt đêm đi chơi bời, thức cho đến sáng trắng. Bấy giờ, mắt nhìn tất cả chẳng thấy gì tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ, tuy nơi thân mình thấy được tánh Như Lai nhưng cũng như vậy, không được tỏ rõ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một người thư lại¹ của vua, vì bận việc giúp vua đến giữa đêm mới trở về nhà. Nhân khi trời chớp lóe, nhìn thấy một bầy bò, liền nghĩ rằng: ‘Đó là bò chăng? Hay là đám mây, nhà cửa?’ Nhìn một hồi lâu, rồi tuy cũng cho đó là bò nhưng vẫn còn chưa chắc quyết. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng như vậy, vẫn còn chưa chắc quyết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như vị *tỳ-kheo* trì giới, nhìn vào bát nước không có trùng nhưng lại thấy tướng trùng. Bèn nghĩ rằng: ‘Trong này có vật lay động, đó là trùng chăng? Hay là bụi đất?’ Nhìn một hồi lâu, tuy biết đó là bụi nhưng cũng không biết một cách thật tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng giống như vậy, chẳng thấy thật tỏ rõ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một người ở trong bóng tối, thoáng thấy đứa trẻ liền nghĩ rằng: ‘Đó là con bò, chim thú, hay là người ta?’ Nhìn một hồi lâu, mặc dù

¹ Thư lại: người làm công việc ghi chép, giống như thư ký ngày nay.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

thấy là đứa trẻ nhưng cũng không thấy được một cách tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy ở nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng như thế, không thấy được một cách tỏ rõ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người ở trong đêm tối, thấy bức tượng vẽ Bồ Tát liền nghĩ rằng: ‘Đó là tượng Bồ Tát, tượng Tự Tại Thiên hay là tượng Đại Phạm Thiên mặc áo nhuộm vậy?’ Nhìn một hồi lâu, tuy trong ý biết là tượng Bồ Tát, nhưng cũng không quyết định một cách tỏ rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ tuy ở nơi thân mình thấy được tánh Như Lai, nhưng cũng như thế, không thấy được một cách tỏ rõ.

“Thiện nam tử! Tánh Phật sẵn có như vậy rất thâm sâu, khó thấy biết được, chỉ có Phật thấy biết rõ được, còn hàng Thanh văn, hàng Duyên giác không thể đạt tới. Thiện nam tử! Người có trí nên biết phân biệt hiểu tánh Như Lai như thế.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Tánh Phật như vậy thật vi tế, khó thấy. Làm sao mắt phàm có thể thấy được?”

Phật bảo *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Như cõi trời *Phi tưởng phi phi tưởng* kia, người trong Hai thừa cũng không biết nổi, nhưng nhờ có lòng tin theo [những điều thuyết dạy trong] *Khế kinh* mà có thể biết được.

“Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác nhờ tin theo kinh Đại *Niết-bàn* này mà tự biết trong thân mình có tánh Như Lai, việc này cũng vậy. Thiện nam tử! Vậy nên phải tinh cần tu tập kinh Đại *Niết-bàn*. Thiện nam

tử! Tánh Phật như vậy chỉ có Phật mới biết được, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể đạt tới.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Hàng phàm phu có tánh chúng sanh chưa chứng thánh thấy đều nói là có *ngã*. [Nghĩa ấy là thế nào?]”

Phật dạy: “Ví như có hai người bạn thân, một người là con vua, người kia con nhà nghèo hèn. Hai người ấy cùng qua lại chơi thân với nhau. Bấy giờ, người nghèo thấy vị vương tử có một con dao rất tốt, xinh đẹp vô cùng, trong lòng lấy làm ham thích. Về sau, vương tử mang dao ấy trốn sang nước khác. Người nghèo lại đến nhà khác ngủ nhờ một đêm, khi nằm mộng nói mê rằng: ‘*Dao! Dao!*’ Người gần bên nghe vậy, liền bắt mang đến chỗ vua. Lúc ấy, vua hỏi người ấy rằng: ‘*Nhà người nói dao, vậy dao đó người được ở đâu?*’ Người ấy đem việc trước thuật lại đầy đủ, tâu rằng: ‘Như nay bệ hạ có cắt xẻo thân thể tôi, phân rã tay chân tôi để tìm dao ấy, thật cũng chẳng có. Vị vương tử kia với tôi vốn là bạn thân, trước cùng nhau chung sống. Tuy mắt tôi thường trông thấy dao, nhưng chẳng dám sờ đến, huống chi là giữ lấy?’ Vua lại hỏi: ‘Trong lúc người nhìn thấy dao, hình dạng nó giống như cái gì?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Thần trông thấy giống như cái sừng dê đen.’ Vua nghe vậy rồi, vui cười nói rằng: ‘Nay người có thể tùy ý ra đi, đừng lo sợ chi cả. Trong kho tàng của ta còn không có con dao như vậy, huống chi người lại thấy nó khi ở bên vương tử?’

“Lúc ấy, vua liền hỏi quần thần rằng: ‘Các khanh có từng thấy con dao như thế không?’ Vua vừa hỏi xong thì

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

băng hà. Triều đình lập một vị vương tử khác lên nối ngôi vua. Vua mới lại hỏi các quan triều thần rằng: ‘Các khanh có từng thấy con dao như thế trong kho chẳng?’ Các quan đáp: ‘Chúng tôi đã từng thấy.’ Vua lại hỏi: ‘Hình dạng nó giống như cái gì?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Nó giống như cái sừng dê đen.’ Vua nói: ‘Trong kho tàng của ta, chỗ nào lại có con dao hình dạng như thế?’ Lần lượt bốn vị vua nối tiếp nhau đều tra tìm nhưng không biết được gì.

“Sau đó một thời gian, vị vương tử đã trốn đi ngày trước lại từ nước ngoài trở về, được lập làm vua. Khi đã lên ngôi vua rồi lại hỏi các quan rằng: ‘Các khanh có thấy con dao ấy chẳng?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Chúng tôi đều có thấy.’ Vua lại hỏi: ‘Nó giống như vật chi?’ Đáp rằng: ‘Đại vương! Màu sắc nó trong sạch như hoa *utu-bát-la*.” Lại có người nói: ‘Nó như cái sừng dê.’ Lại có người khác nói: ‘Màu sắc nó đỏ hồng như lửa.’ Lại có kẻ nói: ‘Nó giống như con rắn đen.’ Lúc ấy vua bật cười lớn, nói rằng: ‘Các khanh thấy đều chẳng thấy được hình dạng thật con dao của ta.’

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại cũng như vậy, xuất hiện ở đời thuyết dạy tướng thật của cái *ngã*. Thuyết xong liền rời đi, cũng ví như vị vương tử cầm con dao quý đẹp mà trốn sang nước khác. Kẻ phàm phu ngu si nói rằng: ‘*Tất cả đều có ngã, có ngã*’, cũng ví như người nghèo ngủ ở nhà người khác nói mê rằng: ‘*Dao! Dao!*’ Hàng Thanh văn, Duyên giác hỏi chúng sanh rằng: ‘*Tướng của cái ngã như thế nào?*’ Đáp rằng: ‘*Tôi thấy tướng cái ngã lớn bằng ngón tay cái.*’ Có kẻ lại nói: ‘*Nó như hạt gạo, hoặc như hạt lúa lép.*’ Cũng có kẻ nói: ‘*Cái ngã ở trong tim, chiếu sáng như mặt trời.*’ Những chúng sanh ấy chẳng biết tướng của

cái *ngã*, cũng như các vị quan kia chẳng biết hình dạng của con dao. Bồ Tát thuyết dạy tướng *ngã* như vậy, kẻ phàm phu chẳng hiểu biết, phân biệt ra nhiều cách, tự tạo ra tướng *ngã*, cũng như hỏi về hình dạng con dao mà đáp rằng giống như sừng dê! Những kẻ phàm phu ấy nối tiếp nhau mà khởi lên các tà kiến. Vì muốn dứt trừ các tà kiến ấy, nên Như Lai mới thị hiện thuyết dạy lẽ *vô ngã*, cũng như vua kia nói với các quan rằng: “Trong kho tàng của ta chẳng hề có con dao như vậy.”

“Thiện nam tử! Cái *ngã* chân thật mà hôm nay Như Lai thuyết dạy gọi là tánh Phật. Tánh Phật như vậy trong Phật pháp ví như con dao quý đẹp. Thiện nam tử! Như có kẻ phàm phu có thể khéo giảng nói tánh Phật, tức là tùy thuận pháp Phật vô thượng. Nếu có kẻ khéo phân biệt, tùy thuận tuyên thuyết giảng tánh Phật, nên biết rằng đó chính là Bồ Tát hiện tướng.”

¹[Phật bảo Bồ Tát *Ca-diếp*]: “Thiện nam tử! Hết thảy các môn luận khác, cùng những chú thuật, ngôn ngữ, văn tự, đều là thuyết của Phật, chẳng phải của ngoại đạo.”²

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là Như Lai thuyết dạy *căn bản của chữ*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ban sơ ta thuyết dạy *nửa chữ*, lấy đó làm căn bản. Thọ trì các sách luận, chú thuật,

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu phẩm Văn tự thứ 13 (Văn tự phẩm đệ thập tam). Bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh cũng phân chia và gọi tên giống như vậy, nhưng đây là phẩm thứ 14 (Văn tự phẩm đệ thập tứ).

² Câu này trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển có nội dung khác hẳn: 一切言說咒術記論。如來所說為一切本。Nhất thiết ngôn thuyết chú thuật ký luận, Như Lai sở thuyết vi nhất thiết bản. (Tất cả những ngôn thuyết, chú thuật, ký luận... đều lấy chỗ thuyết dạy của Như Lai làm căn bản.)

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

văn chương, pháp thật của các âm. Kể phàm phu học *căn bản của chữ* như vậy, rồi sau mới có thể phân biệt được là đúng pháp hay không đúng pháp.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch Phật: “Thế Tôn! *Chữ* mà Phật dạy đó ý nghĩa như thế nào?”

“Thiện nam tử! Có mười bốn âm, gọi là nghĩa của *chữ*. *Chữ* được nói ở đây gọi là *Niết-bàn*, thường trụ nên không lưu chuyển. Nếu không lưu chuyển ắt là không dứt mất. Nếu là không dứt mất tức là thân kim cang của Như Lai. Mười bốn âm này gọi là *căn bản của chữ*.¹

“Âm *ác*² nghĩa là không bị phá hoại. Không bị phá hoại gọi là *Tam bảo*, ví như chất kim cang. Lại nữa, *ác* nghĩa là không lưu chuyển, rỉ chảy. Không lưu chuyển, rỉ chảy, tức là Như Lai. Chín lỗ³ của Như Lai không có những chất rỉ chảy, cho nên gọi là không rỉ chảy. Lại nữa, không có chín lỗ nên không lưu chuyển. Không lưu chuyển tức là *thường*. Thường tức là Như Lai. Như Lai không tạo tác cho nên không lưu chuyển. Lại nữa, *ác* nghĩa là công đức. Công đức tức là Tam bảo. Vì thế nên gọi là *ác*.

“Âm *a* tức là *A-xà-lê*. *A-xà-lê* nghĩa là gì? Nghĩa là ở trong thế gian được xưng là thánh. Sao gọi là thánh? Thánh, gọi là không dính mắc, ít ham muốn, biết đủ, cũng gọi là trong sạch, có thể cứu độ chúng sanh vượt ra ngoài

¹ Từ đoạn này trở đi, Phật lần lượt giảng nghĩa các âm của chữ viết. Chữ viết đang nói ở đây là chữ Phạn (Sanskrit).

² Tức chữ *a* giọng ngắn trong âm tiếng Phạn, có độ ngân ngắn nên gọi là *a* ngắn. Trong Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là đoản *a* (短阿). Ở đây dùng chữ *ác* (惡) có lẽ vì cách phát âm *a* tắt giọng lại gần giống như chữ *ác*.

³ Chín lỗ (cửu khổng): chỉ chín lỗ thông giữa cơ thể với môi trường bên ngoài, gồm 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, 2 lỗ con mắt, miệng và 2 lỗ đại, tiểu tiện.

Ba cõi, ¹ vượt khỏi biển lớn sanh tử. Đó gọi là thánh.

“Lại nữa, *a*² nghĩa là tiết chế điều độ, tu trì giới hạnh trong sạch, thuận theo oai nghi. Lại nữa, *a* nghĩa là nương theo bậc thánh, nên học mọi oai nghi trong việc tới lui, cử động, cúng dường, cung kính lễ bái Tam Tôn, ³ hiếu dưỡng cha mẹ, tu học Đại thừa. Những kẻ nam người nữ lòng lành giữ đủ các giới cấm cùng các vị đại Bồ Tát đều gọi là bậc thánh. Lại nữa, *a* gọi là răn dạy, như nói rằng: ‘Các ông nên làm việc như thế này, đừng làm việc như này.’ Như ai có thể ngăn chặn những pháp trái oai nghi, gọi là bậc thánh. Vì thế nên gọi là *a*.

“Âm *úc*⁴ tức là tánh Phật,⁵ là hạnh trong sạch rộng lớn không như bọt, dường như vầng trăng tròn. [Đó là nghĩa phân biệt] các ông nên làm như thế này, không nên làm như thế này, thế này là đúng nghĩa, thế này là trái nghĩa, thế này là Phật thuyết, thế này là ma thuyết. Vì thế nên gọi là *úc*.

“Âm *y*⁶ tức là pháp Phật vi diệu, thâm sâu khó được. Như pháp của các vị vua trời Tự Tại, vua trời Đại Phạm thì gọi là tự tại. Như có thể gìn giữ pháp tất được xưng là *hộ pháp*. Lại nữa, tự tại cũng gọi là bốn vị *hộ thế*. Bốn vị

¹ Tam hữu : Ba cõi có những chúng-sanh quay đi lộn lại, sanh tử luân hồi. Ấy là: Dục-giới, sắc-giới, Vô sắc giới.

² Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là trường a (長阿) để phân biệt với chữ a ngắn ở trước.

³ Tam Tôn: Ba bậc đáng tôn kính: Phật, Pháp, Tăng. thường gọi là Tam bảo.

⁴ Tức âm y giọng ngắn. Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là đoản y (短伊).

⁵ Các bản khác hiện nay đều khắc chữ “Phật pháp”, nhưng chúng tôi tin theo cổ bản. Hơn nữa, đoạn tiếp theo sẽ nói về pháp Phật, nên đoạn này nói tánh Phật cũng là hợp lý.

⁶ Trong Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là trường y (長伊).

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

tự tại¹ như vậy ắt có thể gìn giữ bảo vệ kinh Đại Niết-bàn, lại cũng có thể tuyên thuyết giảng rộng một cách tự tại.

“Lại nữa, *y* nghĩa là có thể vì chúng sanh thuyết pháp một cách tự tại. Lại nữa, *y* nghĩa là tự tại mà thuyết những gì? Đó là thuyết việc tu tập kinh điển Phương đẳng. Lại nữa, *y* nghĩa là dứt trừ tật đố, cũng như người ta nhổ bỏ cỏ xấu, khiến cho tất cả đều trở nên tốt lành. Vì thế nên gọi là *y*.

“Âm *úc*² nghĩa là cao quý nhất, vượt hơn tất cả, phát triển cao nhất trong hết thảy các kinh là Đại Niết-bàn. Lại nữa, *úc* nghĩa là tánh Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác chưa từng được nghe. Ví như trong khắp thảy các chốn, cõi *Uất-đan-việt* về phương bắc là vượt trội hơn hết; nếu Bồ Tát được nghe và thọ trì kinh này thì vượt trội hơn hết trong tất cả chúng. Vì nghĩa ấy, kinh này được gọi là cao quý nhất, vượt trội hơn hết. Vì thế nên gọi là *úc*.

“Âm *ưu*,³ ví như vị của sữa bò là hơn hết trong các vị. Tánh Như Lai lại cũng như thế, là cao quý nhất, hơn hết trong tất cả các kinh, nếu có ai phỉ báng thì nên biết rằng người ấy chẳng khác chi loài bò. Lại nữa, *ưu* nghĩa là người như thế không có trí huệ, chánh niệm, phỉ báng tạng vi diệu sâu kín của Như Lai. Nên biết rằng người này

¹ Bốn vị Tự Tại: Tức bốn vị Hộ Thế Thiên vương, ở lưng chừng núi Tu-di, có phận sự hộ pháp ở bốn phương trong thế giới: 1. Trì Quốc Thiên vương, quản lãnh phương đông 2. Quảng Mục Thiên vương, quản lãnh phương tây 3. Tăng Trưởng Thiên vương, quản lãnh phương nam 4. Đa Văn Thiên vương, quản lãnh phương bắc.

² Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là đoản ưu (短憂), tức là chữ ưu ngắn.

³ Trong Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh dịch là trường ưu (長憂).

rất đáng thương xót, lia xa tạng sâu kín của Như Lai mà nói pháp *vô ngã*. Vì thế nên gọi là *ưu*.

“Âm *yên*¹ tức là *Niết-bàn*, tánh pháp của chư Phật. Vì thế nên gọi là *yên*.

“Âm *huê* là nghĩa Như Lai. Lại nữa, *huê* tức là trong mọi việc tới lui dừng nghỉ, co lại duỗi ra, mọi cử động của Như Lai không gì là không lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Vì thế nên gọi là *huê*.

“Âm *ô* gọi là nghĩa phiền não. Phiền não gọi là các lậu. Như Lai đã vĩnh viễn đoạn trừ hết thảy phiền não. Vì thế nên gọi là *ô*.

“Âm *bào* là nghĩa Đại thừa, là nghĩa rốt ráo trong mười bốn âm. Kinh điển Đại thừa lại cũng như vậy, là rốt ráo trong các kinh luật. Vì thế nên gọi là *bào*.

“Âm *am* là có thể ngăn che hết thảy những vật bất tịnh, ở trong Phật pháp có thể xả bỏ hết thảy vàng bạc, vật báu. Vì thế nên gọi là *am*.

“Âm *a* là nghĩa thừa vượt trội hơn hết. Vì sao vậy? Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này là vượt trội hơn hết trong các kinh. Vì thế nên gọi là *a*.

“Âm *ca* là khởi lòng đại từ bi đối với chúng sanh, xem như con ruột của mình, như Phật đối với *La-hầu-la*, tạo nên ý nghĩa mẫu nhiệm hiền thiện. Vì thế nên gọi là *ca*.

“Âm *khư* gọi là chẳng phải bạn hiền. Chẳng phải bạn hiền gọi là dơ xấu, tạp nhạp, chẳng tin vào tạng sâu kín của Như Lai. Vì thế nên gọi là *khư*.

¹ Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh đều dịch là yết (囧).

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Âm *già* gọi là kho chứa. Kho chứa đó là tạng Như Lai sâu kín: Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì thế nên gọi là *già*.

“Âm *kính* là âm thanh thường còn của Như Lai. Cái gì gọi là âm thanh thường còn của Như Lai? Đó là Như Lai thường trụ chẳng biến đổi. Vì thế nên gọi là *kính*.

“Âm *nga* là tướng hư hoại của tất cả các hành. Vì thế nên gọi là *nga*.

“Âm *già* tức là nghĩa tu sửa. Điều phục hết thảy chúng sanh nên gọi là nghĩa tu sửa. Vì thế nên gọi là *già*.

“Âm *xa* là Như Lai che mát hết thảy chúng sanh, ví như cái lọng lớn. Vì thế nên gọi là *xa*.

“Âm *xà* là giải thoát chân chánh, không có tướng già yếu. Vì thế nên gọi là *xà*.

“Âm *thiện* là phiền não bao che rậm rạp, ví như rừng rậm. Vì thế nên gọi là *thiện*.

“Âm *nhã* là nghĩa trí huệ, biết tánh pháp chân thật. Vì thế nên gọi là *nhã*.

“Âm *trá* là trong cõi *Diêm-phù-đề* thị hiện một nửa thân mà diễn thuyết pháp, ví như một nửa mặt trăng. Vì thế nên gọi là *trá*.

“Âm *thoa* là pháp thân đầy đủ, ví như trăng tròn. Vì thế nên gọi là *thoa*.

“Âm *trà*, ấy là hạng tăng ngu si, chẳng biết những lẽ thường, vô thường, ví như trẻ con. Vì thế nên gọi là *trà*.

“Âm *tổ* là chẳng biết ơn thầy, ví như con dê đực. Vì thế nên gọi là *tổ*.

“Âm *noa* là chẳng phải nghĩa thánh, ví như ngoại đạo.

Vì thế nên gọi là *noa*.

“Âm *đa* là nghĩa Như Lai ở nơi đó bảo các vị *tỳ-kheo* rằng: ‘Nên lià sự kinh sợ, ta sẽ vì các ông mà thuyết pháp vi diệu.’ Vì thế nên gọi là *đa*.

“Âm *tha* gọi là nghĩa ngu si. Chúng sanh lưu chuyển sanh tử, quay lộn như con tầm, con bọ hung.¹ Vì thế nên gọi là *tha*.

“Âm *đà* gọi là bố thí lớn, là nói Đại thừa. Vì thế nên gọi là *đà*.

“Âm *đàn* là xưng tán công đức, đó là nói Tam bảo, như núi *Tu-di* cao ngất, rộng lớn, không thể nghiêng ngã. Vì thế nên gọi là *đàn*.

“Âm *na* là Tam bảo trụ yên, không nghiêng ngã lay động, ví như cái then cửa. Vì thế nên gọi là *na*.

“Âm *ba* gọi là nghĩa điền đảo. Như nói rằng: ‘*Tam bảo thủy đều diệt hết*’, nên biết rằng người này tự sanh nghi hoặc. Vì thế nên gọi là *ba*.

“Âm *pha* là tai ương của thế gian. Như nói rằng: ‘*Lúc thế gian khởi tai ương, Tam bảo cũng diệt mất*.’ Nên biết rằng người này ngu si không trí huệ, trái nghịch ý thánh. Vì thế nên gọi là *pha*.

“Âm *bà* gọi là *Mười sức*² của Phật. Vì thế gọi là *bà*.

“Âm *phạm* gọi là gánh vác việc nặng nề, có thể nhận

¹ Con tầm làm kén, không thể ra ngoài cái kén; con bọ hung chui vào đồng phân, loay hoay mãi cũng không ra khỏi đồng phân.

² Mười sức của Phật (Thập lực), cũng gọi là Mười trí lực (Thập trí lực), bao gồm: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực, 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực, 3. Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực, 4. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực, 5. Tri chủng chủng giải trí lực, 6. Tri chủng chủng giới trí lực, 7. Tri nhất thiết sở đạo trí lực, 8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực, 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực, 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

lãnh gánh vác Chánh pháp vô thượng. Nên biết người này là Đại Bồ Tát. Vì thế nên gọi là *phạm*.

“Âm *ma* là sự tiết chế, điều độ nghiêm ngặt và cao cả của các vị Bồ Tát, đó là nói Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*. Vì thế nên gọi là *ma*.

“Âm *da* là nghĩa các vị Bồ Tát bất kỳ ở đâu cũng vì chúng sanh giảng nói pháp Đại thừa. Vì thế nên gọi là *da*.

“Âm *ra* là nghĩa có thể phá trừ tham dục, sân khuể, ngu si, giảng nói pháp chân thật. Vì thế nên gọi là *ra*.

“Âm *la* gọi là thừa Thanh văn chuyển động chẳng dừng, còn Đại thừa trụ yên nên không nghiêng ngã lay động. Là bỏ thừa Thanh văn, tinh cần tu tập Đại thừa vô thượng. Vì thế nên gọi là *la*.

“Âm *hòa* là nghĩa Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh tuôn mưa pháp lớn, đó là nói các loại chú thuật, kinh sách của thế gian. Vì thế nên gọi là *hòa*.

“Âm *xa* là nghĩa lìa xa ba mũi tên.¹ Vì thế nên gọi là *xa*.

“Âm *sa* gọi là nghĩa đầy đủ. Như ai nghe được kinh *Đại Niết-bàn* này, hẳn là đã được nghe và thọ trì hết thấy kinh điển Đại thừa. Vì thế nên gọi là *sa*.

“Âm *ta* là nghĩa vì chúng sanh diễn thuyết Chánh pháp, khiến cho trong lòng vui vẻ. Vì thế nên gọi là *ta*.

“Âm *ha* gọi là nghĩa trong lòng vui vẻ. Lại thay, đức Thế Tôn lìa tất cả các hành. Lại thay! Như Lai nhập đại *Niết-bàn*! Vì thế nên gọi là *ha*.

“Âm *trà* gọi là nghĩa của ma. Vô số các ma không thể hủy hoại tạng Như Lai sâu kín. Vì thế nên gọi là *trà*. Lại

¹ Ba mũi tên (Tam tiễn): Ba mũi tên độc giết hại người, chỉ Ba độc: tham, sân, si.

nữa, trà là nghĩa cho đến việc tùy thuận thế gian, thị hiện có cha mẹ, vợ con. Vì thế nên gọi là *trà*.

“Âm chữ *lỗ, lưu, lư, lâu* có bốn nghĩa: Phật, Pháp, Tăng và pháp đối đãi. Nói pháp đối đãi tức là tùy thuận thế gian. Ví như *Điều-bà-đạt*¹ thị hiện phá hoại chúng tăng, hóa ra mọi thứ hình mạo sắc tượng vì người muốn chế định giới luật. Người có trí huệ thông suốt chẳng nên sanh lòng sợ sệt đối với việc ấy. Đó gọi là hạnh tùy thuận thế gian. Vì thế nên gọi là *lỗ, lưu, lư, lâu*.

“Không khí đưa vào nơi lưỡi lại tùy theo mũi tạo thành âm thanh, tiếng phát ra có dài, có ngắn, tùy theo đó mà hiểu nghĩa. Điều là do ở lưỡi và răng mà có sự khác biệt nhau. Nghĩa của chữ như thế có thể làm cho khẩu nghiệp của chúng sanh trở nên trong sạch. Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải như vậy, chẳng phải nhờ ở văn tự rồi sau mới trở nên trong sạch. Vì sao vậy? Vì tánh vốn là trong sạch. Tuy ở trong các *ám, nhập, giới*,² nhưng chẳng đồng với *ám, nhập, giới*. Vì thế mà chúng sanh đều nên quy y nơi tự tánh.

“Các vị Bồ Tát do nơi tánh Phật nên nhìn tất cả chúng sanh không có sự khác biệt nhau. Do đó mà *nửa chữ* là căn bản của kinh thơ, ký luận, văn chương. Lại nữa, nghĩa của *nửa chữ* tức là căn bản của những lời thuyết dạy về phiền não. Vì thế nên gọi là *nửa chữ*. Còn *trọn chữ* mới là căn bản của tất cả những lời thuyết dạy về thiện pháp.

¹ Điều-bà-đạt: tên gọi khác của Đề-bà-đạt-da.

² Âm, nhập, giới: Ba phần cấu tạo nên sự hiện hữu của con người, của chúng sanh. Âm là Năm âm (hay Năm uẩn): sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai nhập: sáu căn nhập với sáu trần, sáu trần nhập với sáu căn. Giới là mười tám giới: do sáu căn hợp với sáu trần và sáu thức.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Ví như ở thế gian, kẻ làm điều ác thì gọi là ‘*chẳng nên người*’, kẻ tu điều thiện được gọi là ‘*nên người*’. Hết thấy kinh thơ, ký luận như vậy đều là do nơi *nửa chữ* là căn bản. Nếu nói rằng Như Lai và giải thoát chân chánh đều ở trong *nửa chữ* thì thật vô lý. Vì sao vậy? Vì lìa khỏi văn tự. Cho nên Như Lai đối với hết thấy các pháp đều không ngăn ngại, không vướng mắc, thật được giải thoát.

“Sao gọi là hiểu rõ nghĩa của chữ? Có người biết rằng Như Lai xuất hiện ở thế gian có thể trừ bỏ *nửa chữ*, nên gọi là hiểu rõ nghĩa chữ. Như có người chấp chặt nơi nghĩa của *nửa chữ*, người này chẳng hiểu được tánh Như Lai.

“Sao gọi là nghĩa *không có chữ*? Người thân cận, tu tập các pháp chẳng lành, đó gọi là *không có chữ*. Lại nữa, người *không có chữ* tuy thân cận và tu tập các pháp lành nhưng không biết được Như Lai là thường còn hay không thường còn, lâu dài hay chẳng lâu dài, cùng hai ngôi báu là Pháp và Tăng, đúng luật hay không đúng luật, là kinh hay chẳng phải kinh, là ma thuyết, Phật thuyết. Nếu không thể phân biệt như vậy thì gọi là chạy theo nghĩa *không có chữ*. Nay ta đã thuyết xong việc chạy theo nghĩa không có chữ.

“Thiện nam tử! Vậy nay các ông nên lìa khỏi *nửa chữ*, khéo hiểu được *trọn chữ*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con thật nên học rành số chữ. Nay chúng con đã được gặp bậc thầy vô thượng, được đức Như Lai ân cần khuyên dạy.”

Phật khen *Ca-diếp* rằng: “Lành thay, lành thay! Kẻ ham mê Chánh pháp nên học hỏi như vậy.”

¹Bấy giờ, Phật bảo Bồ Tát *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Có hai loài chim, một loài tên *ca-lân-đê*,² một loài tên *uyên ương*, dù khi bay đi hay ngừng đậu đều theo cùng với nhau, chẳng lia được nhau. Những pháp: *khổ*, *vô thường*, *vô ngã* lại cũng như vậy, chẳng lia được nhau.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Vì sao những pháp *khổ*, *vô thường*, *vô ngã* này lại giống như chim *uyên ương* và chim *ca-lân-đê* kia?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có những pháp *khổ*, vui khác nhau; có những pháp là *thường*, *vô thường* khác nhau; có những pháp khác là *ngã*, *vô ngã* khác nhau.

“Cũng ví như hạt nếp khác với hạt mè, hạt mè lại khác với hạt đậu, hạt lúa và cây mía... Các loại ấy, từ phơi mầm cho đến lá hoa đều là *vô thường*. Đến khi hạt trái khô chín, dùng được mới gọi là *thường*. Vì sao vậy? Vì là *tánh thật*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu những vật ấy là *thường* thì đồng với Như Lai hay sao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên nói ra lời ấy. Vì sao vậy? Như nói [ví dụ rằng] đức Như Lai như núi *Tu-di*, đến lúc kiếp hoại núi *Tu-di* sụp đổ, lúc ấy lẽ nào Như Lai cũng hư hoại như vậy hay sao?

“Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên nhận giữ ý nghĩa như vậy. Thiện nam tử! Trong tất cả các pháp, chỉ trừ

¹ Theo Nam bản và Đại Bát Nê-hoàn kinh thì từ đây bắt đầu phẩm Điều dụ. Nam bản là phẩm 14, còn trong Đại Bát Nê-hoàn kinh là phẩm 15.

² *Ca-lân-đê*, phiên âm từ Phạn ngữ *Kācalindikāka*, cũng đọc là *ca-già-lân-địa*, là một loài chim biển rất đẹp, cùng họ với chim *uyên ương*. Các loài chim này con trống và con mái luôn theo sát nhau, không lúc nào rời xa. Vì thế trong văn chương thường dùng hình ảnh *uyên ương* để ví những cặp vợ chồng hay tình nhân luôn gắn bó quấn quýt nhau.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

tánh Phật và *Niết-bàn*, ngoài ra không một pháp nào là thường cả. Chỉ vì thuận theo lẽ thế gian nên mới nói hạt trái là thường.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đúng như lời Phật dạy.”

Phật bảo *Ca-diếp*: “Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thấy các phép định trong *Khế kinh* mà chưa nghe được kinh *Đại Bát Niết-bàn*, đều nói rằng hết thấy là vô thường. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thấy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết thân mình vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là *thường*.”

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây *am-la*, khi vừa trở hoa gọi là tướng *vô thường*. Đến khi có hạt trái, được nhiều lợi ích, mới gọi là *thường*. Như vậy đó, thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thấy các phép định trong *Khế kinh* nhưng lúc chưa nghe kinh *Đại Bát Niết-bàn* đều nói rằng hết thấy là *vô thường*. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thấy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết tự thân vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là *thường*.”

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như chất khoáng vàng, khi nung chảy ra gọi là tướng *vô thường*. Nung chảy xong đã [tinh luyện] thành vàng ròng, được nhiều lợi ích, mới gọi là *thường*. Như vậy đó, thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thấy các phép định trong *Khế kinh*, nhưng lúc chưa nghe kinh *Đại Bát Niết-bàn* đều nói rằng hết thấy là *vô thường*. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như

không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thủy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết tự thân vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là *thường*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như những hạt mè khi chưa mang đi ép gọi là *vô thường*. Khi ép xong thành dù mè, được nhiều lợi ích, mới gọi là *thường*. Như vậy đó, thiện nam tử! Tuy là tu tập hết thủy các phép định trong *Khế kinh*, nhưng lúc chưa nghe kinh *Đại Bát Niết-bàn* đều nói rằng hết thủy là *vô thường*. Nghe kinh này rồi thì dù có phiền não cũng như không phiền não, liền có thể làm lợi ích cho hết thủy trời, người. Vì sao vậy? Rõ biết tự thân vốn có tánh Phật. Đây mới gọi là *thường*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như các dòng sông đều chảy về nơi biển. Hết thủy các phép định *Tam-muội* trong *Khế kinh* đều quy về kinh *Đại thừa Đại Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì rốt ráo khéo dạy rằng có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Vì vậy nên ta nói rằng: Có những pháp là *thường*, *vô thường* khác nhau, cho đến [*ngã*], *vô ngã* cũng là như vậy.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai đã lìa xa mũi tên độc là sự lo nghĩ thương tưởng.

“Lo nghĩ thương tưởng gọi là chư thiên; Như Lai chẳng phải hàng chư thiên. Có lo nghĩ thương tưởng gọi là người; Như Lai chẳng phải là người. Lo nghĩ thương tưởng gọi là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Như Lai chẳng phải [thuộc về] hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Vì vậy Như Lai không có lo nghĩ thương tưởng. Vì sao [con từng nghe Phật] nói rằng Như Lai có lo nghĩ thương tưởng?”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Phật dạy: “Thiện nam tử! [Ví như] cõi trời *Vô tưởng* gọi là không có sự nghĩ tưởng.¹ Nếu không có sự nghĩ tưởng, ắt là không có thọ mạng. Nếu không có thọ mạng, làm sao có *ám, giới, nhập*? Vì nghĩa ấy nên mạng sống ở cõi trời *Vô tưởng* không thể nói là có chỗ xác định.

“Thiện nam tử! Ví như vị thân cây, nương theo cây mà ở. Người ta không thể nói nhất định rằng vị ấy nương theo cành cây, lóng cây, thân cây hoặc lá cây. Tuy không có chỗ xác định, nhưng không thể nói là không có. Mạng sống ở cõi trời *Vô tưởng* cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Pháp Phật cũng như thế, rất sâu xa khó hiểu. Như Lai thật không có sự lo buồn, khổ não, nhưng đối với chúng sanh khởi lòng đại từ bi, thị hiện có lo nghĩ thương tưởng, xem tất cả chúng sanh như *La-hầu-la*, [như đứa con duy nhất của ngài.]

“Lại nữa, thiện nam tử! Mạng sống ở cõi trời *Vô tưởng* chỉ riêng Phật mới có thể biết rõ mà thôi, ngoài ra không ai biết được. Cho đến ở cõi *Phi tưởng phi phi tưởng*² cũng vậy.

“*Ca-diếp!* Tánh Như Lai là thanh tịnh, không nhiễm ô, như thân biến hóa, sao lại có sự lo buồn, khổ não ở nơi nào? Nhưng nếu nói rằng Như Lai không có sự lo nghĩ thương tưởng, làm sao Ngài có thể làm lợi ích hết thảy

¹ Vô tưởng thiên: tức là cảnh giới Vô sở hữu xứ (*Asaṃjñisattvāh*), thuộc cõi Vô sắc giới, nằm dưới cảnh trời cao nhất là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Người tu hành đạt đến Vô tưởng định thì thần thức vượt đến cảnh giới Vô tưởng thiên.

² Phi tưởng phi phi tưởng xứ (*Naiva-saṃjñānāsaṃjñā-yatana*): Chư thiên thần ở cảnh trời này chẳng phải tưởng chẳng phải không tưởng. Cũng gọi là Hữu đỉnh thiên, là cảnh trời cao nhất trong cõi Vô sắc giới (*Arūpya-dhātu*), cũng là cao nhất trong Ba cõi. Người tu hành đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng định thì thần thức vượt đến cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

chúng sanh, rộng truyền pháp Phật? Nếu nói là không có [sự lo nghĩ thương tưởng], sao có thể nói rằng Như Lai xem tất cả chúng sanh đồng như *La-hầu-la*? Nếu [nói Như Lai] không xem chúng sanh đồng như *La-hầu-la* thì đó ắt là lời nói dối trá.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên Phật không thể nghĩ bàn, Pháp cũng không thể nghĩ bàn; tánh Phật của chúng sanh không thể nghĩ bàn, mạng sống ở cõi trời *Vô tưởng* cũng không thể nghĩ bàn. Như Lai có lo nghĩ hay không lo nghĩ, đó là cảnh giới của Phật, không phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.

“Thiện nam tử! Ví như ở giữa không trung thì nhà cửa, bụi đất không thể đứng vững, nhưng nếu nói rằng nhà cửa không nương nơi hư không mà trụ thì thật vô lý. Vì nghĩa ấy, không thể nói rằng nhà cửa trụ nơi hư không hoặc chẳng trụ nơi hư không. Những kẻ phàm phu tuy nói rằng nhà cửa trụ nơi hư không, nhưng hư không ấy thật không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì tánh [thật vốn] là không trụ.

“Thiện nam tử! Cái tâm cũng thế, không thể nói rằng có trụ nơi *ám*, *giới*, *nhập* hoặc là không trụ. Mạng sống ở cõi trời *Vô tưởng* cũng là như vậy, sự lo nghĩ thương tưởng của Như Lai cũng là như vậy. Nếu không có lo nghĩ thương tưởng, sao lại nói rằng xem tất cả chúng sanh đồng như *La-hầu-la*? Còn nếu nói rằng có, sao có thể nói rằng tánh [Như Lai] đồng với hư không?

“Thiện nam tử! Ví như một ảo thuật gia, dùng phép hóa ra mọi thứ cung điện, các việc như giết hại, nuôi dưỡng, trói buộc, buông thả, cùng là hóa ra vàng, bạc, lưu ly, vật báu, rừng rậm, cây cối... thấy đều không có tánh thật. Như Lai cũng thế, tùy thuận thế gian mà thị hiện sự lo nghĩ thương tưởng, nhưng [đều là] không thật có.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Thiện nam tử! Như Lai đã vào Đại Niết-bàn, làm sao lại có sự lo buồn, khổ não? Nếu [ai] cho rằng Như Lai vào Niết-bàn là vô thường, nên biết rằng người ấy ắt có sự lo buồn. Nếu [ai] nói rằng Như Lai chẳng vào Niết-bàn, thường trụ không biến đổi, nên biết rằng người ấy không có sự lo buồn. Như Lai có lo buồn hay không, thật không ai có thể biết được.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người hạ lưu chỉ có thể biết việc hạ lưu, không biết được việc của hàng trung lưu, thượng lưu. Người trung lưu biết việc trung lưu, chẳng biết được việc của hàng thượng lưu. Còn người thượng lưu chẳng những biết việc thượng lưu, lại còn biết luôn các việc của hàng trung lưu và hạ lưu.

“Những người trong hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, đều chỉ hiểu biết trong phạm vi của mình mà thôi. Như Lai không phải thế, ngài biết được cả phạm vi của mình và phạm vi của mọi người khác. Cho nên Như Lai gọi là trí huệ không ngăn ngại, tùy thuận thế gian mà thị hiện mọi sự ảo hóa. Phàm phu mắt thịt cho [sự ảo hóa] đó là chân thật nhưng lại muốn biết được hết trí vô ngại vô thượng của Như Lai, việc ấy thật vô lý. Có lo buồn hay không, chỉ riêng Phật có thể biết mà thôi. Bởi nhân duyên này, [ta nói] có những pháp hữu ngã, vô ngã khác nhau. Vì thế nói là như tánh của chim uyên ương và chim ca-lân-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Phật pháp ví như [đôi] chim uyên ương cùng đi với nhau. Chim ca-lân-đề và chim uyên ương, vào giữa mùa hạ, lúc nước dâng lên thì chọn vùng đất cao mà đặt chim con để tiện việc nuôi dưỡng. Sau đó mới trở lại chốn cũ mà yên ổn dạo chơi. Như Lai xuất hiện ở đời cũng vậy, giáo hóa vô lượng chúng sanh, làm cho trụ

nơi Chánh pháp. Cũng như chim uyên ương và *ca-lân-đê* kia chọn vùng đất cao mà đặt chim con, Như Lai cũng vậy, khiến cho chúng sanh làm xong công việc của họ rồi, ngài mới nhập *Đại Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Đây gọi là có những pháp *khổ*, *vui* khác nhau. Các hành đều là *khổ*, *Niết-bàn* là *vui*, nhiệm mầu bậc nhất vì đã phá trừ hết thấy các hành.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Vì sao chúng sanh được *Niết-bàn* gọi là vui nhất?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ta có dạy, các hành hòa hợp gọi là *già chết*.¹

*Cẩn thận không phóng dật,
Chính là thuốc trường sanh.
Phóng dật, không cẩn thận,
Là đi vào cõi chết.
Nếu ai không phóng dật,
Sẽ đạt sự bất tử,
Những ai thường phóng dật,
Luôn đi theo đường chết.*

“Nếu người phóng dật thì gọi là pháp *hữu vi*; pháp *hữu vi* đó là *khổ* bậc nhất. Nếu người không phóng dật thì gọi là *Niết-bàn*, *Niết-bàn* ấy gọi là *cam lộ*, an vui bậc nhất. Nếu chạy theo các hành thì gọi là chỗ chết, chịu khổ bậc nhất. Nếu đạt tới *Niết-bàn* thì gọi là bất tử, thọ hưởng sự an vui mầu nhiệm bậc nhất. Nếu không phóng dật, tuy có gồm tụ các hành cũng gọi là thường, vui, bất tử, thân không bị phá hoại. Thế nào là phóng dật? Thế nào là không phóng dật? Những kẻ phàm phu chưa chứng thánh gọi là phóng dật, là pháp thường [chịu sự già] chết. Thánh

¹ Đây chỉ sự già chết (lão tử) là một trong 12 nhân duyên, vốn sanh khởi do sự hiện hữu hòa hợp của các hành. Vì thế, nếu hành giả đạt đến cảnh giới “phá trừ hết thấy các hành” như vừa nói ở đoạn trên thì không còn có sự già chết.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

nhân xuất thế là không phóng dật, không có sự già chết. Vì sao vậy? Vì vào cảnh *Niết-bàn* thường tôn, an vui bậc nhất. Vì nghĩa ấy nên có những pháp *khổ*, *vui* khác nhau; có những pháp *ngã*, *vô ngã* khác nhau.

“Ví như người đứng ở mặt đất ngược nhìn trên không, chẳng thấy dấu chân chim. Thiện nam tử! Chúng sanh cũng thế, [vì] không có thiên nhãn [nên] ở trong phiền não không tự thấy có tánh Như Lai. Cho nên ta mới chỉ dạy lẽ *vô ngã* sâu kín. Vì sao vậy? Những kẻ không có thiên nhãn chẳng biết được cái *ngã* chân thật, nên cố chấp sai lầm là có *ngã*. Do nơi các phiền não tạo ra những việc *hữu vi*, tức là *vô thường*. Cho nên ta nói rằng có những pháp *thường*, *vô thường* khác nhau.

*Bạc tinh cần dững mãi,
Khi ở tại đỉnh núi,
Đất bằng hay đồng hoang,
Thường thấy hàng phàm phu.
Lên điện trí huệ lớn,
Đài vô thượng vi diệu,
Tự dứt trừ buồn khổ,
Còn thấy chúng sanh khổ.*

“Như Lai đã dứt hết vô lượng phiền não, vững vàng trên núi trí huệ, nhìn thấy chúng sanh thường ở trong vô lượng phiền não.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch Phật: “Thế Tôn! Như bài kệ Phật vừa thuyết dạy ấy, nghĩa lý không hợp. Vì sao vậy? Vào *Niết-bàn* rồi thì không có lo buồn, không có vui vẻ. Làm sao lại lên điện đài trí huệ? Làm sao lại vững vàng trên đỉnh núi mà nhìn thấy chúng sanh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Điện trí huệ đó tức là *Niết-bàn*. Người không lo buồn ấy là Như Lai. Người có lo buồn gọi là phàm phu. Vì phàm phu có lo buồn nên Như Lai không lo buồn. Đỉnh núi *Tu-di* là nói giải thoát chân chánh. Người chuyên cần tinh tấn ví như núi *Tu-di* không hề động chuyển. Mặt đất là hạnh hữu vi. Những người phàm phu ở yên trên đất ấy mà tạo tác các hành. Người trí huệ gọi là *Chánh giác*, là khỏi *chấp hữu*,¹ thường trụ nên gọi là Như Lai. Như Lai thương xót vô lượng chúng sanh thường bị trúng tên độc *chấp hữu*, cho nên nói là Như Lai có sự lo nghĩ thương tưởng.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu nói Như Lai có sự lo nghĩ thương tưởng thì không thể xưng là bậc Chánh giác!”

Phật dạy: “*Ca-diếp*! Đó đều là có nhân duyên, tùy nơi nào chúng sanh muốn được giáo hóa, Như Lai thị hiện thọ sanh nơi đó. Tuy thị hiện thọ sanh, nhưng thật không có sanh. Vì vậy Như Lai gọi là pháp thường trụ, như các loài chim *ca-lân-đê*, yên ương.²”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN TÁM

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ CỬU

¹ Chấp hữu: kiến chấp sai lầm cho rằng thật có sự hiện hữu của những yếu tố thật ra là hư huyền.

² Đây nói pháp thường trụ và pháp thị hiện của Như Lai vốn thật không tách rời nhau, như các loài chim yên ương, *ca-lân-đê* luôn đi với nhau thành cặp.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN CHÍN

PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư – Phần sáu¹

Phật dạy: “Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có những người thấy mặt trăng không hiện ra đều nói rằng trăng lặn, liền sanh ý tưởng rằng trăng đã lặn mất. Nhưng tánh của mặt trăng ấy thật không có lặn mất. Khi chuyển hiện ra ở nơi khác, chúng sanh nơi đó lại bảo rằng trăng mọc. Nhưng tánh của mặt trăng ấy thật không có mọc lên. Vì sao vậy? Vì núi *Tu-di* che khuất, nên chẳng hiện ra. Mặt trăng ấy thường có, tánh nó không có mọc lên hay lặn mất.

“Đức Như Lai, Ứng, Chánh biến tri cũng vậy, xuất hiện trong cõi Tam thiên Đại thiên thế giới này; hoặc ở *Diêm-phù-đề* thị hiện có cha mẹ, chúng sanh đều bảo rằng Như Lai sanh trong cõi *Diêm-phù-đề*. Hoặc ở *Diêm-phù-đề* thị hiện *Niết-bàn*, tánh Như Lai ấy thật không có *Niết-bàn*, Nhưng chúng sanh đều nói rằng Như Lai thật có vào Đại *Niết-bàn*, ví như mặt trăng lặn mất.

“Thiện nam tử! Tánh Như Lai thật không có sanh diệt. Vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện sanh diệt.

¹ Trong Nam bản là phẩm Nguyệt dụ thứ 15, theo bản dịch kinh Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiền thì đây cũng là phẩm Nguyệt dụ, nhưng là phẩm thứ 16.

“Thiện nam tử! Ví như mặt trăng tròn ở đây, nơi khác thấy là khuyết; mặt trăng khuyết ở đây, nơi khác thấy là tròn.¹ Người ở *Diêm-phù-đề* khi thấy trăng non đều nói là ngày mỏng một, liền sanh ý tưởng rằng trăng non. Khi thấy trăng tròn đều nói là ngày rằm, liền sanh ý tưởng rằng trăng tròn đầy. Nhưng tánh của trăng ấy thật không có tròn khuyết. Do núi *Tu-di* nên có sự tròn, khuyết.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, ở *Diêm-phù-đề* thị hiện vừa sanh ra, hoặc thị hiện *Niết-bàn*. Lúc thị hiện mới sanh, ví như trăng non, ai nấy đều bảo đó là đồng tử mới sanh. Ngài đi bảy bước, ví như mặt trăng đêm mỏng hai. Rồi lại thị hiện vào thư đường học tập, ví như mặt trăng đêm mỏng ba. Thị hiện xuất gia, ví như mặt trăng đêm mỏng tám. Ngài phóng ánh sáng vi diệu của đại trí huệ, có thể phá dẹp vô lượng chúng ma, ví như mặt trăng tròn đầy đêm rằm. Hoặc thị hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình, rồi thị hiện *Niết-bàn*, ví như nguyệt thực.

“Như vậy, chỗ thấy của chúng sanh chẳng đồng. Khi thấy trăng khuyết, khi thấy trăng tròn, hoặc có khi thấy nguyệt thực. Nhưng tánh của mặt trăng ấy thật không có tăng, giảm, không bị che khuất, vẫn luôn tròn đầy. Thân Như Lai cũng vậy, cho nên gọi là thường trụ, không biến đổi.

¹ Chúng ta không thể không lấy làm ngạc nhiên với sự giải thích này vào thời đức Phật! Mãi cho đến nhiều thế kỷ về sau phương Tây vẫn chưa hiểu đúng được về hiện tượng mọc lặn của mặt trời, mặt trăng, vẫn không thể hình dung đúng rằng trái đất là một quả cầu lơ lửng giữa không trung, nhưng từ thời đó đức Phật đã mô tả hiện tượng mọc lặn, tròn khuyết của mặt trăng không khác gì chúng ta ngày nay!

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như trăng tròn, hiện ra ở khắp mọi nơi, từ thành ấp, làng xóm, núi non, đầm nước, giếng nước, ao hồ, bồn chậu... hết thấy đều có trăng hiện. Có những chúng sanh đi được trăm *do-tuần*, trăm ngàn *do-tuần*, đều thấy mặt trăng thường đi theo mình. Kẻ phàm phu ngu si sanh ra ý tưởng sai lầm, nói rằng: ‘Khi ta còn ở nơi thành ấp nhà cửa, đã thấy mặt trăng ấy. Nay đến chỗ đồng hoang trống vắng này cũng thấy. Đó là mặt trăng trước, hay là mặt trăng khác?’ Có những kẻ nghĩ rằng mặt trăng có lớn, có nhỏ, hoặc như cái miệng chậu... Lại có kẻ khác nói rằng: ‘Nó lớn bằng bánh xe.’ Hoặc nói rằng: ‘Nó rộng bốn mươi chín *do-tuần*.’ Ai nấy đều thấy mặt trăng chiếu sáng, hoặc có kẻ thấy nó tròn tựa như cái mâm vàng. Tánh của mặt trăng ấy là duy nhất, nhưng chúng sanh mỗi người đều thấy tướng trạng của nó khác nhau.

“Thiện nam tử! Như Lai xuất hiện ở thế gian cũng vậy. Hoặc có người hay chửi thiên nghĩ rằng: ‘Hiện nay, Như Lai ở trước mặt ta.’ Lại có những chúng sanh khác cũng nghĩ tưởng rằng: ‘Hiện nay, Như Lai ở trước mặt ta.’ Hoặc có những kẻ cảm điếc thấy Như Lai cũng cảm điếc như họ. Các loài chúng sanh khác nhau, tiếng nói khác nhau, thấy đều bảo rằng Như Lai nói cùng thứ tiếng với họ, ai nấy cũng đều nghĩ rằng: ‘Như Lai ở tại nhà tôi, thọ nhận sự cúng dường của tôi.’ Hoặc có những chúng sanh thấy Như Lai thân tướng rộng lớn vô lượng. Lại có kẻ thấy Như Lai hình tướng nhỏ bé. Hoặc có kẻ thấy Phật có hình tượng Thanh văn. Cũng có kẻ thấy Phật mang hình tượng Duyên giác. Lại có những kẻ ngoại đạo nói rằng: ‘Hiện nay Như Lai xuất gia học đạo ở trong pháp của chúng tôi.’

Hoặc có những chúng sanh lại nghĩ rằng: “Hiện nay Như Lai chỉ riêng vì tôi mà xuất hiện ở thế.”

“Tánh thật của Như Lai ví như mặt trăng kia, tức là pháp thân, là thân không sanh, là thân phương tiện, tùy thuận thế gian mà thị hiện vô lượng nhân duyên gốc nghiệp... Ngài ở khắp mọi nơi thị hiện có sanh ra, như mặt trăng kia. Vì nghĩa ấy cho nên Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như vị vua loài *a-tu-la* là *La-hầu-la* lấy tay che khuất mặt trăng, người thế gian đều bảo đó là nguyệt thực. Vua *a-tu-la* ấy thật không thể nuốt mất mặt trăng, chỉ che khuất ánh sáng thôi. Mặt trăng ấy vẫn tròn đầy không hao khuyết, chỉ vì bàn tay của vua *a-tu-la* che khuất nên chẳng hiện ra. Nếu bàn tay ấy rút đi, thế gian sẽ cho rằng mặt trăng lại sanh ra, đều nói rằng: ‘Mặt trăng chịu nhiều khổ não.’ Nhưng dù cho trăm ngàn vị vua *a-tu-la* cũng không thể làm cho mặt trăng khổ não!

“Như Lai cũng thế, ngài thị hiện có những chúng sanh đối với Như Lai sanh lòng thô ác, làm thân Phật chảy máu, phát khởi *Năm tội nghịch*,¹ cho đến thành kẻ *nhất-xiển-đề*.² Ngài vì các chúng sanh đời vị lai mà thị hiện những việc phá hoại Chúng tăng, đoạn dứt Chánh pháp và gây ra những khó khăn chướng ngại... [Thật ra, dù] có

¹ Năm tội nghịch (Ngũ nghịch tội): 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết A-la-hán, 4. Phá Hòa hiệp Tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu. Kẻ phạm Năm tội nghịch này, sau khi chết堕 vào Địa ngục Vô gián, nên cũng gọi năm tội ấy là Ngũ Vô gián tội.

² Nhất-xiển-đề (*icchantika*): từ dịch âm tiếng Phạn, chỉ người hoàn toàn không có lòng tin nơi Phật pháp, nên cũng dịch nghĩa là *đoạn thiện căn* hay *tín bất cụ túc*.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

trăm ngàn vô lượng chúng ma cũng không thể làm cho thân Như Lai chảy máu. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai không có máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy. Như Lai là chân thật, không thể quấy nhiễu, phá hoại. Chúng sanh đều cho rằng Pháp, Tăng bị hủy hoại, Như Lai có diệt mất. Nhưng tánh Như Lai chân thật, không biến đổi, không thể phá hoại. Vì tùy thuận thế gian nên thị hiện như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hai người giao đấu tranh tài. Nếu dùng dao gậy gây ra thương tích, làm chảy máu đối phương, tuy có làm chết người nhưng không hề khởi ý tưởng giết hại. Hình thức tạo nghiệp như vậy là nhẹ chứ không phải nặng. Người đối với Như Lai vốn không có tâm giết hại, tuy làm cho thân Phật chảy máu thì nghiệp này cũng như trên, nhẹ chứ không nặng. Như Lai vì giáo hóa chúng sanh đời vị lai nên thị hiện nghiệp báo như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có vị lương y cố sức dạy cho con những phương thuốc căn bản, dạy rằng: ‘Đây là rễ cây thuốc, đây là thân cây thuốc, đây là hoa cây thuốc... Con nên biết rành mọi thứ hình dáng.’ Người con kính vâng lời cha truyền dạy, tinh cần học tập, hiểu rành các thứ thuốc. Về sau, vị lương y ấy chết đi. Người con khóc kể và nói rằng: ‘Cha tôi từng dạy tôi: rễ thuốc như thế này, thân cây thuốc như thế này, hoa cây thuốc như thế này, màu sắc hình dáng như thế này.’

“Như Lai cũng thế, vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện chế định giới luật: ‘Nên thọ trì như thế này, đừng phạm vào tội *Ngũ nghịch*, phỉ báng Chánh pháp cùng là *nhất-*

xiển-đề. Vì đời vị lai nên khởi ra những việc ấy. Cho nên thị hiện để khiến cho sau khi Phật nhập diệt, các vị *tỳ-kheo* đều biết như thế này: ‘Đây là *Khế kinh*, nghĩa lý thâm sâu. Đây là *giới luật*, có các hình thức nặng nhẹ khác nhau; đây là *A-tì-đàm*,¹ phân biệt rõ ràng các pháp.’ Cũng như đứa con của vị lương y kia.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như loài người xem mặt trăng, cứ sáu tháng có một lần nguyệt thực. Nhưng trên cõi trời kia, chỉ trong một thời gian ngắn mà chư thiên đã thấy nhiều lần nguyệt thực. Vì sao vậy? Vì ngày ở cõi trời ấy rất dài, còn ngày ở cõi người thì ngắn.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, chư thiên thấy đều bảo rằng tuổi thọ của Như Lai là ngắn. Cũng như chư thiên kia trong một thời gian ngắn đã thấy nhiều lần nguyệt thực; Như Lai cũng thế, trong một thời gian ngắn đã thị hiện trăm ngàn vạn ức lần *Niết-bàn*, dứt trừ ma phiền não, ma ám, ma chết. Cho nên trăm ngàn vạn ức thiên ma² thấy đều biết rằng Như Lai vào Đại *Niết-bàn*. Lại còn thị hiện vô lượng trăm ngàn nhân duyên nghiệp đời trước, tùy thuận mọi tánh của thế gian mà thị hiện vô lượng vô biên như vậy, không thể nghĩ bàn. Cho nên Như Lai là thường trụ, không biến đổi.

¹ Phiên âm từ Phạn ngữ Abhidharma, tức Luận tạng, cũng đọc là A-tì-đạt-ma.

² Ma phiền-não, Ma ám, Ma chết, Thiên ma: đó là bốn loại Ma.

1. Phiền não ma: Do tham, sân, si sanh khởi, làm não hại thân và tâm.
2. Ám ma (năm ám, hay năm uẩn): bao gồm *sắc, thọ, tưởng, hành, thức*, hợp lại thành thân tâm chúng sanh, là nguyên nhân của vô số khổ não.
3. Tử ma: Sự chết làm dứt mạng căn chúng sanh, là trở ngại không ai vượt qua được.
4. Thiên ma: do vị Tha hóa tự tại thiên (Ma vương) làm chủ, tìm mọi cách để ngăn cản, gây trở ngại cho sự tu tập, hành trì.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như mặt trăng sáng, chúng sanh đều muốn nhìn ngắm, nên khen mặt trăng là đáng nhìn. Chúng sanh nếu có tham lam, sân khú, ngu si, thì chẳng được khen là đáng nhìn. Tánh Như Lai cũng như mặt trăng sáng ấy, thuần thiện, trong sạch không nơ bọt, nên rất đáng xưng là đáng nhìn. Những chúng sanh hâm mộ Chánh pháp đều ngắm nhìn ngài không chán, những kẻ ác tâm chẳng thích ngẩng mặt nhìn ngài. Vì nghĩa ấy cho nên nói rằng: ‘*Như Lai ví như trăng sáng.*’

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như khi mặt trời xuất hiện, có ba mùa khác nhau: mùa xuân, mùa hạ, mùa đông.¹ Ngày mùa đông ngắn, ngày mùa xuân vừa phải, ngày mùa hạ rất dài. Như Lai cũng thế, ở trong cõi *Tam thiên đại thiên* này, vì những người có đời sống ngắn ngủi và các vị Thanh văn nên thị hiện đời sống ngắn ngủi. Những người này thấy vậy đều nói rằng đời sống của Phật rất ngắn, ví như ngày mùa đông. Phật lại vì chư Bồ Tát mà thị hiện đời sống vừa phải, như trọn một kiếp hoặc một kiếp giảm, ví như ngày mùa xuân. Duy chỉ có [chư] Phật nhìn thấy Phật có đời sống vô lượng, ví như ngày mùa hạ.

“Thiện nam tử! Giáo lý sâu kín mâu nhiệm của kinh phương đẳng Đại thừa do Như Lai thuyết giảng, thị hiện nơi thế gian để đỡ trận mưa pháp lớn. Trong tương lai, nếu có những người có thể thọ trì kinh điển này, mở bày chỉ bảo, phân biệt làm lợi ích chúng sanh, nên biết rằng những người ấy thật là Bồ Tát, ví như đang mùa hạ nóng bức được cơn mưa mát mẻ! Nếu có hàng Thanh văn, Duyên giác nghe được giáo pháp sâu kín mâu nhiệm của Phật

¹ Thời tiết ở Ấn Độ chỉ có 3 mùa như được trình bày ở đây.

Như Lai, ví như trong ngày mùa đông phải chịu nhiều khổ nạn buốt giá. Hàng Bồ Tát nếu nghe được lời dạy bảo sâu kín mầu nhiệm như thế này: ‘Như Lai là thường trụ, tánh không biến đổi, ví như ngày xuân cây cối đâm chồi nảy lộc. Nhưng tánh Như Lai vốn không dài ngắn, chỉ vì thế gian nên thị hiện như vậy, đó là tánh pháp chân thật của chư Phật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như các ngôi sao, ban ngày chẳng hiện ra. Người ta đều cho rằng ban ngày sao lặn mất. Kỳ thật, sao ấy không có lặn mất. Sở dĩ không hiện ra là vì mặt trời chói sáng. Như Lai cũng thế, Thanh văn, Duyên giác không thể nhìn thấy được, cũng như người đời không nhìn thấy được các ngôi sao ban ngày.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như đang khi trời u ám, mặt trời, mặt trăng không hiện ra. Người ngu bảo rằng: ‘Mặt trời, mặt trăng đã mất.’ Nhưng mặt trời, mặt trăng thật không mất! Vào lúc Chánh pháp Như Lai diệt mất, *Tam bảo* cũng hiện ra tướng lặn khuất như vậy, thật không phải diệt mất hẳn. Vậy nên biết rằng Như Lai là thường trụ, không có biến đổi. Vì sao vậy? Vì tánh chân thật của *Tam bảo* chẳng bị những điều như xấu làm nhiễm ô.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vào tuần trăng tối,¹ sao chổi hiện ra lúc ban đêm, ánh sáng chói lòa, trong chớp lát rồi lặn mất. Chúng sanh thấy vậy rồi sanh ra ý tưởng cho là điềm chẳng lành. Các vị Phật *Bích-chi*² lại cũng

¹ Tuần trăng tối (hắc nguyệt): Từ ngày mười sáu đến cuối tháng, trăng ngày càng tối hơn. Ngược lại, tuần trăng sáng (bạch nguyệt) là từ mồng một đến ngày rằm, trăng ngày càng sáng hơn.

² Phật Bích-chi (*Pratyekabuddha*), cũng đọc là Bích-chi-ca, dịch nghĩa là Duyên giác, Độc giác. Phật Bích-chi là vị sanh ra nhằm lúc không có Phật ra đời, nhờ quán xét 12 nhân duyên mà được giác ngộ, nên gọi là Duyên giác. Vì tự mình

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

như vậy, ra đời vào lúc không có Phật. Chúng sanh thấy vậy rồi, thấy đều cho rằng Như Lai hẳn thật diệt độ, nên sanh lòng lo buồn. Nhưng thân Như Lai thật không có diệt mất, cũng như mặt trời và mặt trăng kia không hề lặn mất.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như khi mặt trời hiện, sương mù đều tan mất. Kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này lại cũng như vậy, hiện ra mạnh mẽ trong đời. Nếu như có chúng sanh nào tai nghe qua kinh này một lần, liền có thể diệt trừ được tất cả nghiệp ác *vô gián*.¹ Cảnh giới rất thâm sâu của Đại *Niết-bàn* này không thể nghĩ bàn, khéo giảng bày tánh nhiệm mầu sâu kín của Như Lai.

“Vì nghĩa ấy, các thiện nam tử, thiện nữ nhân nên đối với Như Lai sanh tâm thường trụ, không biến đổi, Chánh pháp không dứt mất, Tăng bảo chẳng hề tiêu diệt. Vậy nên phải tu nhiều phương tiện, siêng học kinh điển này. Người như vậy không lâu sẽ thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Vì vậy nên kinh này gọi là *chỗ thành tựu của vô lượng công đức*, cũng gọi là *Bồ-đề không thể cùng tận*. Vì không cùng tận, nên mới xưng là *Đại Bát Niết-bàn*. Bởi có ánh sáng lành, nên ví như ngày mùa hạ,² và bởi thân không hạn lượng nên gọi là *Đại Niết-bàn*.

tu học vào thời không có Phật, đạt được giải thoát và nhập Niết-bàn nên gọi là Độc giác.

¹ Nghiệp ác vô gián: những nghiệp ác rất nặng nề, phải dọa vào địa ngục Vô gián, nghĩa là phải chịu đựng những hình phạt khổ não không lúc nào gián đoạn.

² Lấy ý trong ví dụ trước đây, ngày mùa hạ rất dài, ví như đời sống vô lượng của chư Phật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng là hơn hết, tất cả các loại ánh sáng khác đều không sánh được; hào quang của kinh Đại Niết-bàn lại cũng như vậy, vượt trội hơn hết so với hào quang *Tam-muội* của các *Khế kinh*, tất cả đều không sánh được. Vì sao vậy? Vì hào quang của kinh Đại Niết-bàn có thể vào trong các lỗ chân lông của chúng sanh. Dù chúng sanh chẳng có tâm *Bồ-đề*, nhưng có thể vì họ mà tạo ra nhân duyên *Bồ-đề*. Vì vậy nên gọi là *Đại Bát Niết-bàn*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật nói rằng hào quang của kinh Đại Niết-bàn vào tất cả những lỗ chân lông của chúng sanh, dù họ chẳng có tâm *Bồ-đề* cũng có thể vì họ tạo ra nhân *Bồ-đề*. Nghĩa ấy chẳng đúng! Vì sao vậy? Thế Tôn! Những kẻ phạm *Bốn giới cấm nặng*, những người làm *Năm tội nghịch*, những kẻ *nhất-xiển-đề*, nếu hào quang vào trong thân họ tạo ra được nhân *Bồ-đề*, thì những hạng người như vậy so với những người giữ gìn giới hạnh trong sạch, tu tập các điều lành có khác gì nhau? Nếu chẳng khác nhau, vì sao Như Lai lại giảng nghĩa *Bốn pháp nương theo*?²

“Thế Tôn! Lại như Phật nói rằng: ‘Nếu có những chúng sanh, tai nghe qua kinh Đại Niết-bàn một lần, ắt dứt trừ được các phiền não.’ Vì sao trước đó Như Lai dạy rằng: ‘Có người đã phát tâm ở trước chư Phật nhiều như cát sông

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu phẩm Bồ Tát thứ 16 (Bồ Tát phẩm đệ thập lục). Bản Đại Bát Nê-hoàn kinh đến đây dứt phẩm thứ 16 (quyển 5), bắt đầu quyển 6, phẩm Vấn Bồ Tát thứ 17 nhưng có một đoạn ngắn nội dung không thấy trong bản dịch của ngài Đàm-vô-sấm.

² Tứ ý: Xem lại quyển 6, phẩm 4, phần 3. Đó là: 1. Y theo pháp, chẳng y theo người. 2. Y theo nghĩa, chẳng y theo lời. 3. Y theo trí, chẳng y theo thức. 4. Y theo kinh liễu nghĩa, chẳng y theo kinh bất liễu nghĩa.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hàng, khi nghe kinh Đại Niết-bàn cũng chẳng hiểu được nghĩa? Nếu chẳng hiểu nghĩa, làm sao dứt trừ được tất cả phiền não?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chỉ trừ những kẻ *nhất-xiển-đề*, ngoài ra những chúng sanh khác khi nghe được kinh này rồi, thấy đều có thể tạo được nhân duyên *Bồ-đề*. Tiếng giảng pháp phát ra hào quang, vào nơi lỗ chân lông rồi thì nhất định người ấy sẽ đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì sao vậy? Nếu ai có thể cúng dường cung kính vô lượng chư Phật, mới được nghe kinh Đại Niết-bàn. Những kẻ bậc phước ít chẳng được nghe. Vì sao vậy? Người có phước đức lớn mới có thể được nghe việc lớn như thế này. Kẻ tiểu nhân hạ tiện ít chẳng được nghe. Sao gọi là việc lớn? Đó là tạng rất sâu kín của chư Phật, đó là tánh Phật. Vì nghĩa ấy, cho nên gọi là việc lớn.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Vì sao người chưa phát tâm *Bồ-đề* có thể tạo nhân *Bồ-đề*?”

Phật dạy: “Như ai có nghe kinh Đại Niết-bàn này rồi nói rằng mình chẳng cần phát tâm *Bồ-đề*, và phỉ báng Chánh pháp. Tức thời người ấy đến đêm nằm ngủ mộng thấy hình tượng *La-sát*, trong lòng kinh sợ. *La-sát* nói với người ấy rằng: ‘Này thiện nam tử! Nay nếu ông chẳng phát tâm *Bồ-đề*, tôi sẽ lấy mạng ông.’ Người ấy hoảng sợ, khi tỉnh giấc liền phát tâm *Bồ-đề*. Người ấy sau khi mạng chung, nếu ở trong *Ba đường dữ*¹ cũng như ở các cõi trời, người, vẫn tiếp tục nhớ tưởng tâm *Bồ-đề*. Nên biết rằng

¹ Ba đường dữ (Tam ác đạo, hay Tam ác thú): Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Đó là ba cảnh giới mà những chúng sanh tạo nhiều nghiệp ác phải thọ sanh vào, chịu nhiều khổ não.

đó là bậc Đại Bồ Tát *ma-ha-tát*. Vì nghĩa ấy, sức oai thần của kinh Đại *Niết-bàn* này có thể khiến người chưa phát tâm *Bồ-đề* tạo nên nhân *Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Đó gọi là nhân duyên phát tâm của Bồ Tát, chẳng phải không có nhân duyên. Vì nghĩa ấy, kinh điển Đại thừa mẫu nhiệm này quả thật là do Phật thuyết dạy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như giữa hư không, khi kéo mây mưa lớn thì nước mưa trút xuống mặt đất. Trên những cây khô, núi đá, gò nong, cao nguyên... nước chẳng đọng lại mà chảy dồn xuống nơi ruộng vườn, ao hồ, làm cho đầy tràn, lợi ích vô lượng chúng sanh. Kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này cũng như vậy đó, tưới trận mưa pháp lớn, thấm nhuần khắp chúng sanh.

“Nhưng kẻ *nhất-xiển-đề* mà phát tâm *Bồ-đề* là việc không thể có! Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hạt giống đã hư hỏng, dù gặp mưa xuống cho đến trăm, ngàn, vạn kiếp cũng không thể nảy mầm. Nếu mầm sanh ra được, đó là việc không thể có.

“Những kẻ *nhất-xiển-đề* cũng vậy, dù có được nghe kinh điển vi diệu *Đại Bát Niết-bàn* này, cũng không hề nảy sanh cái mầm tâm *Bồ-đề*. Nếu họ nảy sanh ra được, đó là việc không thể có! Vì sao vậy? Những người ấy đã dứt mất hết thấy căn lành, như hạt giống đã hư hỏng, không thể nảy sanh những mầm rễ là tâm *Bồ-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hạt minh châu đặt vào chỗ nước đục. Nhờ năng lực của hạt châu, nước liền lắng trong. Nhưng nếu ném xuống chỗ bùn lầy, hạt châu cũng không thể làm cho bùn lầy trở nên trong sạch. Kinh điển

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, đối với những chúng sanh phạm Năm tội vô gián cùng Bốn giới cấm nặng, cũng như nước đục, còn có thể lắng trong, [khiến họ] phát tâm Bồ-đề. Nhưng đối với bùn lầy như những kẻ *nhất-xiển-đề*, dù cho đến trăm ngàn vạn năm cũng không thể làm cho trong sạch, phát tâm Bồ-đề. Vì sao vậy? Những kẻ *nhất-xiển-đề* này đã dứt hết căn lành, không thể đón nhận giáo pháp. Ví như họ được nghe kinh Đại Niết-bàn này trong trăm ngàn vạn năm, rốt cùng cũng không thể phát tâm Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì chẳng có tâm lành.

“Thiện nam tử! Ví như có loại cây thuốc gọi là cây thuốc chúa, vượt trội hơn hết trong tất cả các loại thuốc. Nếu đem hòa với kem sữa, hoặc với mật, với bơ, với nước, với sữa, làm thành thuốc tán, thuốc hoàn, rồi bôi những chỗ gẻ, xông mình, thoa mắt... khi nhìn thấy hoặc ngửi mùi [thuốc ấy] đều có thể trừ được hết thảy bệnh tật của chúng sanh. Nhưng cây thuốc ấy chẳng hề nghĩ rằng: ‘Tất cả chúng sanh, như ai muốn lấy rễ của ta thì chẳng nên lấy lá, như lấy lá thì đừng lấy rễ. Như ai lấy thân ta thì chẳng nên lấy vỏ, như lấy vỏ thì đừng lấy thân.’ Tuy cây ấy chẳng khởi cái ý nghĩ như vậy, nhưng nó có thể trừ diệt tất cả bệnh khổ.

“Thiện nam tử! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể dứt trừ tất cả nghiệp ác của chúng sanh, như bốn tội *ba-la-di*, năm tội vô gián, mọi điều ác của người ta, dù là ở trong hay ở ngoài. Những ai chưa phát tâm Bồ-đề, nhân đây liền phát tâm. Vì sao vậy? Vì kinh điển vi diệu này là vua trong các kinh, cũng như cây thuốc kia là vua trong các cây thuốc. Dù ai có tu tập kinh Đại

Niết-bàn này hay là chẳng tu, nhưng nếu nghe được danh hiệu của kinh này rồi đem lòng kính tin, thì người ấy dù có bao nhiêu phiền não trọng bệnh cũng đều trừ hết. Chỉ là không thể làm cho những kẻ *nhất-xiển-đề* ở yên nơi *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ví như món thuốc hay kia, dù trị được mọi thứ bệnh nặng, nhưng không thể chữa trị cho những kẻ nhất định phải chết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người có ghẻ nơi bàn tay, cầm nắm thuốc độc, chất độc liền theo chỗ ghẻ mà vào trong người. Nếu không có ghẻ thì chất độc chẳng thể vào. Những kẻ *nhất-xiển-đề* cũng vậy, họ không có nhân *Bồ-đề*, cũng như người không có ghẻ, chất độc không vào được. Ghẻ đó là ví cho nhân duyên *Bồ-đề* vô thượng. Chất độc đó là ví cho thuốc hay bậc nhất. Người không có ghẻ đó là ví cho kẻ *nhất-xiển-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như kim cương, không gì có thể phá hoại nó được, nhưng nó lại có thể phá hoại tất cả mọi vật, chỉ trừ ra mu rùa và sừng dê trắng. Kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này cũng vậy, có thể đặt yên vô lượng chúng sanh nơi đạo *Bồ-đề*, duy không thể khiến cho kẻ *nhất-xiển-đề* tạo lập nhân *Bồ-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như loài cỏ răng ngựa, cây *ta-la-sí*, cây *ni-ca-la*, dù cho chặt đứt thân cây vẫn tiếp tục mọc lên như cũ, không phải như cây *đa-la*, bị chặt rồi thì không mọc lại được. Chúng sanh cũng vậy, nếu được nghe kinh Đại *Niết-bàn*, dù cho có phạm *Bốn giới cấm nặng* cùng *Năm tội vô gián* vẫn có thể phát sanh nhân duyên

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Bồ-đề. Những kẻ *nhất-xiển-đề* không phải như vậy, dù có được nghe kinh điển mầu nhiệm này cũng không thể phát sanh nhân duyên đạo *Bồ-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây *khư-đà-la*, cây *trần-đầu-ca*, nếu bị chặt ngang rồi chì chẳng mọc lên được nữa, cũng như những hạt giống đã bị hư hỏng. Những kẻ *nhất-xiển-đề* cũng vậy, dù có được nghe kinh Đại *Niết-bàn* này nhưng vẫn không thể phát sanh nhân duyên *Bồ-đề*, như những hạt giống bị hư hỏng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như mưa lớn, nước chẳng đọng lại giữa không trung. Kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này cũng vậy, rưới cơn mưa pháp xuống khắp nơi, nhưng nước mưa pháp ấy chẳng đọng lại được nơi kẻ *nhất-xiển-đề*. Kẻ *nhất-xiển-đề* ấy toàn thể kín chặt, ví như kim cang không cho vật thể bên ngoài xen vào.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có thuyết kệ:

*“Chẳng thấy thiện không làm,
Chỉ thấy ác nên làm,
Chỗ ấy là đáng sợ,
Như đường hiểm xấu ác.”*

“Bạch Thế Tôn! Bài kệ đó có nghĩa thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Chẳng thấy*, đó là chẳng thấy tánh Phật. *Thiện*, tức là *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. *Chẳng làm*, nghĩa là không gần gũi bạn hiền. *Chỉ thấy*, là thấy không có nhân quả. *Ác*, nghĩa là phỉ báng kinh điển phương đẳng Đại thừa. *Nên làm*, là kẻ *nhất-xiển-đề* nói không có kinh Phương đẳng. Vì nghĩa ấy cho

nên kẻ *nhất-xiển-đề* không có lòng hướng về thiện pháp thanh tịnh. *Thiện pháp* là gì? Đó là *Niết-bàn*. Người hướng đến *Niết-bàn* là người có thể tu tập các hạnh hiền thiện. Nhưng kẻ *nhất-xiển-đề* không có hạnh hiền thiện. Vì vậy, kẻ ấy không thể hướng đến *Niết-bàn*. *Chỗ ấy là đáng sợ*, đó là nói sự phỉ báng Chánh pháp. Những ai nên sợ? Là những người có trí tuệ. Vì sao vậy? Vì kẻ phỉ báng Chánh pháp thì không có thiện tâm và không có phương tiện. *Đường hiểm xấu ác*, đó là nói *các hành*.”

Ca-diếp lại bạch Phật: “Như Phật có thuyết kệ:

“Sao biết việc đã làm?
Làm sao được pháp lành?
Ở đâu không sợ sệt,
Như đường lớn vua đi?”

“Ý nghĩa bài kệ này như thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Biết việc đã làm*, nghĩa là bày tỏ, phát lộ các điều ác. Trải qua bao đời sanh tử đã làm các điều ác, nay bày tỏ phát lộ tất cả, cho đến chỗ không cùng tận. Vì nghĩa ấy, ở chỗ ấy là không sợ sệt. Ví như một vị vua, khi dạo chơi trên đường thì bọn trộm cướp ở đó đều chạy trốn hết. Phát lộ như vậy thì các điều ác sẽ dứt tuyệt. Lại nữa, *không biết việc đã làm* là nói kẻ *nhất-xiển-đề* đã làm mọi điều ác nhưng chẳng thấy việc họ đã làm. Đó là lòng kiêu mạn của kẻ *nhất-xiển-đề*. Tuy họ làm nhiều việc ác, nhưng đối với những việc ấy không hề sợ sệt. Vì lẽ ấy nên họ không thể chứng đắc *Niết-bàn*, ví như những con khỉ bắt lấy mặt trăng dưới nước.

“Thiện nam tử! Ví như có vô lượng chúng sanh cùng lúc đạt được quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, các đức

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Như Lai cũng không thấy kẻ *nhất-xiển-đê* kia thành đạo *Bồ-đề*. Vì nghĩa ấy, nên gọi là *không biết việc đã làm*. Lại nữa, không biết việc của ai đã làm? Đó là không thấy biết những việc mà Phật đã làm. Phật vì chúng sanh thuyết dạy có tánh Phật. Những kẻ *nhất-xiển-đê* lặn lộn trong vòng sanh tử, không thể thấy biết. Vì nghĩa ấy nên gọi là chẳng thấy những việc mà Phật đã làm. Lại nữa, kẻ *nhất-xiển-đê* thấy Như Lai buông bỏ tất cả mà vào *Niết-bàn*, bèn cho rằng đó thật là vô thường, như đèn hết thì đèn phải tắt. Vì sao vậy? Vì nghiệp ác của kẻ ấy chẳng hề giảm bớt chút nào. Như có các vị Bồ Tát tạo những nghiệp lành, hồi hướng về quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, tuy những kẻ *nhất-xiển-đê* chê bai, phá hoại, chẳng tin, nhưng các vị Bồ Tát vẫn bố thí cho họ, muốn họ cùng được thành đạo vô thượng. Vì sao vậy? Vì pháp của chư Phật là như thế!

*“Làm ác, chẳng thọ liên,
Như sữa thành ra kem.
Như tro che phủ lửa,
Kẻ ngu khinh dễ đạp.”*

“*Nhất-xiển-đê*, gọi là không có mắt, nên không thấy con đường của bậc *A-la-hán*; như bậc *A-la-hán* thì chẳng đi theo đường sanh tử hiểm ác. Vì không có mắt nên phải báng kinh Phương đẳng, chẳng muốn tu tập; như bậc *A-la-hán* thì chuyên cần tu tập tâm từ. Những kẻ *nhất-xiển-đê* lại không tu tập kinh Phương đẳng như vậy.

“Như có người nói: ‘Nay tôi chẳng tin kinh điển Thanh văn, chỉ tin nhận Đại thừa, đọc tụng, giảng nói; nên tôi chính là Bồ Tát. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì

có tánh Phật nên trong thân chúng sanh có đủ mười sức, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Chỗ tôi thuyết dạy cũng chẳng khác gì Phật thuyết. Nay ông và tôi cùng phá vô lượng phiền não độc dữ, ví như người ta đập bể cái bình đựng nước. Phá xong các mối trói buộc ấy rồi¹ tất sẽ được thấy *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.² Tuy kẻ ấy giảng nói như vậy, nhưng tự tâm lại chẳng tin rằng mình có tánh Phật. Chỉ vì lợi dưỡng nên theo những gì được nghe mà nói lại thế thôi. Kẻ giảng thuyết như vậy gọi là ác nhân. Nhưng kẻ ác ấy không thọ nhận quả báo nhanh chóng như là sữa biến thành kem.

“Ví như vị sứ giả của vua, có tài đàm luận, khéo léo về phương tiện, vâng lệnh đến nước khác. Thà chịu mất mạng chứ không quên nói những điều vua đã căn dặn. Người có trí tuệ cũng thế, ở giữa những người phàm phu, không tiếc thân mạng, chỉ cốt tuyên thuyết cho được kinh Đại thừa Phương đẳng, tạng sâu kín của Như Lai: *Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật*.”

“Thiện nam tử! Có những kẻ *nhất-xiển-đề* giả hình dạng như *A-la-hán*, ở nơi trống trải vắng vẻ mà phủ bóng kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Những kẻ phàm phu thấy vậy đều cho rằng họ thật là *A-la-hán*, là Đại Bồ Tát *ma-ha-tát*. Những *tỳ-kheo* xấu *nhất-xiển-đề* ấy, ở nơi *a-lan-nhã*² nhưng phá hoại pháp *a-lan-nhã*. Thấy người khác được

¹ Các mối trói buộc (chư kết): Vì các phiền não trói buộc thân tâm cho nên gọi là các mối trói buộc.

² *A-lan-nhã*, *a-luyện-nhã* (Sanskrit: *aranya*), dịch nghĩa: không nhân, nhân cư. Tiếng dùng để chỉ đến những nơi trống vắng như mồ mã, đồng hoang, rừng vắng, núi cao... nơi mà những bậc xuất gia tu hành quyết chí đi đến để tập trung tu tập thiền định tịch tĩnh, tránh xa mọi sự tranh chấp. Ngoài cách dùng *a-lan-nhã* xứ để chỉ những nơi như thế, còn dùng *pháp a-lan-nhã* và *hạnh a-lan-nhã* để chỉ pháp tu và công hạnh của những vị này.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

lợi, họ liền sanh lòng ganh ghét, nói rằng: ‘Những kinh điển Phương đẳng Đại thừa thấy đều do thiên ma *Ba-tuần* thuyết dạy.’ Họ cũng nói rằng: ‘Như Lai là pháp vô thường.’ Họ hủy diệt Chánh pháp, phá hoại Chúng tăng, lại nói rằng: ‘Đó là thuyết của *Ba-tuần*, chẳng phải thuyết thuận theo điều lành.’ Họ tuyên thuyết những pháp tà ác như vậy. Họ làm ác nhưng không chịu quả báo tức thì, cũng như sữa hóa thành kem; như đồng lửa phủ tro kín, kẻ ngu [không biết nên] khinh dễ giẫm lên. Những kẻ như vậy, gọi là *nhất-xiển-đề*. Cho nên phải biết rằng kinh điển vi diệu Phương đẳng Đại thừa chắc chắn thanh tịnh, ví như hạt châu *ma-ni*,¹ ném vào nước đục thì nước liền lắng trong. Kinh điển Đại thừa lại cũng như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hoa sen, khi ánh nắng soi chiếu thì nở cả ra. Tất cả chúng sanh lại cũng như vậy, nếu được nghe thấy mặt trời Đại *Niết-bàn*, người chưa phát tâm cũng sẽ phát tâm, tạo nhân *Bồ-đề*. Vì vậy nên ta nói rằng hào quang của kinh Đại *Niết-bàn* vào nơi lỗ chân lông rồi ắt tạo thành nhân duyên màu nhiệm. Kẻ *nhất-xiển-đề* kia, dù có tánh Phật, nhưng bị vô lượng tội như buộc trói, không thể ra khỏi, ví như con tầm ở trong cái kén. Vì nghiệp duyên ấy không thể phát sanh nhân *Bồ-đề* màu nhiệm, phải xoay chuyển mãi trong vòng sanh tử, không lúc nào dứt được!

“Lại nữa, thiện nam tử! Như những loại hoa sen *ưu-bát-la*, *bát-đầu-ma*, *câu-vật-dầu*, *phân-đà-ly*² thấy đều từ nơi

¹ Ma-ni (*Mani*), dịch nghĩa là *ly cấu* (lìa khỏi sự dơ nhớp), là *như ý* (theo đúng như ý muốn). Hạt châu ma-ni là loại châu báu quý nhất, được tin là có thể làm cho người chủ sở hữu nó muốn gì cũng được như ý, nên gọi là như ý châu.

² Ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-dầu, phân-đà-ly: Bốn loại hoa sen màu sắc khác nhau. Ưu-bát-la là hoa sen xanh, bát-đầu-ma là hoa sen hồng, câu-vật-dầu là hoa sen vàng, phân đà ly là hoa sen trắng.

bùn lầy mà sanh ra, nhưng chẳng hề bị bùn lầy nhiễm ô. Chúng sanh tu tập kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* lại cũng như vậy, tuy có phiền não, nhưng rốt cùng chẳng bị phiền não nhiễm ô. Vì sao vậy? Vì biết được tánh, tướng và lực của Như Lai.

“Thiện nam tử! Ví như ở xứ kia thường có nhiều luồng gió trong lành mát mẽ. Khi gió ấy chạm đến lỗ chân lông của chúng sanh thì có thể trừ được mọi sự bứt rứt nóng nảy. Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này cũng vậy, vào khắp các lỗ chân lông của chúng sanh, tạo ra nhân duyên vi diệu *Bồ-đề*, chỉ trừ đối với những kẻ *nhất-xiển-đề*. Vì sao vậy? Vì họ chẳng phải là *pháp khí*.¹

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có vị lương y hiểu rõ tám loại thuốc, trị được tất cả các bệnh, chỉ trừ những kẻ nhất định phải chết. Các phép thiền định *Tam-muội* trong tất cả kệ kinh lại cũng như vậy, có thể trị tất cả các bệnh phiền não như tham dục, sân hận, ngu si, có thể nhổ bật những mũi tên độc phiền não, nhưng không trị được những kẻ phạm *Bốn giới cấm nặng* và *Năm tội vô gián*.

“Thiện nam tử! Lại có một vị lương y thông thạo cách dùng tám loại thuốc, có thể trừ mọi thứ bệnh khổ của chúng sanh, duy không thể trị cho kẻ nhất định phải chết.² Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này cũng vậy, có thể trừ diệt tất cả phiền não của chúng sanh, khiến họ trụ yên nơi nhân mẫu nhiệm thanh tịnh của Như Lai,

¹ Pháp khí: Căn khí của người có thể chấn hưng đạo Phật, nhận lấy pháp tạng để truyền bá cho đời, ví như cái bát (khí) đựng cơm của vị tỳ-kheo. Bạc pháp khí là người có khả năng thọ nhận và rộng truyền các pháp môn của Phật.

² Nguyên bản dùng “tất tử” (nhất định phải chết). Theo Nam bản thì chỗ này dùng cách phiên âm Phạn ngữ là a-tát-xà (*asādhya*). Huyền ứng âm nghĩa quyển 3 giải thích rằng từ này chỉ những bệnh không thể trị được (bất khả trị bệnh).

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

khiến những kẻ chưa phát tâm liền được phát tâm, duy trừ những kẻ nhất định phải chết là *nhất-xiển-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị lương y có thể dùng thuốc hay mà trị các người bệnh mù, khiến họ trông thấy được ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú và tất cả hình sắc, chỉ không thể trị cho những kẻ mù bẩm sinh. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, có thể khai mở mắt huệ cho người trong hàng Thanh văn, Duyên giác, khiến họ trụ yên nơi kinh điển Đại thừa vô lượng vô biên; đối với người chưa phát tâm, người phạm *Bốn giới cấm nặng, Năm tội vô gián*, đều có thể khiến cho phát tâm Bồ-đề, duy trừ ra kẻ mù bẩm sinh là *nhất-xiển-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị lương y thông thạo tám phép dùng thuốc, muốn trị tất cả bệnh khổ của chúng sanh, bèn dùng đủ mọi phương thuốc như thuốc gây nôn, thuốc xổ, thuốc xoa, thuốc xông hơi, thuốc nhỏ vào mũi, thuốc tán, thuốc hoàn. Như có người ngu không muốn uống thuốc, vị lương y đem lòng thương xót liền đưa người ấy về nhà, ép phải uống thuốc. Nhờ sức thuốc nên bệnh được dứt. Như có người đàn bà đang lúc sanh con nhưng đứa bé chẳng lọt lòng, liền cho uống thuốc. Uống xong liền sanh con được, và đứa con cũng an ổn không bệnh. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, dù đến nơi nào, vào nhà nào cũng trừ được vô lượng phiền não của chúng sanh. Đối với những kẻ chưa phát tâm, phạm *Bốn giới cấm nặng, Năm tội vô gián*, đều có thể khiến cho phát tâm, chỉ trừ ra những kẻ *nhất-xiển-đề*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Những kẻ phạm *Bốn giới cấm nặng* và *Năm tội vô gián*, gọi là phạm những điều ác nặng nhất, như cây *đà-la* bị chặt đứt ngọn, vĩnh

viễn không mọc trở lại. Nếu những kẻ ấy chưa phát tâm *Bồ-đề*, làm sao có thể khiến họ tạo nhân *Bồ-đề*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những chúng sanh ấy, như trong giấc mộng thấy mình đọa địa ngục, chịu các khổ não, liền sanh lòng hối hận: ‘Buồn thay cho chúng ta! Tự mình chuốc lấy tội này! Nếu nay tôi được thoát khỏi tội này, nhất định sẽ phát tâm *Bồ-đề*. Nay tự mắt tôi nhìn thấy, thật là nguy khổ quá mức!’ Sau khi tỉnh mộng, những kẻ ấy liền biết Chánh pháp, được quả báo lớn.

“Như đứa trẻ kia, dần dần lớn lên thường suy nghĩ rằng: ‘Vị thầy thuốc ấy rất hay, hiểu rõ các phương thuốc. Khi ta còn ở trong thai, ông ấy cho mẹ ta uống thuốc. Nhờ thuốc ấy, mẹ ta được an ổn. Nhờ nhân duyên ấy ta được toàn mạng. Lạ thay cho mẹ ta! Bà chịu khổ não lớn, mang ta trong thai trọn đủ mười tháng. Sau khi sanh ta ra rồi, bà đặt ta ở chỗ khô, tự bà nằm chỗ ướt, dọn bỏ những chất đại tiểu tiện dơ dáy của ta, cho ta bú mớm, nuôi dưỡng ta, chăm sóc ta. Vì lẽ ấy, ta phải báo ân, hết lòng nuôi mẹ, hầu hạ đêm ngày, tùy thuận phụng dưỡng.’ Những kẻ phạm *Bốn giới cấm nặng* và *Năm tội vô gián*, đến lúc lâm chung, nếu họ nhớ tới kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* này, dù có phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ hay sanh lên cõi trời, cõi người, kinh điển này đều sẽ tạo nhân *Bồ-đề* cho họ, chỉ trừ bọn *nhất-xiển-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có vị lương y và người con của ông đều hiểu biết sâu sắc, giỏi hơn các vị lương y khác, thông thạo chú thuật vô thượng trừ độc. Như có rắn độc, rồng hay bò cạp, họ liền dùng chú thuật, niệm chú vào thuốc làm cho chúng trở nên hiền lành. Nếu dùng thuốc ấy mà bôi lên giày da, khi giày ấy chạm phải trùng

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

độc thì chất độc tiêu tan, duy trừ một thứ độc gọi là nọc rồng lớn. Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này cũng vậy, như có chúng sanh phạm *Bốn giới cấm nặng*, *Năm tội vô gián*, kinh này có thể tiêu diệt tội báo, khiến các chúng sanh ấy trụ yên nơi *Bồ-đề*, cũng như thuốc bôi ở giày da làm tiêu các thứ độc. Đối với những chúng sanh chưa phát tâm, kinh này liền khiến cho phát tâm và trụ yên nơi đạo *Bồ-đề*. Món thuốc oai thần kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* này có thể diệt trừ các độc, khiến chúng sanh được an vui, chỉ không trừ được một thứ độc nọc rồng lớn: đó là những kẻ *nhất-xiển-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người kia, đem món thuốc độc còn mới, bôi lên một cái trống lớn, rồi đánh trống ấy lên giữa đám đông người. Mọi người tuy vô tình nghe tiếng trống ấy nhưng đều phải chết, chỉ trừ một người, là không thể chết đột ngột. Kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* này cũng vậy, bất kỳ ở nơi đâu, giữa các chúng sanh, có ai nghe tiếng giảng kinh này thì các tham dục, sân khuể, ngu si thấy đều tiêu diệt. Trong đó tuy có người vô tình mà nghĩ tưởng đến kinh Đại *Niết-bàn* này, nhờ sức nhân duyên ấy vẫn có thể trừ diệt phiền não, làm cho các mối trói buộc phải tự tan biến. Cho đến những kẻ phạm *Bốn giới cấm nặng* và *Năm tội vô gián*, khi nghe kinh này rồi cũng tạo ra được nhân duyên *Bồ-đề* vô thượng, dần dần sẽ dứt hết phiền não, chỉ trừ kẻ không thể chết đột ngột là hạng *nhất-xiển-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như đêm tối, tất cả mọi công việc thấy đều ngừng nghỉ. Nếu công việc nào chưa xong, phải chờ đến trời sáng. Người học Đại thừa, tuy tu tất cả pháp thiên định trong *Khế kinh*, nhưng phải chờ đợi mặt

trời Đại thừa Đại *Niết-bàn*, nghe giáo lý sâu kín của Như Lai, rồi mới có thể tạo nghiệp *Bồ-đề*, trụ yên nơi Chánh pháp. Ví như trời mưa thấm nhuần và làm nảy nở tất cả các hạt giống lớn lên kết thành trái ngọt, trừ dứt nạn đói, mọi người được no đủ, vui vẻ. Mưa pháp vô lượng của tạng Như Lai sâu kín cũng vậy, có thể trừ được tám thứ bệnh nhiệt.¹ Kinh này ra đời, ví như trái cây kia, có nhiều lợi ích, làm cho tất cả được an lạc, khiến chúng sanh thấy được tánh Phật, như trong hội Pháp hoa có tám ngàn Thanh văn riêng được Phật thọ ký, sẽ được quả lớn.

“Ví như mùa thu thu trâu hoạch, mùa đông chứa trữ, rồi không còn công việc gì nữa cả. Những kẻ *nhát-xiễn-đề* cũng vậy, đối với các pháp lành họ chẳng có công việc gì để làm nữa cả.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một vị lương y, nghe có con nhà kia bị loài *phi nhân*² bắt, bèn lấy thuốc hay rồi sai bảo một người rằng: ‘Ông mau đem thuốc này cho người ấy. Nếu người ấy gặp các quỷ thần dữ, nhờ sức thuốc này chúng sẽ lánh xa. Nếu ông chậm trễ, tôi sẽ tự đi, chớ nên để người ấy phải chết uổng mạng. Nếu bệnh nhân ấy được thấy sứ giả và oai đức của tôi, thì liền dứt được khổ não, vui vẻ an ổn.’ Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này cũng vậy. Nếu trong hàng *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* cùng các ngoại đạo, có những người đủ sức thọ trì kinh điển này, đọc tụng thông thạo, lại vì người khác phân biệt giảng rộng, như tự mình sao chép hay nhờ người khác sao

¹ Tám thứ bệnh nhiệt tức là tám nỗi khổ của chúng sanh (Bát khổ), bao gồm: sanh, lão, bệnh, tử, xa người yêu mến, gần kẻ oán thù, mong cầu chẳng được, năm ấm chẳng điều hòa.

² Phi nhân: Chẳng phải người, loài chúng sanh không có thân xác như người.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

chép, thì những người ấy đều tạo ra nhân duyên *Bồ-đề*. Như những kẻ phạm *Bốn giới cấm, Năm tội nghịch*, hoặc bị tà quỷ độc ác bắt giữ, nếu nghe được kinh điển này thì tất cả những điều ác đều tiêu diệt, cũng như tà ma ác quỷ khi gặp lương y liền phải tránh xa. Nên biết rằng những người ấy thật là Đại Bồ Tát. Vì sao vậy? Nhờ được nghe kinh Đại *Niết-bàn* này trong chốt lát, lại sanh ra ý tưởng Như Lai là thường tồn.

“Được nghe kinh này trong chốc lát còn như vậy, huống chi là sao chép, thọ trì, đọc tụng? [Cho nên những người được nghe kinh này], chỉ trừ những kẻ *nhất-xiển-đề*, còn lại đều là Đại Bồ Tát.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như những kẻ điếc chẳng nghe được âm thanh. Những kẻ *nhất-xiển-đề* cũng vậy, dù muốn lắng nghe kinh điển vi diệu này cũng không nghe được. Vì sao vậy? Vì bị điếc vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một vị lương y thông đạt hết các phương thuốc, lại thêm biết rộng vô số chú thuật. Vị lương y ấy đến gặp vua, tâu rằng: ‘Đại vương! Nay ngài đang có bệnh phải chết.’ Vua đáp rằng: ‘Khanh chẳng thấy được những gì trong bụng trẫm, làm sao nói rằng trẫm có bệnh phải chết?’ Lương y đáp: ‘Như ngài không tin, vậy nên uống thuốc xổ. Sau khi xổ ra rồi, tự ngài sẽ thấy biết.’ Vua không chịu uống thuốc xổ. Lúc ấy, vị lương y dùng sức chú thuật, khiến hậu môn của vua lở lói, lại có cả trùng và máu lẫn theo ra khi vua đi tiêu. Thấy vậy rồi, vua lấy làm khiếp sợ, khen ngợi vị lương y ấy rằng: ‘Giỏi

thay, giỏi thay! Trước khanh đã nói, nhưng trẫm không tin. Nay mới biết khanh làm chuyện lợi ích lớn cho thân trẫm đây vậy.” Vua liền cung kính vị lương y dường như cha mẹ.

“Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, đối với các chúng sanh, dù có tham dục hay không tham dục, kinh này có thể làm cho phiền não của họ đều rơi rụng. Các chúng sanh ấy, cho đến trong giấc mộng được thấy kinh này, thấy đều cung kính cúng dường, cũng như vị vua kia cung kính vị lương y. Vị đại lương y ấy, khi biết người bệnh nhất định phải chết thì không điều trị. Kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này cũng vậy, không trị được những kẻ *nhất-xiển-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như lương y thông thạo tám phép dùng thuốc ắt có thể liệu trị hết thấy các bệnh, chỉ không thể trị cho kẻ nhất định phải chết. Chư Phật và chư Bồ Tát cũng vậy, có thể cứu độ cho hết thấy những người có tội, chỉ không cứu được những kẻ nhất định phải chết là *nhất-xiển-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị lương y thông thạo tám phép mầu nhiệm trong sách thuốc, lại còn hiểu biết rộng hơn cả tám phép ấy nữa. Trước hết, ông đem sự hiểu biết của mình mà dạy cho con, khiến con biết rõ tất cả mọi thứ cây thuốc trên cạn, dưới nước hoặc ở nơi núi rừng. Cứ như vậy, ông dần dần dạy cho con đủ tám phép trị bệnh, sau đó lại dạy đến những phương thuật khác mầu nhiệm và cao trổi hơn hết.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri cũng vậy, trước hết ngài dạy cho con là các vị *tỳ-kheo* về phương tiện dứt trừ tất cả phiền não, tu học quán tưởng toàn thân vốn không bền vững, đó là ví như dưới nước, trên cạn, hoặc ở nơi núi rừng. Dưới nước là ví thân chịu khổ [mong manh] như bọt nước. Trên cạn là ví thân chẳng bền vững như thân cây chuối. Ở nơi núi rừng là ví như ở trong phiền não mà tu tập phép tưởng *vô ngã*. Vì nghĩa ấy, thân được gọi là *vô ngã*. Như vậy, Như Lai dần dần dạy cho các đệ tử giáo pháp chín bộ kinh, khiến cho thông thuộc rõ biết. Kế đó, ngài mới dạy về tạng Như Lai sâu kín. Ngài thuyết cho các đệ tử nghe: ‘Như Lai là thường tồn.’ Như vậy, Như Lai thuyết Đại thừa Điển Đại *Niết-bàn* Kinh, ngài tạo nhân *Bồ-đề* cho các chúng sanh đã phát tâm hoặc chưa phát tâm, chỉ trừ bọn *nhất-xiển-đề*.

“Thiện nam tử! Kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* này là vô lượng vô số như vậy, không thể nghĩ bàn, chưa từng có! Nên biết rằng kinh này là vị lương y cao trội hơn hết, đáng tôn trọng nhất, đứng đầu trong tất cả kinh điển.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một chiếc thuyền lớn từ bờ biển bên này lướt sang bờ biển bên kia, lại từ bờ biển bên kia trở về bờ biển bên này. Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri lại cũng như vậy, ngài nương chiếc thuyền quý Đại thừa Đại *Niết-bàn*, đi qua lại mà cứu độ chúng sanh. Bất kỳ ở đâu, hễ có những chúng sanh có thể cứu độ, ngài đều khiến cho họ được thấy thân Như Lai. Vì nghĩa ấy, Như Lai được xưng là vị thuyền sư¹ cao trội hơn hết.

¹ Thuyền sư: người chỉ huy con tàu trên biển, như thuyền trưởng ngày nay.

Cũng giống như khi có thuyền tất phải có thuyền sư, đã có thuyền sư tất phải có những chúng sanh vượt biển. Như Lai thường trụ, hóa độ chúng sanh lại cũng như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người ở giữa biển cả, dùng thuyền [buồm] vượt biển. Nếu được gió thuận, trong chốc lát có thể đi được vô số *do-tuần*. Nếu không có gió, dù bao nhiêu năm cũng chẳng rời khỏi vị trí ban đầu. Đến lúc thuyền hư hoại, sẽ bị chìm xuống nước mà chết. Chúng sanh cũng vậy, ở giữa biển lớn sanh tử ngu si, nương theo thuyền “*các hành*”. Nếu gặp được luồng gió *Đại Bát Niết-bàn* mạnh mẽ, ắt sẽ mau tới bờ đạo pháp Vô thượng. Nếu không gặp gió, ắt sẽ lưu chuyển lâu dài trong vô lượng sanh tử. Rồi khi thuyền “*các hành*” tan rã, sẽ đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có những người không gặp được gió lớn, phải ở lâu giữa biển cả, bèn tự nghĩ rằng: ‘Nay chúng ta chắc phải chết tại đây.’ Đang khi nghĩ như vậy thì bỗng gặp luồng gió thuận, liền theo đó mà vượt biển. Họ lại nói rằng: ‘Vui thích thay, ngọn gió này thật chưa từng có! Giúp chúng ta yên ổn qua khỏi được tai nạn giữa biển cả.’ Chúng sanh cũng vậy, ở lâu trong biển cả sanh tử ngu si, khổn khổ cùng lụy. Trong khi chưa gặp cơn gió *Đại Niết-bàn* này, hẳn phải nghĩ rằng: ‘Chúng ta chắc chắn sẽ phải đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.’ Đang khi nghĩ như vậy thì bỗng gặp luồng gió *Đại thừa Đại Niết-bàn*, liền thuận theo gió mà đi, vào được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, mới biết là chân thật, phát sanh ý tưởng cho là kỳ lạ, khen ngợi rằng: ‘Vui thích thay! Chúng

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

ta từ xưa nay chưa từng nghe thấy tạng sâu kín như thế này của Như Lai.” Lúc ấy họ liền phát sanh lòng tin trong sạch đối với kinh Đại *Niết-bàn* này.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như con rắn lột da, có chết mất chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, ngài dùng phương tiện thị hiện xả bỏ thân độc dữ. Có thể nói rằng Như Lai là vô thường, diệt mất chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không thể.”

“Trong cõi *Diêm-phù-đề* này, Như Lai dùng phương tiện mà xả bỏ xác thân, cũng như con rắn kia lột bỏ bộ da cũ. Cho nên Như Lai gọi là thường trụ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người thợ vàng gặp được loại vàng ròng tốt, tùy ý làm ra đủ món đồ dùng. Như Lai cũng vậy, ở trong *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*, ngài có thể thị hiện mọi thứ sắc thân, vì muốn giáo hóa chúng

sanh vượt thoát khỏi sanh tử. Cho nên Như Lai gọi là thân không giới hạn. Tuy ngài thị hiện đủ mọi thân hình, nhưng vẫn gọi là thường trụ, không biến đổi.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây *am-la* và cây *diêm phù*, mỗi năm thay đổi ba lần: trong khi nở hoa màu sắc sáng lên rực rỡ, lúc đâm chồi lá xanh um rậm rạp, vào mùa rụng lá lại trông giống như khô chết.

“Thiện nam tử! Ý ông thế nào? Cây ấy có thật là khô chết hay chẳng?”

“Bạch Thế Tôn! Không phải.”

“Thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, ở trong *Ba cõi* ngài thị hiện ba loại thân: có khi sơ sinh, có lúc trưởng thành, đến lúc lại vào *Niết-bàn*. Nhưng thân Như Lai thật chẳng phải là vô thường.”

Bồ Tát *Ca-diếp* khen rằng: “Lành thay, lành thay! Đúng như lời Phật dạy, Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN CHÍN

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN MƯỜI

PHẨM TÁNH NHƯ LAI Phẩm thứ tư – Phần bảy

Thiện nam tử! Lời sâu kín của Như Lai rất sâu xa, khó hiểu. Ví như vị đại vương bảo quần thần: ‘*Dem tiên-đà-bà*¹ đến đây.’ Chỉ một tiếng *tiên-đà-bà* mà có bốn nghĩa: một là *muối*, hai là *cái bát*, ba là *nước*, bốn là *ngựa*. Bốn món ấy đều gọi cùng một tên. Vị quan có trí tuệ khéo hiểu được tiếng ấy. Như khi vua tắm rửa, gọi *tiên-đà-bà* thì dâng nước. Như khi vua dùng cơm, gọi *tiên-đà-bà* thì dâng muối. Khi vua ăn xong muốn uống nước, gọi *tiên-đà-bà* thì dâng bát. Khi vua muốn dạo chơi, gọi *tiên-đà-bà* thì dâng ngựa. Như vậy, vị quan có trí tuệ khéo hiểu được bốn cách nói sâu kín của đại vương.

“Kinh Đại thừa này cũng vậy, có đủ bốn lẽ vô thường...² Vị quan Đại thừa có trí tuệ phải khéo hiểu được bốn lẽ ấy. Như khi Phật ra đời, vì chúng sanh thuyết giảng *Niết-bàn* của Như Lai, người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai vì những kẻ chấp lẽ *thường còn* nên mới thuyết dạy tư tưởng *vô thường*, khiến các vị *tỳ-kheo* tu tập phép quán tưởng *vô thường*.

¹ Tiên-đà-bà: phiên âm từ Phạn ngữ *saindhava*, nghĩa thường dùng là thạch diêm (muối), nhưng theo đoạn này thì gồm đủ bốn nghĩa là diêm, khí, thủy, mã (muối, bát đựng, nước, ngựa). Các bản luận giải thường trích dẫn ví dụ này với tên là “nhất danh tứ thật” (một tên bốn nghĩa).

² Đó là các lẽ vô thường, khổ, vô ngã và không.

“Hoặc khi Phật lại dạy: ‘*Chánh pháp sắp diệt.*’ Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai vì những kẻ chấp lẽ vui thú nên thuyết dạy tư tưởng *khổ*, khiến các vị *tỳ-kheo* thường tu phép quán *khổ*.”

“Hoặc khi Phật lại dạy: ‘Nay ta bệnh *khổ*, Chúng tăng bị phá hoại.’ Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai vì những kẻ chấp *ngã* nên thuyết dạy tư tưởng *vô ngã*, khiến các vị *tỳ-kheo* tu tập phép quán *vô ngã*.”

“Hoặc khi Phật lại dạy: ‘Cái gọi là *không* đó chính là *giải thoát chân chánh*. Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai nói giải thoát chân chánh không có *Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*, khiến các vị *tỳ-kheo* tu học phép quán *không*. Vì nghĩa ấy, *giải thoát chân chánh* gọi là *không*, cũng gọi là *chẳng động*. Gọi là *chẳng động*, đó là trong giải thoát không có *khổ* nào. Cho nên *chẳng động* tức là *giải thoát chân chánh*, không có *hình tướng*. Gọi là không có *hình tướng*, nghĩa là không có các loại *hình sắc, âm thanh, hương vị, xúc cảm*. Cho nên gọi là *không hình tướng*. *Giải thoát chân chánh* thường tồn không biến đổi. Trong giải thoát ấy không có sự vô thường, nóng bức, biến đổi. Cho nên *giải thoát chân chánh* gọi là *thường trụ*, không biến đổi, trong mát.”

“Có khi Phật lại dạy: ‘*Tất cả chúng sanh đều có tánh Như Lai.*’ Người có trí tuệ nên biết rằng đó là Như Lai thuyết dạy pháp thường tồn, khiến các vị *tỳ-kheo* tu pháp thường chân chánh. Nếu các vị *tỳ-kheo* có thể thuận theo đó mà tu học, nên biết rằng những người ấy thật là đệ tử của ta, khéo biết rõ tạng sâu kín của Như Lai, như vị quan có trí tuệ của đại vương kia hiểu rõ được ý vua.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Thiện nam tử! Như vị vua ấy còn có lời sâu kín, huống chi Như Lai lại chẳng có sao? Thiện nam tử! Cho nên giáo pháp sâu kín của Như Lai thật khó rõ biết được. Chỉ những người có trí tuệ mới có thể hiểu được pháp Phật rất thâm sâu, chẳng phải hạng phàm phu ở thế gian có thể đủ sức tin nhận.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây *ba-la-xa*, cây *ca-ni-ca*, cây *a-thúc-ca*, gặp khi nắng hạn chẳng sanh hoa trái. Cho đến các loài vật khác trên cạn dưới nước cũng đều khô héo, xác xơ, không được thấm nhuần ướt át, không thể tăng trưởng. Tất cả các loại cây thuốc đều không còn hiệu nghiệm.

“Thiện nam tử! Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này cũng vậy. Sau khi ta diệt độ, nếu có những chúng sanh không chịu cung kính thì kinh này không có oai đức. Vì sao vậy? Vì các chúng sanh ấy không biết được tạng sâu kín của Như Lai. Vì sao vậy? Vì các chúng sanh ấy kém phước đức.

“Lại nữa, thiện nam tử! Khi Chánh pháp Như Lai sắp diệt mất, bấy giờ sẽ có nhiều *tỳ-kheo* làm điều xấu ác, không rõ biết tạng sâu kín của Như Lai, lưỡi nhác chậm chạp, không thể đọc tụng, tuyên dương, phân biệt Chánh pháp của Như Lai. Ví như kẻ trộm cướp ngu si, vất bỏ những món quý báu, lại đi gánh vác cỏ rơm! Vì họ chẳng hiểu tạng sâu kín của Như Lai, cho nên đối với kinh này lưỡi nhác chẳng siêng năng. Thật nguy hiểm đáng thương thay! Đời vị lai đáng lo sợ thay! Khổ thay cho chúng sanh, không siêng năng nghe và thọ trì kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này. Chỉ có các vị Đại Bồ Tát mới có thể đối với

kinh này nắm được nghĩa lý chân thật, không trối buộc nơi văn tự, tùy thuận không trái nghịch, vì chúng sanh mà thuyết giảng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cô gái chăn bò kia muốn bán sữa, vì tham lợi nên thêm vào hai phần nước, rồi bán cho cô gái khác. Cô này mua được sữa rồi lại thêm vào hai phần nước nữa, đem bán cho một cô gái ở gần thành. Mua sữa rồi, cô gái ở gần thành lại thêm vào hai phần nước, rồi đem bán cho cô gái ở trong thành. Cô gái ở trong thành mua sữa rồi lại thêm vào hai phần nước, kể đem ra chợ bán. Lúc ấy, có một người cưới vợ cho con, cần loại sữa tốt để đãi khách liền đến chợ để mua, nhưng cô gái bán sữa ấy đòi giá đắt hơn gấp nhiều lần. Người ấy nói rằng: ‘Sữa của cô pha nhiều nước, chẳng đúng như lời hứa của cô. Nhưng ngay hôm nay tôi cần đãi khách nên mới mua.’ Người ấy nhận lấy sữa, về nhà nấu thành món cháo sữa nhưng nếm chẳng có vị sữa. Tuy chẳng có vị sữa, nhưng so với vị đắng thì vẫn hơn cả nghìn lần. Vì sao vậy? Vì vị sữa là hơn hết trong tất cả các mùi vị.

“Thiện nam tử! Sau khi ta vào *Niết-bàn*, lúc Chánh Pháp chưa dứt, còn khoảng tám mươi năm, bấy giờ ở cõi *Diêm-phù-đề* kinh này sẽ được lưu truyền khắp nơi. Lúc ấy có những *tỳ-kheo* xấu ác cướp lấy kinh này rồi chia ra nhiều phần, có thể làm mất đi màu sắc, hương thơm và vị ngon của Chánh pháp. Những kẻ xấu ác ấy, tuy cũng đọc tụng kinh điển này, nhưng làm mất đi nghĩa lý cốt yếu sâu kín của Như Lai, đưa vào những lời lẽ hoa mỹ vô nghĩa của thế gian. Họ chép đoạn trước ra sau, đoạn sau ra trước, rồi lại chép đoạn trước và đoạn sau vào giữa, chép đoạn giữa vào nơi đoạn trước và đoạn sau. Nên biết rằng các *tỳ-kheo* xấu ấy là bạn hữu của ma. Họ thâm nhận

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

và chứa trữ mọi vật bất tịnh, nói rằng: ‘Như Lai có cho phép tôi chứa trữ tất cả.’ Như cô gái chần bò kia pha thêm nhiều nước vào sữa, các *tỳ-kheo* xấu ác cũng vậy, họ pha lẫn những lời thế tục làm sai lầm [ý nghĩa] kinh này, khiến nhiều chúng sanh chẳng nhận được sự thuyết dạy chân chánh, chẳng có được bản chép kinh chân chánh, cũng chẳng được nhận giữ kinh này một cách chân chánh để tôn trọng, ngợi khen, cúng dường cung kính. Các *tỳ-kheo* xấu ác ấy vì lợi dưỡng nên không thể truyền bá, lưu hành kinh này một cách rộng rãi. Chỗ truyền bá lưu hành của họ thật quá ít ỏi, không đáng kể.

“Như cô gái chần bò nghèo khổ kia bán sữa qua nhiều người, cho đến khi nấu thành cháo thì chẳng còn mùi vị của sữa. Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này cũng vậy, lưu chuyển nhiều nơi mà trở nên mỏng manh, nhạt nhẽo, chẳng còn khí vị. Tuy chẳng còn khí vị, nhưng vẫn còn hơn các kinh khác cả ngàn lần. Cũng như mùi vị sữa kia so với vị đắng vẫn còn hơn cả ngàn lần. Vì sao vậy? Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này, so với kinh điển của Thanh văn là bậc cao trội, cũng như sữa bò là vị ngon hơn hết trong tất cả các mùi vị. Vì nghĩa ấy nên gọi kinh này là Đại *Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả mọi người, ai cũng cầu được làm thân nam tử. Vì sao vậy? Vì tất cả người nữ đều phải chịu mọi sự xấu kém.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như nước tiểu của con muỗi thì không thể làm cho khắp cõi đất này thấm ướt. Lòng dục khó thỏa của người nữ cũng giống như vậy. Ví như mang hết thảy cõi đất này vo lại thành những viên nhỏ như hạt cải, với số đàn ông nhiều như số hạt cải ấy cùng

ăn nằm với một người đàn bà cũng không thể đủ! Giả sử đàn ông nhiều đến như số cát sông Hằng cùng làm việc dâm dục với một người đàn bà, cũng không thể đủ!

“Thiện nam tử! Ví như biển cả, hết thủy nước mưa trên trời đổ xuống và nước ở trăm sông đều chảy dồn về, nhưng biển vẫn chưa từng đầy tràn. Người đàn bà cũng thế, ví như tất cả [loài người] đều là đàn ông, cùng ăn nằm với một người đàn bà cũng vẫn không đủ!¹

“Lại nữa, thiện nam tử! Như cây *a-thúc-ca*, cây *ba-trá-la*, cây *ca-ni-ca*, đến mùa xuân trở hoa, loài ong đến hút lấy hết vị tinh tế trong sắc đẹp và hương thơm của các hoa ấy, nhưng vẫn không biết chán. Người đàn bà ham muốn đàn ông cũng như thế, chẳng hề biết chán.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên những kẻ nam người nữ được nghe kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* này thường nên chê bỏ thân tướng nữ nhân và cầu được thân nam tử. Vì sao vậy? Vì kinh điển Đại thừa này có tướng tượng phu, ấy là tánh Phật. Nếu ai không biết tánh Phật ắt không có tướng nam tử. Vì sao vậy? Vì chẳng tự biết mình có tánh Phật.

“Như ai không biết được tánh Phật, ta gọi những người ấy là nữ nhân. Như ai tự biết mình có tánh Phật, ta nói rằng người ấy có tướng tượng phu.²

¹ Ở đây muốn nhấn mạnh ý nghĩa là tính dục không bao giờ có thể thỏa mãn hoàn toàn. Bởi vì sự thỏa mãn tính dục cũng chính là nguyên nhân làm sanh khởi tính dục ở mức độ cao hơn, và vòng lẩn quẩn như thế sẽ mãi mãi tồn tại, phát triển, trừ khi người tu có thể đoạn trừ tận gốc rễ của tính dục. Trong nhiều kinh điển khác, đức Phật thường đưa ra ví dụ người khát uống nước muối, càng uống lại càng khát nhiều hơn nữa.

² Theo cách phân biệt như nêu trong đoạn này thì sự khác biệt giữa hình tướng nam nữ không còn quan trọng nữa, cũng không có ý nghĩa gì trong sự xác định năng lực giải thoát của một người.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Như có những người nữ nào có thể biết rằng tự thân quyết có tánh Phật, nên biết rằng những người ấy tức là nam tử.

“Thiện nam tử! Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này gồm thâu các công đức vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thuyết giảng được tạng sâu kín của Như Lai. Cho nên những kẻ nam người nữ nào muốn mau chóng biết được tạng sâu kín của Như Lai thì nên tùy phương tiện mà siêng năng tu tập kinh này.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, như vậy! Đúng như lời Phật dạy, nay con nhờ có tướng trượng phu nên được vào tạng sâu kín của Như Lai. Hôm nay đức Như Lai vừa khai ngộ cho con, nhân đó con chắc chắn sẽ được thông đạt.”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông tùy thuận pháp thế gian mà nói như vậy.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa: “Con chẳng tùy thuận pháp thế gian.”

Phật khen *Ca-diếp* rằng: “Lành thay, lành thay! Nay ông đã biết được mùi vị của pháp cao trởi hơn hết, rất thâm sâu khó biết, thế mà ông được biết. Như loài ong hút lấy mùi vị tinh tế nhất, ông cũng như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như nước tiểu của con muỗi chẳng thể thấm ướt khắp cõi đất này. Sự lưu hành phân bố của kinh này trong tương lai cũng vậy, [không thể nào đủ khắp]. Cũng như nước tiểu của loài muỗi, kinh này về thưở Chánh pháp sắp diệt sẽ bị mất đi ở cõi đất này trước hết. Nên biết rằng đó tức là tướng suy của Chánh pháp.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vừa qua hết mùa hạ, tháng đầu mùa thu trời mưa liên miên nhiều ngày. Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này cũng vậy, vì các vị Bồ Tát ở phương Nam mà sẽ tuôn mưa pháp thấm đẫm khắp nơi. Khi Chánh pháp sắp dứt mất, kinh này sẽ đến xứ *Kế Tân*,¹ đầy đủ không thiếu, được chôn giấu trong lòng đất. Hoặc có người tin, hoặc có người không tin, pháp vị cam lộ của kinh điển Phương đẳng Đại thừa này cũng sẽ nằm sâu trong lòng đất. Kinh này mất đi rồi, tất cả các kinh điển Đại thừa cũng đều sẽ dứt mất. Nếu như ai có được kinh này, đầy đủ không thiếu, đó là bậc cao quý vượt trội giữa loài người. Các vị Bồ Tát nên biết rằng Chánh pháp vô thượng của Như Lai còn chẳng bao lâu nữa sẽ dứt mất.”

Lúc ấy, Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* bạch Phật: “Thế Tôn! Nay *Thuần-đà* còn có lòng nghi, xin Như Lai phân biệt [giảng nói] lần nữa để dứt trừ lòng nghi của ông ấy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông ấy có lòng nghi như thế nào hãy nói ra đi, ta sẽ dứt trừ cho.”

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “*Thuần-đà* có lòng nghi rằng: ‘Như Lai thường trụ là nhờ sức thấy biết được tánh Phật. Nếu thấy tánh Phật rồi là thường, thì lúc chưa thấy đáng lẽ phải là vô thường. Nhưng nếu trước đã vô thường, về sau đáng lẽ cũng như thế. Vì sao vậy? Như những vật ở thế gian trước vốn là không, nay lại thành có, rồi từ có trở lại thành không. Những vật như vậy đều là vô thường. Theo nghĩa ấy thì chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác chẳng khác gì nhau.’”

¹ Nước Kế Tân, tiếng Phạn là *Gāndhāra*, cũng phiên âm là Kiên-đà-la, là một nước thuộc Ấn Độ thời cổ, nằm ở phía bắc lưu vực Ngũ Hà, vùng hạ du sông Kabul, thuộc tây bắc Ấn Độ ngày nay.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Lúc ấy, Thế Tôn liền thuyết kệ rằng:

*Vốn là có mà nay thành không,
Vốn là không mà nay thành có,
Nếu nói trong Ba đời có pháp,¹
Thật không thể có nghĩa như thế!*

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác có chỗ khác nhau mà cũng không khác nhau.”

Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi ngợi khen rằng: “Lành thay! Đúng như lời dạy của Thế Tôn. Nay con mới hiểu rằng chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác có chỗ khác nhau mà cũng không khác nhau.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy rằng tánh của chư Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác vốn không khác biệt. Xin Như Lai phân biệt giảng rộng để làm lợi ích an vui cho hết thảy chúng sanh.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ. Ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

“Thiện nam tử! Ví như một người con nhà trưởng giả kia, nuôi rất nhiều bò sữa, có đủ các sắc lông, thường giao cho một người chăn giữ, chăm sóc. Một hôm, người ấy muốn cúng tế nơi đền thờ nên vắt hết sữa của các con bò, cho vào một cái thùng. Người ấy thấy sữa toàn một màu trắng, lấy làm kinh quái, nghĩ rằng: ‘Bò có màu lông khác nhau, vì sao sữa lại chỉ có một màu?’ Người ấy liền suy nghĩ rằng: ‘Như vậy, tất cả đều do nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh nên khiến cho sữa chỉ có một màu.’”

¹ Ba đời (Tam thế), tức là quá khứ, hiện tại và vị lai.

“Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cũng vậy, thấy đều đồng một tánh Phật, cũng như chất sữa kia [cùng một màu] vậy. Vì sao thế? Vì thấy đều dứt sạch phiền não. Nhưng chúng sanh vẫn nói rằng Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác đều có khác biệt. Có những vị Thanh văn và người phàm phu có lòng nghi đối với *Ba thừa*: “Tại sao không khác nhau?” Các chúng sanh ấy lâu về sau mới tự hiểu ra rằng tất cả *Ba thừa* đều đồng một tánh Phật, cũng như người chủ bò kia tỉnh ngộ mà hiểu rằng màu sắc của sữa là do nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như chất khoáng vàng được nung luyện sạch hết cặn bẩn thành vàng ròng, từ đó mới có giá trị vô cùng. Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cũng thế, đều được thành tựu cùng một tánh Phật. Vì sao vậy? Vì dứt trừ phiền não, cũng như khoáng vàng kia lọc bỏ những chất cặn bẩn. Vì nghĩa ấy nên tất cả chúng sanh đều cùng một tánh Phật chẳng khác gì nhau. Vì trước được nghe tạng sâu kín của Như Lai nên sau mới thành Phật, tự nhiên được rõ biết, cũng như ông trưởng giả kia biết được sữa chỉ có một màu. Vì sao vậy? Vì đã dứt sạch vô số phiền não.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, thì Phật với chúng sanh có khác gì nhau? Thuyết giảng như vậy thật quá sai lầm! Nếu như chúng sanh đều có tánh Phật, vì nhân duyên gì mà những người như ông *Xá-lợi-phất* đều vào *Niết-bàn* bậc hạ? Hàng Duyên giác đều vào *Niết-bàn* bậc trung? Hàng Bồ Tát lại vào *Niết-bàn* bậc thượng? Tất cả mọi người nếu

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

cùng một tánh Phật, vì sao chẳng cùng vào *Niết-bàn* của Như Lai?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Niết-bàn* mà chư Phật Thế Tôn chứng đắc không phải chỗ chứng đắc của hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì nghĩa ấy, *Đại Bát Niết-bàn* gọi là *sự hiện hữu tốt đẹp*. Thế gian dù không có Phật vẫn có những người trong *Hai thừa* chứng đắc hai bậc *Niết-bàn*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Nghĩa ấy như thế nào?”

Phật dạy: “Trải qua vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* kiếp mới có một đức Phật ra đời chỉ bày giảng rõ *Ba thừa*.”

“Thiện nam tử! Như ông vừa nói đó, Bồ Tát với hàng Nhị thừa chẳng khác biệt nhau. Trước đây, ở tạng sâu kín của Như Lai trong kinh *Đại Niết-bàn* này đã có thuyết giảng nghĩa đó. Các vị *A-la-hán* chưa phải [đạt đến] *sự hiện hữu tốt đẹp*. Vì sao vậy? Vì tất cả các vị *A-la-hán* [cuối cùng] đều sẽ đạt đến *Đại Niết-bàn* này. Vì nghĩa ấy nên *Đại Bát Niết-bàn* mới có được niềm vui hoàn toàn, rất ráo. Vì thế nên gọi là *Đại Bát Niết-bàn*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Như Phật vừa dạy, nay con mới biết được nghĩa khác nhau và chẳng khác nhau. Vì sao vậy? Vì tất cả Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác, [cuối cùng rồi] trong đời vị lai đều sẽ về nơi *Đại Bát Niết-bàn*, cũng như các dòng nước đều về nơi biển cả. Cho nên hàng Thanh văn, Duyên giác thấy đều gọi là *thường*, chẳng phải *vô thường*. Vì nghĩa ấy nên có chỗ khác nhau mà cũng không khác nhau.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là tánh khác nhau?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hàng Thanh văn ví như sữa, hàng Duyên giác ví như kem sữa, hàng Bồ Tát ví như bơ

sữa, chur Phật Thế Tôn ví như *đê-hồ*.¹ Vì nghĩa ấy, trong kinh Đại *Niết-bàn* này ta nói bốn loại tánh khác biệt nhau.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch: “Tánh tướng của tất cả chúng sanh là như thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như con bò cái mới sanh con, sữa và máu chưa phân biệt. Tánh phàm phu lẫn lộn các phiền não cũng giống như vậy.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch: “Trong thành *Câu-thi-na* có người dòng *chiên-đà-la* tên là Hoan Hỷ. Phật có thọ ký cho người ấy rằng, nhờ một lần phát tâm mà sẽ mau chóng được thành đạo Vô thượng Chánh giác trong thế giới này, nằm trong số một ngàn đức Phật sẽ ra đời. Vì sao Như Lai chẳng thọ ký cho những người như tôn giả *Xá-lợi-phất*, *Mục-kiền-liên*... được sớm thành Phật đạo?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có những Thanh văn, Duyên giác hoặc Bồ Tát phát thệ nguyện rằng: ‘Tôi sẽ hộ trì Chánh pháp rất lâu, rồi sau mới thành Phật đạo vô thượng.’ Vì [những người] phát nguyện nhanh chóng mới thọ ký [cho họ] nhanh chóng [thành Phật].

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như nhà buôn kia có một vật báu vô giá, mang đến chợ bán. Những kẻ ngu nhìn thấy không biết, chê cười. Người chủ vật báu nói to rằng: ‘Hạt châu báu của tôi đây giá trị vô cùng.’ Họ nghe rồi lại cười nữa, thảy đều bảo nhau rằng: ‘Đây chẳng phải hạt châu thật, chỉ là pha lê thôi.’

¹ Sữa, kem sữa, bơ, *đê-hồ*... là các món ăn lần lượt được chế biến từ sữa bò, trong đó *đê-hồ* là món tinh khiết nhất, ngon và quý nhất.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy. Nếu nghe việc mau chóng thọ ký, ắt sẽ biếng nhác, chê cười, khinh dễ, như những kẻ ngu kia chẳng biết vật báu thật.

“Trong đời vị lai sẽ có những *tỳ-kheo* không chịu chuyên cần tu tập thiện pháp; họ bần cùng khốn khổ, bức thiết vì nỗi đói khát, vì thế mới xuất gia để được no ấm tẩm thân. Tâm ý họ dễ duôi, đời sống gian tà, bợ đỡ nịnh hót. Nếu họ nghe hàng Thanh văn được Như Lai thọ ký sớm thành Phật, ắt họ sẽ cười to, khinh mạn, chế nhạo. Nên biết rằng đó là bọn phá giới, họ tự nói rằng chúng đắc quả thánh.

“Vì lẽ ấy nên tùy theo sự phát nguyện nhanh chóng mà được thọ ký nhanh chóng. Người [phát tâm] hộ trì Chánh pháp [dài lâu] thì thọ ký lâu xa mới thành Phật.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Bồ Tát *ma-ha-tát* làm thế nào để quyến thuộc khỏi bị hư hoại?”

Phật bảo *Ca-diếp* rằng: “Như những Bồ Tát nào chuyên cần tinh tấn, dốc lòng hộ trì Chánh pháp, nhờ nhân duyên ấy, quyến thuộc khỏi bị hư hoại.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà môi miệng của chúng sanh khô khan, nóng phỏng?”

Phật dạy *Ca-diếp* rằng: “Như ai không biết rằng *Tam bảo* là thường tồn, do nhân duyên ấy môi miệng họ bị khô khan, nóng phỏng. Ví như người trong miệng khó chịu, chẳng phân biệt được sáu vị: ngọt, đắng, cay, chua, mặn,

nhật. Tất cả chúng sanh ngu si không trí tuệ, chẳng biết *Tam bảo* là pháp thường tồn, nên gọi là môi miệng khô khan, nóng phỏng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có chúng sanh chẳng biết Như Lai là thường trụ, nên biết rằng họ là những kẻ đi mù bầm sanh. Những ai biết rằng Như Lai là thường trụ, dù chỉ có mắt thịt nhưng ta cũng gọi họ là có thiên nhãn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như ai có thể biết rằng Như Lai là thường, nên biết rằng những người ấy tu tập kinh điển này đã lâu. Ta nói rằng những người ấy là có thiên nhãn. Dù ai có thiên nhãn mà không biết rằng Như Lai là thường tồn thì ta gọi những kẻ ấy là mang mắt thịt. Hạng người ấy thậm chí không biết được thân thể tay chân của chính họ, cũng không thể làm cho kẻ khác biết được. Vì nghĩa ấy nên gọi là kẻ mang mắt thịt.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như Lai thường vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ. Vì sao vậy? Tất cả chúng sanh, đủ mọi hình tướng, chủng loại, như loài có hai chân, bốn chân, nhiều chân, hoặc không có chân, Phật chỉ dùng một giọng nói mà thuyết pháp với họ, nhưng chúng sanh loài nào cũng hiểu được, thấy đều khen rằng: ‘Hôm nay Như Lai vì tôi mà thuyết pháp.’ Bởi nghĩa ấy, nên gọi Như Lai là cha mẹ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như người kia sanh một đứa con mới được mười sáu tháng. Tuy có nói chuyện, nhưng trẻ chưa thể hiểu được. Cha mẹ muốn dạy trẻ nói, trước hết phải nói một giọng theo nó, rồi dần dần mới dạy nó. Vậy giọng nói theo như trẻ của cha mẹ có gọi là không đúng hay chẳng?”

“Bạch Thế Tôn! Không phải vậy.”

“Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai cũng vậy, tùy theo đủ loại tiếng nói của chúng sanh mà thuyết pháp, vì muốn giúp cho họ trụ yên nơi Chánh pháp. Tùy theo ý muốn của chúng sanh mà thị hiện đủ mọi hình tướng. Như Lai nói theo đồng một giọng nói với chúng sanh, vậy có gọi là không đúng hay chẳng?”

“Bạch Thế Tôn! Không phải vậy. Vì sao? Vì chỗ thuyết dạy của Như Lai dường như tiếng sư tử rống, tùy theo đủ mọi âm thanh của thế gian mà diễn giải, thuyết giảng giáo pháp mầu nhiệm.”

PHẨM ĐẠI CHÚNG THƯA HỎI

Phẩm thứ năm - Phần một¹

Lúc ấy, từ nơi khoảng giữa hai chân mày trên trán, Thế Tôn phóng ra hào quang đủ các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, chiếu đến thân *Thuần-đà*. *Thuần-đà* chạm hào quang ấy rồi liền cùng với quyến thuộc mang những thức ăn ngon đến chỗ Phật, muốn được cúng dường Như Lai và các vị *tỳ-kheo* tăng lần sau cùng. Những bát đĩa đủ loại chứa đầy thức ăn được đưa đến phía trước đức Phật.

Lúc ấy có những vị thiên nhân oai đức lớn đến ngăn phía trước mặt và vây quanh bảo *Thuần-đà* rằng: “*Thuần-đà*! Hãy đứng lại đó, chớ vội cúng dường.”

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 10, phẩm Đại chúng thưa hỏi thứ 17 (Nhất thiết đại chúng sở vấn đệ thập thất). Theo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiền thì từ đây bắt đầu phẩm Tùy hỷ thứ 18, thuộc quyển 6.

Đang lúc ấy, Như Lai lại phóng ra vô lượng vô biên đủ loại hào quang. Đại chúng chư thiên chạm phải hào quang này rồi liền để cho *Thuần-đà* đi đến chỗ Phật mà dâng hiến lễ cúng.

Lúc ấy, chư thiên và tất cả chúng sanh thấy đều tự mang những vật thực cúng dường của mình đến phía trước Phật, quỳ mọp xuống bạch Phật rằng: “Nguyện đức Như Lai cho phép chư *tỳ-kheo* thọ nhận các món ăn này.”

Lúc ấy, chư *tỳ-kheo* biết là đã đúng giờ, bèn đắp y, ôm bát, định tâm an ổn. Lúc ấy, *Thuần-đà* vì Phật và chư Tăng mà sắp xếp các tòa sư tử quý báu, treo các phướn, lọng bằng lụa, chuỗi ngọc hương hoa... Lúc ấy, cõi Tam thiên đại thiên được trang nghiêm vi diệu, dường như cõi nước An Lạc ở phương tây.¹

Bấy giờ *Thuần-đà* đứng trước Phật, ưu bi thăm đạm, bạch Phật một lần nữa: “Nguyện được Như Lai đem lòng thương xót, trụ lại cõi thế này một kiếp hoặc một kiếp giảm.”

Phật bảo *Thuần-đà*: “Như ông muốn ta trụ lâu cõi thế, vậy hãy mau cúng dường lần cuối cùng để cho trọn vẹn hạnh Bồ thí *Ba-la-mật*² của ông.”

Bấy giờ, tất cả các vị Đại Bồ Tát và chư thiên, loài người, tuy khác miệng mà đồng âm, thấy đều nói lên những lời này: “Lạ thay, *Thuần-đà*! Người được phước đức lớn, có thể khiến Như Lai thọ nhận bữa cúng dường cuối cùng cao trở hơn hết. Chúng ta đây không có phước nên mọi lễ vật bày ra phải bị dẹp bỏ.”

¹ Cõi nước An Lạc ở phương tây: Tức là Cực Lạc thế giới của đức Phật A-di-đà.

² Đàn Ba-la-mật hay Đàn-na Ba-la-mật (*dānapāramitā*), dịch nghĩa: Bồ thí độ hay Thí độ, một hạnh trong sáu hạnh lớn của hàng Bồ Tát.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Bấy giờ, muốn làm cho tất cả Đại chúng đều được thỏa lòng, từ mỗi lỗ chân lông nơi thân của Thế Tôn liền hóa ra vô lượng chư Phật, mỗi đức Phật có vô lượng chư *tỳ-kheo* tăng [vây quanh]. Chư Thế Tôn ấy và vô lượng đại chúng thấy đều thị hiện thọ nhận đồ cúng dường của chư thiên và loài người. Đức *Thích-ca* Như Lai tự ngài thọ nhận bữa cơm mà *Thuần-đà* cúng dường.

Lúc ấy, món cơm vừa nấu chín mà *Thuần-đà* dâng lên được lấy ở nước *Ma-kiệt-đà*,¹ chứa đầy tám hộc.² Nhờ sức thần của Phật mà có thể làm cho tất cả chúng hội đều no đủ.

Bấy giờ, *Thuần-đà* nhìn thấy như vậy rồi, trong lòng lấy làm vui vẻ, phấn khởi vô cùng. Tất cả đại chúng cũng vậy. Lại nương theo ý Phật, tất cả đại chúng đều nghĩ rằng: “Nay Như Lai đã thọ nhận đồ dâng cúng của chúng ta, ắt không bao lâu nữa sẽ vào *Niết-bàn*.” Nghĩ như vậy rồi, ai lấy đều cảm thấy buồn vui lẫn lộn.

Khi ấy, đất đai ở rừng cây tuy nhỏ hẹp nhưng nhờ sức thần của Phật nên mỗi khoảng đất như đầu kim cũng đều có vô lượng chư Phật Thế Tôn cùng quyến thuộc ngồi thọ thực. Món ăn của tất cả các vị đều không khác biệt nhau.

Lúc ấy, chư thiên, loài người, *a-tu-la* đều than khóc sâu thẳm, cùng nói lời này: “Hôm nay Như Lai đã thọ bữa

¹ Ma-kiệt-đà (Magadha), cũng đọc là Ma-già-đà hay Ma-kiệt-dê, hoặc Ma-yết-đà, là một trong 16 nước lớn ở Ấn Độ vào thời đức Phật. Có thời Ma-kiệt-đà đã từng là quốc gia lớn nhất, kinh đô là thành Vương Xá (Rajagraha). Vào thời đức Phật, vua Tần-bà-sa-la trị vì nước Ma-kiệt-đà, bị con là thái tử A-xà-thế soán ngôi và giam vào ngục cho đến chết. Vị trí hiện nay của Ma-kiệt-đà là thuộc về Nam Bihar, miền Bắc Ấn Độ.

² Hộc: đơn vị đo lường ngày xưa, mỗi hộc bằng 10 đấu.

cúng dường cuối cùng do chúng ta dâng hiến. Thọ cúng dường rồi ngài sẽ vào *Niết-bàn*. Rồi đây chúng ta còn biết cúng dường cho ai? Chúng ta sắp vĩnh biệt đức Điều ngự vô thượng, sẽ trở nên tối tăm như những kẻ mù lòa.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn an ủi tất cả đại chúng liền nói kệ rằng:

*“Các ông đừng sầu thảm,
Pháp Phật đều như vậy.
Ta vào cõi Niết-bàn,
Đã qua vô lượng kiếp.
Thường hưởng vui tốt bậc,
Vĩnh viễn nơi yên ổn.
Nay phải hết lòng nghe,
Ta dạy pháp Niết-bàn.
Ta đã lia ăn uống,
Không có sự đói khát.
Nay ta vì các ông,
Thuyết giảng nguyện tùy thuận,
Khiến cho toàn đại chúng,
Đều được vui an ổn.
Nghe xong, nên tu hành,
Phật và Pháp thường trụ.
Ví như quạ, chim cú¹
Cùng đậu chung một cây,*

¹ Quạ và chim cú: Chim quạ đi ăn ban ngày, chim cú đi ăn ban đêm, hai loài trái ngược nhau không thể cùng chung sống. Đoạn này ý nói vì đây là điều không thể có nên việc Như Lai dứt tất cả mà vào Niết-bàn vĩnh viễn cũng là không thể có, nên biết rằng Như Lai là thường trụ, chỉ thị hiện Niết-bàn mà thôi. Các đoạn tiếp theo đưa ra những điều không thể có cũng đều đồng một ý tương tự như đoạn này.

*Như anh em thân thiết,
Mới Niết-bàn vĩnh viễn.*

*Như Lai thương tất cả,
Đồng như La-hầu-la,
Chúng sanh thường tôn kính,
Sao dứt vào Niết-bàn?*

*Giả sử rắn, chuột, sói,
Cùng ở chung một hang,
Thương nhau như anh em,
Mới Niết-bàn vĩnh viễn.*

*Như Lai thương tất cả,
Đồng như La-hầu-la,
Chúng sanh thường tôn kính,
Sao dứt vào Niết-bàn?*

*Giả sử hoa thất diệp,
Tỏa hương hoa bà-sư;
Trái cây ca-lưu-ca,
Biến thành trái trăn-đầu,¹
Ta mới vào Niết-bàn.*

*Như Lai thương tất cả,
Đồng như La-hầu-la,
Sao lại bỏ từ bi,
Vào mãi nơi Niết-bàn?*

*Giả sử nhất-xiển-đề,
Ngay đời này thành Phật,*

¹ Ca-lưu-ca (cũng đọc là ca-lu-ca hay ca-la-ca) và trăn đầu (hay trăn-dầu-ca) là hai thứ trái rất giống nhau, rất khó phân biệt, nhưng trái ca-lưu-ca có độc, ăn vào phải chết, còn trái trăn-dầu là loại trái ăn được. (Xem lại quyển sáu).

*Thọ hưởng vui bậc nhất,
Ta mới vào Niết-bàn.*

*Như Lai thương tất cả,
Đồng như La-hầu-la,
Sao lại bỏ từ bi,
Vào mãi nơi Niết-bàn?*

*Giả sử toàn đại chúng,
Cùng lúc đều thành Phật,
Lìa hẳn mọi lỗi lầm,
Ta mới vào Niết-bàn.*

*Như Lai thương tất cả,
Đồng như La-hầu-la,
Sao lại bỏ từ bi,
Vào mãi nơi Niết-bàn?*

*Như nước tiểu loài muỗi,
Uớt dẫm khắp mặt đất,
Núi non, trăm sông suối,
Ngập tràn cả biển lớn.
Nếu có chuyện như vậy,
Ta mới vào Niết-bàn.*

*Lòng bi thương tất cả,
Đồng như La-hầu-la,
Chúng sanh thường tôn kính,
Sao dứt vào Niết-bàn?*

*Các ông vì lẽ ấy,
Nên hâm mộ Chánh pháp.*

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

*Chẳng nên sanh sâu nã,
Than khóc và kể lễ.*

*Muốn thành hạnh chân chánh,
Nên tu Như Lai thường,
Nên quán pháp thế này:
Lâu dài, không biến đổi.*

*Lại nên nghĩ thế này:
Tam bảo đều thường trụ.
Liên được che chở lớn,
Như cây khô sanh quả.¹*

*Đó gọi là Tam bảo.
Bốn chúng² nên nghe kỹ.
Nghe rồi nên vui vẻ,
Liên phát tâm Bồ-đề.*

*Có thể biết Tam bảo
Là thường trụ, chân thật,
Đó là nguyện cao nhất,
Của tất cả chư Phật.*

“Như có những *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* có thể nương theo lời nguyện cao nhất của Như Lai mà phát nguyện, nên biết rằng những người ấy không hề ngu si, đủ sức thọ lãnh sự cúng dường. Nhờ sức nguyện ấy, quả báo công đức là cao trở nhất trong thế gian, cũng như bậc *A-la-hán*. Nếu có những ai không thể quán tưởng lẽ Tam

¹ Nguyện lực có thể làm cho cây khô sanh ra hoa trái, ý nói sức gia hộ không thể nghĩ bàn của Tam bảo.

² Bốn chúng: *Tỳ-kheo*, *Tỳ-kheo ni*, *Ưu-bà-tắc*, *Ưu-bà-di*. *Tỳ-kheo* và *Tỳ-kheo ni* là hai chúng đệ tử xuất gia của Phật, nam và nữ. *Ưu-bà-tắc* và *Ưu-bà-di* là hai chúng đệ tử tại gia của Phật, nam và nữ.

bảo thường tôn, thì đó là hạng *chiên-dà-la*.¹ Những ai có thể biết lẽ *Tam bảo* thường trụ, nhân duyên thật pháp thì lìa được khổ não, đạt được an vui, không phải chịu những sự nhiều hại hoặc tai nạn.”

Lúc ấy, đại chúng gồm chư thiên, loài người và *a-tu-la* nghe pháp ấy rồi, sanh lòng vui vẻ, phấn khởi vô cùng. Tâm họ trở nên thuần thực hiền hòa, khéo trừ được những thứ che lấp,² không còn có tâm phân biệt cao thấp, oai đức thanh tịnh, vẻ mặt vui tươi, biết rằng Phật là thường trụ. Cho nên họ bày ra những món cúng dường của chư thiên, rải các thứ hoa, hương bột, hương thoa, và trỗi lên những khúc nhạc trời để cúng dường Phật.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ Tát *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Ông có thấy việc ít có trong đại chúng này chăng?”

Ca-diếp thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, con đã thấy! Con thấy các đức Như Lai vô lượng vô biên không thể nói hết, thọ nhận thức ăn uống của đại chúng chư thiên và loài người cúng dường. Con lại thấy chư Phật thân tướng cao lớn đẹp đẽ ngồi nơi chỗ ngồi chỉ bằng đầu cây kim, lại có rất nhiều người hầu quanh mà vẫn không đụng chạm, chướng ngại. Con lại thấy đại chúng thấy đều phát lời thệ nguyện nói ra mười ba bài kệ. Con cũng biết trong đại chúng ai nấy đều tự nghĩ rằng: ‘Hôm nay đức Như Lai riêng thọ nhận sự cúng dường của tôi.’”

¹ Chiên-dà-la (Candala): Trong xã hội Ấn Độ xưa, theo quan điểm của đạo Bà-la-môn, chiên-dà-la là hạng người hèn hạ hơn hết, ở dưới cả bốn giai cấp trong xã hội: Sát-ly, Bà-la-môn, Phệ-xà, Thủ-dà-la.

² Tức là phiền não, vì phiền não che lấp trí tuệ, làm cho những gì chân chánh không thể hiển lộ.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Giả sử thức ăn uống mà *Thuần-đà* phụng hiến đó nghiền nát thành những hạt bụi rất nhỏ, rồi cúng dường cho mỗi vị Phật chỉ một hạt bụi đó thôi cũng không đủ số, nhưng nhờ sức thần của Phật mà được đầy đủ cho đến hết thủy đại chúng. Chỉ có chư Đại Bồ Tát và những vị như Pháp vương tử *Văn-thù-sư-lợi* mới có thể biết được việc ít có như vậy. Đó là chỗ phương tiện thị hiện của Như Lai vậy. Đại chúng Thanh văn và hàng *a-tu-la* thủy đều biết rằng Như Lai là pháp thường trụ.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo *Thuần-đà* rằng: “Sự việc ông thấy hôm nay có phải là kỳ lạ ít có hay chăng?”

Thuần-đà thưa: “Quả thật vậy, Thế Tôn! Trước con đã thấy vô lượng chư Phật đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân. Bây giờ con chỉ thấy các vị Đại Bồ Tát tướng mạo quý lạ, cao lớn đẹp đẽ, duy thấy thân Phật như cây thuốc chúa¹ có các vị Đại Bồ Tát vây quanh.”

Phật bảo *Thuần-đà*: “Lúc nãy ông nhìn thấy vô lượng chư Phật đều là do ta hóa hiện để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, khiến họ được vui vẻ; còn các vị Đại Bồ Tát ấy thì chỗ tu hành đạt đến đều không thể nghĩ bàn, có thể làm được vô số Phật sự.

“*Thuần-đà*! Nay ông đã thành tựu hạnh Bồ Tát *ma-ha-tát*, được trụ ở hàng *Thập địa*, đã làm xong những việc cần làm.”

¹ Nguyên bản dùng dược thụ (藥樹), trong các kinh văn khác thường dùng dược thọ vương (藥樹王) hay dược vương thọ (藥王樹), đều để chỉ thân ứng hiện độ sanh của chư Phật, Bồ Tát, vì các ngài thị hiện cứu thoát mọi khổ nạn cho chúng sanh, ví như cây thuốc chúa là quý nhất trong các loại cây thuốc, có khả năng trị liệu tất cả các loại bệnh tật.

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Quả như lời Phật dạy, chỗ tu tập của *Thuần-đà* đã thành tựu hạnh Bồ Tát, con cũng mừng cho ông ấy. Nay đức Như Lai vì muốn chiếu ánh sáng lớn cho vô lượng chúng sanh đời vị lai nên thuyết giảng kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* này.

“Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa giảng thuyết trong tất cả *Khế kinh* là *hữu dư* hay *vô dư*?¹

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ý nghĩa trong các pháp ta thuyết giảng là *hữu dư*, cũng là *vô dư*.”

Thuần-đà bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như Phật có nói kệ:

*“Những gì mình có,
Bố thí hết thảy,
Chỉ được khen ngợi,
Không hề thiệt mất.”*

“Bạch Thế Tôn! Nghĩa ấy là thế nào? Trì giới và phá giới có gì khác nhau?”

Phật dạy: “Chỉ trừ [việc bố thí cho] một người, còn ngoài ra hết thảy sự bố thí đều đáng khen ngợi.”

Thuần-đà hỏi rằng: “Tại sao gọi là chỉ trừ một người?”

Phật dạy: “Đó là người phá giới như đã thuyết giảng trong kinh này.”

Thuần-đà lại bạch Phật: “Nay con chưa hiểu, xin Phật dạy rõ.”

¹ Nghĩa hữu dư, nghĩa vô dư: Nghĩa hữu dư là nghĩa còn có thể bổ khuyết cho đầy đủ. Nghĩa vô dư là nghĩa trọn vẹn, tuyệt đối, không thể thêm bớt, thay đổi.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Phật bảo *Thuần-đà*: “Nói phá giới đó là hạng *nhất-xiển-đề*. Ngoài ra, hết thấy những chỗ bố thí đều đáng khen ngợi, được quả báo lớn.”

Thuần-đà lại thưa hỏi: “Nói *nhất-xiển-đề* nghĩa là thế nào?”

Phật dạy: “*Thuần-đà*! Như có *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo* ni, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* nói ra những lời thô ác, phỉ báng Chánh pháp, tạo nghiệp nặng như vậy mà vĩnh viễn không hối cải, lòng không chút hổ thẹn. Những người như vậy gọi là hướng theo con đường *nhất-xiển-đề*.

“Như có những kẻ phạm *Bốn tội trọng*, làm *Năm tội nghịch*, tự biết chắc rằng mình đã phạm tội nặng như vậy, nhưng trong lòng không hề sợ sệt, hổ thẹn, không chịu bộc lộ ra, đối với Chánh pháp không hề có lòng mến tiếc, ủng hộ, xây dựng, lại chê bai khinh rẻ, nói ra nhiều điều sai trái. Những người như vậy, cũng gọi là hướng theo con đường *nhất-xiển-đề*.

“Lại như có kẻ nói rằng: ‘*Không có Phật, Pháp, Tăng*’, đó cũng gọi là hướng theo con đường *nhất-xiển-đề*.

“Chỉ trừ những kẻ *nhất-xiển-đề* như thế, ngoài ra bố thí cho tất cả đều đáng khen ngợi.”

Lúc ấy, *Thuần-đà* lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nói phá giới là nghĩa như thế nào?”

Phật dạy: “*Thuần-đà*! Nếu phạm *Bốn giới cấm nặng* cùng *Năm tội nghịch*, phỉ báng Chánh pháp, những người như vậy gọi là phá giới.”

Thuần-đà lại hỏi: “Phá giới như vậy, còn có thể cứu vớt được chăng?”

Phật dạy: “*Thuần-đà!* Nếu có nhân duyên thì có thể cứu vớt được. Chẳng hạn như vãn chưa cởi bỏ pháp phục, trong tâm thường tự biết hổ thẹn, sợ sệt, luôn tự trách mình rằng: ‘Chao ôi! Sao ta phạm tội nặng như thế? Quái lạ thay! Sao ta tạo nghiệp khổ như thế?’ Trong lòng liền cải hối, sanh tâm hộ pháp, muốn tạo lập Chánh pháp, nghĩ rằng: ‘Nếu có ai hộ pháp, tôi sẽ cúng dường. Nếu có ai đọc tụng kinh điển Đại thừa, tôi sẽ đến thưa hỏi [người ấy] và thọ trì, đọc tụng. Khi đọc tụng thông suốt rồi, tôi lại sẽ vì người khác phân biệt giảng rộng.’ Ta dạy rằng người như vậy chẳng phải là phá giới.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Ví như mặt trời hiện ra có thể trừ được tất cả những sự mờ mịt, tối tăm. Kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này xuất hiện hưng thịnh ở thế gian cũng vậy, có thể trừ được các tội mà chúng sanh đã làm trong vô lượng kiếp. Cho nên kinh này dạy rằng: ‘Ứng hộ Chánh pháp được quả báo lớn, cứu vớt những kẻ phá giới.’

“Như có ai hủy báng Chánh pháp mà có thể tự cải hối, trở về với pháp, tự xét rằng tất cả những điều bất thiện mà mình đã làm đó như tự hại lấy mình, bèn sanh lòng lo sợ, kinh hãi, hổ thẹn, [nghĩ rằng:] ‘Trừ Chánh pháp này ra, không còn chỗ cứu hộ nào khác. Vậy nên phải trở về với Chánh pháp.’ Nếu [ai] có thể quay về nương tựa [Chánh pháp] theo lời ta dạy như thế, thì bố thí cho người ấy sẽ được phước vô lượng. Người ấy cũng được xưng là xứng đáng thọ nhận sự cúng dường. Nếu ai đã phạm những tội ác kể trên mà trải qua một tháng hoặc mười lăm ngày không khởi tâm quay về nương tựa [Chánh pháp], phát lộ [lỗi lầm], thì việc bố thí cho người ấy được quả báo rất ít ỏi.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Người phạm *Năm tội nghịch* cũng vậy, nếu có thể sanh tâm hối lỗi, trong lòng luôn biết hổ thẹn: ‘Nay tôi đã làm nên nghiệp bất thiện, thật là khổ lớn! Tôi nên tạo lập và hộ trì Chánh pháp.’ Người như vậy không gọi là phạm *Năm tội nghịch*, nếu bố thí cho người ấy sẽ được phước vô lượng. Như ai phạm tội nghịch rồi chẳng sanh lòng quay lại nương tựa [Chánh pháp], hộ pháp, nếu bố thí cho người ấy thì phước đức không đáng kể.

“Lại nữa, thiện nam tử! Về kẻ phạm tội nặng, ông nay hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng rộng. Nên sanh tâm như thế này: ‘Chánh pháp là kho tàng sâu kín của Như Lai, cho nên tôi sẽ hộ trì, xây dựng.’ Bố thí cho người như vậy sẽ được quả báo tốt đẹp.

“Thiện nam tử! Ví như có người đàn bà mang thai gần sanh, gặp khi trong nước loạn lạc, liền trốn sang nước khác, ở trong một cái miếu thờ thần, rồi sanh con tại đó. Khi nghe rằng nước cũ của mình được yên ổn sung túc, bèn dắt con định trở về. Nửa đường gặp một con sông, nước ngập tràn trề chảy xiết. Cô bế con lên nhưng không thể lội tới bờ bên kia, liền tự nghĩ rằng: ‘Nay ta thà cùng sống chết với con, quyết không bỏ con để qua sông một mình.’ Vừa nghĩ như vậy rồi thì cả hai mẹ con liền chìm xuống nước mà chết. Sau khi chết, cô được sanh lên cõi trời. Đó là nhờ lòng thương con, muốn đưa con qua sông, chứ cô ấy vốn tánh xấu ác. Nhờ thương con mà cô được sanh lên cõi trời.¹

¹ Một ví dụ tương tự đã được ông Thuận-dà nêu ra khi đối đáp với ngài Văn-thù-sư-lợi. Xin xem lại trang 229, Tập 1. Các ví dụ này là những minh họa rõ nét cho giáo lý về “cận tử nghiệp”, cũng là một cơ sở quan trọng trong giáo pháp Tịnh độ. Theo đó, người đã tạo nhiều nghiệp ác nhưng nếu chí thành sám hối, tu tập pháp niệm Phật thường xuyên cho đến lúc lâm chung thì sẽ được Phật A-di-đà và Thánh chúng tiếp dẫn. Những ai còn hoài nghi về pháp môn Tịnh độ có thể

“Kẻ phạm bốn giới cấm nặng, năm tội vô gián, nếu sanh lòng hộ pháp thì cũng như vậy. Tuy trước đã tạo nghiệp bất thiện nhưng nhờ hộ pháp nên được trở thành ruộng phước cao trổ nhất ở thế gian. Người hộ pháp ấy có quả báo vô lượng như vậy.”

Thuần-đà lại bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu kẻ *nhất-xiển-đề* có thể tự cải hối, cung kính cúng dường, ngợi khen *Tam bảo*. Bố thí cho kẻ ấy có được quả báo lớn hay chăng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông chớ nên nói ra lời ấy. Thiện nam tử! Ví như có người kia ăn trái *am-la* rồi nhả hạt xuống đất. Nhưng người ấy lại nghĩ rằng: ‘Trong cái hạt này chắc có vị ngọt.’ Liên nhặt hạt lên, đập ra mà nếm. Thấy vị rất đắng, liền sanh lòng hối tiếc. Vì sợ mất giống trái, người ấy liền nhặt hết những mảnh hạt rồi trồng xuống đất, siêng năng chăm sóc, tùy theo lúc thích hợp mà tưới bằng bơ, dầu, sữa. Ý ông thế nào? Hạt ấy có thể mọc lên chăng?”

Thuần-đà thưa: “Bạch Thế Tôn, không thể được! Ví như có được cơn mưa tốt lành nhất cũng không thể mọc mầm lên được!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Kẻ *nhất-xiển-đề* kia lại cũng như vậy, căn lành đã bị cháy mất cả rồi, còn do đâu mà được trừ tội? Thiện nam tử! Nếu còn có thể phát sanh lòng lành thì không gọi là *nhất-xiển-đề*.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên quả báo của hết thảy mọi việc bố thí chẳng phải là không khác nhau. Vì sao vậy? Bố thí cho hàng Thanh văn thì được quả báo khác. Bố thí cho Bích-chi Phật lại được quả báo khác nữa. Chỉ có sự bố thí [cúng dường] đức Như Lai là được quả báo cao

xem đây như một dẫn chứng về sự thuyết dạy của Phật trong kinh điển Đại thừa cũng hoàn toàn phù hợp với giáo nghĩa về Tịnh độ.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

nhất. Cho nên ta dạy rằng: “Tất cả các việc bố thí chẳng phải là không có khác biệt.”

Thuần-đà thưa hỏi: “Vì sao Như Lai thuyết bài kệ ấy?”

Phật dạy: “*Thuần-đà*! Vì có nhân duyên ta mới thuyết kệ ấy. Trong thành *Vương Xá* có một *ưu-bà-tắc* lòng tin không trong sạch, phụng sự bọn ngoại đạo *Ni-kiên*.¹ Người *ưu-bà-tắc* ấy có đến hỏi ta về nghĩa bố thí. Vì nhân duyên đó ta mới thuyết bài kệ ấy. Ta cũng vì chư Đại Bồ Tát nên thuyết giảng nghĩa của kho tàng [Chánh pháp] sâu kín.”

Thuần-đà lại hỏi: “Thế Tôn! Như bài kệ ấy, ý nghĩa như thế nào?”

Phật dạy: “Nói ‘*hết thấy*’ là [muốn chỉ đến một] ít phần trong tất cả. Nên biết rằng Đại Bồ Tát là bậc anh hùng trong nhân loại, thâm nhiếp những kẻ nghiêm trì giới luật, bố thí cho đủ mọi sự cần dùng; lại trừ bỏ kẻ phá giới như trừ bỏ loài cỏ dại.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như trước đây ta có thuyết kệ rằng:

*Hết thấy các sông,
Đều có khúc quanh.
Hết thấy rừng rậm,
Đều là cây cối.*

*Hết thấy người nữ,
Lòng không ngay thẳng,
Hết thấy tự tại,
Đều được an vui.”*

Lúc ấy, Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén tay áo bên vai phải, quỳ gối phải sát đất, kính lễ dưới chân Phật rồi nói kệ rằng:

¹ Ni-kiên, hay Ni-kiên-đà (*Nigantha*), Hán dịch nghĩa là Ly hệ giả, là phái tu ngoại đạo không mặc quần áo (lỏa thể), vì cho rằng y phục là sự ràng buộc.

*“Chẳng phải hết thủy sông,
Đều là chảy uốn khúc,
Chẳng phải hết thủy rừng,
Đều là cây cối hợp.*

*Chẳng phải mọi người nữ,
Lòng đều không ngay thẳng,
Hết thủy người tự tại,
Chưa hẳn được an vui.*

“Thế Tôn! Phật giảng thuyết kệ ấy chắc hẳn còn chưa hết nghĩa. Xin Phật rủ lòng thương xót giảng giải nhân duyên ấy.

“Vì sao vậy? Trong cõi Tam thiên đại thiên này có một cái bãi tên là *Câu-da-ni*. Dưới bãi có một con sông ngay thẳng không uốn khúc, tên là *Ta-bà-da*, thẳng như đường dây mực, chảy vào Tây hải. Trong các kinh khác Phật chưa từng nói đến tướng trạng sông này. Nguyện đức Như Lai nhân kinh Phương đẳng này và kinh *A-hàm* mà nói nghĩa còn lại, để cho các vị Bồ Tát hiểu sâu nghĩa ấy.

“Thế Tôn! Ví như có người trước đã biết khoáng vàng, nhưng sau chẳng biết vàng ròng. Như Lai cũng thế, ngài hiểu biết tường tận các pháp, nhưng chỗ diễn thuyết chưa trọn hết nghĩa. Tuy Như Lai giảng nghĩa chưa trọn hết, nhưng nên tùy phương tiện để hiểu được ý thú.

“*Hết thủy rừng rậm đều là cây cối*, câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Vì có rất nhiều cây quý bằng vàng, bạc, lưu ly mà người ta cũng gọi là rừng!

“*Hết thủy người nữ lòng không ngay thẳng*, câu này cũng chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Vì có những phụ nữ khéo giữ gìn giới cấm, thành tựu công đức, có lòng đại từ bi.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“*Hết thấy tự tại đều được an vui*, câu này cũng chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Vì chỉ có bậc Thánh để *Thích-ca* được nuôi dưỡng trong Chánh pháp, là đấng Pháp vương Như Lai, không tùy thuộc ma chết, không thể dứt mất, [mới thật là tự tại an vui]. Còn những vị *Phạm* vương, *Đế-thích*, chư thiên... tuy có được tự tại nhưng đều là vô thường. Nếu là thường trụ, không biến đổi mới đáng gọi là tự tại. Như thế tức là Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông khéo được tài biện thuyết không ngại.¹ Hãy ngừng lại, lắng nghe đây!

“*Văn-thù-sư-lợi!* Ví như vị trưởng giả, thân thường có bệnh khổ. Lương y chẩn mạch, làm cho món thuốc cao. Bấy giờ người bệnh vì lòng tham nên muốn uống nhiều thuốc ấy. Lương y liền bảo rằng: ‘Nếu có thể tiêu hóa được mới nên uống nhiều, còn ông thân thể suy yếu, chớ nên uống nhiều. Nên biết rằng thuốc cao ấy là *cam lộ* mà cũng là độc dược. Nếu uống nhiều mà không tiêu hóa tức là độc dược.

“Thiện nam tử! Nay ông chớ nên cho rằng lời của lương y ấy là trái nghĩa lý, làm mất sự hiệu nghiệm của món thuốc cao. Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, ngài vì [muốn giáo hóa] các vị quốc vương, hậu phi, thái tử, vương tử, đại thần nên nhân lúc vua *Ba-tư-nặc* cùng vương tử và các hậu phi của vua ấy có lòng kiêu mạn, liền điều phục họ bằng cách thị hiện cho họ hoảng sợ, cũng như vị lương y kia. Cho nên mới thuyết kệ rằng:

*“Hết thấy các sông,
Đều có khúc quanh.*

¹ Nguyên bản dùng “lạc thuyết chi biện”, tức một trong Bốn biện tài không ngại (Tứ vô ngại biện), còn gọi là Lạc thuyết vô ngại biện, chỉ tài biện luận khéo tùy theo căn cơ chúng sanh để giúp người nghe nắm hiểu được Chánh pháp.

*Hết thầy rừng rậm,
Đều là cây cối.
Hết thầy người nữ,
Lòng không ngay thẳng.
Hết thầy tự tại,
Đều được an vui.”*

“*Văn-thù-sư-lợi!* Nay ông nên biết, những điều Như Lai thuyết dạy không hề sai sót. Như cõi đất này có thể bị đảo ngược, nhưng lời nói của Như Lai không hề có chỗ sai sót. Vì nghĩa ấy, hết thầy những điều Như Lai thuyết giảng đều còn có nghĩa khác.”

Lúc ấy Phật khen ngợi *Văn-thù-sư-lợi* rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông biết nghĩa ấy đã lâu, nhưng vì lòng thương xót tất cả, muốn cho chúng sanh được trí huệ nên ông mới hỏi rộng Như Lai về nghĩa của bài kệ ấy.”

Lúc ấy, Pháp vương tử *Văn-thù-sư-lợi* lại đối trước Phật đọc kệ rằng:

*Với lời người khác,
Tùy thuận chẳng nghịch.
Đừng xét kẻ khác,
Làm hoặc chẳng làm.
Chỉ tự xét mình:
Thiện hay bất thiện.*

“Thế Tôn! Ngài thuyết giảng về món thuốc pháp đó, chẳng phải là thuyết chánh. ‘*Với lời người khác tùy thuận chẳng nghịch*’, nguyện xin Như Lai rủ lòng thương thuyết giảng lẽ chân chánh. Vì sao vậy? Thế Tôn thường nói: ‘Tất cả các môn học của ngoại đạo, chín mươi lăm thứ, đều hướng theo nẻo ác.’ Các đệ tử Thanh văn đều noi

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

theo đường chân chánh, khéo hộ trì cấm giới, gìn giữ oai nghi, thủ hộ các căn. Những người như vậy rất hâm mộ đại pháp, đi theo đường lành. Tại sao trong chín bộ kinh, Như Lai chê bai họ, quở trách họ? Như nghĩa của bài kệ ấy là hướng về đâu?”

Phật bảo *Văn-thù-sư-lợi*: “Thiện nam tử! Ta nói bài kệ ấy chẳng phải vì hết thấy chúng sanh, chỉ vì vua *A-xà-thế* lúc đó mà thôi. Nếu chẳng có nhân duyên, chư Phật Thế Tôn không hề nói lẽ trái ngược. Vì có nhân duyên nên ta mới thuyết như vậy.

“Thiện nam tử! Vua *A-xà-thế* giết cha rồi liền đến chỗ ta, muốn khuất phục ta nên cất vấn rằng: ‘Này Thế Tôn, thế nào là ngài thật có trí hiểu biết tất cả, hay ngài không phải hiểu biết tất cả? Nếu là hiểu biết tất cả, thì *Điều-đạt* trong vô số kiếp trước thường ôm lòng ác theo đuổi Như Lai để giết hại, vì sao Như Lai còn cho phép ông ấy xuất gia?’

“Thiện nam tử! Do nhân duyên ấy, ta vì vua *A-xà-thế* mà nói kệ rằng:

*Với lời người khác,
Tùy thuận chẳng nghịch,
Đừng xét kẻ khác,
Làm hoặc chẳng làm,
Chỉ tự xét mình:
Thiện hay bất thiện.*

“Ta lại bảo vua ấy rằng: ‘Đại vương! Nay ông đã hại cha, làm nên tội nghịch, là tội *vô gián* nặng nhất,¹ lẽ ra

¹ Vô gián: không gián đoạn. Những kẻ phạm vào 5 tội nghịch (giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hiệp tăng, làm thân Phật chảy máu) sau khi chết phải

nên bộc lộ [sám hối] để cầu sự trong sạch. Vì có gì lại chỉ thấy lỗi lầm của người khác?”

“Thiện nam tử! Vì nghĩa đó, ta vì vua ấy mà thuyết bài kệ này.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ta cũng vì những kẻ nghiêm giữ cấm giới, [tự mình] thành tựu oai nghi nhưng [thường lưu ý] thấy những lỗi lầm của người khác nên mới thuyết bài kệ này. Lại nữa, nếu ai biết tiếp nhận lời khuyên dạy của người khác mà lìa xa mọi việc ác, lại khuyên dạy người khác khiến cho lìa bỏ mọi việc ác, những người ấy đúng là đệ tử Phật.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn vì *Văn-thù-sư-lợi* mà thuyết bài kệ dưới đây:

*“Ai cũng sợ đao trượng,
Không ai không tham sống,
Suy mình ra người khác,
Đừng giết hại, đánh đập.”*

Liên đó, *Văn-thù-sư-lợi* lại đối trước Phật nói kệ rằng:

*“Không phải ai cũng sợ trượng,
Không phải ai cũng tham sống,
Suy mình hiểu được người khác,
Siêng năng khéo làm phương tiện.”*

“Bạch Thế Tôn! Như Lai thuyết bài kệ nói pháp như trên cũng chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Ví như các vị *A-la-hán* hoặc [các món báu như] ngọc nữ, voi quý, ngựa quý, vị thần chủ kho tàng của vị Chuyển luân Thánh vương, dù cho hàng chư thiên, loài người cùng *a-tu-la* có cầm gươm

dọa vào địa ngục Vô gián (còn gọi là địa ngục A-tỳ), chịu sự hành hạ, đau đớn mãi mãi không gián đoạn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

bén mà hại cũng không thể được.¹ Những bậc dũng sĩ, liệt nữ, ngựa chúa, thú chúa hay vị *tỳ-kheo* trì giới, dù có đối mặt với điều gì cũng không bao giờ sợ sệt. Vì nghĩa ấy, Như Lai thuyết bài kệ trên cũng chưa trọn nghĩa. Như nói “*suy mình ra người khác*” cũng là chưa trọn nghĩa. Vì sao vậy? Nếu vị *A-la-hán* lấy mình mà so với kẻ khác, ắt là có những tư tưởng chấp ngã và thọ mạng. Nếu vị ấy có tư tưởng chấp ngã và thọ mạng, hẳn phải lo giữ gìn, bảo vệ. Người phạm phũ ắt phải xem hết thấy *A-la-hán* đều là những kẻ còn tu hành. Nếu như vậy thì là tà kiến. Nếu có tà kiến, sau khi chết lẽ ra phải sanh vào địa ngục *A-tỳ*. Lại nữa, không thể có việc vị *A-la-hán* đối với chúng sanh lại khởi tâm gây hại; và vô số chúng sanh cũng không thể làm hại được vị *A-la-hán*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nói tư tưởng chấp ngã đó, là nói đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, không có tư tưởng giết hại, là nói *A-la-hán* có tâm bình đẳng. Đừng cho rằng đức Thế Tôn không có nhân duyên mà nói ra lẽ trái ngược.

“Ngày trước, trong thành *Vương Xá* có một người thợ săn giỏi, giết được nhiều con hươu, thỉnh ta đến ăn thịt. Lúc ấy, tuy ta có nhận lời mời thỉnh ấy nhưng đối với chúng sanh luôn khởi lòng đại bi xem như [con mình là] *La-hầu-la*, nên mới thuyết kệ rằng:

“Nếu người muốn trường thọ,
Sống mãi ở thế gian,
Theo pháp không gây hại,
Thọ mạng đồng chư Phật.”

¹ Ngọc nữ, voi quý, ngựa quý, vị thần chủ kho tàng là bốn món quý do oai đức của vị Chuyển luân Thánh vương mà hóa hiện ra, nên không thể làm hư hoại mất.

Và cũng vì thế ta mới thuyết bài kệ này:

*Ai cũng sợ đao trượng,
Không ai không tham sống,
Suy mình ra người khác,
Đừng giết hại, đánh đập.*

Phật lại dạy: “Lành thay, lành thay! Văn-thù-sư-lợi! Ông đã vì các vị Đại Bồ Tát mà thưa hỏi Như Lai về nghĩa lý sâu kín như vậy.”

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi lại đọc kệ thưa hỏi rằng:

*“Kính cha mẹ thế nào,
Thuận theo và tôn trọng,
Vì sao tu pháp ấy,
Đọa vào ngục Vô gián?”*

Đức Như Lai liền đọc kệ đáp lời Văn-thù-sư-lợi:

*“Nếu xem tham ái là mẹ,
Vô minh lại lấy làm cha,
Tùy thuận tôn trọng như thế,
Chắc chắn đọa ngục Vô gián.”*

Lúc ấy, Như Lai lại vì Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi mà thuyết lại bài kệ này:

*“Mọi việc phụ thuộc người khác,
Tất phải gọi đó là khổ.
Mọi việc do mình tự quyết,
Đó là tự tại an vui.
Những ai kiêu căng khinh mạn,
Thế lực hết sức bạo ác.*

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

*Những người hiền lành lương thiện,
Ai ai cũng mến cũng thương.”*

Liên đó, Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Bài kệ mà Như Lai thuyết đó cũng chưa trọn nghĩa. Nguyện Như Lai rủ lòng thương xót nói rõ nhân duyên. Vì sao vậy?

“Như người con của vị trưởng giả, trong khi theo học với thầy, có tùy thuộc ông thầy hay chẳng? Nếu nói tùy thuộc ông thầy thì nghĩa ấy không hợp [với bài kệ trên].¹ Nếu nói không tùy thuộc, nghĩa cũng không hợp [với bài kệ trên]. Nếu nói được tự tại, nghĩa cũng không hợp [với bài kệ trên]. Cho nên chỗ thuyết của Như Lai còn chưa trọn nghĩa.

“Lại nữa, Thế Tôn! Ví như vị vương tử kia không có sự học hỏi luyện tập mọi thứ, đến khi làm việc chẳng được thành công. Như vậy cũng là [tự quyết] tự tại, nhưng thường phải khổ vì ngu si, tối tăm. Vị vương tử như vậy mà nói là tự tại [an vui] thì cũng không hợp nghĩa, còn như nói phụ thuộc người khác [đều là khổ] thì nghĩa ấy cũng không thích hợp. Vì những nghĩa ấy nên chỗ Phật thuyết như trên vẫn còn chưa trọn nghĩa. Cho nên, *hết thấy phụ thuộc người khác* chưa hẳn đã là khổ, *hết thấy do mình tự quyết* chưa hẳn đã được vui.

¹ Vì bài kệ trên nói rằng “phụ thuộc người khác là khổ” nên không hợp nghĩa trong trường hợp này, vì theo thầy học thì sự phụ thuộc đó không thể gọi là khổ. Tham khảo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh nói ý này rõ hơn: 俯仰進止悉由於師。道藝既成永得安樂。” Phủ ngưỡng tấn chỉ tất do sư, đạo nghệ ký thành vĩnh đắc an lạc. ([Kê đi học nghệ thì] mọi sanh hoạt, hành vi đều phụ thuộc ông thầy, nhưng khi đã thành nghệ thì được an vui mãi mãi.)

“*Những ai kiêu căng khinh mạn, thế lực hết sức bạo ác,*’ điều này cũng là chưa trọn nghĩa.

“Bạch Thế Tôn! Có những nữ nhân tánh khí mạnh mẽ, vì lòng kiêu mạn mà xuất gia học đạo, nghiêm giữ cấm giới, thành tựu oai nghi, gìn giữ các căn chẳng cho vọng động. Như vậy thì ‘*hết thấy kiêu căng khinh mạn*’ chưa hẳn đã là *bạo ác*.

“*Những người hiền lành lương thiện, ai ai cũng mến cũng thương,*’ câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Ví như có người trong lòng phạm *Bốn cấm giới nặng*, nhưng không xả bỏ y phục người tu, kiên trì giữ theo oai nghi, những người hộ trì Chánh pháp thấy vậy đều chẳng ưa thích. Người ấy đến lúc mạng chung, ắt đọa địa ngục. Như có người hiền lành đã lỡ phạm cấm giới nặng, những người hộ pháp thấy vậy liền đuổi ra khỏi Tăng đoàn, khiến phải bỏ đạo mà trở lại thế tục. Vì nghĩa ấy nên *những người hiền lành lương thiện* chưa hẳn đã được tất cả mọi người thương mến.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN MƯỜI

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN
QUYỂN MƯỜI MỘT
PHẨM ĐẠI CHÚNG THỬA HỎI
Phẩm thứ năm- Phần hai

Lúc ấy, Phật bảo Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi rằng: “Vì có nhân duyên nên trong bài kệ ấy Như Lai mới thuyết giảng không trọn nghĩa. Lại cũng có nhân duyên nên chư Phật Như Lai mới thuyết giảng pháp này.

“Thuở ấy, thành Vương Xá có một cô gái tên là Thiện Hiền. Nhân khi về thăm nhà cha mẹ, cô có đến chỗ ta mà quy y Tam bảo, rồi nói ra lời này:

*“Hết thầy phụ nữ,
Đều chẳng tự do,
Hết thầy đàn ông,
Tự tại không ngại.”*

“Lúc ấy, ta biết được trong lòng cô gái ấy, mới vì cô mà thuyết giảng bài kệ như vậy.¹

¹ Tức là bài kệ vừa nói ở cuối quyển 10:
*Hết thầy phụ thuộc người khác,
Tất phải gọi đó là khổ.
Hết thầy do mình tự quyết,
Đó là tự tại an vui.
Những ai kiêu căng khinh mạn,
Thế lực hết sức bạo ác.
Những người hiền lành lương thiện,
Ai ai cũng mến cũng thương.*

“*Văn-thù-sư-lợi!* Lành thay, lành thay! Nay ông có thể vì tất cả chúng sanh mà hỏi Như Lai về nghĩa sâu kín như vậy.”

Văn-thù-sư-lợi lại đọc kệ rằng:

*Hết thấy mọi chúng sanh,
Đều sống nhờ ăn uống.
Hết thấy người sức mạnh,
Trong lòng không tật đố.
Hết thấy do ăn uống,
Nên mắc nhiều bệnh khổ,
Hết thấy do tu tịnh,
Nên được hưởng an vui.*

“Như vậy, bạch Thế Tôn, hôm nay thọ nhận *Thuần-đà* cúng dường món ăn thức uống, Như Lai há không có điều lo sợ hay sao?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn lại vì Bồ Tát *Văn-thù* mà đọc kệ rằng:

*Chẳng phải mọi chúng sanh,
Đều sống nhờ ăn uống,
Chẳng phải người sức mạnh,
Đều không lòng tật đố.
Chẳng phải đều do ăn,
Nên mắc phải bệnh hoạn,
Chẳng phải ai tịnh hạnh,
Cũng đều được an vui.*

“*Văn-thù-sư-lợi!* Nếu ông có bệnh thì ta cũng vậy, ắt cũng phải có bệnh khổ. Vì sao vậy? Các vị *A-la-hán*, *Bích chi Phật*, *Bồ Tát*, *Như Lai*, thật không có việc ăn uống. Chỉ

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

vì muốn giáo hóa chúng sanh nên thị hiện thọ dụng vật thực mà vô lượng chúng sanh dâng hiến, khiến họ được trọn vẹn hạnh bố thí, để cứu giúp những cõi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu nói rằng Như Lai sáu năm khổ hạnh nên thân thể gầy yếu, thật không thể có. Chư Phật Thế Tôn tự mình đã vượt khỏi các cảnh giới hiện hữu, không giống như kẻ phàm phu, làm sao thân thể lại phải gầy yếu? Chư Phật Thế Tôn đã tinh cần tu tập, được thân kim cang [kiên cố], chẳng giống như thân mong manh dễ hư hoại của người đời. Các đệ tử của ta cũng vậy, không thể nghĩ bàn, không phụ thuộc vào sự ăn uống.

“Hết thấy người sức mạnh, trong lòng không tật đố, câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Như người thế gian có khi trọn đời chẳng hề sanh lòng tật đố, nhưng cũng chẳng có sức mạnh gì!

“Hết thấy do ăn uống, nên mắc nhiều bệnh khổ, câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Cũng có những người mắc bệnh do các điều kiện bên ngoài, chẳng hạn như bị thương do mũi nhọn, gươm, đao, giáo, kích...

“Hết thấy do tu tịnh, nên được hưởng an vui, câu ấy cũng chưa trọn nghĩa. Thế gian cũng có những kẻ ngoại đạo, mặc dù tu hạnh thanh tịnh nhưng chịu nhiều khổ não.

“Vì nghĩa ấy, chỗ thuyết giảng của Như Lai hết thấy đều chưa trọn nghĩa. Đó gọi là Như Lai chẳng phải không có nhân duyên mà thuyết ra kệ ấy. Thật có nhân duyên nên mới thuyết giảng.

“Ngày trước, ở nước *Ưu-thiên-ni* có một người *bà-la-môn* tên là *Cổ-đê-đức*, đến chỗ ta ở, muốn thọ pháp *Bát quan trai*.¹ Lúc đó ta bèn thuyết với ông ấy bài kệ này.”²

Lúc ấy, Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Những gì gọi là nghĩa trọn vẹn? Thế nào gọi là nghĩa bao gồm hết thảy?”

“Thiện nam tử! Trừ ra các pháp trợ đạo,³ còn các thiện pháp an vui thường tồn đều gọi là bao gồm hết thảy. Các pháp này gọi là bao gồm hết thảy, cũng gọi là nghĩa trọn vẹn. Ngoài ra các pháp khác đều có nghĩa trọn vẹn, cũng có nghĩa chưa trọn vẹn. [Hôm nay] ta muốn khiến cho

¹ Nguyên bản dùng “đệ tứ Bát giới trai pháp”, chỉ pháp tu Bát quan trai, hay Bát trai giới: tức là Tám giới, bao gồm: tức là tám điều giới bao gồm: 1. Không giết hại sinh mạng. 2. Không trộm cướp, lường gạt, chiếm đoạt những thứ thuộc về người khác không tự ý đưa cho mình. 3. Giữ Phạm hạnh thanh tịnh, không phạm vào việc dâm dục. 4. Không nói dối, không nói lời không chân thật. 5. Không uống các thứ rượu. 6. Không thoa phết các loại dầu thơm, phấn sáp lên thân thể. 7. Không đi xem, nghe các trò ca múa, đàn hát. 8. Không ngồi nằm trên giường ghế cao rộng. Ngoài ra, người thọ giới còn phải giữ không ăn quá giờ Ngọ, nghĩa là chỉ ăn một lần trong ngày vào trước giờ Ngọ (giữa trưa). Người thọ Bát quan trai thường là trong một khoảng thời gian một ngày một đêm, từ lúc được truyền giới cho đến lúc xả giới. Rất nhiều chùa hiện nay có tổ chức việc tu tập Bát quan trai giới mỗi tháng một hoặc hai lần, nhưng thường không trọn một ngày một đêm mà chỉ giới hạn trong một ngày thôi. Sở dĩ gọi là “đệ tứ” vì giới luật có hai hình thức là tận hình thọ (thọ giới suốt đời) và nhật dạ thọ (thọ giới trong thời gian một ngày một đêm); giới tận hình thọ có Ngũ giới, Thập giới và Cụ túc giới là 3 loại, nên giới nhật dạ thọ là Bát giới được xem là thứ tư.

² Đoạn tương ứng trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển có nội dung khác biệt và có vẻ như hợp lý hơn, xin trích để độc giả tiện tham khảo: 時有半頭梵志與諸同止修天祠齋法來詣佛所，為降伏彼令捨異見而說此偈。 - *Thời hữu Bán Đầu Phạm chí dữ chư đồng chí tu thiên từ trai pháp lai nghệ Phật sở, vị hàng phục bỉ linh xả dị kiến nhi thuyết thử kệ*. (Bấy giờ có Phạm chí Bán Đầu cùng những người đồng đạo giữ gìn trai pháp tu theo đạo thờ thiên thần, [ta] vì muốn hàng phục bọn họ, muốn làm cho họ từ bỏ kiến giải sai lầm nên mới thuyết bài kệ này.) Phạm chí Bán Đầu cũng là Bà-la-môn Cổ-đê-đức, chỉ là tên dịch nghĩa thay vì phiên âm. Bài kệ trên nói rằng “Chẳng phải ai tịnh hạnh cũng đều được an vui” là chỉ đến việc các ông này tin theo tà kiến, tuy giữ trai pháp thờ phụng thiên thần nhưng vẫn không được an vui.

³ Túc 37 pháp trợ đạo, hay Tam thập thất đạo phẩm.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

những thiện nam tử ưa chuộng Chánh pháp được rõ biết những ý nghĩa trọn vẹn và chưa trọn vẹn như thế.”¹

Bồ Tát *Ca-diếp* trong lòng hết sức vui sướng, vô cùng phấn khích, liền đối trước Phật bạch rằng: “Kỳ lạ thay, Thế Tôn! Ngài xem chúng sanh đều bình đẳng, [hết lòng thương yêu] như *La-hầu-la!*”

Lúc ấy, Phật khen ngợi Bồ Tát *Ca-diếp*: “Lành thay, lành thay! Chỗ thấy của ông nay rất sâu xa, mầu nhiệm!”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Nguyện Như Lai thuyết giảng chỗ được công đức của kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* này.”

Phật bảo *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Như có ai được nghe tên kinh này thì các vị Thanh văn, Bích chi Phật không đủ sức tuyên thuyết chỗ được công đức của người đó; chỉ có chư Phật mới có thể biết. Vì sao vậy? Cảnh giới của chư Phật là không thể nghĩ bàn. [Chỉ nghe tên kinh mà còn được công đức như thế], huống chi là những người thọ trì, đọc tụng thông suốt, sao chép trọn quyển kinh này?”

Bấy giờ, chư thiên, loài người và *a-tu-la* liền đối trước Phật, khác miệng đồng lời mà tụng kệ rằng:

*Chư Phật khó nghĩ bàn,
Pháp, Tăng cũng như thế.
Cho nên nay khuyến thỉnh,
Xin Phật tạm nán lại.*

¹ Câu tương đương trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiển có vẻ như hợp lý hơn: 諸餘眾生樂聞法者，如來為彼或有餘說，或無餘說。
- Chư dư chúng sanh nhạo văn pháp giả, Như Lai vị bỉ hoặc hữu dư thuyết, hoặc vô dư thuyết. (Đối với các chúng sanh khác ưa thích được nghe Chánh pháp, Như Lai vì những người ấy mà thuyết nghĩa chưa trọn vẹn, hoặc thuyết nghĩa trọn vẹn.)

*Tôn giả Đại Ca-diếp,
Cùng với ngài A-nan,
Và đồ chúng hai vị,
Giây lát sẽ đến đây.*

*Lại vua nước Ma-già,
Đại vương A-xà-thế,
Hết lòng kính tín Phật,
Cũng chưa đến nơi đây.*

*Thỉnh nguyện đức Như Lai,
Thương xót trụ giây lát,
Ở giữa đại chúng này,
Dứt lưới nghi chúng con.*

Lúc ấy, Như Lai vì đại chúng mà nói bài kệ này:

*Trưởng tử trong pháp ta,
Ấy là Đại Ca-diếp,
A-nan siêng, tinh tấn,
Dứt được các mối nghi.*

*Các ông nên xét kỹ
A-nan bậc nghe nhiều,
Tự nhìn được hiểu rõ,
Lẽ thường và vô thường.*

*Vậy các ông chớ nên,
Ôm lòng lo buồn quá.*

Lúc ấy, đại chúng đem mọi vật mà cúng dường Như Lai. Cúng dường Phật rồi, ai nấy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Các vị Bồ Tát số nhiều vô lượng vô biên như cát sông Hằng được chúng đắc địa vị *Sơ địa*.¹

¹ Sơ địa: địa vị đầu tiên trong Thập địa, là mười địa vị tu chứng của hàng Bồ Tát.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Bấy giờ, đức Thế Tôn thọ ký riêng cho *Văn-thù-sư-lợi*, Bồ Tát *Ca-diếp* và *Thuần-đà*. Thọ ký riêng rồi, Phật dạy rằng:

“Các vị thiện nam tử! Mỗi người nên tự tu trong tâm, cẩn thận đừng phóng dật. Nay ta thấy đau ở lưng, khắp thân thể cũng đều đau. Vậy ta muốn nằm như đứa trẻ thơ, cũng như kẻ thường đau yếu.

“*Văn-thù* và các ông nên vì *Bốn bộ chúng*¹ mà thuyết rộng Đại pháp. Nay ta đem pháp này giao phó lại cho các ông. Khi nào *Ca-diếp* và *A-nan* đến đây, các ông lại sẽ giao phó Chánh pháp này cho hai người ấy.”

Lúc ấy, Như Lai nói xong mấy lời này rồi, vì muốn điều phục chúng sanh nên hiện thân có bệnh, nằm nghiêng về bên mặt, giống như người bệnh.²

¹ Bốn bộ chúng, cũng như Bốn chúng, bao gồm hai chúng xuất gia là tỳ-kheo và tỳ-kheo ni; hai chúng tại gia là ưu-bà-tắc (nam cư sĩ) và ưu-bà-di (nữ cư sĩ).

² Bản dịch Đại Bát Nê-hoàn kinh của ngài Pháp Hiền đến đây là chấm dứt, hết quyển 6. Nam bản từ sau đây cũng bắt đầu phẩm Hiện bệnh thứ 18 (Hiện bệnh phẩm đệ thập bát.)

PHẨM THỊ HIỆN BỆNH

Phẩm thứ sáu

Úc ấy, Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai đã lìa khỏi tất cả tật bệnh, mọi sự đau đớn khổ não đều đã dứt hết, không còn sợ sệt chi cả.

“Bạch Thế Tôn! Trong tất cả chúng sanh, có bốn mũi tên độc là nguyên nhân của bệnh. Những gì là bốn? Đó là tham dục, sân khuể, ngu si và kiêu mạn. Nếu có nguyên nhân gây bệnh, ắt phải có bệnh sanh; như các thứ bệnh phổi do tham ái, nóng nảy, khí uất lên làm nôn mửa, da thịt ngứa ngáy, mình mẩy nhức mủi, lòng dạ bồn chồn tán loạn, bệnh kiết đại tiện khó khăn, tiểu tiện từng giọt, mắt xốn tai nhức, lưng đau bụng trướng, điên cuồng nóng bực, hoặc mắc phải quỷ my... Đủ các thứ bệnh tật của thân tâm như vậy, chư Phật Thế Tôn đều không bao giờ còn mắc phải. Hôm nay vì duyên cố gì Như Lai lại sai bảo *Văn-thù-sư-lợi* rằng: ‘*Nay ta đau lưng, các ông nên vì Bốn bộ chúng mà thuyết pháp*’?”

“Có hai nhân duyên không có mọi bệnh khổ. Những gì là hai? Một là thương xót hết thảy chúng sanh, hai là cung cấp, bố thí thuốc thang cho người có bệnh.

“Từ thuở xa xưa, trong vô lượng vạn ức kiếp, Như Lai trong khi tu đạo Bồ Tát thường nói lời thân ái, lợi ích cho chúng sanh, chẳng làm cho họ khổ não, bố thí đủ món

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

thuốc thang cho những người bệnh tật. Vậy duyên có gì nay lại tự nói rằng có bệnh?

“Bạch Thế Tôn! Thế gian có những người bệnh dù nằm hay ngồi đều không yên chỗ, hoặc đòi ăn uống, sai khiến người nhà chăm sóc sản nghiệp. Vì sao Như Lai nằm đó lặng thinh, chẳng dạy các đệ tử Thanh văn về *Giới độ*,¹ về các pháp thiền giải thoát, *Tam-ma-bạt-đê*,² các pháp tu chánh cần?³ Vì sao ngài chẳng thuyết kinh điển Đại thừa thâm sâu như vậy? Vì sao Như Lai chẳng dùng vô lượng phương tiện dạy bảo Đại *Ca-diếp*, bậc Voi chúa trong loài người⁴ và các vị đại nhân, khiến cho ai nấy đều chẳng còn thối lui đối với quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*? Vì sao chẳng trừ những *tỳ-kheo* xấu ác, chứa trữ hết thảy những vật bất tịnh? Đức Thế Tôn thật không có bệnh, vì sao lặng thinh nằm nghiêng bên mặt?

“Chư Bồ Tát thường khi cấp thí thuốc thang cho người bệnh, được bao nhiêu căn lành đều thí hết cho chúng sanh, cùng nhau hồi hướng về địa vị của *bậc có trí tuệ biết hết tất cả*, là vì dứt trừ những phiền não chướng, nghiệp chướng và báo chướng cho chúng sanh.

¹ Giới độ: tức Thi ba-la-mật (*śīla-pāramitā*), hay Thi-la ba-la-mật, tức Giới ba-la-mật, hay Trì giới ba-la-mật, cũng gọi là Giới độ.

² Tam-ma-bạt-đê (*samādhi*), tức là Tam-muội, cũng đọc là Tam-ma-đê hay Tam-ma-địa, Hán dịch nghĩa là Thiền định hay Đại định, chỉ pháp tu đạt đến chỗ thân và tâm không còn xao động, dứt hết vọng tưởng, tà kiến, thể nhập Pháp thân của chư Phật.

³ Các pháp tu chánh cần, tức Tứ chánh cần (*samyak-prahāṇāni*), cũng gọi là Bốn tinh tấn, bao gồm: 1. Tinh tấn trừ bỏ các điều ác chưa sanh khởi (Sanskrit: *anutpannapāpakākuśaladharmā*); 2. Tinh tấn vượt qua những điều ác đã sanh khởi (Sanskrit: *utpanna-pāpakākuśala-dharma*); 3. Tinh tấn phát huy các điều thiện đã có (Sanskrit: *utpannakūśala-dharma*); 4. Tinh tấn làm cho các điều thiện phát sanh (Sanskrit: *anutpannakūśala-dharma*). Tu tập Bốn chánh cần cũng chính là Chánh tinh tấn trong Bát chánh đạo.

⁴ Bậc Voi chúa trong loài người: chỉ các vị Đại Bồ Tát, đều là những vị kiệt xuất nhất trong loài người.

“*Phiền não chướng*, đó là tham dục, sân khuể, ngu si, phần nộ, buồn phiền trối buộc che chướng, ganh ghét keo lặn, gian trá, siểm nịnh, không biết hổ thẹn, ngạo mạn khinh người, tự cao tự đại, kiêu căng, phóng dật, oán hận tranh tụng, tà vạy dối trá, giả hiện hình tướng, dùng lợi cầu lợi, mong cầu việc xấu ác, tham cầu thật nhiều, không biết cung kính, không theo lời khuyên dạy, gần gũi bạn xấu, tham lợi không chán, các mối chằng chịt trối buộc khó gỡ, tham muốn việc xấu, chấp thân, chấp hữu, cho đến chấp không, ưa nằm ham ngủ, thiếu thốn chẳng vui, ham mê ăn uống, lòng dạ ngu tối, tán tâm vọng tưởng, nghĩ điều bất thiện, miệng nói lời ác, thân làm việc ác, ham vui nói nhiều, các căn tối tăm, nói lời vô nghĩa, thường bị những cảm xúc tham dục, sân khuể, độc hại che lấp... Như vậy gọi là *phiền não chướng*.”

“*Nghiệp chướng*, đó là năm tội đọa địa ngục *Vô gián*, bệnh nặng nguy kịch.”

“*Báo chướng*, đó là sanh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, những kẻ phỉ báng Chánh pháp cùng những kẻ *nhất-xiển-đề*. Như vậy gọi là *báo chướng*.”

“Ba loại che chướng ấy gọi là bệnh nặng. Các vị Bồ Tát trong vô số kiếp, đang khi tu đạo *Bồ-đề* cấp thí thuốc thang cho tất cả những người bệnh tật thường phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh mãi mãi dứt trừ ba loại bệnh chướng ấy.’”

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ Tát *ma-ha-tát*, đang khi tu đạo *Bồ-đề*, cấp thí thuốc thang cho tất cả những người bệnh, thường phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh mãi mãi dứt trừ các bệnh, được thành tựu thân kim cang’”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Như Lai.’ Lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho hết thầy vô lượng chúng sanh đều thành bậc Dược vương mẫu nhiệm, dứt trừ hết thầy các bệnh nguy kịch. Nguyện cho chúng sanh được món thuốc *a-già-đà*,¹ dùng sức thuốc ấy có thể trừ được hết thầy vô số loại chất độc.’ Lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh không còn thói chuyển đổi với với quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sớm được thành tựu liều thuốc Phật cao quý nhất, tiêu trừ hết thầy những mũi tên độc phiền não.’ Lại phát nguyện: “Nguyện cho chúng sanh siêng tu tinh tấn, thành tựu thân kim cang Như Lai, làm loại thuốc mẫu nhiệm điều trị các thứ bệnh, chẳng để cho còn có ai sanh khởi ý tưởng gây gổ kiện tụng.’ Lại cũng phát nguyện: “Nguyện cho chúng sanh thành cây thuốc lớn, liệu trị tất cả các bệnh nguy kịch là những điều tà ác.’ Lại nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh nhỏ bỏ được những mũi tên độc, thành tựu hào quang Như Lai cao trỗi nhất.’ Lại nguyện rằng: ‘Nguyện cho chúng sanh được vào kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, được liều thuốc quý trí huệ trừ dứt mọi bệnh khổ.’

“Thế Tôn! Như vậy, trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức *na-do-tha*² kiếp, Bồ Tát đã phát các thệ nguyện ấy, khiến chúng sanh đều không có bệnh hoạn. Duyên cớ gì mà hôm nay Như Lai lại nói rằng có bệnh?

“Lại nữa, Thế Tôn! Thế gian có những người bệnh không thể ngồi dậy, cúi xuống, ngẩng lên, đi đứng, ăn uống chẳng được, nước đổ vào miệng chẳng nuốt xuống

¹ A-già-đà, dịch nghĩa là phổ khứ, là loại thuốc có công hiệu phòng ngừa và điều trị được mọi thứ bệnh, mọi thứ chất độc.

² Na-do-tha, con số đo lường rất lớn, có người nói là vạn ức, có người nói là ngàn ức, hoặc ngàn vạn ức. Đây nên hiểu là một con số tượng trưng rất lớn.

được, không còn có thể dạy bảo con cái chăm sóc nghiệp nhà. Lúc đó, cha mẹ, vợ con, anh em, thân thuộc, những người quen biết... thấy đều nghĩ rằng bệnh nhân ấy nhất định phải chết.

“Bạch Thế Tôn! Ngày nay Như Lai cũng thế, nghiêng về bên mặt mà nằm, không bàn luận giảng thuyết chi cả. Có những kẻ ngu trong cõi *Diêm-phù-đề* này sẽ nghĩ rằng: ‘*Như Lai Chánh giác sắp vào Niết-bàn*’, liền nảy sanh ý nghĩ cho là [mọi thứ] đều dứt hết. Nhưng tánh Như Lai thật rất ráo chẳng vào *Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi. Vì nhân duyên ấy, Thế Tôn chẳng nên nói rằng: ‘*Nay ta đau nhứt lưng*’.

“Lại nữa, Thế Tôn! Thế gian có những người bệnh thân thể gầy yếu, nằm ngửa, nằm nghiêng, hoặc nằm luôn trên giường bệnh. Lúc ấy, người nhà sanh lòng khinh ghét, nghĩ rằng bệnh nhân ấy nhất định phải chết.

“Nay Như Lai cũng thế, ngài đang bị chín mươi lăm bọn ngoại đạo¹ khinh ngạo, họ sanh ra tư tưởng [cho rằng Như Lai là] vô thường. Những kẻ ngoại đạo ấy nói rằng: ‘Ông ấy chẳng bằng chúng ta, [vì chúng ta] dựa vào các pháp *ngã, tánh, nhân, tự tại, thời tiết, vi trần*... nên là thường trụ, không có biến đổi. *Sa-môn Cồ-đàm* bị chuyển dời vì sự vô thường, ông ấy là pháp chịu sự biến đổi.’ Vì nghĩa ấy, hôm nay Thế Tôn chẳng nên lặng yên, nghiêng về bên mặt mà nằm.

“Lại nữa, Thế Tôn! Thế gian có những người bệnh, do *bốn đại* tăng giảm không hòa hợp nhau, khiến cho mệt

¹ Chín mươi lăm bọn ngoại đạo: chỉ tất cả các giáo phái ngoại đạo vào thời đức Phật. Nhiều bản luận giải về sau cũng căn cứ vào đây khi nói về chúng ngoại đạo thời đức Phật.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

mỏi, suy nhược; vì thế không thể tùy ý ngồi hoặc đứng, phải nằm luôn trên giường bệnh. *Bốn đại* của Như Lai không phải là không hòa hợp, sức lực nơi thân ngài vẫn đầy đủ, không hề suy yếu!

“Bạch Thế Tôn! Như sức lực của mười con bò nhỏ cũng không bằng một con bò lớn; mười con bò lớn cũng không bằng một con bò xanh; mười con bò xanh cũng không bằng một con voi nhà; mười con voi nhà cũng không bằng một con voi rừng; mười con voi rừng cũng không bằng một con voi hai ngà; mười con voi hai ngà cũng không bằng một con voi bốn ngà; mười con voi bốn ngà cũng không bằng một con voi trắng ở Tuyết sơn; mười con voi trắng ở Tuyết sơn cũng không bằng một con hương tượng; mười con hương tượng cũng không bằng một con voi xanh; mười con voi xanh cũng không bằng một con voi vàng; mười con voi vàng cũng không bằng một con voi đỏ; mười con voi đỏ cũng không bằng một con voi trắng; mười con voi trắng cũng không bằng một con voi núi; mười con voi núi cũng không bằng một con voi *ưu-bát-la*; mười con voi *ưu-bát-la* cũng không bằng một con voi *ba-đầu-ma*; mười con voi *ba-đầu-ma* cũng không bằng một con voi *câu-vật-đầu*; mười con voi *câu-vật-đầu* cũng không bằng một con voi *phân-đà-ly*. [Nhưng] sức lực của mười con voi *phân-đà-ly* cũng không bằng chỉ một vị lực sĩ trong loài người; mười vị lực sĩ trong loài người cũng không bằng một vị *bát-kiên-đê*; mười vị *bát-kiên-đê* cũng không bằng một vị *na-la-diên* có tám cánh tay; mười vị *na-la-diên* cũng không bằng chỉ một khớp xương của vị Bồ Tát *Thập trụ*.

“Thế Tôn! Các khớp xương trong thân người phàm, khớp này chẳng chạm khớp kia. Các khớp xương của những vị

lực sĩ trong loài người, đầu khớp xương này vừa đụng đầu khớp xương kia. Trong thân của những vị *bát-kiên-đê*, các khớp xương tiếp nối nhau. Trong thân của những vị *na-la-diên*, các khớp xương móc lại với nhau. Trong thân của vị Bồ Tát Thập trụ, các khớp của bộ xương liên kết liền lạc với nhau, dường như rồng uốn khúc. Cho nên sức lực của vị Bồ Tát [Thập trụ] là mạnh nhất. Vào lúc thế giới hình thành, Bồ Tát từ nơi bờ cõi Kim cang, đứng dậy khỏi tòa Kim cang, đi lên Đạo tràng nơi cội cây *Bồ-đề*. Bồ Tát ngồi nơi đó rồi, trong tâm liền được Mười sức.¹

“Nay Như Lai chớ nên như đứa trẻ sơ sanh kia! Trẻ sơ sanh ngu dại, không có trí tuệ, không biết nói năng. Vì lẽ ấy, tùy ý nằm ngửa, nằm nghiêng đều không ai chê cười. Như Lai Thế Tôn có trí huệ lớn, soi sáng tất cả. Ngài là tinh hoa trong nhân loại, có đủ oai đức lớn, thành tựu thần thông, là bậc tiên nhân cao trổi nhất, mãi mãi dứt tuyệt mọi sự nghi hoặc, đã nhỏ xong tên độc, đi đứng yên lành, oai nghi trọn vẹn, không có chỗ sợ sệt. Nay vì sao ngài lại nghiêng bên mặt mà nằm, khiến người ta và chư thiên phải ưu sầu khổ não?”

Lúc ấy, Bồ Tát *Ca-diếp* liền đối trước Phật đọc kệ rằng:

*Đức Đại thánh Cô-đàm!
Xin khởi diễn diệu pháp.
Chẳng nên như trẻ thơ,
Như người bệnh liệt giường.*

*Bậc thầy cõi trời, người,
Nằm dựa giữa đôi cây,*

¹ Mười sức: Ở đây chỉ Thập lực của Phật.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

*Kẻ ngu, phàm phu thấy,
Sẽ bảo là Niết-bàn.*

*Chẳng biết kinh Phương đẳng,
Chỗ Phật hành sâu xa,
Chẳng thấy tạng sâu kín,
Như người mù nhìn đường.*

*Chỉ có chư Bồ Tát,
Như Văn-thù-sư-lợi,
Mới hiểu chỗ sâu xa,
Ví như bậc thiện xạ.*

*Chư Thế Tôn ba đời,
Căn bản là đại bi,
Đại từ bi như vậy,
Nay đang ở nơi nào?*

*Nếu không có đại bi,
Thì chẳng gọi là Phật.
Nếu Phật vào Niết-bàn,
Thì chẳng gọi là thường.*

*Xin nguyện đáng Vô thượng,
Nghe lời chúng con thỉnh,
Vì lợi ích chúng sanh.
Hàng phục hết ngoại đạo.*

Lúc ấy, đức Thế Tôn với lòng đại bi tràn ngập trong tâm, biết được hết thảy niệm tưởng của mỗi một chúng sanh. Ngài muốn tùy thuận cho họ được sự lợi ích rất ráo, liền từ chỗ nằm ngồi dậy, ngồi theo kiểu kết già,¹ sắc

¹ Kết già: nói đủ là kết già phu tọa, Phạn ngữ là *nyasīdat-paryankam ābhujya*, là cách ngồi theo tư thế tréo chân, vũng chãi như hoa sen, nên cũng gọi là dững kiện tọa hay liên hoa tọa. Dân gian quen gọi là ngồi xếp bằng. Đây là cách ngồi được áp dụng trong tất cả các pháp môn của đạo Phật, dù là Tiểu thừa hay Đại thừa, Tịnh độ hay Thiên tông, khi hạ thủ công phu trước hết đều phải dùng đến cách ngồi an ổn này. Nếu cả hai chân đều giao nhau thì là toàn già tọa; nếu

mặt vui tươi sáng chói như sắc vàng ròng, đoan nghiêm như vầng trăng tròn, hình dung trong sạch chẳng chút bợn nhơ. Ngài phóng hào quang chói sáng, tràn khắp hư không. Hào quang ấy sáng hơn cả ánh sáng của trăm ngàn mặt trời, chiếu khắp các cõi Phật ở mười phương: đông, nam, tây, bắc và bốn phương kế cận, cùng phương trên và phương dưới. Ngài rộng lòng ban phát đức sáng đại trí tuệ cho khắp chúng sanh, khiến họ dứt trừ vô minh đen tối, khiến trăm ngàn ức *na-do-tha* chúng sanh đều được trụ yên nơi tâm *Bồ-đề*, không còn thoái chuyển.

Bấy giờ, đức Thế Tôn trong lòng không chút nghi lự, như bậc sư tử chúa. Ngài dùng ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân¹ và tám mươi vẻ đẹp mà trang nghiêm thân mình. Hết thấy những lỗ chân lông trên thân ngài, mỗi một lỗ chân lông đều hiện ra một đóa hoa sen. Các hoa sen ấy rất đẹp, mỗi hoa có cả ngàn cánh, đều là màu vàng ròng, cuống hoa bằng lưu ly, nhụy hoa bằng kim cang, đài hoa bằng ngọc mân khôi, hình lớn và tròn như bánh xe. Từ nơi các hoa sen ấy phóng ra hào quang đủ màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, tím và màu pha lê. Các hào quang ấy đều tỏa chiếu ra khắp nơi, đến tận địa ngục *A-tỳ*, địa

chân này gác trên chân kia thì gọi là bán già tọa. Có hai cách áp dụng phổ biến: 1. Trước hết đặt chân phải trên đùi trái, sau đó đặt chân trái trên đùi phải, hai lòng bàn chân giữa lên, nằm trên hai bắp vế, lòng bàn tay cũng giữa lên, tay trái đặt trên tay phải. Cách ngồi này gọi là Hàng ma tọa. Các tông Thiên Thai, Thiên tông... và đa số các tông Hiển giáo đều theo cách ngồi này. 2. Trước hết đặt chân trái trên đùi phải, sau đó đặt chân phải trên đùi trái, lòng bàn tay phải đặt trên lòng bàn tay trái, tất cả bàn tay và bàn chân đều giữa lên. Cách ngồi này gọi là Cát tường tọa. Mật tông gọi là Liên hoa tọa.

¹ Theo tướng pháp của Ấn Độ thời cổ thì tất cả các bậc thánh nhân (đại nhân) đều có đủ 32 tướng tốt, không chỉ riêng đức Phật. Trong kinh Kim cang đức Phật cũng từng dạy rằng, không thể dùng 32 tướng tốt để xác định đó là Phật hay không phải Phật.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

ngục *Tưởng*,¹ địa ngục *Hắc thành*, địa ngục *Chúng hiệp*, địa ngục *Khiếu hoán*, địa ngục *Đại khiếu hoán*, địa ngục *Tập nhiệt*, địa ngục *Đại tập nhiệt*. Đó là tám cõi địa ngục mà chúng sanh thường bị bức thiết bởi mọi nỗi khổ, như bị đốt, bị nấu, bị nướng, chém, đâm, xẻ, lột... Khi chúng sanh trong các cõi địa ngục gặp được hào quang ấy rồi, các nỗi khổ như trên liền tiêu diệt hết, trở nên an ổn, mát mẻ, khoái lạc vô cùng. Trong ánh hào quang ấy lại nghe có tiếng thuyết pháp về kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, rằng: *‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’* Chúng sanh ở địa ngục nghe như vậy rồi liền mạng chung, sanh lên các cõi người, cõi trời.

Hào quang ấy lại chiếu tới tám thứ địa ngục lạnh: địa ngục *A-ba-ba*, địa ngục *A-tra-tra*, địa ngục *A-la-la*, địa ngục *A-bà-bà*, địa ngục *Ưu-bát-la*, địa ngục *Ba-dầu-ma*, địa ngục *Câu-vật-dầu*, địa ngục *Phân-đà-ly*. Trong các cõi địa ngục này, chúng sanh thường bị bức não bởi những nỗi khổ vì lạnh, như da thịt nứt nẻ, thân thể hư nát... tàn hại lẫn nhau. Gặp được hào quang ấy rồi, mọi nỗi khổ như vậy đều dứt tuyệt, họ được điều hòa, ấm áp, thích thú. Trong ánh hào quang ấy, lại cũng nghe có tiếng thuyết pháp về kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, rằng: *‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’* Các chúng sanh ở địa ngục nghe như vậy rồi liền mạng chung, sanh lên các cõi người, cõi trời.

Lúc ấy, ở cõi *Diêm-phù-đề* này cùng ở các thế giới khác, có bao nhiêu địa ngục thấy đều trống rỗng, không còn người chịu tội, chỉ trừ những kẻ *nhất-xiển-đề*.

¹ Tưởng địa ngục, còn gọi là Đẳng hoạt địa ngục, là cõi địa ngục mà tội nhân bị khổ sở đến mức tưởng như mình đã chết, rồi nhờ có gió lạnh thổi đến mà sống lại.

Trong cõi nọ quỷ, chúng sanh bị bức thiết vì đói khát, tóc dài phủ xuống quấn quanh thân hình, trải qua trăm ngàn năm chưa từng được nghe đến tên gọi của nước, [huống gì là việc được ăn uống]! Khi gặp được hào quang ấy, sự đói khát của họ liền dứt ngay. Trong ánh hào quang ấy, lại cũng có tiếng thuyết pháp về kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, rằng: *‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’* Chúng sanh cõi nọ quỷ nghe như vậy rồi liền mạng chung, sanh lên các cõi người, cõi trời.

Lúc ấy, bao nhiêu cõi nọ quỷ đều trở nên trống rỗng, không còn người chịu tội, chỉ trừ những kẻ phỉ báng kinh điển Phương đẳng Đại thừa.

Trong cõi súc sanh, chúng sanh giết hại lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau. Những chúng sanh đó gặp được hào quang [từ các hoa sen của Phật chiếu ra] rồi, lòng oán hận liền dứt hết. Trong hào quang ấy cũng có tiếng thuyết pháp về kho tàng Chánh pháp sâu kín của Như Lai, rằng: *‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’* Chúng sanh cõi súc sanh nghe rồi liền mạng chung, sanh lên cõi người, cõi trời.

Lúc ấy, cõi súc sanh cũng trở nên trống rỗng, chỉ còn lại những kẻ phỉ báng Chánh pháp.

Trên mỗi hoa sen đều [hóa hiện] có một đức Phật, có vàng hào quang tròn đường kính một tầm,¹ màu vàng sáng rực, đoan nghiêm vi diệu, cao trỗi không gì sánh bằng. Mỗi đức Phật đều có đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình. Trong các đức Thế Tôn ấy, có vị ngồi, có vị đi, có vị nằm, có vị đứng, có vị làm sấm sét, có vị tuôn mưa, có vị phóng ra chớp điện, có vị làm nổi gió, cũng có vị làm xuất hiện khói lửa, thân

¹ Theo đơn vị đo lường thời cổ thì mỗi tầm có thể vào khoảng 2,64 mét.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

như một đám lửa... Lại có vị hiện ra núi cao, ao suối, sông rạch, rừng núi cây cối thấy đều bằng bảy món báu. Cũng có vị thị hiện cõi nước bằng bảy món báu, có đủ thành ấp, làng xóm, cung điện, nhà cửa... Lại có vị thị hiện voi, ngựa, sư tử, cọp sói, chim sẻ, phụng hoàng... Cũng có vị thị hiện khiến cho chúng sanh ở *Diêm-phù-đề* thấy đều trông thấy các cõi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Lại có vị thị hiện sáu cảnh trời thuộc *Dục giới*.¹

Lại có vị Thế Tôn giảng về *ám, giới, nhập*,² các yếu tố ấy có nhiều sự tai hại. Cũng có vị nói pháp *Bốn thánh đế*.³ Hoặc có vị giảng về nhân duyên các pháp. Có vị lại dạy rằng các nghiệp phiền não đều do nhân duyên mà sanh. Cũng có vị nói về giáo lý *ngã* và *vô ngã*. Hoặc có vị giảng thuyết về hai pháp *khổ* và *lạc*. Cũng có vị nói về *thường* và *vô thường*. Lại có vị thuyết *tịnh* và *bất tịnh*. Lại có vị Thế Tôn vì chư Bồ Tát mà diễn thuyết sáu pháp *Ba-la-mật* mà mình đã tu hành. Cũng có vị nói chỗ được công đức của chư Đại Bồ Tát. Lại có vị nói chỗ được công đức của chư Phật Thế Tôn. Cũng có vị nói chỗ được công đức của người trong hàng Thanh văn. Lại có vị nói lẽ tùy thuận *Nhất thừa*. Cũng có vị nói *Ba thừa* thành đạo. Hoặc có vị Thế Tôn thị hiện phun nước ra từ hông bên tả, tuôn lửa ra từ hông bên hữu. Cũng có vị thị hiện dẫn sanh, xuất gia, ngồi nơi Đạo tràng tại gốc cây *Bồ-đề*, chuyển bánh

¹ Sáu cảnh trời thuộc Dục giới (*Dục giới Lục thiên*): 1. Tứ thiên vương thiên, 2. Dao-lợi thiên (Tam thập tam thiên), 3. Dạ ma thiên, 4. Đâu-suất thiên 5. Hóa lạc thiên 6. Tha hóa tự tại thiên.

² Ám, giới, nhập: Ba yếu tố hiện hữu ở mọi chúng sanh. Ám là năm ấm (hay năm uẩn): sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai nhập: sáu căn nhập với sáu trần, sáu trần nhập với sáu căn. Giới là mười tám giới: sáu căn, sáu trần, sáu thức. Ám, nhập, giới tức là thân tâm của chúng sanh.

³ Bốn thánh đế, hay Tứ thánh đế, Tứ đế, là giáo pháp về bốn chân lý về đời sống do Phật thuyết dạy, bao gồm Khổ đế, Tập khổ đế, Diệt khổ đế và Đạo đế.

xe diệu pháp, nhập Đại Niết-bàn. Lại có vị Thế Tôn phát ra tiếng [thuyết pháp] hùng hồn như sấm rống, khiến ai nấy trong hội của ngài đều đắc quả, như các quả thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, cho đến quả thứ tư.¹ Hoặc có vị giảng thuyết vô lượng nhân duyên lia khỏi sanh tử.

Lúc ấy, trong cõi *Diêm-phù-đề* có những chúng sanh gặp được hào quang ấy rồi, kẻ mù liền được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ câm có thể nói, kẻ què có thể đi, kẻ nghèo được của cải, kẻ keo lặn sanh lòng bố thí, kẻ giận hờn sanh lòng từ hòa, kẻ bất tín lại sanh lòng tin... Như vậy, khắp thế giới không còn một chúng sanh nào làm việc ác, chỉ trừ những kẻ *nhất-xiển-đề*.

Lúc ấy, hết thấy các loài chúng sanh, từ chư thiên, loài rồng, quỷ thần, *càn-thát-bà*, *a-tu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già*, *la-sát*, *kiện-đà*, *ưu-ma-đà*, *a-bà-ma-la*, loài người, loài phi nhân, đều cùng nhau xướng lên lời này: "*Lành thay, lành thay! Bạc tôn quý cao trời nhất mang lại nhiều lợi ích.*"

Nói ra lời ấy rồi, ai nấy đều lấy làm vui vẻ phấn khích, hoặc ca hoặc múa, hoặc chuyển động thân thể, rồi mang đủ các loại hoa đến rải cúng Phật và chư tăng, như hoa *ưu-bát-la*, hoa *câu-vật-đầu*, hoa *ba-đâu-ma*, hoa *phân-đà-ly*, hoa *mạn-đà-la*, hoa *ma-ha mạn-đà-la*, hoa *mạn-thù-sa*, hoa *ma-ha mạn-thù-sa*, hoa *tán-đà-na*, hoa *ma-ha tán-đà-na*, hoa *lô-chi-na*, hoa *ma-ha lô-chi-na*, hoa *hương*, hoa *đại hương*, hoa *thích ý*, hoa *đại thích ý*, hoa *ái kiến*, hoa *đại*

¹ Tứ quả, hay Tứ thánh quả: 1.Tu-dà-hoàn, 2.Tu-dà-hàm, 3. A-na-hàm, 4. A-la-hán. Thanh văn thừa xem quả vị thứ tư, quả A-la-hán là cao nhất, là cảnh giới giải thoát cuối cùng, Niết-bàn của người tu tập.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

ái kiến, hoa đoan nghiêm, hoa đê nhất đoan nghiêm... Ai nấy lại rải các thứ hương như hương trầm thủy, hương da-già-lâu, hương chiên-đàn, hương uất kim, hương được trộn lẫn nhiều loại, hương được tìm về từ các vùng bờ biển... Lại còn đem các loại cờ báu, phướn, lọng và các loại nhạc khí cõi trời như đàn tranh, ống địch, sênh, sắt, không hầu... cùng trôi lên để cúng dường Phật. Kế đó, họ đồng tụng kệ rằng:

*Nay chúng con sẽ đại tinh tấn,
Vô thượng Chánh giác Lương túc tôn!¹
Đại chúng: chư thiên, người chẳng rõ,
Chỉ có Cô-đàm² mới thấu đáo.
Thuở xưa Thế Tôn vì chúng con,
Tu khổ hạnh trong vô lượng kiếp.
Tại sao một ngày bỏ nguyện xưa,
Buông xả thân mạng, vào Niết-bàn?
Tất cả chúng sanh không thể thấy
Tạng sâu kín của Phật Thế Tôn.
Vì nhân duyên ấy, khó ra khỏi,
Luân hồi sanh tử, đọa ác đạo.
Như Phật có dạy: A-la-hán,
Tất cả đều sẽ đến Niết-bàn.
Chỗ Phật hạnh thâm sâu như vậy,
Phàm phu ngu hèn sao biết được?
Thí pháp cam lộ cho chúng sanh,
Để giúp dứt trừ phiền não vậy.
Nếu ai uống cam lộ đó rồi,*

¹ Vô thượng Chánh giác Lương túc Tôn: danh hiệu tôn xưng đức Phật. Vô thượng: cao trội hơn hết. Chánh giác: bậc giác ngộ chân chánh. Lương túc tôn: bậc đáng tôn trọng vì có đủ hai mặt phúc và trí.

² Cô-đàm (Gautama): Một tên gọi khác của đức Phật Thích-ca, đặc biệt những người ngoại đạo thời ấy thường gọi ngài là sa-môn Cô-đàm.

*Chẳng còn chịu sanh, già, bệnh, chết.
Như Lai dùng đó mà liệu trị,
Trăm ngàn vô lượng các chúng sanh,
Khiến ai mắc phải các bệnh nặng,
Tất cả đều khỏi, không còn bệnh.
Thế Tôn từ lâu dứt bệnh khổ,
Nên được xưng là Phật thứ bảy.¹
Hôm nay xin Phật rưới mưa pháp,
Thấm nhuần mầm công đức chúng con.*

Đại chúng, chư thiên và loài người đọc kệ thỉnh Phật như vậy rồi liền đứng yên.

Trong khi đại chúng tụng kệ ấy, tất cả chư Phật ngự trên các tòa sen từ cõi *Diêm-phù-đề* lên tới trời *Tịnh cư*,² thấy đều nghe rõ.

Lúc ấy, Phật bảo *Ca-diếp*: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông đã có đủ trí huệ thâm sâu và vi diệu như vậy, trí huệ ấy không thể bị tất cả chúng ma và ngoại đạo phá hoại.

“Thiện nam tử! Ông đã trụ yên, tất cả các luồng gió tà ác sẽ không làm cho ông nghiêng ngã được.

“Thiện nam tử! Ông nay đã thành tựu biện tài lạc thuyết. Ông đã từng cúng dường chư Phật Thế Tôn đời quá khứ

¹ Phật thứ bảy: Từ Phật Thích-ca về trước có bảy đức Phật ra đời, mà ngài là vị thứ bảy: 1. Phật Tỳ-bà-thi (Sanskrit: *Vipaśyin*), 2. Phật Thi-khí (Sanskrit: *Śikhī*), 3. Phật Tỳ-xá-phù (Sanskrit: *Vīsvabhū*), 4. Phật Ca-la-ca-tôn-dại (Sanskrit: *Krakucchanda*), 5. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni (Sanskrit: *Kanakamuni*), 6. Phật Ca-Diếp (Sanskrit: *Kāśyāpa*), 7. Phật Thích-Ca Mâu-Ni (Sanskrit: *Śākyamuni*).

² Trời Tịnh cư: gồm năm cảnh trời là Vô tưởng thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên và Sắc cứu cánh thiên. Những vị đắc quả thứ ba, quả A-na-hàm, sau khi xả bỏ thân mạng thì thần thức sanh lên cảnh trời Tịnh-cư, ở đó cho đến khi nhập Niết-bàn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

như nhiều như số cát vô lượng sông Hằng, cho nên mới có thể thưa hỏi Như Lai Chánh giác về nghĩa như vậy.

“Thiện nam tử! Thuở xưa, cách nay vô lượng vô biên ức *na-do-tha* trăm ngàn vạn kiếp, ta đã dứt trừ gốc bệnh, lia hẳn những sự nằm, dựa...

“*Ca-diếp!* Về thuở quá khứ, cách nay vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp, có một đức Phật ra đời, hiệu là Vô Thượng Thắng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Ngài có thuyết kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* này với hàng Thanh văn, mở bày chỉ bảo, phân biệt, hiển phát nghĩa lý. Thuở ấy, ta cũng làm một vị Thanh văn trong đồ chúng của đức Phật ấy, thọ trì kinh điển Đại *Niết-bàn* này, đọc tụng thông suốt, sao chép trọn quyển kinh, lại vì người khác mà mở bày chỉ bảo, phân biệt, thuyết giảng nghĩa lý. Ta lại đem căn lành ấy hồi hướng đến quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Từ thuở đó cho đến nay, ta chưa từng có những nghiệp duyên khổ não hoặc nghiệp dữ khiến đọa ác đạo như: phỉ báng Chánh pháp, làm kẻ *nhất-xiển-đề*, mang thân hoàng môn,¹ thân không căn, thân hai căn,² phản nghịch với cha mẹ, giết *A-la-hán*, phá chùa tháp, hủy hoại Chúng tăng, làm thân Phật chảy máu, phạm Bốn cấm giới nặng. Từ đó đến nay, thân tâm ta luôn được

¹ Thân hoàng môn: Hoàng môn là những quan hoạn mặc áo vàng trong cung cấm của vua, là những người đã tự hiến mất dương vật. Thân hoàng môn là thân người nam nhưng chẳng phải nam giới, vì không có dương vật.

² Không căn, hai căn: Những người có bộ phận sanh dục bất thường, hoặc không có dương vật, hoặc dương vật rất nhỏ, hoặc có cả dương vật lẫn âm vật nhưng cả hai đều nhỏ khác thường.

an ổn, không có các khổ não.

“Ca-diếp! Nay ta thật không có bất cứ bệnh tật gì. Vì sao vậy? Vì chư Phật Thế Tôn từ lâu đã lìa xa hết thấy bệnh tật.

“Ca-diếp! Chúng sanh chẳng biết giáo pháp sâu kín của kinh Phương đẳng Đại thừa, cho nên nói rằng Như Lai thật có bệnh.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai là sư tử trong loài người*’, nhưng Như Lai thật chẳng phải sư tử! Lời nói như vậy tức là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai là rồng lớn trong loài người*’, nhưng trải qua vô lượng kiếp ta đã lìa bỏ nghiệp [súc sanh] ấy rồi.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai là người, là trời*’, nhưng ta thật chẳng phải người, chẳng phải trời, cũng chẳng phải quỷ thần, *càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la già*, chẳng phải *ngã*, chẳng phải [có thọ] mạng, chẳng phải nhờ dưỡng dục mà thành, chẳng phải linh hồn, chẳng phải làm, chẳng phải không làm, chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ, chẳng phải Thế Tôn, chẳng phải Thanh văn, chẳng phải thuyết, chẳng phải không thuyết. Những lời nói như vậy đều là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Này Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai như biển cả, như núi chúa Tu-di*’, nhưng Như Lai thật chẳng phải vị mặn [của biển], cũng chẳng phải [to lớn và rắn chắc] như núi đá. Nên biết rằng những lời nói như vậy cũng là giáo pháp

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai như hoa phân-đà-ly*’, nhưng ta thật chẳng phải hoa *phân-đà-ly*. Lời nói như vậy tức là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai như cha mẹ*’, nhưng Như Lai thật không phải cha mẹ. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai là đại thuyền sư*’, nhưng Như Lai thật chẳng phải là thuyền sư. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai như vị thương chủ*’,¹ nhưng Như Lai thật chẳng phải là thương chủ. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai có thể hàng phục ma*’, nhưng Như Lai thật không có lòng ác, muốn cho kẻ khác phải khuất phục mình. Lời nói như vậy thấy đều là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Ví như nói ‘*Như Lai có thể trị ghẻ độc*’, nhưng ta thật chẳng phải là thầy thuốc trị bệnh ghẻ. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“Ca-diếp! Như trước đây ta có nói: ‘Như có kẻ nam người nữ lòng lành biết tu chỉnh sửa trị ba nghiệp của thân, khẩu và ý, khi người ấy bỏ thân mạng, dù thân quyến có đem thi hài thiêu trong lửa, hoặc thả xuống nước, hoặc để nơi nghĩa địa, bấy giờ chôn, sỏi, cầm thú tranh nhau mà ăn thân xác ấy, còn tâm thức người ấy liền sanh về

¹ Thương chủ: Người dẫn đầu một đoàn người đi buôn bán bằng đường bộ hoặc đường thủy.

cõi lành. Nhưng thật ra tâm thức ấy không có đi lại, cũng không có chỗ đến, chỉ là trước sau có chỗ giống nhau, nối tiếp nhau, tướng mạo chẳng khác. Lời nói như vậy cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai.

“*Ca-diếp!* Nay ta nói rằng ta có bệnh, cũng là như vậy, cũng là giáo pháp sâu kín của Như Lai. Cho nên ta sai bảo *Văn-thù-sư-lợi* rằng: ‘*Nay ta đau nhức lưng. Các ông nên vì bốn chúng mà thuyết pháp.*’

“*Ca-diếp!* Như Lai Chánh giác thật không có bệnh mà phải nằm nghiêng bên mặt, ngài cũng không buông hết tất cả mà vào *Niết-bàn*.

“*Ca-diếp!* Đại *Niết-bàn* ấy tức là thiên định thâm sâu của chư Phật. Thiên định như vậy chẳng phải là chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể làm được.

“*Ca-diếp!* Trước ông có hỏi: ‘*Vì sao Như Lai nằm tựa chẳng dậy, chẳng đòi ăn uống, chẳng dạy bảo người nhà việc xây dựng sự nghiệp?*’

“*Ca-diếp!* Tánh của hư không vốn không có ngồi dậy, đòi hỏi ăn uống, dạy bảo người nhà việc xây dựng sự nghiệp. Cũng không có sự đi lại, sanh diệt, già trẻ, hiện ra hay mất đi, thương tổn, bể nát, giải thoát, trói buộc. Cũng chẳng tự nói, chẳng nói kẻ khác. Cũng chẳng tự hiểu, chẳng hiểu kẻ khác, chẳng phải yên lành, chẳng phải bệnh hoạn...

“*Thiện nam tử!* Chư Phật Thế Tôn cũng vậy, dường như hư không. Làm sao có các loại bệnh khổ?

“*Ca-diếp!* Thế gian có ba loại bệnh nặng khó trị: một là phỉ báng Đại thừa, hai là phạm *Năm tội nghịch*, ba là *nhất-xiển-đề*. Ba loại bệnh ấy là nặng nhất trong đời,

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

chẳng phải sức của Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát có thể liệu trị nổi.

“Thiện nam tử! Ví như người có bệnh nhất định phải chết thì khó mà trị được. Dù có khám bệnh, chăm sóc tử tế, cho dùng thuốc thang; hoặc không khám bệnh, không chăm sóc, không cho dùng thuốc thang, bệnh ấy vẫn chắc chắn là không thể liệu trị. Nên biết rằng người bệnh ấy nhất định phải chết, không nghi ngờ gì nữa!

“Thiện nam tử! Ba loại người nói trên cũng vậy, dù cho các vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát có thuyết pháp hay không thuyết pháp [cho họ nghe] cũng không thể khiến họ phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“*Ca-diếp!* Ví như người bệnh, nếu được khám bệnh, chăm sóc tử tế, cho dùng thuốc thang, ắt có thể khỏi bệnh. Nếu không có ba việc ấy thì không thể khỏi bệnh. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, nhờ nương theo Phật, Bồ Tát, được nghe Chánh pháp rồi liền có thể phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; không thể không nhờ nghe Chánh pháp mà có thể phát tâm.

“*Ca-diếp!* Ví như có loại bệnh, dù có xem bệnh, chiều thuận theo ý, dùng thuốc thang, hoặc không xem bệnh, chiều thuận theo ý, dùng thuốc thang, cũng vẫn được khỏi bệnh. Có một hạng người cũng giống như vậy, dù gặp Thanh văn hay chẳng gặp Thanh văn, dù gặp Duyên giác hay chẳng gặp Duyên giác, dù gặp Bồ Tát hay chẳng gặp Bồ Tát, dù gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai, dù được nghe Chánh pháp hay chẳng được nghe Chánh pháp, vẫn tự nhiên được thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đó là những người hoặc vì thân mình, hoặc vì thân người,

hoặc vì sợ sệt, hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì nịnh bợ, hoặc vì dối gạt người khác mà sao chép kinh Đại Niết-bàn này, [lại hết lòng] thọ trì, đọc tụng, cung kính cúng dường, vì người khác mà giảng giải kinh này.

“Ca-diếp! Có năm hạng người tu tập kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này còn có chỗ sai lầm, chưa phải là Như Lai. Đó là năm hạng người nào?

“Một là những người cắt đứt *ba mối trói buộc*,¹ đạt được quả *Tu-đà-hoàn*, không đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, còn tái sanh bảy lần trong cõi trời người, vĩnh viễn dứt trừ các nỗi khổ, vào nơi *Niết-bàn*. *Ca-diếp!* Đó gọi là hạng người thứ nhất còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua tám vạn kiếp sẽ được thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Hai là những người cắt đứt *ba mối trói buộc*, giảm dần tham, sân, si, đạt được quả *Tu-đà-hàm*, gọi là *Nhất vãng lai*,² vĩnh viễn dứt trừ các nỗi khổ, vào nơi *Niết-bàn*. *Ca-diếp!* Đó gọi là hạng người thứ nhì còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua sáu vạn kiếp sẽ được thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Ba là những người cắt đứt năm mối trói buộc,³ đạt được quả *A-na-hàm*, chẳng còn trở lại cõi này, vĩnh viễn dứt trừ các nỗi khổ, vào nơi *Niết-bàn*. Đó gọi là hạng người

¹ Ba kết (Tam kết), hoặc Ba kết phược (Tam kết phược), là ba mối trói buộc: 1. Kiến kết, hay Thân kiến: trói buộc bởi cái thân, bản ngã, chấp có mình dựa trên thân thể (ngã kiến); 2. Giới thủ kết hay Giới cấm thủ kiến: trói buộc do giữ theo tà giới, hoặc quá cố chấp vào giới luật; 3. Nghi kết, hay Nghi kiến: trói buộc do nghi ngờ Chánh pháp, chân lý.

² Nhất vãng lai, hay Nhất lai, nghĩa là còn một lần tái sanh.

³ Ngũ hạ kết: Năm mối trói buộc chúng sanh, khiến họ ở nơi Dục giới. Đó là: Ba trói buộc đã nói trên: Thân kết, Giới cấm thủ kết và Nghi kết, thêm hai điều nữa là: 1. Tham kết: trói buộc do lòng tham lam; 2. Sân kết: trói buộc do lòng sân hận.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

thứ ba còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua bốn vạn kiếp sẽ được thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Bốn là những người dứt tuyệt tham dục, sân khuể, ngu si, đạt được quả *A-la-hán*, không còn phiền não, vào nơi *Niết-bàn*, nhưng chưa thành tựu hạnh kỳ lân đứng riêng một mình. Đó gọi là hạng người thứ tư còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua hai vạn kiếp sẽ được thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Năm là những người dứt tuyệt tham dục, sân khuể, ngu si, thành tựu quả Phật *Bích chi*, không còn phiền não, vào nơi *Niết-bàn*. Người ấy thật đã thành tựu hạnh kỳ lân đứng riêng một mình. Đó gọi là hạng người thứ năm còn có chỗ sai lầm. Hạng người ấy trong tương lai, trải qua một vạn kiếp sẽ được thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“*Ca-diếp!* Đó gọi là năm hạng người còn có chỗ sai lầm, chẳng phải là Như Lai.”

PHẨM THÁNH HẠNH

Phẩm thứ bảy – Phần một¹

Úc ấy, đức Phật dạy Bồ Tát *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* nên đối với kinh Đại *Niết-bàn* này, chuyên tâm suy xét về năm hạnh. Những gì là năm hạnh? Một là *Thánh hạnh*, hai là *Phạm hạnh*, ba là *Thiên hạnh*, bốn là *Anh nhi hạnh* và năm là *Bệnh hạnh*.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* thường nên tu tập năm công hạnh ấy. Lại còn một hạnh nữa gọi là hạnh Như Lai, đó là nói kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn*.

“*Ca-diếp*! Bồ Tát *ma-ha-tát* tu tập *Thánh hạnh* như thế nào? Bồ Tát *ma-ha-tát* hoặc theo Thanh văn, hoặc theo Như Lai, được nghe kinh Đại *Niết-bàn* này; nghe rồi liền sanh lòng tin. Tin rồi nên suy xét rằng: ‘Chư Phật Thế Tôn có đạo cao trỗi hơn hết, có *Chánh pháp* lớn lao, có *Đại chúng* tu hành chân chánh, lại có kinh điển *Phương đẳng Đại thừa*. Nay ta nên vì lòng ái mộ và ham muốn kinh *Đại thừa* mà lìa bỏ vợ con, quyến thuộc thân ái, nơi ăn chốn ở, vàng bạc trân bảo, chuỗi ngọc tốt đẹp, hương hoa kỹ nhạc, tỳ tước hầu hạ gái trai lớn nhỏ, voi ngựa xe cộ, bò dê gà chó... mọi thứ.’

“Lại suy xét rằng: ‘Đời sống gia đình chật hẹp tù túng, dường như lao ngục, hết thấy phiền não đều do đó mà sanh ra. Xuất gia thì rộng rãi thoáng đãng, dường như hư không, tất cả pháp lành do đó mà nảy nở, tăng trưởng. Nếu ở nhà thì chẳng được suốt đời tu tập hạnh thanh tịnh. Nay ta nên cạo râu xuống tóc, xuất gia học đạo.’ Suy

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 11, phẩm Thánh hạnh thứ 19, phần một.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

xét như vậy rồi, tự thấy nhất định phải xuất gia tu học đạo *Bồ-đề* vô thượng chân chánh.

“Khi *Bồ Tát* muốn xuất gia như vậy, thiên ma *Ba-tuần* hết sức khổ não, tự nói rằng: ‘*Bồ Tát* ấy rồi sẽ cùng ta khởi cuộc chiến tranh.’ Thiện nam tử! Nhưng vị *Bồ Tát* như vậy có lý nào lại gây sự chiến tranh với kẻ khác?

“Lúc ấy, *Bồ Tát* liền đến *Tăng phường*.¹ Nếu gặp được Như Lai và đệ tử Phật, oai nghi đầy đủ, các căn an tịnh, trong lòng liền được nhu hòa, trong sạch, tịch diệt, liền cầu xin xuất gia, cạo râu xuống tóc, mặc ba tấm pháp y.² Khi xuất gia rồi, nghiêm giữ mọi giới cấm, oai nghi trọn đủ, đi đứng an tịnh, không xúc phạm bất cứ ai; cho đến đối với tội nhỏ cũng sanh lòng sợ sệt. Tâm giữ giới của *Bồ Tát* ấy bền chắc như kim cương.

“Thiện nam tử! Ví như có người dùng một cái phao để bơi qua biển cả. Bấy giờ, giữa biển có một quỷ *la-sát* bám theo người ấy hỏi xin cái phao. Nghe xong, người ấy liền suy nghĩ rằng: ‘Nay nếu ta cho cái phao, ắt phải bị chết chìm.’ Bèn đáp rằng: “*La-sát!* Thà ngươi giết ta đi, chứ ngươi không thể lấy cái phao này.’

“*La-sát* lại nói rằng: ‘Nếu ông không thể cho tôi cả cái phao, thì xin thương tình cho tôi phân nửa.’ Người ấy cũng không chịu.

“*La-sát* lại nói: ‘Nếu không thể cho tôi phân nửa, mong ông rủ lòng cho tôi một phần ba.’ Người ấy cũng chẳng thuận.

“*La-sát* lại năn nỉ: ‘Nếu chẳng được vậy, cũng nên thí

¹ Tăng phường: Nơi tu tập của chư tăng, như chùa chiền, tịnh xá...

² Ba tấm pháp y: Bộ pháp phục của vị tỳ-kheo gồm ba tấm y là y an-dà-hội, y uất-đa-la-tăng và y tăng-già-lê. Người đã xuất gia chỉ được mặc các y này, không được sử dụng y phục của người thế tục.

cho tôi một miếng chỉ bằng bàn tay.’ Người ấy cũng nhất định không chịu.

“*La-sát* lại nói: ‘Nay nếu ông không thể cho tôi một miếng bằng bàn tay, tôi đây phải chịu đói khổ bức bách. Cầu xin ông giúp cho tôi một mảnh nhỏ bằng hạt bụi cũng được.’

“Người ấy đáp rằng: ‘Chỗ đòi hỏi của ông thật cũng không nhiều. Nhưng nay tôi phải vượt biển, không biết gần xa như thế nào. Nếu tôi cho ông dù một mảnh nhỏ, hơi trong phao sẽ theo đó mà thoát dần ra hết. Như vậy tôi biết nhờ vào đâu để vượt qua biển cả? Giữa đường ắt phải chìm xuống nước mà chết!’

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* giữ gìn giới cấm cũng vậy, như người vượt biển khéo giữ gìn cái phao. Bồ Tát trong khi giữ gìn giới cấm như vậy, thường có bọn *la-sát* hung dữ là các phiền não đến nói rằng: “Ông nên tin tôi, tôi chẳng bao giờ lại đi lừa dối ông. Nếu chỉ phá *Bốn giới cấm nặng* thôi, còn giữ đủ các giới khác; nhờ nhân duyên ấy sẽ vẫn được yên ổn, vào *Niết-bàn*.’ Lúc ấy, Bồ Tát nên đáp rằng: ‘Thà ta giữ giới cấm ấy mà vào địa ngục *A-tỳ* chứ quyết không hủy phạm để sanh lên cõi trời.’

“*La-sát* phiền não lại nói rằng: ‘Như ông không thể phá *Bốn giới cấm nặng*, vậy nên phá các giới *tăng tàn*. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn, được vào *Niết-bàn*.’ Bồ Tát cũng không nên nghe theo lời xúi giục ấy.

“*La-sát* lại nói rằng: ‘Như ông không thể phạm các giới *tăng tàn*, cũng nên phạm tội *thâu-lan-già*. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn và sẽ vào *Niết-bàn*.’” Lúc ấy, Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“*La-sát* lại xúi giục rằng: ‘Nhu ông không thể phạm *thâu-lan-già*, vậy ông có thể phạm *xả đọa*. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn, được vào *Niết-bàn*.’ Lúc ấy Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

“*La-sát* lại nói rằng: ‘Nhu ông không thể phạm *xả đọa*, nên phạm *ba-dật-đề*. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn, được vào *Niết-bàn*.’ Lúc ấy, Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

“*La-sát* nói tiếp rằng: ‘Nhu ông không thể phạm *ba-dật-đề*, tôi xin ông hãy hủy phá giới *đột-kiết-la*. Nhờ nhân duyên ấy, ông sẽ được yên ổn, được vào *Niết-bàn*.’

“Lúc ấy, Bồ Tát tự suy nghĩ rằng: ‘Ngày nay, nếu ta phạm tội *đột-kiết-la* và không tự bộc lộ, ắt ta không thể sang đến bờ bên kia của biển sanh tử mà được *Niết-bàn*.’ Bồ Tát *ma-ha-tát* đối với các giới nhỏ nhất trong giới luật cũng giữ gìn một cách kiên cố, tâm bền chắc như kim cang.

“Bồ Tát *ma-ha-tát* giữ gìn *Bốn giới cấm nặng* cho đến các giới *đột-kiết-la*,¹ kiên trì cẩn trọng như nhau, không có sai khác. Nếu Bồ Tát giữ gìn được kiên trì như vậy tức là thành tựu đủ năm phần của giới. Đó là thành tựu giới làm thanh tịnh các nghiệp căn bản của Bồ Tát; giới làm thanh tịnh các hành vi liên quan khác trước đây và sau này; giới làm thanh tịnh sự nhận thức, thấy biết, xa lìa những nhận thức sai lầm, xấu ác; giới làm thanh tịnh mọi ý niệm, luôn duy trì, giữ gìn chánh niệm; và giới hồi

¹ Đột-kiết-la (*Duṣkṛta*) hay Bách chúng học pháp (100 điều cần phải học) là những giới nhỏ nhất nhất trong giới luật của vị tỳ-kheo, quy định chi tiết cách ứng xử hàng ngày, tạo nên oai nghi tế hạnh của người xuất gia. Những pháp này rất chi ly, nhỏ nhặt và không nhất thiết mỗi mỗi khi phạm vào đều phải bị xử phạt, nhưng lại là khuôn mẫu rất quan trọng để vị tỳ-kheo có thể sống tốt đời sống tu tập.

hướng [mọi công đức] về quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“*Ca-diếp!* Vị Bồ Tát *ma-ha-tát* này lại có đủ hai thứ giới. Một là giới nhận lãnh thọ học những kiến thức thế tục, hai là giới thành tựu *Chánh pháp*. Nếu Bồ Tát giữ giới thành tựu *Chánh pháp* thì không bao giờ làm việc ác. Nếu muốn giữ giới nhận lãnh thọ học những kiến thức thế tục thì trước phải theo đúng pháp *tác bạch tứ Yết-ma* rồi sau mới được thọ nhận.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có hai thứ giới: một là giới có tính chất quan trọng, hai là giới nhằm ngăn ngừa sự ganh ghét của thế gian. Giới có tính chất quan trọng là nói Bốn giới cấm nặng. Giới ngăn ngừa sự ganh ghét của thế gian là không làm [những điều như] buôn bán, cân non, đong thiếu, dối gạt người khác, cậy thế lực kẻ khác, chiếm đoạt tài vật người khác, cố ý hại người, phá hoại sự thành công của người khác, [lười nhác] ngủ ngày, làm ruộng, trồng cây, khuếch trương sự nghiệp riêng; không [vì lợi mà] nuôi voi, ngựa, bò, dê, lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ, chim sẻ, chim két, chim cộng mạng, *câu-chỉ-la*, chó sói, cọp, beo, mèo, chồn... hoặc các thú dữ khác; không tích lũy, chứa giữ những thứ như xe cộ, kẻ hầu hạ trai, gái, lớn, nhỏ... hoặc vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, ngọc bích, các thứ ngọc thạch, chén bát bằng đồng đỏ, thiếc trắng và bằng thau, y phục dệt bằng lông thú hoặc ghép bằng lông chim, tất cả các giống lúa, gạo, lúa mạch lớn, lúa mạch nhỏ, đậu, mè, bắp, nếp, đồ ăn còn sống hoặc nấu chín...

“[Người giữ giới] chỉ ăn mỗi ngày một bữa, đã ăn rồi thì không ăn nữa. Nếu đi khát thực hoặc khi ăn chung với *Chúng tăng* thường tự biết no bụng thì dừng, không nhận sự mời thỉnh đặc biệt. Không ăn thịt, không uống

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

rượu, không ăn năm món cay nồng.¹ Nhờ vậy trong thân không có mùi hôi, thường được chư thiên và tất cả người đời cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen. [Những kẻ] nhanh chân bước vội vì miếng ăn, rốt cùng không thể được sống lâu. [Người giữ giới chỉ] nhận lãnh y phục vừa đủ che thân; dù đi tới đâu cũng luôn có đủ ba tấm pháp y và bình bát, không lia hai món ấy, như con chim không lia đôi cánh.

“[Người giữ giới] không tích lũy chứa giữ các loại củ rễ, thân, mắt ghép, nhánh ghép, hạt giống của cây. Không tích lũy chứa giữ kho báu như vàng, bạc, đồ ăn uống chất chứa nơi nhà bếp và trong kho lẫm, áo quần, đồ trang sức, giường cao rộng lớn, giường bằng ngà voi và bằng vàng, những món thêu dệt sắc sỡ chẳng nên dùng làm nệm ngồi. Không chứa trữ những chiếu dệt bằng các nguyên liệu nhỏ mịn. Không ngồi trên bành voi, yên ngựa... Không được dùng loại vải nhỏ mịn và đẹp mà trải giường nằm. Ở đầu giường không được để hai cái gối, cũng không được nhận giữ gối rất đẹp màu đỏ hoặc gối bằng cây sơn thép màu vàng. Không khi nào xem sự đấu nhau của voi, ngựa, chiến xa, quân đội, [cho đến] đàn ông, đàn bà, bò, dê, trâu, gà, trĩ, kút... cũng không được cố ý đến xem chiến trận.

“[Người giữ giới cũng] không được lắng nghe những tiếng sáo, địch, ốc tù và, tiếng trống, tiếng đàn cầm, đàn sắt, đàn tranh, đàn không hầu... cùng mọi tiếng ca nhạc múa hát, chỉ trừ [những âm thanh để dâng lên] cúng dường Phật. Không tham gia các trò vui đánh cờ, bài bạc, trò *ba-la-tắc*.² Không xem các loài sư tử, voi đấu nhau,

¹ Năm món cay (ngũ vị tân): 1. tỏi (dại toán), 2. hành (cách thông), 3. hẹ (từ thông), 4. kiệu (lan thông), 5. nén (hưng cừ). Năm món này có vị cay nồng, kích thích sự ham muốn nhục dục, nên người xuất gia không nên ăn.

² Trò ba-la-tắc: Phạn ngữ *prāsaka*, một trò chơi đặc biệt ở Ấn Độ thời cổ, gồm 2 người chia ra hai phe, cưỡi trên voi hoặc ngựa, xông vào đấu trường để tranh

không chơi đánh cờ, sáu môn cờ bạc ăn thua, đánh cầu, ném đá, thả hồ, dắt đường, chơi cờ tám đường quanh thành,¹ [nói chung] hết thả mọi trò vui đùa bốn cột đều không nên tham dự vào hoặc đến xem...

“[Người giữ giới cũng] không được xem tướng tay, chân, mặt, mắt... Không được dùng móng chân, móng tay, gương soi, cở thi, nhành dương, bát thủ, sọ người mà làm quẻ bói. Cũng không được ngược nhìn các vì sao trên trời, trừ khi là để phá tan cơn buồn ngủ. Không được nhận những sứ mạng đi lại do kẻ có quyền chức giao phó, không đem việc người này nói với người kia, đem việc người kia nói với người này... Không sợ đỡ nịnh hót, sống bằng tà mạng.² Cũng không được nói việc vua quan, trộm cướp, đấu tranh, ăn uống, cùng những việc thất mùa đói kém, lo âu sợ sệt, no đủ, vui sướng, an ổn trong cõi nước.

“Thiện nam tử! Đó gọi là giới mà vị Bồ Tát giữ theo để ngăn ngừa sự ganh ghét của thế gian. Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* giữ trọn những giới ngăn che, chế ngự như vậy, cũng không hề xem nhẹ hơn các giới có tính chất quan trọng.

nhau một vị trí định trước, ai được là thắng. Trong kinh văn Hán tạng đôi khi cũng gọi trò chơi này là tượng mã đấu, nhưng thật ra chỉ là trò chơi cưỡi trên lưng voi, ngựa chứ voi và ngựa thật không đấu nhau.

¹ Cờ tám đường quanh thành: Nguyên bản là “bát đạo hành thành”. Theo Thụy ứng bản khởi kinh thì đây là một trò chơi giống như đánh cờ, dùng tám bức vẽ làm đường đi cho các quân cờ, mô phỏng sự kiện thái tử ra khỏi thành xuất gia có bốn vị thiên vương theo chân ngựa thái tử... Tuy không hiểu cụ thể nhưng có thể biết đây là một trò giải trí thời đó.

² Tà mạng: Trái với chánh mạng, nghĩa là sanh sống bằng những hành vi, nghề nghiệp tà vạy, không chân chánh. Tà mạng của người cư sĩ là những nghề nghiệp gây tổn hại đến người khác, nhưng đối với vị tỳ-kheo thì chánh mạng là phải dùng việc khát thực đúng pháp để nuôi sống, nên nếu làm bất cứ việc gì không đúng Chánh pháp để kiếm sống đều gọi là tà mạng, chẳng hạn như tất cả các nghề nghiệp của thế gian.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* sau khi thọ trì các giới cấm như vậy rồi, liền phát nguyện rằng: ‘Thà [tôi] đem thân này lao vào hầm sâu lửa dữ chứ quyết không bao giờ hủy phạm các giới cấm mà chư Phật thời quá khứ, vị lai và hiện tại đã chế định, [chẳng hạn như] làm những việc không trong sạch với người nữ thuộc dòng *sát-ly*, *bà-la-môn*, trưởng giả hay cư sĩ...’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Thà ta dùng sắt nóng đắp quanh thân hình chứ quyết không bao giờ dám nhận y phục của người *đàn việt* có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Thà ta bỏ hòn sắt nóng vào miệng nuốt chứ quyết không bao giờ dám dùng đến những thức ăn uống của người *đàn việt* có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà nằm trên sắt nóng chứ quyết không bao giờ dám thọ nhận giường nằm, nệm gối của người *đàn việt* có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Thà thân ta phải chịu đựng ba trăm mũi giáo chứ quyết không bao giờ dám nhận thuốc men của người *đàn việt* có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà nhảy vào nồi sắt nóng chứ quyết không bao giờ dám thọ nhận phòng ốc, nhà cửa của người *đàn việt* có tín tâm khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà tự dùng chùy sắt đập nát toàn thân

này thành bại nhỏ chứ quyết không bao giờ dám thọ nhận sự cung kính lễ bái của các hàng *sát-ly*, *bà-la-môn*, trưởng giả, cư sĩ... khi tự mình đã phá giới.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà dùng lưỡi đao, giáo bằng sắt nóng mà tự khoét hai mắt ra chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô nhìn những hình sắc đẹp bên ngoài.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà lấy dùi sắt tự đâm thủng lỗ tai chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô mà lắng nghe những âm thanh hay lạ [của thế tục].’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà lấy dao bén tự cắt bỏ mũi mình chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô mà tham ngửi các mùi thơm.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà lấy dao bén tự cắt đứt lưỡi mình chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô mà tham đắm những vị ngon.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại phát nguyện rằng: ‘Ta thà dùng lưỡi búa sắc bén tự chặt đứt thân mình, chứ quyết không bao giờ đem tâm nhiễm ô mà tham đắm những sự xúc chạm êm ái.’

“Vì sao vậy? Vì những nhân duyên ấy có thể làm cho người tu hành đọa vào nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

“*Ca-diếp!* Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* giữ gìn giới cấm. Bồ Tát *ma-ha-tát* giữ gìn các giới cấm như vậy rồi, liền bố

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

thí [mọi công đức thành tựu] cho hết thảy chúng sanh. Vì nhân duyên ấy, nguyện cho tất cả chúng sanh đều giữ gìn giới cấm, được giới thanh tịnh, giới tốt lành, giới không thiếu sót, giới không bị hủy phá, giới Đại thừa, giới không thối chuyển, giới tùy thuận, giới rốt ráo, giới thành tựu đầy đủ các pháp *ba-la-mật*.

“Thiện nam tử! Khi Bồ Tát *ma-ha-tát* tu trì giới thanh tịnh như vậy, liền được bắt đầu trụ vào địa vị *Bát động*.¹ Sao gọi là địa vị *Bát động*? Bồ Tát trụ vào địa vị *Bát động* thì không còn có những sự dao động, sa đọa, thối chuyển hay tán thất.

“Thiện nam tử! Ví như núi *Tu-di*, lốc xoáy và những cơn gió mạnh không thể làm cho núi ấy lay động, sụp đổ, đẩy lùi hay vỡ nát. Vị Bồ Tát *ma-ha-tát* trụ ở địa vị *Bát động* cũng vậy, không hề bị dao động vì hình sắc, âm thanh, hương vị, xúc cảm... không còn bị sa đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, không thể thối lui trở lại địa vị Thanh văn, Phật *Bích chi*, không bị những luồng gió tà kiến làm cho tán loạn mà rơi vào nếp sống tà vạy không chân chánh.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Bát động* còn có nghĩa là không bị dao động bởi tham dục, sân khuê, ngu si; không sa đọa còn có nghĩa là không rơi vào *Bốn cấm giới nặng*; không thối chuyển còn có nghĩa là không thối lui, buông bỏ giới luật mà quay về đời sống thế tục; không tán thất còn có nghĩa là không vì trái nghịch với kinh điển Đại thừa mà phải bị tán loạn, hư hoại mất.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* cũng không bị các ma phiền não làm khuynh động, không bị ma *năm*

¹ *Bát động địa* (Acalā-bhūmi), là địa vị tu chứng thứ 8 trong *Thập địa* của hàng Bồ Tát. Đạt đến địa vị này, Bồ Tát không còn bị dao động bởi bất kỳ một cảnh ngộ nào, và đã biết chắc khi nào mình sẽ thành tựu quả vị Phật.

ám làm sa đọa. Cho đến khi [sắp thành đạo] ngồi nơi đạo tràng dưới cội cây *Bồ-đề*, tuy có chúng ma từ cõi trời đến quấy phá cũng không thể làm cho Bồ Tát thối lui đối với quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Bồ Tát cũng không còn bị ma chết làm tán hoại.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu tập *Thánh hạnh*.

“Thiện nam tử! Sao gọi là Thánh hạnh? Thánh hạnh, đó là chỗ hành trì của Phật và Bồ Tát. Vì thế nên gọi là Thánh hạnh.

“Vì sao gọi chư Phật, Bồ Tát là thánh nhân? Vì các vị ấy có pháp của bậc thánh, thường quán xét tánh rỗng không vắng lặng của các pháp. Vì nghĩa ấy, nên gọi là thánh nhân. Vì có giới của bậc thánh nên gọi là thánh nhân. Vì có *định*, *huệ* của bậc thánh nên gọi là thánh nhân. Vì có *Bảy món báu* của bậc Thánh là: *tín*, *giới*, *tàm*, *quý*,¹ *đā vān*, *trī huệ*, *xả ly*, cho nên gọi là Thánh nhân. Lại có *bảy Thánh giác*² nên gọi là Thánh nhân. Vì nghĩa ấy, nên lại gọi là Thánh hạnh.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN MƯỜI MỘT

¹ Tàm và quý: Tàm có nghĩa là tự hổ thẹn với chính mình về những việc sai trái đã mắc phải. Quý có nghĩa là xấu hổ với người khác vì đã làm chuyện sai trái. Như vậy, người có đủ hai đức tàm và quý thì dầu có hay không có sự chứng kiến của người khác cũng chẳng hề phạm vào những điều xấu ác.

² Bảy Thánh giác (*bodhipāṅśikadharmā*), hay Thất Thánh giác, cũng gọi là Thất giác chi, Thất giác ý, bao gồm: 1. Trạch pháp giác chi (*dharmapracaya*) 2. Tinh tấn giác chi (*vīrya*) 3. Hỷ giác chi (*prīti*) 4. Khinh an giác chi (*prasādhī*) 5. Niệm giác chi (*smṛti*) 6. Định giác chi (*samādhi*) và 7. Xả giác chi (*upekṣā*).

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN MƯỜI HAI

PHẨM THÁNH HẠNH

Phẩm thứ bảy - Phần hai

Đại nũa, thiện nam tử! *Thánh hạnh* của Bồ Tát *ma-ha-tát* là quán sát thân này từ đầu đến chân, trong đó duy chỉ toàn là những thứ như tóc, lông, móng tay, móng chân, răng, các thứ dơ nhớp, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tim, phổi, gan, mật, ruột, dạ dày, hai tạng sanh và thực, các cơ quan đại, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng, nước mắt, những lớp mỡ, da mỏng bọc ở ngoài mỡ, tủy xương, mủ, máu, não, các mạch từ não cho đến ngón chân cái...

“Trong khi Bồ Tát chuyên tâm quán sát như vậy, liền suy xét rằng: ‘Trong những thứ đó có gì là ngã? Cái ngã thuộc về ai? Nó nằm ở chỗ nào? Cái gì thuộc về ngã?’

“Bồ Tát lại suy nghĩ rằng: ‘Bộ xương là ta chăng? Là bộ xương là ta chăng?’

“Lúc bấy giờ, Bồ Tát liền loại bỏ da và thịt, chỉ quán xét riêng bộ xương trắng. Lại suy xét rằng: ‘Màu sắc của

xương có khác nhau như xanh, vàng, trắng¹... cho đến [xám tro] như màu lông chim câu. Tướng trạng của xương như vậy cũng chẳng phải là cái *ngã*. Vì sao vậy? Cái *ngã* đó chẳng phải xanh, vàng, trắng cho đến [xám tro] như màu lông chim câu.’

“Khi Bồ Tát chú tâm quán tưởng như vậy liền dứt trừ được sự ham muốn đối với hình sắc.

“Bồ Tát lại xét nghĩ rằng: ‘Bộ xương này do nhân duyên mà sanh. Nhân nơi xương bàn chân mà chống chịu xương mắt cá; nhân nơi xương mắt cá mà chống chịu xương ống chân; nhân nơi xương ống chân mà chống chịu xương đầu gối; nhân nơi xương đầu gối mà chống chịu xương đùi; nhân nơi xương đùi mà chống chịu xương mu; nhân nơi xương mu mà chống chịu xương chậu; nhân nơi xương chậu mà chống chịu xương sống; nhân nơi xương sống mà chống chịu gân cốt; lại nhân nơi xương sống mà phía trên có xương cổ; nhân nơi xương cổ mà chống chịu xương hàm; nhân nơi xương hàm mà chống chịu bộ răng, trên hết lại có xương sọ; lại nhân nơi xương sọ mà chống chịu xương vai; nhân nơi xương vai mà chống chịu xương cánh tay; nhân nơi xương cánh tay mà chống chịu xương cổ tay; nhân nơi xương cổ tay mà chống chịu xương bàn tay; nhân nơi xương bàn tay mà chống chịu xương ngón tay.’

“Khi Bồ Tát *ma-ha-tát* quán xét như vậy, thấy hết thấy những xương hiện có trong thân đều [là những phần] tách

¹ Nguyên bản dùng “thanh hoàng xích bạch...”, Nam bản bỏ chữ “xích”, chúng tôi theo vì thấy hợp lý: không thấy xương có màu đỏ bao giờ. Có lẽ cụm từ “thanh hoàng xích bạch” được dùng theo thói quen. Hơn nữa, ngay trong một đoạn sau cũng thấy viết là: “như thanh sắc, quán hoàng, bạch, cấp sắc diệp phục như thị...” nghĩa là không có chữ “xích” (màu đỏ).

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

rời riêng biệt [kết hợp trong sự phụ thuộc lẫn nhau]. Quán xét được như vậy rồi liền dứt trừ ba thứ ham muốn: một là ham muốn nhan sắc, hai là ham muốn dáng vẻ, ba là ham muốn xúc chạm.¹

“Khi Bồ Tát *ma-ha-tát* quán xương màu xanh, liền thấy cõi đất này về bốn phương đông, tây, nam, bắc và bốn phương kế cận,² hai phương trên, dưới, thấy đều có tướng màu xanh.

“Cũng như màu xanh, khi quán những màu vàng, trắng, xám cũng đều như vậy.

“Khi Bồ Tát *ma-ha-tát* thực hiện phép quán như vậy, từ khoảng giữa hai chân mày liền phóng ra những hào quang xanh, vàng, đỏ, trắng, xám. Trong mỗi loại hào quang ấy, Bồ Tát đều nhìn thấy có hình Phật. Thấy như vậy rồi, liền tự hỏi rằng: ‘Như thân này là do những nhân duyên bất tịnh hòa hiệp mà thành, sao lại có thể ngồi, dậy, đi, đứng, co lại, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên, nhìn xem, nháy mắt, ho hen, khóc lóc, vui cười...? Ở trong thân ấy không có chủ, vậy ai sai khiến như vậy?’ Tự hỏi như vậy rồi, hình tượng chư Phật trong hào quang kia bỗng nhiên không còn nữa.

“Bồ Tát lại nghĩ rằng: ‘Hoặc giả *thức* là *ngã* chẳng, cho nên khiến chư Phật chẳng vì ta mà thuyết dạy?’ Lại quán

¹ Ba sự ham muốn (Tam dục): 1. Hình mạo dục: ham muốn nhan sắc, thân hình đẹp đẽ của kẻ khác; 2. Tư thái dục: Ham muốn dáng vẻ, cung cách đi đứng của kẻ khác; 3. Tế xúc dục: Ham muốn sự xúc chạm mềm mại, êm dịu với kẻ khác.

² Bốn phương kế cận (tứ dục): là các phương đông nam, đông bắc, tây nam và tây bắc. Khái niệm mười phương (thập phương) thường dùng trong đạo Phật là xuất phát từ đây, bao gồm các phương đông, tây, nam, bắc, đông nam, đông bắc, tây nam, tây bắc, cùng với hai phương trên, dưới.

thức này lần lượt sanh diệt, dường như dòng nước chảy, cũng không phải *ngã*.

“Bồ Tát lại xét nghĩ rằng: ‘Nếu *thức* không phải *ngã* thì hơi thở ra vào có lẽ là *ngã* chăng?’ Lại xét rằng: ‘Hơi thở ra vào đó chính là tánh gió, mà tánh gió ấy cũng là trong *bốn đại*.¹ Trong *bốn đại* ấy, cái nào là *ngã*? Đất chẳng phải *ngã*, nước, lửa, gió lại cũng chẳng phải *ngã*.’

“Bồ Tát lại nghĩ rằng: ‘Trong thân này hết thấy đều không có cái *ngã*. Chỉ có tâm như cơn gió hòa hiệp với các nhân duyên mà hiện ra đủ mọi thứ hành vi, sự việc. Cũng ví như những thứ do sức thần chú, ảo thuật tạo thành, lại cũng ví như cái đàn không hầu,² tùy theo ý người chơi mà phát ra âm thanh. Cho nên thân này là không trong sạch như vậy, do các nhân duyên giả hợp mà thành.

“Vậy do nơi đâu mà sanh ra tham dục? Nếu bị người khác nhục mạ, lại do nơi đâu mà sanh sân khú? Thân này của ta chứa 36 thứ,³ thấy đều là hôi thối, không trong sạch, vậy do nơi đâu có người bị mạ nhục?’ Nếu nghe tiếng

¹ Bốn đại (tứ đại): bốn yếu tố cấu thành vật chất theo quan điểm xưa, gồm có đất, nước, lửa, gió (địa, thủy, hỏa, phong). Hiểu theo ý nghĩa tượng trưng thì đây là bốn tính chất phổ biến của vật chất: *đất* tượng trưng cho độ rắn chắc, kết cấu của vật chất; *nước* tượng trưng cho độ ẩm, sự hiện diện của nước trong vật chất; *lửa* tượng trưng cho nhiệt năng hay năng lượng, hàm chứa trong mọi vật chất; và *gió* tượng trưng cho sự chuyển động, thay đổi của các phân tử cấu thành vật chất.

² Đàn không hầu: một loại nhạc cụ ngày xưa, giống đàn sắt nhưng nhỏ hơn, có 23 dây.

³ Ba mươi sáu thứ (Tam thập lục vật): Một cách liệt kê tượng trưng các chi tiết hợp thành thân người, bao gồm: *12 thứ ngoài thân*: tóc, lông, móng, răng, dử ghèn, nước mắt, nước miếng, đàm dãi, phần, nước tiểu, cáu ghét, mồ hôi; *12 thứ trong thân*: da, da non, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ trong, mỡ ngoài, não, mạc; *12 cơ quan nội tạng*: gan, mật, ruột, dạ dày, lách, cật, tim, phổi, sanh tạng (tam tiêu), thực tạng (bàng quang), đàm trắng, đàm đỏ. Cũng có thể hiểu *36 thứ* là cách nói tượng trưng chỉ cho sự kết hợp của rất nhiều bộ phận, cơ quan chi tiết khác nhau tạo thành cơ thể.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

mạ nhục, liền suy xét rằng: ‘Do nơi tiếng nào thấy được sự mạ nhục?’ Liền xét trong mỗi tiếng riêng rẽ không tiếng nào có thể thấy được sự mạ nhục. Nếu mỗi tiếng không thể thấy sự mạ nhục, thì nhiều tiếng hợp lại cũng không thể thấy sự mạ nhục. Vì nghĩa ấy mà không nên sanh tâm sân hận.’

“Nếu người khác đánh đập mình, cũng nên xét rằng: ‘Sự đánh đập đó, do đâu mà sanh?’ Lại xét rằng: “Do có tay người, dao gậy, và thân ta nên mới có cái gọi là đánh đập. Nay vì duyên cố gì ta lại nổi giận với người khác? Chính do cái thân này của ta tự chuốc lấy tai hại ấy. Do cái thân *năm ám* mà ta thọ lãnh, cũng ví như nhân cái đích mới có mũi tên bắn trúng. Thân ta cũng thế, bởi có thân nên mới có sự đánh đập. Nếu ta không nhẫn chịu, tâm tất phải tán loạn. Nếu tâm tán loạn, tất phải mất chánh niệm. Nếu mất chánh niệm, tất không thể quán xét ý nghĩa *thiện* và *bất thiện*. Nếu không thể quán xét ý nghĩa *thiện* và *bất thiện* tất sẽ làm việc ác. Do tạo nhân duyên ác, ắt phải đọa vào những cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Bấy giờ, Bồ Tát đã quán xét như vậy rồi liền được *Bốn niệm xứ*.¹ Đạt được *Bốn niệm xứ* rồi, ắt sẽ được trụ ở địa

¹ Tứ niệm xứ (Bốn chỗ niệm tưởng): 1. Niệm tâm vô thường (Tâm niệm xứ): luôn thấy biết rằng tâm niệm vô thường, nổi tiếp sanh diệt, không có gì bền chắc, đáng cố chấp 2. Niệm thọ thị khổ (Thọ mạng xứ): luôn thấy biết rằng mọi cảm thọ đều là khổ, không có gì để mê đắm, tham tiếc. 3. Niệm pháp vô ngã (Pháp niệm xứ): luôn thấy biết rằng hết thảy các pháp đều do nhân duyên mà sanh, giả hợp thành tướng, trong đó không có pháp nào có thể gọi là ngã. 4. Niệm thân bất tịnh (Thân niệm xứ): luôn thấy biết rằng thân này do nhân duyên giả hợp, gồm những vật chất bất tịnh, như nhớt, không bền chắc, không có gì để tham đắm, chấp giữ. Bồ Tát do nơi bốn niệm xứ này mà luôn thấy được tánh thật của các pháp.

vị *Kham nhân*.¹ Bồ Tát *ma-ha-tát* trụ ở địa vị ấy rồi, ắt có thể nhẫn chịu đối với sự tham dục, sân khuể, ngu si, cũng có thể nhẫn chịu đối với những sự lạnh nóng, đói khát, muỗi mòng, chí rận, gió mạnh, sự xúc chạm hung dữ, mọi thứ dịch bệnh, người ác khẩu chửi mắng hay đánh đập, hành hạ... Mọi khổ não về thân tâm đều có thể nhẫn chịu được tất cả. Vì thế nên gọi là trụ ở địa vị *Kham nhân*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ Tát chưa được trụ ở địa vị *Bát động*, trong khi giữ giới thanh tịnh, có nhân duyên gì có thể phá giới chăng?”

“Thiện nam tử! Bồ Tát chưa được trụ ở địa vị *Bát động*, khi có nhân duyên có thể phá giới.”

Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn, đó là những nhân duyên gì?”

Phật bảo *Ca-diếp*: “Nếu Bồ Tát biết là dùng nhân duyên phá giới thì có thể khiến người khác thọ trì và ưa chuộng, ngưỡng mộ kinh điển Đại thừa, lại có thể khiến người khác đọc tụng thông suốt, sao chép trọn quyển kinh, vì người khác mà thuyết giảng rộng, không còn thối lui đối với quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thì vị Bồ Tát này vì những việc như vậy có thể phá giới. Lúc ấy, Bồ Tát nên nghĩ rằng: “Ta tà đạo vào địa ngục *A-tỳ* để chịu tội trong một kiếp hoặc một kiếp giảm, nhưng nhất thiết phải [dùng phương tiện] khiến cho những người như vậy không còn thối chuyển đối với quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

¹ *Kham nhân địa*: Địa vị ban sơ trong mười địa vị (Thập địa) của hàng Bồ Tát, cũng gọi là *Hoan hỷ địa*.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Ca-diếp! Vì nhân duyên ấy, vị Bồ Tát *ma-ha-tát* có thể hủy phạm giới thanh tịnh.”

Lúc ấy, Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát giữ gìn, bảo vệ những người như vậy, khiến họ không còn thối chuyển đối với tâm *Bồ-đề*, thì không có lý nào vì sự [phương tiện] hủy phạm giới hạnh thanh tịnh như vậy mà phải đọa vào địa ngục *A-tỳ*.”

Bấy giờ, Phật ngợi khen *Văn-thù-sư-lợi* rằng: “Lành thay, lành thay, đúng như ông vừa nói đó! Ta nhớ lại thuở xưa, ở cõi *Diêm-phù-đề* này ta làm một vị Đại quốc vương tên là Tiên Dự, thường ái mộ, tưởng nhớ, kính trọng kinh điển Đại thừa. Lòng vua thuần thiện, không có những điều thô ác, tật đố, tham lam keo kiệt; miệng vua thường nói ra những lời thân ái, hiền lành, thường đem thân bảo vệ che chở những kẻ bần cùng, cô độc, thường làm việc bố thí, tinh tấn, chẳng hề bê trễ.

“Thuở ấy không có Phật, Thanh văn, Duyên giác ra đời. Ta vì ái mộ kinh điển Phương đẳng Đại thừa nên trong 12 năm lo phụng sự các thầy *bà-la-môn*, cung cấp mọi sự cần dùng. Qua 12 năm, việc cúng dường đã xong, ta bèn nói rằng: ‘Nay các thầy nên phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’

“Có thầy *bà-la-môn* nói: ‘Đại vương! Tánh *Bồ-đề* ấy vốn là không có, kinh điển Đại thừa cũng vậy. Sao đại vương lại khiến cho con người và vạn vật đồng như hư không?’

“Thiện nam tử! Thuở ấy, trong lòng ta tôn trọng Đại thừa nên vừa nghe thầy *bà-la-môn* ấy phỉ báng kinh *Phương đẳng* như vậy, ta liền giết chết ngay.

“Thiện nam tử! Nhân duyên là như vậy, mà từ ấy đến nay ta không hề đọa vào địa ngục.

“Thiện nam tử! Nhờ sự ủng hộ, giữ gìn kinh điển Đại thừa mới có được thế lực vô lượng như vậy.”

Đức Phật lại bảo Bồ Tát *Ca-diếp*: “*Ca-diếp*! Còn có Thánh hạnh gọi là *Tứ thánh đế*. *Khổ*, *Tập*, *Diệt*, *Đạo* gọi là *Tứ thánh đế*.

“*Ca-diếp*! *Khổ* là tướng bức bách. *Tập* là tướng có sức sanh trưởng. *Diệt* là tướng tịch diệt. *Đạo* là tướng Đại thừa.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Khổ* là tướng hiện ra. *Tập* là tướng chuyển đổi. *Diệt* là tướng dứt trừ. *Đạo* là tướng có năng lực dứt trừ.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Khổ* đó, có ba tướng khổ là tướng *khổ vì sự khổ*, tướng *khổ vì các hành* và tướng *khổ vì hoại diệt*.¹ *Tập*, là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. *Diệt*, là dứt trừ hết thảy hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. *Đạo* là tu tập giới, định, huệ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Pháp *hữu lậu* có hai loại: pháp có nhân và pháp có quả. Pháp *vô lậu* cũng có hai loại: pháp có nhân và pháp có quả. Quả của pháp hữu lậu gọi là *khổ*. Nhân của pháp hữu lậu gọi là *tập*. Quả của pháp vô lậu gọi là *diệt*. Nhân của pháp vô lậu gọi là *đạo*.

¹ Ba tướng khổ (khổ khổ, hành khổ và hoại khổ). *Tướng khổ vì sự khổ*: các nỗi khổ như tật bệnh, đói khát, nóng lạnh... nối nhau không dứt. Cái khổ này vừa dứt thì cái khổ khác tiếp theo, làm cho chúng sanh đau khổ. *Tướng khổ vì các hành*: do các hành là vô thường nên vạn vật trong thế gian đều là thường, liên tục biến đổi. Sự vô thường thay đổi của chúng làm cho người ta phải khổ. *Tướng khổ vì hoại diệt*: Vạn vật trong thế gian đều phải hư hoại, bản thân mỗi người cũng như hết thảy những con người và sự vật mình yêu thích đều phải hoại diệt. Điều ấy làm cho chúng sanh phải khổ.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Lại nữa, thiện nam tử! Có tám tướng gọi là khổ. Đó là: *sinh* là khổ, *già* là khổ, *bệnh* là khổ, *chết* là khổ, *yêu mến phải lìa xa* là khổ, *oán ghét phải gặp nhau* là khổ, *mong cầu không được* là khổ, *năm ám bạo phát* là khổ.¹

“Vì phát sanh tám tướng khổ nên gọi là *tập*. Chỗ không có tám pháp khổ ấy gọi là *diệt*. Mười sức,² Bốn đức chẳng sợ,³ Ba chỗ niệm,⁴ tâm đại bi, đó gọi là *đạo*.

“Thiện nam tử! *Sanh* là tướng xuất hiện. Có năm loại: *một* là vừa mới xuất hiện, *hai* là đã thành hình, *ba* là ngày càng phát triển lớn lên, *bốn* là ra khỏi thai, *năm* là sanh ra thành chủng loại.

¹ Tám nỗi khổ này thường được gọi chung là Bát khổ.

² Mười sức của Phật (Thập lực), cũng gọi là Mười trí lực (Thập trí lực), bao gồm: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực, 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực, 3. Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực, 4. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực, 5. Tri chủng chủng giải trí lực, 6. Tri chủng chủng giới trí lực, 7. Tri nhất thiết sở đạo trí lực, 8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực, 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực, 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.

³ Bốn đức chẳng sợ (Tứ vô sở úy), cũng gọi là Tứ vô úy. Bao gồm:

- Nhất thiết trí vô sở úy
- Lậu tận vô sở úy
- Thuyết chướng đạo vô sở úy
- Thuyết tận khổ đạo vô sở úy

Đó là bốn đức chẳng sợ của Phật. Lại có bốn đức chẳng sợ của hàng Bồ Tát:

- Tổng trì bất vong thuyết pháp vô úy
- Tận tri pháp được, cập tri chúng sanh căn dục tánh tâm, thuyết pháp vô úy
- Thiện năng vấn đáp, thuyết pháp vô úy
- Năng đoạn vật nghi, thuyết pháp vô úy

⁴ Ba chỗ niệm (Tam niệm xứ): cũng gọi là Tam niệm trụ hay Tam chánh niệm xứ.

1. Đệ nhất niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tưởng pháp giới bình đẳng, rốt cùng không có tướng suy giảm, nên dù chúng sanh không hết lòng nghe pháp cũng chẳng sanh tâm lo lắng. 2. Đệ nhị niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tưởng pháp giới bình đẳng, rốt cùng không có tướng tăng tiến, nên dù chúng sanh hết lòng nghe pháp cũng chẳng sanh tâm vui mừng. 3. Đệ tam niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tưởng pháp giới bình đẳng, rốt cùng các tướng sanh tử, Niết-bàn đều không thể nắm bắt, vì thế thường sanh tâm buông xả, thường làm lợi ích cho tất cả chúng sanh nhưng không hề có ý niệm làm lợi ích chúng sanh.

“Những gì là *già*? Già có hai loại: *một* là già đi trong từng giây phút, *hai* là già lúc cuối đời. Lại có hai loại: *một* là già trong khi tăng trưởng, lớn lên; *hai* là già trong khi hoại diệt. [Những trạng thái] như vậy đều gọi là *già*.”

“Thế nào là *bệnh*? Đó là nói *bốn đại* như bốn con rắn độc không hòa hợp nhau. Lại có hai loại bệnh: *một* là bệnh nơi thân, *hai* là bệnh nơi tâm. Thân bệnh có năm loại: *một* là do nước, *hai* là do gió, *ba* là do sức nóng, *bốn* là do nhiều nguyên nhân lẫn lộn, *năm* là do nguyên nhân từ bên ngoài.

“Bệnh do nguyên nhân từ bên ngoài có bốn loại: *một* là do gắng gượng làm những việc vượt quá sức mình, *hai* là do sơ ý té ngã, *ba* là do dao gậy, gạch đá, *bốn* là do các loài quỷ ma vướng mắc.

“Tâm bệnh cũng có bốn loại: *một* là phẫn kích, *hai* là khiếp sợ, *ba* là lo buồn, *bốn* là ngu si.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bệnh của thân tâm thường có ba loại. Những gì là ba? *Một* là do nghiệp báo, *hai* là do không liìa xa được những [tác động] đối nghịch xấu ác, *ba* là do thời tiết thay đổi.

“[Từ đó] sanh ra sự phân biệt [các bệnh] theo nhân duyên, tên gọi, cảm thọ. [Phân biệt bệnh theo] nhân duyên là như các thứ bệnh [trúng] phong, [bệnh nhiễm nước].v.v... [Phân biệt bệnh theo] tên gọi là như bệnh tâm muộn (trong lòng buồn bực) bệnh sung phổi, bệnh thượng khí (hơi đưa lên), bệnh ho nghịch, bệnh khiếp nhược, bệnh kết ly... [Phân biệt bệnh theo] cảm thọ là như bệnh nhức đầu, bệnh đau mắt, bệnh tay chân nhức mỏi... Như thế đều gọi chung là bệnh.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“Những gì gọi là chết? Chết nghĩa là xả bỏ cái thân đang có. Xả bỏ cái thân đang có, cũng có hai trường hợp: một là do thọ mạng đã hết mà chết, hai là do nhân duyên bên ngoài mà chết.

“Thọ mạng đã hết mà chết lại có ba loại: *một* là thọ mạng đã dứt nhưng phước đức chưa dứt, *hai* là phước đức đã dứt nhưng thọ mạng chưa dứt, *ba* là cả phước đức và thọ mạng đều dứt hết.

“Do nhân duyên bên ngoài mà chết cũng có ba trường hợp: một là chẳng phải số phần của mình nhưng tự hại mà chết, hai là bị kẻ khác hại mà chết, ba là cùng chết với kẻ khác.

“Lại có ba loại chết: một là chết phóng dật, hai là chết phá giới, ba là chết mạng căn hư hoại.

“Sao gọi là chết phóng dật? Nếu có người phỉ báng Phương đẳng Đại thừa, *Bát-nhã ba-la-mật*, đó gọi là chết phóng dật.¹ Sao gọi là chết phá giới? Hủy phạm những giới cấm mà chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chế định. Đó gọi là chết phá giới.² Sao gọi là chết mạng căn hư hoại? Xả bỏ thân năm ấm.³ Đó gọi là chết mạng căn hư hoại. Như vậy gọi rằng chết là nỗi khổ lớn lao!

“Những gì gọi rằng *yêu mến phải lìa xa* là khổ? Những vật mình yêu mến bị phá hoại, lìa tan. Những vật mình yêu mến bị hư hoại, lìa tan cũng có hai trường hợp: một là

¹ Người này tuy mạng căn chưa dứt nhưng phạm vào tội hủy báng kinh điển Đại thừa nên xem như đã chết, không thể cứu vãn.

² Tuy mạng căn chưa dứt nhưng hủy phạm cấm giới nên xem như đã chết, không thể cứu vãn.

³ Năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

ở cõi người, *năm ấm* bị hư hoại, hai là ở cõi trời *năm ấm* bị hư hoại. Năm ấm mà người ta và chư thiên yêu mến, phân biệt, kể đếm ra có vô số thứ loại. Như vậy gọi rằng *yêu mến phải lia xa* là khổ.

“Sao gọi rằng *oán ghét phải gặp nhau* là khổ? [Đó là khi] những gì mình không yêu mến lại phải cùng tụ họp một nơi. Những gì mình không yêu mến lại phải cùng tụ họp một nơi cũng có ba trường hợp. Ấy là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba cảnh khổ ấy, phân biệt kể đếm ra có đến vô số thứ loại. Như vậy gọi rằng *oán ghét phải gặp nhau* là khổ.

“Sao gọi rằng *mong cầu không được* là khổ? Mong cầu không được là khổ cũng có hai trường hợp: một là đặt niềm hy vọng, mong cầu mà không thể được; hai là tốn công gắng sức rất nhiều nhưng chẳng được kết quả. Như vậy đều gọi rằng *mong cầu không được* là khổ.

“Sao gọi rằng *năm ấm bạo phát* là khổ? Cái khổ năm ấm bạo phát ấy là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ yêu mến phải lia xa, khổ oán ghét phải gặp nhau, khổ mong cầu mà chẳng được. [Những nỗi khổ này đều có căn bản phát sanh từ sự tụ họp, xung khắc và tan rã của năm ấm nên] như vậy gọi rằng *năm ấm bạo phát* là khổ.

“*Ca-diếp!* Do nơi sanh là căn bản mà có bảy thứ khổ kia, từ khổ già cho đến khổ *năm ấm bạo phát*.

“*Ca-diếp!* Sự già yếu không phải tất cả đều có. Như Phật và chư thiên nhất định không có sự già yếu. Còn trong nhân loại thì không nhất định: kẻ có, người không.

“*Ca-diếp!* Trong Ba cõi, có thọ thân thì không ai là không có sanh, nhưng tướng già thì không nhất định. Cho

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

nên sanh là căn bản của tất cả. Chúng sanh ở thế gian vì sự điên đảo che lấp trong tâm nên tham đắm tướng sanh, ghê sợ những tướng già, chết. *Ca-diếp!* Bồ Tát không phải như thế, quán xét từ tướng sanh ra ban đầu đã thấy chỗ tai hại rồi!

“*Ca-diếp!* Như có một cô gái kia vào nhà kẻ khác. Cô gái ấy đoan chánh, vẻ mặt và hình tướng đều rất đẹp, lại còn dùng chuỗi ngọc tốt để trang điểm trên thân. Chủ nhà nhìn thấy cô liền hỏi rằng: ‘Cô tên họ gì? Là người của ai?’ Cô gái đáp rằng: ‘Tôi đây chính là Công Đức Đại Thiên.’ Chủ nhân lại hỏi: ‘Cô đến đây để làm gì?’ Cô gái đáp: ‘Những nơi tôi đến đều có thể được ban cho đủ các loại vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, tôi trai, tứ gái, kẻ hầu người hạ...’ Chủ nhà nghe xong sanh lòng vui mừng, phấn khích vô cùng, liền nói rằng: ‘Nay tôi có phước đức nên khiến cô đến nhà tôi.’ Người ấy liền đốt hương, rảy hoa, cúng dường, cung kính lễ bái.

“Lúc ấy, ngoài cửa lại có một cô gái khác hình dạng xấu xí, áo quần rách nát, dơ bẩn, da thịt nứt nẻ, sắc diện già nua, nhợt nhạt... Chủ nhà thấy vậy lại hỏi rằng: ‘Cô tên họ gì? Là người của ai?’ Cô gái đáp rằng: ‘Tôi tên là Hắc Ám.’ Lại hỏi: ‘Vì sao cô có tên là Hắc Ám?’ Cô gái đáp: ‘Những nơi tôi đi đến, có thể làm cho mọi thứ của cải, đồ quý trong nhà ấy đều hao tổn, suy giảm.’ Nghe xong, chủ nhà liền cầm dao bén nói rằng: ‘Nếu cô không đi ngay ta sẽ giết chết cô.’ Cô gái đáp rằng: ‘Ông thật quá ngu si, chẳng có chút trí huệ.’ Chủ nhà hỏi: ‘Sao lại gọi là ngu si, không có trí huệ?’ Cô gái đáp: ‘Người ở trong nhà ông đó

là chị của ta. Chị ấy với ta thường cùng đi với nhau. Nếu ông đuổi ta, cũng là đuổi chị ấy.’

“Chủ nhân trở vào nhà hỏi Công Đức Thiên rằng: “Bên ngoài có một cô gái nói là em của cô, có thật vậy chăng?” Công Đức Thiên nói: “Thật là em tôi. Tôi với cô em đó thường đi chung với nhau, chưa từng xa lìa. Đến ở nơi nào thì tôi thường làm việc tốt, em tôi thường làm việc xấu, tôi thường làm lợi ích, em tôi thường gây suy giảm, tổn hao. Nếu yêu mến tôi, cũng phải yêu mến em tôi. Như cung kính tôi, cũng phải cung kính em tôi.’

“Chủ nhà liền nói: ‘Nếu có việc tốt lẫn xấu như vậy thì tôi đây không cần cả hai, các cô cứ tùy ý mà đi đi.’ Bấy giờ, hai cô gái cùng đưa nhau đi, định trở về chỗ cũ. Chủ nhà thấy họ đi rồi, trong lòng vui vẻ, phấn khích vô cùng.

“Lúc ấy, hai cô gái cùng đi với nhau, đến một nhà nghèo kia. Người nhà nghèo ấy nhìn thấy hai cô rồi, trong lòng vui vẻ, liền thỉnh mời rằng: “Từ nay trở đi xin hai cô cứ ở lại nhà tôi.’ Công Đức Thiên nói: “Trước đây chúng tôi vừa bị người khác đuổi đi. Cớ sao ông lại thỉnh mời cả hai chúng tôi ở lại?” Người nhà nghèo đáp rằng: “Nay cô nghĩ đến tôi, tôi vì cô mà cũng cung kính cô kia. Cho nên tôi thỉnh mời cả hai cô cùng ở lại nhà tôi.’

“*Ca-diếp!* Bồ Tát *ma-ha-tát* cũng như thế, chẳng nguyện sanh lên cảnh trời, vì có sanh tất phải có già, bệnh, chết. Vì vậy nên dứt hết, chưa từng khởi lòng yêu mến. Những kẻ phàm ngu chẳng biết chỗ tai hại của già, bệnh, chết nên ham thích cả hai pháp sống và chết.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Như có đứa trẻ dòng *bà-la-môn*, đang lúc quá đói, thấy ở trong đồng phân người có một trái *am-*

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

la liền đưa tay nhặt lấy. Người có trí thấy vậy, quở trách rằng: ‘Cậu là người dòng *bà-la-môn* thanh tịnh, sao lại nhặt trái dơ trong đồng phân?’ Đứa trẻ ấy nghe xong, thẹn đỏ mặt, đáp rằng: ‘Tôi thật không ăn, chỉ muốn lấy rửa cho sạch rồi ném bỏ.’ Người có trí kia liền bảo nó rằng: ‘Mày thật quá ngu si, nếu định ném bỏ thì trước đó chẳng nên nhặt lấy.’

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* cũng vậy, đối với cái sanh, chẳng thọ cũng chẳng bỏ, như người có trí kia quở trách đứa trẻ. Những kẻ phàm phu ưa sống ghét chết, như đứa trẻ kia nhặt trái rồi lại vứt đi.

“Lại nữa *Ca-diếp*! Ví như có người mang nhiều thức ăn đủ các màu sắc, hương vị, đến chỗ ngã tư đường để bán. Có người từ xa đến, đói kém suy nhược, thấy cơm và thức ăn có đủ các màu sắc, hương vị liền dừng lại, hỏi rằng: ‘Đây là những món gì?’ Người chủ nói: ‘Đây là những thức ăn ngon nhất, có đủ màu sắc, hương vị. Như ai ăn vào thì được hình sắc tốt đẹp, có sức mạnh, trừ được đói khát, được gặp chư thiên. Chỉ có một điều tai hại là phải chết.’ Người ấy nghe rồi liền nghĩ rằng: ‘Nay tôi chẳng cần hình sắc, sức mạnh, gặp chư thiên, cũng chẳng muốn chết.’ Liền hỏi rằng: ‘Nếu ăn vào phải chết, vậy nay ông mang bán thức ăn này để làm chi?’ Người chủ thức ăn đáp rằng: ‘Người có trí chẳng bao giờ chịu mua, duy có những kẻ ngu không hiểu việc ấy, trả cho tôi nhiều tiền, vì tham mà ăn.’

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* cũng như thế, chẳng nguyện sanh lên cõi trời, được hình sắc tốt, sức mạnh, gặp chư thiên. Vì sao vậy? Vì những việc ấy cũng chẳng khỏi các sự khổ não. Những kẻ phàm ngu, tùy chỗ sanh ra đều

đem lòng tham mến. Là vì không thấy được những sự già, bệnh, chết [là khổ].

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như cây có độc, rễ nó có thể làm chết người, thân nó cũng có thể làm chết người, cho đến vỏ cây, hoa, trái, hạt... thấy đều có thể làm chết người. Thiện nam tử! Trong 25 cảnh giới hiện hữu, tùy chỗ thọ sanh mà thọ nhận *năm ấm* cũng vậy, hết thấy đều có thể làm chết người.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như phần dơ, dù nhiều hay ít cũng đều hôi thối. Thiện nam tử! Sự sanh ra cũng vậy, dù cho sống lâu đến tám vạn năm, hoặc chỉ được mười tuổi cũng đều là chịu khổ.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như cái hầm nguy hiểm, bên trên có cỏ che phủ, bên cạnh mép hầm lại có nhiều cam lộ. Như ai ăn được chất cam lộ ấy thì sống đến ngàn năm, trừ tuyệt các bệnh, an ổn khoái lạc. Những kẻ phàm ngu vì tham ăn món ấy, không biết là phía dưới có cái hầm rất sâu, liền đi tới để lấy, bất ngờ trượt chân, sa xuống hầm mà chết. Người trí đã biết nên lià bỏ, lánh xa.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* cũng vậy, cho đến những món ăn ngon nhất ở cõi trời còn chẳng tham muốn, huống gì món ăn ở cõi người? Kẻ phàm tục cho đến ở nơi địa ngục còn nuốt lấy những hòn sắt nóng, huống chi những món ăn ngon thịnh soạn ở cõi trời, cõi người, làm sao có thể không ăn?

“*Ca-diếp!* Bởi những thí dụ ấy, và còn vô số thí dụ khác nữa, nên biết rằng sự sanh thật là nỗi khổ rất lớn.

“*Ca-diếp!* Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* trụ ở kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* quán xét sự sanh là khổ.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“*Ca-diếp!* Thế nào là Bồ Tát *ma-ha-tát* trụ ở kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* quán xét già là khổ? Sự già nua có thể khiến cho người ta phải bị ho hen, khí nghịch đưa lên; có thể làm tiêu mất sức mạnh, trí nhớ; làm mất đi tuổi thanh niên tráng kiện, khoái lạc, ngạo mạn tự cao, an ổn thỏa chí; làm cho lưng còng, chậm chạp biếng nhác, bị người khác khinh chê.

“*Ca-diếp!* Ví như trong hồ nước có đầy hoa sen nở ra đẹp đẽ, tươi tắn, trông rất đáng ưa thích. Bỗng gặp khi trời đổ cơn mưa đá xuống, phá hoại tất cả. Thiện nam tử! Cái già cũng thế, có thể phá hoại sắc đẹp tuổi thanh xuân!

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như vua kia có một vị quan trí tuệ, khéo biết cách dùng binh. Có một vua khác đối địch, chống lại. Vua ấy liền sai vị quan có trí đi đánh phạt. Vị quan bắt được vua kia đem về nộp lên. Cảnh già cũng như thế, bắt lấy cái sắc đẹp tráng kiện đem nộp cho vua chết.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như cái trục xe gãy không thể dùng vào việc gì. Cái già cũng vậy, không thể dùng vào việc gì được nữa.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Như một nhà rất giàu, có nhiều cửa cải, vật quý, vàng bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não... Nếu giặc cướp vào nhà ấy có thể cướp giật làm cho mất sạch. Thiện nam tử! Sắc đẹp và tuổi thanh xuân tráng kiện cũng vậy, thường bị giặc cướp là cái già cướp mất.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như người nghèo tham ăn món ngon, tham mặc vải lụa tốt, tuy có hy vọng như vậy nhưng không có được. Thiện nam tử! Cái già cũng vậy, tuy có

lòng tham muốn thọ hưởng giàu có, vui sướng, thỏa thích trong năm món dục,¹ nhưng không thể được vậy.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như con rùa ở trên cạn, thường nhớ nghĩ đến nước. Thiện nam tử! Người ta cũng thế, đã bị khô héo vì già yếu thì lòng thường nhớ nghĩ đến năm món dục đã thọ hưởng thời trai trẻ.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như mùa thu có hoa sen, ai cũng muốn nhìn ngắm, đến khi héo tàn, ai cũng chán chê. Thiện nam tử! Sắc đẹp tuổi xuân cũng vậy, ai nấy đều ưa thích. Đến khi già yếu thì ai cũng chán chê.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như cây mía ép lấy nước rồi thì chẳng còn vị ngọt. Thiện nam tử! Sắc đẹp tuổi xuân cũng vậy, khi bị cái già ép đến rồi thì không còn [thực hiện được] ba việc: một là xuất gia, hai là đọc tụng [kinh điển], ba là ngồi thiền.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như mặt trăng tròn, ban đêm sáng nhiều, còn ban ngày không được vậy. Thiện nam tử! Người ta cũng như vậy, lúc tuổi thanh xuân dáng vẻ nghiêm trang, hình mạo to khỏe; đến lúc già thì suy yếu, hình dung khô héo, tiều tụy.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như một vị vua thường dùng chánh pháp trị nước chần dân, lòng dạ chân thật, không tà vạy, giàu đức từ bi, thường hành bố thí. Bấy giờ bị nước địch phá hoại, vua trôi dạt trốn tránh, cuối cùng đến một nước khác. Nhân dân nước ấy thấy vua liền sanh lòng thương

¹ Năm món dục (Ngũ dục): Năm sự ưa thích, vui thỏa với trần cảnh, bao gồm sự đắm vui với hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị giác và xúc giác. Sự đam mê của chúng sanh tuy rất nhiều nhưng không ra ngoài 5 món dục này.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

xót, thấy đều nói rằng: ‘Đại vương thuở xưa trị nước theo chánh pháp, muôn dân khỏi sự oan uổng, vì sao trong sớm chiều đã trôi dạt tới đây?’ Thiện nam tử! Người ta cũng thế, khi bị sự già yếu làm cho bại hoại rồi, thường ca ngợi những việc đã làm vào thuở tráng niên.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như cây đèn cháy được nhờ nơi dầu thấp. Khi dầu sắp hết thì đèn không thể cháy được lâu. Thiện nam tử! Người ta cũng như thế, chỉ nhờ nơi loại dầu tráng niên. Khi dầu tráng niên đã hết, ngọn đèn già yếu làm sao còn cháy được lâu?”

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như con sông khô cạn không thể làm lợi ích cho loài người, loài phi nhân, cho đến các loài chim, thú... Thiện nam tử! Người ta cũng vậy, bị cái khô cạn của tuổi già rồi thì không thể làm lợi ích bất cứ công việc nào cả.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như cây cao đứng cạnh mé sông, nếu gặp gió lớn ắt phải ngã nhào. Thiện nam tử! Người ta cũng như vậy, đứng ven bờ nguy hiểm là cảnh già, khi gió chết thổi tới, tất không đứng vững nữa được.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như chiếc xe bị gãy trục, không thể chở đồ. Thiện nam tử! Kẻ già rồi cũng vậy, không thể học hỏi bất cứ pháp lành nào.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như đứa trẻ con, bị mọi người xem thường. Thiện nam tử! Kẻ già cũng vậy, thường bị hết thấy mọi người khinh chê.

“*Ca-diếp!* Vì những thí dụ ấy và vô số thí dụ khác, nên biết rằng sự già đó thật là nỗi khổ rất lớn.

“*Ca-diếp!* Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*, quán sự già là khổ.

“*Ca-diếp!* Thế nào là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* quán xét bệnh là khổ? Gọi là bệnh đó, có thể làm mất hết mọi sự an ổn, vui sướng, ví như mưa đá làm tổn hại lúa mạ.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Như người có kẻ thù, trong lòng thường lo buồn mà ôm lấy sự sợ sệt. Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh lại cũng như vậy, vì sợ bệnh khổ nên trong lòng thường lo buồn.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như có người [thanh niên] tướng mạo đẹp đẽ tuấn tú, hoàng hậu của vua [trông thấy] động lòng yêu thương, sai người ép buộc gọi đến để cùng làm việc mây mưa. Bấy giờ vua bắt được liền sai người khoét một con mắt, cắt một lỗ tai, chặt đứt một tay và một chân. Lúc ấy, người này hình dung đổi lạ, ai nấy đều chê ghét. Thiện nam tử! Người ta cũng như thế, trước thời dung mạo đoan nghiêm, tai mắt đầy đủ, đến khi đã bị bệnh khổ vây quanh bức bách thì mọi người đều ghét bỏ, chê bai.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như những loại cây chuối, cây tre, cây lau, cây sậy, con la, khi có trái hoặc có con thì phải chết. Thiện nam tử! Người ta cũng thế, có bệnh thì phải chết.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Như vua Chuyển luân, vị đại thần cầm quân thường ở phía trước, còn vua đi phía sau. Lại như vua cá, vua kiến, vua ốc, vua trâu cùng vị thương chủ thì đi phía trước, trong khi cả đoàn đều đi theo sau, không hề rời bỏ. Thiện nam tử! Vua chết cũng thế, thường theo sau vị đại thần là bệnh, chẳng hề rời bỏ. Cũng như các vị vua cá, vua kiến, vua ốc, vua trâu cùng vị thương chủ, vua bệnh thường đi trước và đoàn chết luôn theo sau.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

“*Ca-diếp!* Nhân duyên của bệnh là khổ não, lo rầu, buồn nản, thân tâm chẳng yên, hoặc bị kẻ oán thù, giặc cướp bức bách, làm hại, phá hoại phao nổi, rút bỏ cầu cống, cũng có thể cướp mất căn bản chánh niệm, lại có thể phá hoại sắc đẹp, sức mạnh, sự yên vui của tuổi tráng niên, trừ bỏ lòng hổ thẹn, có thể làm cho thân tâm trở nên nóng nảy, bứt rứt.

“Bởi những thí dụ ấy và vô số những thí dụ khác, nên biết rằng bệnh khổ đó là nỗi khổ rất lớn.

“*Ca-diếp!* Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* quán xét bệnh là nỗi khổ.

“*Ca-diếp!* Thế nào là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* quán xét sự chết là khổ? Gọi là chết đó, là có thể đốt cháy, tiêu diệt.

“*Ca-diếp!* Như nạn lửa nổi lên có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ cảnh trời *Nhị thiên* sức lửa chẳng tới. Thiệt nam tử! Lửa chết cũng vậy, có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ ở Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*, thế lực nó chẳng tới.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Như nạn lụt nổi lên, tất cả đều bị cuốn trôi, nhấn chìm, chỉ trừ cảnh trời *Tam thiên*, sức nước chẳng tới. Thiệt nam tử! Trận lụt chết cũng thế, nó cuốn trôi, nhấn chìm tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ ở Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Như nạn gió bão nổi lên, có thể thổi bay tất cả, làm cho tiêu tan, diệt mất, chỉ trừ cảnh trời *Tứ thiên*, sức gió chẳng tới. Thiệt nam tử! Cơn bão chết cũng thế, nó thổi bay mất hết thảy mọi vật đang có, chỉ trừ Bồ Tát trụ ở Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Cảnh trời *Tứ thiên* đó, do nhân duyên gì mà gió không thể thổi, nước không thể trôi, lửa không thể cháy?”

Phật dạy *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Cảnh trời *Tứ thiên* đó, trong ngoài đều dứt sạch hết thảy mọi lỗi lầm, tai họa. Thiện nam tử! Chỗ lỗi lầm tai họa ở cảnh trời *Sơ thiên* là bên trong có giác quan, bên ngoài có nạn lửa. Chỗ lỗi lầm tai họa ở cảnh trời *Nhị thiên* là bên trong có sự vui mừng, bên ngoài có nạn lụt. Chỗ lỗi lầm tai họa ở cảnh trời *Tam thiên* là bên trong có hơi thở gấp, bên ngoài có nạn gió bão.

“Thiện nam tử! Cảnh trời *Tứ thiên* đó, trong ngoài đều dứt sạch hết thảy mọi lỗi lầm, tai họa. Cho nên các nạn [gió, nước, lửa đều] không thể tới. Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại cũng như thế, nhờ trụ yên ở Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn* cho nên mọi lỗi lầm, tai họa trong ngoài đều dứt sạch. Vì vậy nên vua chết chẳng tới được.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như chim *kim sí*¹ có thể nuốt vào và tiêu hóa hết thảy những loài rồng, cá, vàng, bạc cùng mọi vật báu khác, chỉ trừ chất kim cương là không thể tiêu hóa. Thiện nam tử! Cái chết cũng như chim *kim sí* kia, có thể nuốt vào và tiêu hóa tất cả chúng sanh, nhưng không thể tiêu được vị Bồ Tát *ma-ha-tát* trụ yên nơi Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*.

“Lại nữa, *Ca-diếp*! Ví như ven bờ sông có các loại cây cỏ, gặp trận nước lụt tràn qua, thảy đều trôi giạt, bị cuốn vào biển cả, chỉ trừ cây dương liễu, nhờ cây ấy mềm dẻo.

¹ Chim kim sí (Kim sí diểu): Chim cánh vàng, cũng gọi là chim đại bàng, là loài chim có hình thể lớn nhất.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh lại cũng như thế, thủy đều cuốn theo dòng nước trôi vào biển chết, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Như [vị lực sĩ cõi trời là] *na-la-diên* có thể khuất phục hết thủy các lực sĩ khác, chỉ trừ cơn gió lớn mà thôi. Vì sao vậy? Vì không có chướng ngại. Thiện nam tử! Cái chết cũng như vị *na-la-diên* kia, có thể khuất phục hết thủy chúng sanh, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì không có chướng ngại.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như có người kia đối với kẻ mình oán thù căm ghét lại giả làm ra vẻ thân thiện, thường theo đuổi như bóng với hình, rình rập chờ lúc thuận tiện để giết. Nhưng kẻ oán thù ấy thật cẩn thận, phòng bị chắc chắn, nghiêm ngặt, làm cho người kia không thể nào giết được. Thiện nam tử! Cái chết cũng như người có oán thù kia, thường rình rập chúng sanh, chờ dịp để giết, chỉ không giết được vị Bồ Tát *ma-ha-tát* trụ ở Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì vị Bồ Tát này không bao giờ lười nhác, buông thả phóng túng.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như [khi trời] thành linh đổ xuống trận mưa lớn bằng chất kim cương, ắt sẽ làm hư hoại mọi loài cây thuốc, cây cối nơi rừng núi, đất, cát, ngói gạch, sỏi đá, vàng, bạc, lưu ly, hết thủy mọi vật, chỉ không thể làm hư hoại chất kim cương thật. Thiện nam tử! Cái chết cũng như trận mưa kim cương kia, có thể phá hoại tất cả chúng sanh, chỉ trừ bậc Bồ Tát kim cương trụ ở Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*.

“Lại nữa, *Ca-diếp!* Ví như chim *kim sí*, có thể ăn thịt cả loài rồng, chỉ không thể ăn thịt những chúng sanh nào

đã thọ Tam quy y. Thiện nam tử! Cái chết cũng như chim *kim sí* kia, có thể ăn được hết thấy vô lượng chúng sanh, chỉ trừ vị Bồ Tát trụ ở *ba phép định*. Những gì là *ba phép định*? Đó là [các pháp]: *không, vô tướng và vô nguyện*.¹

“Lại nữa, *Ca-diếp*! Như con rắn độc *ma-la*, những ai đã bị nó cắn thì dù có thần chú, thuốc hay màu nhiệm nhất cũng không làm gì được! Chỉ có tinh chú *A-kiệt-đa* mới có thể chữa khỏi. Nọc độc của cái chết cũng vậy, hết thấy mọi phương thuốc đều vô hiệu! Chỉ trừ sức chú thuật của Bồ Tát trụ ở Đại thừa *Đại Niết-bàn*.

“Lại nữa, *Ca-diếp*! Ví như có người bị vua giận, nếu biết dùng lời dịu ngọt, hiền hòa cùng với của cải, vật quý mà dâng lên vua thì có thể thoát tội. Thiện nam tử! Cái chết chẳng giống như vua kia, cho dù có đem lời dịu ngọt, cùng với tiền tài, trân bảo mà dâng lên, cũng chẳng thoát được.

“Thiện nam tử! Người nhận lấy cái chết tức là đang ở nơi tai nạn nguy hiểm mà không có chút tiền của, lương thực nào; phải đi đến chỗ xa xôi diệu vợi mà không có bạn đồng hành, đi suốt ngày đêm mà chẳng biết đâu là bờ bến, sâu thẳm, u ám, chẳng có ánh đèn, không có cửa vào nhưng thật có xứ sở; tuy không có chỗ đau nhưng không thể điều trị, đi lại không ai ngăn cản nhưng rốt cùng không thể thoát; không có chỗ phá hoại nhưng ai thấy cũng buồn lo, cảm giận; chẳng phải là hình sắc dữ

¹ Cũng gọi là Tam giải thoát môn (*vimokṣa*), là ba phép quán tưởng, thiền định giúp người tu tập đạt đến sự giải thoát. *Không (śūnyatā)* là nhận biết ngã và pháp đều trống không; *vô tướng (ānimitta)* là nhận biết hết thấy các pháp đều bình đẳng, vô tướng; *vô nguyện (apraṇihita)* là nhận biết sanh tử là khổ, dứt hết mọi ham muốn, có thể đạt đến Niết-bàn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

tợn nhưng khiến người sợ sệt; lộ rõ bên mình mà không thể hay biết.

“Ca-diếp! Vì những thí dụ ấy và vô số thí dụ khác, nên biết rằng sự chết thật là nỗi khổ rất lớn. Ca-diếp! Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh Đại thừa *Đại Niết-bàn* quán xét sự chết là nỗi khổ.

“Ca-diếp! Thế nào là Bồ Tát *ma-ha-tát* trụ ở kinh Đại thừa *Đại Niết-bàn* quán xét sự *yêu mến phải lìa xa* là khổ? Nỗi khổ phải lìa xa chỗ yêu mến đó có thể là căn bản của mọi nỗi khổ, như bài kệ ta thuyết đây:

*“Yêu mến sanh lo buồn,
Yêu mến sanh sợ hãi,
Nếu lìa bỏ yêu mến,
Còn lo gì, sợ gì?”¹*

“Do nhân duyên ái luyến, ắt phải sanh ra lo rầu, khổ não. Do lo rầu, khổ não, ắt phải khiến cho chúng sanh trở nên già yếu. Khổ vì phải lìa xa chỗ yêu mến là nói khi mạng sống đã hết. Thiệt nam tử! Do nơi sự biệt ly mà có thể phát sanh đủ mọi khổ não nhỏ nhặt khác. Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt nói rõ.

“Thiệt nam tử! Vào thời quá khứ, người ta sống lâu vô lượng. Bấy giờ, ở thế gian có một vị vua tên là Thiệt Trụ. Vua ấy từ lúc còn thơ ấu, lớn lên làm thái tử lo việc cai trị, cho đến lúc lên ngôi vua, cả thấy là tám vạn bốn ngàn

¹ Nội dung bài kệ này được ghi lại trong kệ số 212 của kinh Pháp cú như sau: 從喜愛生憂，從喜愛生怖；離喜愛無憂，何處有恐怖。(Tùng hỷ ái sanh ưu, tùng hỷ ái sanh bố, ly hỷ ái vô ưu, hà xứ hữu khủng bố. - Từ hỷ ái sanh ra lo lắng, từ hỷ ái sanh sợ sệt. Xa lìa hỷ ái thì chẳng còn lo lắng, còn có gì phải khiếp sợ?)

năm. Bấy giờ, trên đỉnh đầu vua bỗng mọc lên một bươu thịt. Bươu ấy mềm nhuyễn như bông *đâu-la-miên*, loại bông mềm nhuyễn nhất thế gian. Bươu dần dần lớn lên nhưng không đau nhức chi cả. Khi đủ mười tháng, bươu ấy tự vỡ, sanh ra một bé trai hình dung kỳ lạ, đoan chánh chẳng ai sánh bằng, hình sắc đáng vẻ phân biệt rõ ràng, bậc nhất trong nhân loại. Vua cha lấy làm vui sướng, đặt tên [cho đứa con kỳ lạ ấy] là Đỉnh Sanh.

“Về sau, vua Thiện Trụ đem việc nước mà giao phó cho Đỉnh Sanh, rồi lìa bỏ cung điện, vợ con, quyến thuộc, vào núi học đạo tu hành trọn tám vạn bốn ngàn năm.

“Một hôm, nhằm ngày rằm, Đỉnh Sanh ở trên lầu cao, tám gọi thợ trai. Bỗng đâu từ phương đông có một bánh xe báu bằng vàng hiện ra. Bánh xe ấy có một ngàn cây nan hoa và có đủ các bộ phận, tự nhiên hình thành mà không phải do bàn tay thợ làm ra. Bánh xe ấy hiện ra rồi lại tự nhiên bay đến trước mặt vua Đỉnh Sanh.

“Đại vương Đỉnh Sanh liền nghĩ rằng: “Từ trước, ta từng nghe những vị tiên nhân đạt được *Ngũ thông*¹ nói rằng: Nếu vị vua dòng *sát-đế-lợi*, nhằm ngày rằm ở trên lầu cao tám gọi thợ trai, nếu có bánh xe báu bằng vàng có một ngàn cây nan hoa và có đủ các bộ phận, tự nhiên hình thành mà không phải do tay thợ làm ra, tự nhiên bay đến

¹ Tiên Ngũ thông (Ngũ thông tiên): là những vị ẩn cư trên núi cao, giữ hạnh thanh tịnh, được phép thần thông và thọ mạng lâu dài. Năm phép thần thông của các vị này (Ngũ Thông) là: 1. Thiên nhãn thông: mắt thấy các cõi chúng sanh 2. Thiên nhĩ thông: tai nghe các thanh âm ở các nơi 3. Tha tâm thông: biết được tư tưởng của chúng sanh. 4. Thần túc thông: biến hóa nhiều phép thuật linh nghiệm phi thường 5. Túc mạng thông: biết các đời trước của chúng sanh, nhớ được các đời trước của mình.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

ứng hầu, nên biết rằng vua ấy sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương.’

“Vua lại nghĩ rằng: ‘Nay ta nên thử xem.’ Vua liền lấy tay trái nâng bánh xe vàng ấy lên. Kế đó, tay mặt cầm lư hương, quỳ xuống phát lời nguyện rằng: ‘Nếu bánh xe vàng này là thật, chẳng phải hư dối, thì xin hãy tự đi một đường như những bánh xe của các vị Chuyển luân Thánh vương trong quá khứ đã đi.’

“Vua phát nguyện xong, bánh xe bằng vàng ấy liền bay lên hư không, đi khắp mười phương và trở về trụ nơi bàn tay trái của vua. Lúc ấy, vua Đỉnh Sanh lấy làm vui mừng phấn khích, lại nói rằng: ‘Nay ta chắc rằng sẽ làm được Chuyển luân Thánh vương.’

“Sau đó chẳng lâu, lại có con bạch tượng quý báu hiện ra, hình dung đoan nghiêm như hoa sen trắng, chân, ngà và vòi voi đều chấm đất. Vua Đỉnh Sanh liền nghĩ rằng: ‘Từ trước, ta từng nghe những vị tiên nhân đạt được *Ngũ thông* nói rằng: Nếu vị vua dòng *sát-đế-lợi*, nhằm ngày rằm ở trên lầu cao tám gột trai, nếu có bạch tượng quý báu hình dung đoan nghiêm như hoa sen trắng, chân, ngà và vòi voi đều chấm đất, hiện ra ứng hầu, nên biết rằng vua ấy sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương.’ Vua lại nghĩ rằng: ‘Nay ta nên thử xem.’ Vua liền nâng lư hương, quỳ xuống phát lời nguyện rằng: ‘Nếu bạch tượng quý báu này là thật, chẳng phải hư dối, hãy đi một đường như những bạch tượng của các vị Chuyển luân Thánh vương trong quá khứ đã đi.’

“Vua phát nguyện xong, bạch tượng ấy liền ra đi từ sáng đến chiều, đủ khắp tám phương, đến tận bờ biển cả,

rồi trở về đứng ở chỗ cũ. Lúc ấy, vua Đĩnh Sanh lấy làm vui mừng thích ý. Người lại nghĩ rằng: ‘Nay ta chắc sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương.’

“Sau đó chẳng lâu, lại có con ngựa báu màu xanh biếc tuyệt đẹp, lông đuôi màu vàng ròng [hiện đến]. Đĩnh Sanh thấy vậy rồi, lại nghĩ rằng: ‘Từ trước ta từng nghe những vị tiên nhân đạt được *Ngũ thông* nói rằng: Nếu có vua Chuyển luân, vào ngày rằm ở trên lầu cao tắm gội thọ trai, bỗng có con ngựa quý màu xanh biếc tuyệt đẹp, lông đuôi màu vàng ròng, hiện đến ứng hầu, nên biết rằng vua ấy tức là Thánh vương.’

“Vua lại nghĩ rằng: ‘Nay ta nên thử xem.’ Vua liền nâng lư hương, quỳ xuống phát nguyện rằng: ‘Nếu ngựa quý màu xanh biếc này là thật, chẳng phải hư dối, hãy đi một đường như những ngựa quý của các vị Chuyển luân Thánh vương trong quá khứ đã đi.’ Vua phát lời nguyện ấy rồi, ngựa quý liền ra đi từ sáng tới chiều, đi khắp tám phương, đến tận bờ biển cả, rồi trở về đúng chỗ cũ. Lúc ấy, Đĩnh Sanh lấy làm vui mừng phấn khích, lại nói rằng: ‘Nay ta chắc rằng sẽ được làm bậc Chuyển luân Thánh vương.’

“Sau đó chẳng bao lâu, lại có một mỹ nhân hình dung đoan chính, xinh đẹp bậc nhất, không cao không thấp, chẳng trắng chẳng đen. Từ các lỗ chân lông trên thân cô lại tỏa ra mùi hương *chiên-đàn*, trong miệng bay ra mùi thơm như hoa sen xanh. Mắt cô có thể nhìn xa đến một *do-tuần*,¹ tai cũng có thể nghe xa, mũi cũng có thể ngửi xa đến như vậy. Lưỡi cô lớn rộng, khi thè ra có thể che trùm

¹ Một do-tuần (yojana), cũng đọc là *do-diên* hay *du-thiện-na*, tương đương khoảng 9.216 mét.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

cả khuôn mặt, hình thể da dẻ mịn màng xinh đẹp, có màu như đồng đỏ. Mỹ nhân ấy lại thông minh sáng suốt, đối với chúng sanh thường nói lời êm dịu. Khi cô dùng tay sờ vào áo vua, liền có thể biết được thân vua đang an vui hay có bệnh, lại có thể biết được trong lòng vua đang nghĩ đến những điều gì. Lúc ấy, vua Đỉnh Sanh lại nghĩ rằng: ‘Nếu có người mỹ nhân khéo biết được trong lòng vua, ấy là báu vật vô giá.’

“Rồi sau đó chẳng bao lâu, trong cung vua tự nhiên xuất hiện hạt châu *ma-ni* quý báu, có màu xanh thuần như lưu ly, lớn bằng bắp đùi người, có thể ở trong chỗ tối chiếu ra ánh sáng xa đến một *do-tuần*. Nếu khi trời đổ mưa, hạt mưa lớn như trục bánh xe, hạt châu ấy có thể hóa ra cây lọng quý che khắp một do tuần, chẳng để cho hạt mưa nào có thể rơi xuống trong khoảng ấy. Bấy giờ, Đỉnh Sanh lại nghĩ rằng: ‘Như vua Chuyển luân mà được hạt châu này, ắt phải là Thánh vương.’

“Sau đó chẳng bao lâu, lại có vị quan *Chủ tạng thân* tự nhiên xuất hiện. Vị ấy có nhiều cửa cải trân bảo, giàu có vô lượng, kho báu đầy tràn, không thiếu món chi. Vị ấy có cặp mắt nhìn thấu suốt bên dưới lòng đất, thấy được kho tàng ẩn khuất ở mọi nơi, tùy ý vua cần dùng bao nhiêu, vị ấy đều có thể liệu kiếm được đủ cho vua dùng.

“Lúc ấy, Đỉnh Sanh lại muốn thử xem. Vua liền cùng ngồi thuyền với vị *Chủ tạng thân* ấy đi ra biển cả, bảo rằng: ‘Nay ta muốn có những món trân bảo lạ.’ Nghe xong, vị *Chủ tạng thân* liền lấy hai bàn tay mà khuấy nước biển. Lúc ấy, nơi mười đầu ngón tay của vị ấy bỗng xuất hiện mười kho báu, người dâng lên Thánh vương và

tâu rằng: ‘Đại vương cần những thứ chi, xin tùy ý dùng. Còn dư bao nhiêu, xin trả lại biển cả.’ Lúc ấy, Đĩnh Sanh lấy làm vui mừng phấn khích vô cùng, lại nói rằng: ‘Nay ta chắc chắn rằng ta sẽ là Chuyển luân Thánh vương.’

“Sau đó chẳng bao lâu, lại có vị quan *Chủ binh thần* tự nhiên xuất hiện. Vị này dũng mãnh thao lược, mưu trí bậc nhất, khéo biết sử dụng cả bốn loại quân.¹ Khi nhận trách nhiệm chiến đấu, ắt Thánh vương xuất hiện. Nếu không nhận trách nhiệm chiến đấu, liền rút lui chẳng hiện. Đối với những người chưa khuất phục, có thể làm cho khuất phục, đối với những người đã khuất phục, có thể đủ sức bảo vệ, giữ gìn.

“Bấy giờ, vua Đĩnh Sanh nghĩ rằng: ‘Nếu vua Chuyển luân được quân đội quý báu này, chắc chắn phải là Chuyển luân Thánh vương.’

“Một hôm, Chuyển luân Thánh vương Đĩnh Sanh hỏi các đại thần rằng: ‘Các khanh nên biết là cõi *Diêm-phù-đề* này đã được an ổn, phồn thịnh. Nay trăm có đủ bảy món báu và một ngàn đứa con trai, vậy nên làm việc gì nữa?’

“Các quan tâu rằng: ‘Vâng, tâu Đại vương, *Phát-bà-đề* ở phương đông chưa qui thuận uy đức của ngài, nên đến đó thảo phạt.’

“Lúc ấy, Thánh vương cùng với bảy báu của ngài và tất cả quân binh đều bay lên hư không mà đến cõi *Phát-bà-*

¹ Bốn loại quân trong quân đội ngày xưa, bao gồm: 1. Tượng binh: quân sử dụng voi chiến 2. Mã binh: quân sử dụng ngựa chiến 3. Xa binh: quân sử dụng các loại chiến xa 4. Bộ binh: quân chỉ thuần đánh bộ.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

đề ở phương đông. Ở châu ấy, nhân dân thấy đều vui lòng qui thuận.

“Vua lại hỏi các đại thần rằng: ‘Châu *Diêm-phù-đê* và châu *Phát-bà-đê* đã được an ổn, phồn thịnh, nhân dân thấy đều qui thuận. Trẫm có đủ bảy báu và một ngàn đứa con trai, vậy nên làm việc gì nữa?’

“Các quan tâu rằng: ‘Dạ, tâu Đại vương, *Cô-đà-ni* ở phương tây hãy còn chưa quy thuận đức lớn của ngài.’ Lúc ấy, Thánh vương với bảy báu của ngài và tất cả quân binh đều bay trên hư không mà đến *Cô-đà-ni* ở phương tây. Khi vua ngự tới đó rồi, nhân dân cõi ấy cũng quy phục đức lớn của ngài.

“Vua lại hỏi các đại thần rằng: ‘Châu *Diêm-phù-đê*, châu *Phát-bà-đê* và châu *Cô-đà-ni* nay đều được an ổn, phồn thịnh, nhân dân thấy đều quy thuận. Trẫm có đủ bảy báu và một ngàn đứa con trai, vậy nên làm việc gì nữa?’

“Các quan tâu rằng: “Tâu Đại vương! *Uát-đan-việt* ở phương bắc hãy còn chưa qui thuận.”

“Lúc ấy, Thánh vương với bảy báu của ngài và tất cả quân binh đều bay lên hư không mà đến châu *Uát-đan-việt* ở phương bắc. Khi vua ngự tới đó rồi, nhân dân ở cõi ấy đều vui lòng qui thuận đức lớn của ngài.

“Vua lại phán với các đại thần rằng: ‘Bốn cõi thiên hạ đều được an ổn, phồn thịnh, nhân dân thấy đều qui thuận đức lớn của ta. Ta có đủ bảy báu và một ngàn đứa con trai, vậy nên làm việc gì nữa?’

“Các quan đáp rằng: ‘Dạ, Thánh vương! Ở cõi trời *Ba mươi ba*¹ mạng sống của chư thiên rất lâu dài, an ổn, khoái lạc. Chư thiên ở đó thân hình đoan nghiêm không chi sánh bằng. Cung điện mà họ ở, giường ngủ, ghế ngồi đều toàn bằng bảy món báu. Họ dựa vào phước lực cõi trời nên chưa chịu đến quy hóa. Nay có thể đến đó mà làm cho họ khuất phục.’

“Lúc ấy, Thánh vương lại cùng với bảy báu của ngài và tất cả quân binh đều bay lên hư không, lên tới cung trời *Đao-lợi*, nhìn thấy một cái cây màu xanh lục. Thánh vương liền hỏi các đại thần rằng: ‘Đó là màu sắc gì vậy?’ Đại thần đáp rằng: ‘Đó là màu sắc của cây *ba-lợi-chất-đa-la*. Chư thiên ở cõi trời *Đao-lợi* này, trong ba tháng mùa hạ thường vui chơi dưới cội cây ấy.’ Lại thấy màu trắng dường như mây bạc, vua hỏi đại thần rằng: ‘Đó là màu sắc gì vậy?’ Đại thần đáp rằng: ‘Là màu sắc của *Thiện pháp đường*. Chư thiên ở *Đao-lợi* thường họp lại trong đó, luận bàn việc ở cõi trời và cõi người.’

“Lúc ấy vị Thiên chủ *Thích-đề-hoàn-nhân* biết rằng vua Đỉnh Sanh đã đến ở bên ngoài, bèn ra nghinh tiếp. Gặp nhau rồi, nắm tay cùng lên *Thiện pháp đường*, phân chỗ mà ngồi.

“Lúc ấy, hai vua hình dung tương mạo y hệt như nhau, duy chỉ cặp mắt có phần hơi khác nhau thôi. Ngay lúc ấy,

¹ Cảnh trời Ba mươi Ba: (Tam thập tam thiên, 三十三天) cũng gọi là Đao-lợi thiên (忉利天, Phạn ngữ: *Trayastrimsa*) vì Đao-lợi thiên gồm 33 cõi trời. Bốn phương, mỗi phương có 8 cõi trời, với 1 cõi trời ở trung tâm là 33. Mỗi cõi trời có một vị Thiên Đế cai quản, ở trung tâm có thành gọi là Hỷ Kiến, có đức Đế Thích ngự tại Thiện Pháp Đường là vị chủ quản cao nhất.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Thánh vương khởi ý nghĩ rằng: ‘Nay ta có nên từ bỏ ngôi vua kia mà ở lại đây làm Thiên vương chăng?’

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ *Đế-thích* thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại thừa, lại vì người khác mà mở mang, chỉ bảo, phân biệt giảng nói, chỉ đối với nghĩa lý sâu xa chưa thông đạt đến mức cùng tột mà thôi. Nhờ sức nhân duyên của việc thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà phân biệt giảng rộng [kinh điển Đại thừa] nên có oai đức rất lớn.

“Thiện nam tử! Vì Đỉnh Sanh đối với *Đế-thích* sanh khởi lòng xấu ác nên liền bị đọa lạc, [lập tức] rơi trở lại cõi *Diêm-phù-đề*, ôm lòng nhớ tưởng sự chia lìa giữa cõi người và cõi trời mà phát sanh khổ não rất lớn. Sau lại mắc bệnh nặng, liền phải bỏ mạng.

“*Đế-thích* lúc bấy giờ tức là Phật *Ca-diếp* sau này, còn Chuyển luân Thánh vương thuở ấy tức là tiền thân của ta.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng cái khổ yếu mền phải chia lìa đó thật là khổ lớn. Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* còn nhớ tới những nỗi khổ vì chia lìa ấy trong các đời quá khứ của mình, huống chi Bồ Tát trụ ở kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* mà chẳng quán xét nỗi khổ yếu mền phải chia lìa trong đời hiện tại này sao?

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn* quán xét sự khổ vì *oán ghét phải gặp nhau*? Thiện nam tử! Vị Bồ Tát *ma-ha-tát* ấy nhìn thấy ở các cõi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cõi người, cõi trời, thấy đều có sự khổ vì *oán ghét phải gặp nhau*.

“Ví như người ta xét thấy những cảnh trời giam, gông cùm nơi lao ngục là khổ lớn, Bồ Tát *ma-ha-tát* lại cũng như vậy, xét thấy tất cả muôn loài thọ sanh trong năm

đường¹ đều là nỗi khổ lớn vì phải gặp gỡ người mình oán ghét.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có một người kia thường sợ sự gông cùm, xiềng khóa của kẻ oán thù, bèn lìa bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, trân bảo, sản nghiệp mà trốn đi xa. Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* lại cũng như vậy, vì sợ sệt sanh tử bèn tu hành trọn vẹn sáu pháp *ba-la-mật*,² vào nơi *Niết-bàn*.

“*Ca-diếp*! Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn* quán xét việc *oán ghét phải gặp nhau* là khổ.

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn* quán xét việc *mong cầu không được* là khổ? Nói mong cầu đó là mọi thứ đều dốc lòng cầu. Dốc lòng cầu có hai trường hợp: một là cầu pháp lành, hai là cầu pháp chẳng lành. Pháp lành chưa đạt được là khổ, pháp chẳng lành chưa dứt bỏ được là khổ.

“Đó là lược nói qua về *năm ám bạo phát* là khổ. *Ca-diếp*! Đó gọi là *Khổ đế*.”

Lúc ấy Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói về cái khổ *năm ám bạo phát*, nghĩa ấy không thích hợp. Vì sao vậy? Trước đây Phật có nói với *Thích-ma-nam* rằng: ‘Nếu hình sắc là khổ thì hết thảy chúng sanh chẳng nên cầu hình sắc. Nếu có người cầu, tức không

¹ Năm đường (Ngũ đạo): Năm cảnh giới thọ sanh của chúng sanh do tạo nghiệp, bao gồm: 1. Địa ngục 2. Súc sanh 3. Ngạ quỷ 4. Cõi người 5. Cõi trời.

² Sáu pháp Ba-la-mật (Lục ba-la-mật), cũng gọi là Lục độ, bao gồm: 1. Bố thí Ba-la-mật 2. Trì giới Ba-la-mật 3. Nhẫn nhục Ba-la-mật 4. Tinh tấn Ba-la-mật 5. Thiên định Ba-la-mật 6. Trí huệ Ba-la-mật.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

gọi là khổ.’ Lại như Phật có dạy chư *tỳ-kheo* rằng: ‘Có ba loại cảm thọ: cảm thọ khổ, cảm thọ vui, và cảm thọ không vui không khổ.’ Lại như trước đây Phật có dạy chư *tỳ-kheo* rằng: ‘Nếu có người biết tu hành theo pháp lành, ắt được hưởng sự vui thích.’ Lại như Phật có dạy: ‘Trong thiện đạo có sáu sự xúc chạm tạo ra vui thích, như mắt thấy hình sắc đẹp liền sinh lòng vui thích. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý đối với các pháp tốt đẹp tương ứng cũng vậy.’ Như Phật có thuyết kệ rằng:

*“Giữ giới ắt được vui,
Thân không chịu các khổ,
Giấc ngủ được yên ổn,
Khi thức lòng vui vẻ.*

*Như lúc lãnh áo com,
Tụng tập rồi kinh hành,¹
Cô độc nơi rừng núi,
Như vậy là vui nhất!*

*Nếu đối với chúng sanh,
Ngày đêm thường tu từ,
Nhân đó thường được vui,
Vì không tổn hại ai.*

*Ít muốn, biết đủ, vui,
Nghe nhiều rõ biết, vui,*

¹ Kinh hành: đi chậm rãi và nhiếp tâm, chung quanh điện Phật hoặc sân chùa, am, tịnh thất, thường là vào những giờ nhất định trong ngày.

*La-hán không dấm chấp,¹
Cũng gọi là được vui.*

*Bồ Tát ma-ha-tát,
Rớt cùng đến bờ kia,²
Mọi việc đã làm xong,
Gọi là vui bậc nhất.*

“Bạch Thế Tôn! Như trong các kinh nói về tướng vui thích, ý nghĩa là như vậy. Nay như Phật vừa nói đó, làm sao phù hợp với nghĩa ấy?”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN HẾT QUYỂN MƯỜI HAI

HẾT TẬP II

¹ La-hán không dấm chấp (Vô trước A-la-hán): Vị A-la-hán là người đã trừ sạch phiền não, không còn vướng mắc, dấm chấp nơi trần cảnh.

² Tức là đạt được sự giải thoát, vì kinh Phật ví sự mê lầm của chúng sanh là bờ bên này (*thử ngạn*), cảnh giới giải thoát của chư Phật là bờ bên kia (*bỉ ngạn*).